

đặc sản

BÌNH ĐỊNH

Xuân Cảnh Dân



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

KÍNH BIẾU

VỚI SỰ CÔNG TÁC



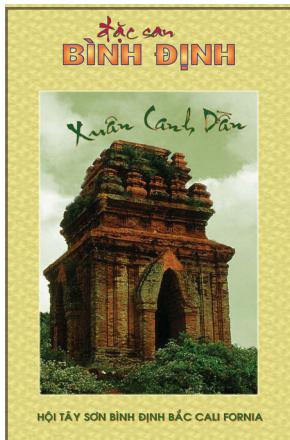
Trần Phương Anh	Trường An
Đỗ Thị Thu Ba	Đặng Đức Bích
Đào Đức Chương	Nhất Dạ
Nguyễn Diêu	Hoàng Duy
Đắc Đăng	TS Trần Văn Đạt
Trần Văn Đua	Đường Anh Đồng
Muồng Giang	Phan Văn Hàm
Nguyễn Công Hoàng	Chu Hà
BS Nguyễn Trác Hiếu	Đỗ Hùng
Dinh Thành Hưng	Huyền Vũ Lê Văn Huyền
Bùi Thúc Khán	Đặng Hiếu Kính
Phong Khê	Nguyễn Công Lượng
Lê Nguyễn	Thuyền Nhân
TD Nguyễn Việt Nho	Trác Như
Ngô Đình Phùng	Lê Tấn Phước
Thái Sinh	Thiện Tâm
Thái Tẩu	Thư Trang
GS Phan Bá Trác	Quách Tú
Võ Ngọc Uyển	Linh Vang
Mỹ Vân	Nguyên Vũ
Trang Xuyên	Vĩnh Xuyên



ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI XUÂN CANH DẦN

BÌA TRƯỚC

THÁP CÁNH TIỀN



Một trong những di tích lịch sử còn sót lại của dân tộc Chiêm Thành. Tháp được xây dựng vào thế kỷ thứ 12, ngay trung tâm Thành Đồ Bàn, cao 20 mét hiện nay thuộc Xã Nhơn Hậu, Quận An Nhơn, Tỉnh Bình Định. Tháp Cánh Tiên đã đứng trơ gan cùng tuế nguyệt để chứng kiến bao thăng trầm của lịch sử Việt Nam

BIÀ SAU

HÃY DÀNH THỜI GIAN

Hơn hai ngàn năm trước, một triết gia người Hy Lạp, Heraclite đã nói một câu bất hủ: “Con người ta không bao giờ có hai lần tắm trên cùng một giòng sông” (l'home ne se baigne deux fois dans le même fleuve). Đó là ý nghĩa bài hát mà Đắc Đặng muốn chia sẻ với chúng ta. Hãy lắng nghe, hãy suy tư, hãy mộng mơ, hãy yêu thương, hãy tha thứ và thưởng thức những khoảnh khắc trôi qua vì thời gian đã qua đi không bao giờ trở lại...

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA 95121

Tel: (408) 224-7100 Fax: (408) 226-2782

Giấy phép hoạt động số: 254047 ngày 19-6-2003-California

BAN CỐ VẤN

Hoà Thượng Thích Giác Lượng, Bác Sĩ Cai Văn Dung,

Ô. Đinh Thành Bài, Ông Trương Toại,

Ô. Trần Trọng Khiêm, Ô. Đàm Đức Chương

Ô. Đặng Đức Bích

BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng: Ông Tony Đinh

Hội Phó Nội Vụ: Ông Đoàn Hữu Đức

Hội Phó Ngoại Vụ: Ông Phan Thanh Hùng

Tổng Thư Ký: Ông Đường Anh Đồng

Thủ Quy: Ông Nguyễn Mỹ

BAN GIÁM SÁT

Ông Nguyễn Bá Thư, Ông Nguyễn Diêu, Ông Cao văn Phổ

BAN KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN

Ông Nguyễn Cảnh Mậu

BAN THÔNG TIN BÁO CHÍ

Ô. Trương Toại, Ô. Nguyễn Bá Thư, Ô. Đàm Đức Chương,

Ô. Đặng Đức Bích, Ô. Quách Tứ, Ô. Đường Anh Đồng

BAN VĂN NGHỆ VÀ TIẾP TÂN

Ông Bảo Tố, Ông Phan Thái

BAN GIAO TẾ XÃ HỘI

BS Trương thế Phiệt, Ông Nguyễn Mai, Ô. Đỗ Hữu Hạnh

BAN THANH THIẾU NIÊN

Ông Trần Danh

Mục Lục

Lá thư Xuân - <i>Tony Đinh</i>	9
Lời Tựa - <i>Đường Anh Đồng</i>	11
Những mùa Xuân tranh đấu - <i>Huỳnh Công Ánh</i>	13
Những năm Canh Dần... - <i>Trác Nhựt</i>	14
Xuân Canh Dần - <i>Triều Phong Đặng Đức Bích</i>	23
Năm Canh Dần nói chuyện Cọp - <i>Thái Sinh</i>	24
Mưa Dêm Xuân - <i>Bùi Thúc Khán</i>	35
Giòng sông năm ấy - <i>Quách Tú</i>	36
Đón Xuân này nhớ Xuân xưa - <i>Nguyễn Diêu</i>	41
Lê Phương Nguyên một nhà thơ thầm lặng	
Một nhà ái quốc chân chính - <i>Trần Phương Anh</i>	42
Núi đồi - <i>Võ Ngọc Uyển</i>	70
Nhà Tây Sơn qua ca dao - <i>Đào Đức Chương</i>	71
Thơ xướng hoạ - <i>Đặng Đức Bích</i>	96
Yêu nước giữ nhà - <i>Thái Tảu</i>	97
Vọng cổ hương - <i>Huyền Vũ Lê Văn Huyên</i>	97
Bờ cõi đổi thay - <i>Hoàng Duy</i>	98
Muôn trùng dậy sóng - <i>Bùi Thúc Khán</i>	98
Nguyễn cầu - <i>Nguyễn Công Hoàng</i>	99
Trăn Trở - <i>Ngô Đình Phùng</i>	99
Cảnh Tỉnh - <i>Nguyễn Vũ</i> ,	100
Nước mắt nhà tan - <i>Nguyễn Diêu</i>	100
Đồ ăn hại - <i>Nhất Đạt</i>	101

Tinh thần dân tộc - <i>Mỹ Văn</i>	101
Tiếng gọi non sông - <i>Chu Hà</i>	102
Tiểu Sử Linh Vang - <i>Linh Vang</i>	103
Cõi tạm - <i>Linh Vang</i>	104
Tình biệt ly - <i>Đỗ Hùng</i>	110
Tánh tình người xứ nẫu - <i>Huyền Vũ Lê Văn Huyền</i>	112
Chúc mừng - <i>Vincent Phan & Christine</i>	122
Xuân Quang Trung Đại Thắng - <i>Đỗ Thị Thu Ba</i>	123
Đông Tây Tam Kiệt - <i>Đặng Đức Bích</i>	125
Đi giữa Delta - <i>Quách Tú</i>	136
Nhin lại- <i>Phan Bá Trác</i>	137
Từ đường Nguyễn gia - <i>Thư Trang</i>	147
Một cựu môn sinh	
của trường Qui Nhơn - <i>Đặng Hiếu Kính</i>	149
Tư tưởng “Bác” - <i>TĐ Nguyễn Việt Nho</i>	154
Vợ tôi bị ung thư - <i>Lê Tấn Phước</i>	158
Chúc mừng - <i>Điệu Hậu & Thắng Trần</i>	168
Bóng hạnh phúc - <i>Thơ Vinh Xuyên</i>	169
Tinh và Động - <i>Vinh Xuyên</i>	170
Báo cáo tổng kết sinh hoạt	
Hội TSBD 2009- <i>Đường Anh Đồng</i>	171
Xuân viễn xứ- <i>Phan Văn Hàm</i>	188
Một chuyến về Bình Định- <i>BS Nguyễn Trác Hiếu</i>	189
Nỗi buồn lữ khách- <i>Phan Văn Hàm</i>	199
Mong sao cho đỗ được cái tú tài - <i>Trường An</i>	200

Vẫn là loại trí thức ấy - <i>Sơn Tùng</i>	209
Thầm nhớ - <i>B. Phong Khê</i>	213
Ngôn từ tài đức - <i>Tiểu Sơn</i>	214
Thủ tìm hiểu cuộc Cách Mạng Xanh trên thế giới - <i>Tiến Sĩ Trần Văn Đạt</i>	224
Cắt đất dâng biển - <i>Đỗ Hùng</i>	235
Non xa còn đọng bóng chiều - <i>Bùi Thúc Khanh</i>	238
Mùa Xuân ngoài biên cương - <i>Huỳnh Công Ánh</i>	246
Tác giả văn học Lam Giang	
Nguyễn Quang Trứ - <i>Thái Thủ</i>	248
Muời sáu chữ vàng - <i>Nguyễn Diêu</i>	266
Tìm hiểu Âm lịch và Dương lịch - <i>Võ Ngọc Uyển</i>	267
Người tri âm trong bản anh hùng ca của Quang Trung - <i>Lê Nguyễn</i>	272
Những vần thơ đau thương - <i>Thuyền Nhàn</i>	282
Sai nước cờ - <i>Linh Vang</i>	285
Bài chòi mừng Xuân mới với Đặc San Bình Định - <i>Võ Ngọc Uyển</i>	292
Nguồn gốc một bài thơ - <i>Vịnh Xuyên</i>	296
Kể chuyện câu đố của người xưa - <i>Phan Văn Hàm</i>	303
Thuyền xưa - <i>Trương Hồng An</i>	306
Cọp con vật sắp bị tuyệt chủng - <i>Mường Giang</i>	307
Tiếng khóc đêm tân hôn - <i>Thiện Tâm</i>	316
Phân ưu	325
Danh sách Đồng Hương Bình Định Bắc Cali	328



THƯ XUÂN

Hội Trưởng Tony Đinh

Kính thưa các bậc Trưởng Thượng,

Kính thưa quý Đồng Hương và Thân hữu,

*T*hẩm thoát mà một năm đã qua nhanh, một năm Kỷ Sửu đến rồi lại đi. Bốn mùa Xuân-Hạ-Thu-Đông, đã mang theo nhiều thay đổi theo định luật xoay vần của vũ trụ.

Trước thêm năm mới, Xuân Canh Dần 2010. Tôi xin thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, kính chúc các bậc Trưởng Thượng, quý Đồng Hương và Thân hữu một năm mới An lành, Hạnh phúc và Thịnh vượng.

Kính thưa quý vị,

Hôm nay trong buổi dạ tiệc đầu Xuân Canh Dần, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, một lần nữa, xin gửi đến quý vị đứa con tinh thần của vùng đất “Địa Linh Nhân Kiệt”, đó là Đặc San Bình Định.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Chấp Hành, Ban Cố Vân, các văn thi hữu xa gần, đã cố gắng, cộng tác để hoàn thành tập Đặc San, chỉ trong thời gian hạn hẹp, với bài vở súc tích, nói lên nét đặc thù của quê hương Bình Định thân thương.

Đêm nay, đêm Hội ngộ của những người con xa rời quê Mẹ, chúng ta tụ tập về đây, tay bắt mặt mừng trong tình đồng hương, để chia sẻ với nhau, những kỷ niệm vui buồn khó quên của những năm tháng trôi qua ở xứ người và cũng là dịp, chúng ta gợi lại, nhớ lại một khung trời kỷ niệm ở quê nhà. Nhớ về quê hương, nhớ về nơi chôn nhau, cất rún, có ai trong chúng ta lại không đau buồn khi những bà con thân thương, những bạn bè thân hữu, đồng bào ta đang sống dưới chế độ cai trị hà khắc của tập đoàn Cộng sản, cơm không đủ no, áo không đủ ấm, thì làm sao nói đến nghĩ đến những quyền tự do căn bản khác của con người!

Đất nước đã có trên bốn ngàn năm văn hiến, ông cha ta đã

đổ biết bao nhiêu xương máu, chống lại giặc phương Bắc, xây dựng và duy trì tiền đồn Tổ Quốc, một giải giang sơn gấm vóc từ Ái Nam Quan cho đến Mũi Cà Mau. Thế mà chỉ trong hơn bốn thập niên cai trị của tập đoàn Cộng sản, chúng đã bán đất, bán lãnh hải, và nhường quyền khai thác những tài nguyên quý giá cho giặc phương Bắc, chung âm mưu xâm chiếm Việt Nam bằng phương thức mới, đó là đồng hóa Việt Nam với hình thức công nhân, làm ăn và đầu tư khác. Chúng ta, khỏi Cộng đồng người Việt Tỵ nạn Cộng sản khắp nơi trên Thế giới làm thịnh ư? Im lặng ư? Sống chết mặc bây ư? Không. Chúng ta phải làm một cái gì, để không hổ thẹn với ông cha, với các bậc tiền bối của chúng ta.

Chúng ta hơn ba triệu đồng bào hải ngoại, phải đồng nhất, kêu gọi, hợp tác và giúp sức cho đồng bào trong nước, cho các sinh viên, những nhà tranh đấu cho dân quyền, cho tự do, những người tranh đấu cho sự toàn vẹn lãnh thổ, đứng lên đập tan tập đoàn Cộng sản hại dân, bán nước, đánh đuổi bọn bá quyền Trung Quốc để giành lại những gì mà chúng ta đã và đang bị mất mát.

Và hôm nay, cũng là dịp để chúng ta, con em chúng ta ôn lại, nhớ về người Anh Hùng Tây Sơn Nguyễn Huệ, một tấm gương sáng mà chúng ta, con cháu chúng ta nên luôn luôn học hỏi, noi gương và làm thế nào để đánh đuổi bọn xâm lược Phương Bắc ra khỏi quê hương thân yêu của chúng ta trong những tháng năm sắp tới.

Một lần nữa, nhân dịp đầu Xuân Canh Dần, tôi xin thay mặt cho Hội Tây Sơn Bình Định, xin chân thành kính chúc các bậc trưởng thượng, quý đồng hương và gia quyến cùng quý bạn bè, thân hữu một năm Canh Dần 2010 được An lành, Hạnh phúc và Thịnh vượng.

Trân trọng kính chào,

Hội Trưởng,

Tony Đinh

Tony Đinh





Lời tựa

Dặc San Xuân Canh Dần năm 2010 đến tay Quý Đồng Hương và Thân Hữu năm nay với những nỗ lực tối đa của Ban Chấp Hành cùng với sự cộng tác của Quý Văn Thi Hữu khắp nơi. “Một con én không làm nên mùa Xuân”, nếu không có sự tiếp tay của Quý Văn Thi Hữu và Đồng Hương, chúng tôi không thể nào hoàn tất được cuốn Đặc San này. Điều mà chúng tôi muốn mượn trang sách này để chuyển đến quý vị, lời cảm ơn sâu xa về những đóng góp những truyện ngắn, những bài nghiên cứu công phu, những bài thơ nói lên tâm tình, cảm xúc của mình về đất nước, về con người Bình Định. Không những thế, có những Đồng Hương vừa gửi bài, vừa gửi tiền đóng góp để chúng tôi có điều kiện thực hiện Đặc San Xuân Bính Dần, chính điều này đã làm cho chúng tôi vô cùng cảm kích và quyết tâm thực hiện cho bằng được,

Quan điểm và lập trường của Đặc San Bình Định Bắc Cali là không chấp nhận cộng sản dưới mọi hình thức. Vì thế bất cứ một bài viết nào không thích hợp với đường lối chủ trương của Hội, ca ngợi chế độ cộng sản, hay xúc phạm đến danh dự quân, dân, cán, chính của chính quyền Việt Nam Cộng Hoà trước đây, chúng tôi xin dành quyền ưu tiên loại bỏ. Nếu Quý độc giả phát hiện ra những điều này, qua mắt được sự kiểm duyệt của Ban Chấp Hành (Kiêm Ban Biên Tập), thì đó chẳng qua ngoài ý muốn của chúng tôi, rất mong quý độc giả rộng lòng tha thứ.

Chúng tôi rất mong đón nhận những ý kiến đóng góp xây dựng làm sao cho Đặc San Xuân của Hội Tây Sơn Bình Định ngày càng phong phú hơn về nội dung lẫn hình thức. Để thực hiện được điều này chúng tôi tha thiết kêu gọi quý đồng hương nhất là các bạn trẻ, giỏi về computer, cùng

chúng tôi thực hiện một website của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, đây chính là nơi giao lưu thông tin hữu hiệu nhất để chúng ta cùng nhau trao đổi tin tức, tâm sự, chia sẻ ngọt bùi, từ đó chúng ta có những tài liệu thiết thực cho những đặc san kế tiếp.

Rất mong món quà tinh thần nhỏ bé này trong những ngày đầu Xuân sẽ mang đến quý đồng hương một chút niềm vui. Kính chúc Quý Đồng Hương và Thành Hữu Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali cùng gia quyến một năm mới An Khang, Thịnh Vượng và tràn đầy Hạnh Phúc.



Thay mặt Ban Chấp Hành

Chủ Biên

Đường Anh Đồng

Hoa Tư Tưởng

* Khiến người ta nể lời, không bằng khiến người ta tin lời.
Khiến người ta tin lời, không bằng khiến người ta vui vẻ nhận lời. Đem hoa phuộc mà răn doạ là khiến người ta sợ. Đem lý lẽ mà răn dụ khiến người ta tin. Dùng tâm lý mà giác ngộ là khiến người ta vui lòng mà nghe theo

Trung Dung

* Tâm thuật quý nhất là sáng suốt. Tưởng mạo quý nhất là chính đại. Ngôn ngữ quý nhất là giản dị và chân thật

Lã Khôn

* Tự khiêm người ta càng phục, Tự khoe người ta càng khinh.

Lữ Hồi.

những mùa xuân tranh đấu

thơ huỳnh công ánh



Nhớ Xuân ấy bụi hồng tung vó ngựa
Trai sa-trường đang vùng vẫy hiên-ngang
Bông tiếng hí rền non sông nghiêng ngửa
Hồn kiếm cung ngơ ngác thuở tan hàng

Chí tang-bồng cum gông theo tổ-quốc
Xem lao lung khổ nhục nhẹ như tờ
Đầu ngẩng cao hiên-ngang trước lũ giặc
Hẹn Xuân sau ta về sẽ dựng cờ

Bước lưu-lạc đứng bên bờ biển Thái
Hướng về quê lòng thầm gọi mùa Xuân
Em hong áo bay bay thời con gái
Thôi nắng công-trường, thôi kiếp gian-truân

Viết lại silt-xanh ai người chí cả
Ai gươm thiêng mà, đợi đã bao mùa
Ai xoay vận nước qua cơn nghiêng ngả
Ai không hợp-quần tranh đấu cũng bằng thua
(Đến bao giờ đón Tết ở quê xưa)

Huỳnh Công Ánh

NHỮNG NĂM CANH DẦN TRONG LỊCH SỬ NƯỚC TA

TRÁC NHU'

Họ Hồng Bàng (2879-258 trước Tây lịch).

Nhà Thục (257-207 trước Tây lịch).

Nhà Triệu (207-111 trước Tây lịch).

THỜI KỲ BỊ TÀU ĐÔ HỘ

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ nhất (111tr. Tây lịch-39).

Trung Nữ Vương (40-43) khởi nghĩa

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ hai (43-544):

Nhà Đông Hán

Đời Tam Quốc,

Nhà Đông Ngô (222- 280):

1. Năm Canh Dần (210, Nhà Hán, năm Kiến An thứ 15).

Thái Thú quận Giao Chỉ thuộc nhà Hán là Sĩ Nhiếp sai con là Sĩ Hâm sang làm con tin ở nước Ngô. Nhiếp lại dụ dụ bọn cường hào Ích Châu đem dân trong quận với lý do ở xa nhà Hán mà lệ thuộc vào Đông Ngô. Tôn Quyền khen ngợi Sĩ Nhiếp và thăng làm Vệ Tướng Quân, phong tước Long Biên Hầu.

Bà Triệu (248): Bà Triệu Thị Chinh nổi lên đánh lại quân nhà Ngô.

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ ba (603-939):

Nhà Tuỳ (559-617)

Nhà Đường (618-907)

Đặt An Nam Đô Hộ Phủ (679)

Mai Hắc Dé (722): Mai Thúc Loan nổi lên chống cự với quân Nhà Đường

Bố Cái Đại Vương (791): Phùng Hưng nổi lên chống Nhà Đường.

Cao Biền đánh quân Nam Chiếu và đánh thành Đại La.

Đời Ngũ Quí (907-959)

Họ Khúc dấy nghiệp: Khúc Thùra Dụ, Khúc Hạo, Khúc Thùra Mỹ. Cha con và cháu kế thừa làm Tiết Độ Sứ.

Dương Diên Nghệ và Ngô Quyền:

Dương Diên Nghệ làm Tiết Độ Sứ bị nha tướng là Kiều Công Tiện giết đi và cướp quyền.

Ngô Quyền là rể của Dương Diên Nghệ đem quân đánh Công Tiện. Công Tiện bèn chạy sang cầu cứu Nam Hán. Hán chủ cho Thái Tử Hoàng Tháo đem quân sang đánh, bị Ngô Quyền bắt được trong trận Bạch Đằng đem về giết đi. Hán Chủ hay tin oà khóc rồi kéo quân về Phiên Ngung. Từ đó không dám sang quấy nhiễu nữa. Nhờ Ngô Quyền nước Nam ta mới thoát khỏi ách đô hộ Tàu hơn nghìn năm và mở đường cho thời kỳ tự chủ.

THỜI KỲ TỰ CHỦ

Nhà Đinh (968-1007)

Nhà Tiền Lê (980- 1009):

Niên hiệu Thiên Phúc (980-988)

Niên hiệu Hưng Thông (989-1009)

2. Năm Canh Dần (990, niên hiệu Hưng Thông năm thứ 2; Nhà Tống, niên hiệu Thuần Hóa năm thứ 1) Nhà Tống sai sứ đem bài chế sang phong nhà vua. Vua đón lấy bài chế vẫn nhưng không lạy, nói trớ rằng năm mới rồi đi đánh giặc Mán bị ngã ngựa đau chân nên không thể quỳ được. Ngày hôm sau đặt tiệc đãi sứ, nhà vua bảo Sứ thần nhà Tống là Tống Cảo rằng:

“ Đường sá xa khơi, non sông hiểm trở, sau này nếu có quốc thư, xin cứ giao nhận ở đầu biên giới, khỏi phải phiền sứ giả đến đây”.

Tống Cảo đem việc này về tâu, Vua Tống ưng thuận.

Nhà Lý (1010-1225):

Lý Thái Tôn (1028-1054).

3. Năm Canh Dần (1050, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 2, Tông, Hoàng Hựu năm thứ 2).

Chiêm Thành đem dâng voi trắng

Lý Nhân Tôn (1072-1127).

Lý Anh Tông (1138-1175).

4. Năm Canh Dần (1170 niên hiệu Chính Long Bảo Úng năm thứ 8, Tông Càn Đạo năm thứ 6):

Vua tập bắn và cưỡi ngựa ở phía Nam thành Đại La, đặt tên là Xà Đinh. Sai các quan văn võ hằng ngày tập luyện phép công phá trận.

Lý Huệ Tôn (1211-1225).

Nhà Trần (1225- 1400).

Trần Thái Tông: (được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1226-1258), nhường ngôi 19 năm (1258-1277).

5. Năm Canh Dần (1230, niên hiệu Kiến Trung năm thứ 5, Tông Thiệu Định năm thứ 3).

Khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành sách **Quốc Triều Thông Ché** và sửa đổi hình luật lẽ nghi gồm 20 quyển và bộ **Quốc Triều Thường Lẽ** gồm 10 quyển, chép công việc quốc triều.

Đắp thành Thăng Long cho vững thêm.

Trần Nhân Tôn (1279-1293), ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5, xuất gia 8 năm.

6. Năm Kỷ Sửu(1290, niên hiệu Trùng Hưng thứ 6, Nguyên, Chí Nguyên thứ 27).

Vua thân chinh đi đánh Ai Lao. Triều thần can rằng:“ Giặc Nguyên vừa rút, vết thương chưa lành không nên gây việc binh đao”

Vua nói rằng:“ Chỉ nhân lúc này khởi binh mà thôi. vì sau khi giặc rút lui, các nước xung quanh tưởng quân mã của ta mỏi mệt, có ý coi thường, cho nên cần cử đại binh để ra oai với các nước

khác”.

Bây tôi đều khen ý cao kiến của nhà vua.

Trần Dụ Tông (1341-1369).

7. Năm Canh Dần (1350, Niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 10; Nguyên, Chí Chính năm thứ 10).

Người Nguyên tên là Đinh Bàng Đức, nhân nước có loạn, đem cả nhà đi thuyền vượt biển sang nước ta. Bàng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Trò leo dây bắt đầu có từ đó.

Nhà Hồ (1400-1407):

Hồ Hán Thương (1401-1407).

Nhà Hậu Trần (1407-1413) :

8. Năm Canh Dần (1410, Hậu Trần, Trùng Quang thứ 2; Minh, Vĩnh Lạc thứ 8):

Đế Quý Khoáng đánh nhau với quân Minh ở Hồng Châu, bị thua.

Thuộc Nhà Minh(1414-1427)

Nhà Lê (1428-1788):

Lê Thánh Tôn (1460- 1497),

gồm các niên hiệu:

Quang Thuận (1460- 1469),

Hồng Đức(1470- 1497).

9. Năm Canh Dần (1470, Hồng Đức năm thứ1; Minh, Thành Hóa năm thứ 6).

.Bọn Án Sát Sứ là Đinh Đức Thông, Phạm Vĩnh Dụ, Bùi Thúc Sử, Nguyễn Tài tâu bàn cản bậy. Vua cho gọi đến hành tại hỏi về tội hủ nho làm hỏng việc, bắt bỏ mũ xuống đáy vào mũ để làm nhục.

.Việc đánh Chiêm Thành: Thủy quân đã vào đến đất Chiêm

Thành.

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng (1516-1527).

10. Năm Canh Dần (1530Mạc, Đại Chính năm thứ 1; Minh,Gia Tĩnh năm thứ 9):

Tháng Giêng Mạc Đăng Dung tiếm ngôi đổi niên hiệu là Đại Chính

Nhà Lê Trung Hưng: (1533-1788).

Hữu Vệ Điện Tiên Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, ông dẫn con em trốn sang Ai Lao. Năm 1533 lập con thứ vua Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao tức là Lê Trang Tôn.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Nguyễn Kim bị thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con, Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trù lên làm vua tức là Lê Anh Tôn. Lê Trù là anh vua Lê Thái Tổ.

Năm 1570 Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng là con Nguyễn Kim, lĩnh các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua . Đó là Lê Thé Tôn.

Năm 1593 Đoan Quốc Công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hoá vào châu được phong là Thái Uý Đoan Quốc Công, cầm quân đánh giặc miền Đông Nam. Tám năm sau Nguyễn Hoàng âm thầm tự đem quân bắn bộ về Thuận Hoá.

Lê Thé Tông (1573-1599).

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thé Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi. Đó là vua Thần Tôn. Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hüru lên làm vua tức là vua Chân Tôn.

Lê Chân Tôn (1644- 1662)

Lê Huyền Tôn (1663- 1672).

Lê Gia Tôn(1672- 1675).

Lê Hy Tôn (1676- 1705).

Lê Dụ Tông (1706- 1734).

11. Năm Canh Dần (1710, Năm Vĩnh Thịnh thứ 6; Thanh, Khang Hy thứ 49):

Đảng Ngoài: Trịnh Căn mất năm Đinh Sửu, chắt của Căn là Cương lên nối ngôi tự gia phong làm Nguyên Soái Tổng Quốc Chính, An Đô Vương.

Năm này triều đình đặt 6 giáo điều để khuyên răn bầy tôi và dân chúng:

. Quan đại thần không được cậy quyền thê.

Các quan võ phải siêng năng thao luyện, các viên phủ, huyện không được hà khắc bạo ngược.

.Quan văn phải thanh liêm, cẩn mẫn.

. Bầy tôi trong nội điện phải giữ lòng lương thiện.

. Quân sĩ phải tuân theo quân lệnh.

. Dân nước phải dốc lòng phân biệt điều liêm sỉ.

Đảng Trong:

Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Trăn sai đúc chuông chùa Thiên Mụ nặng 3, 285 cân. Chúa thân làm bài minh khắc vào chuông.

Lê Ý Tôn (1735- 1739).

Lê Hiển Tôn (1740- 1786).

Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1766- 1774).

12. Năm Canh Dần (1770, năm Cảnh Hưng thứ 31; nhà Thanh năm Càn Long thứ 35):

Từ năm Mậu Ngọ(1738) đời vua Lê Ý Tôn, bọn tôn thất nhà Lê trong số đó có Hoàng Thân Lê Duy Mật mưu giết họ Trịnh,

nhưng chẳng may sự không thành, bỏ chạy vào Thanh Hoá.

Mùa Xuân tháng Giêng năm này, Duy Mật lấy chõ gò cao thành Trình Quang dựa vào hang hốc núi non kiên cố. Hai tướng Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan nhắm đánh không được mới dùng kế nội ứng. Kịp lúc Hoàng Ngũ Phúc chiêu dụ được mẹ Lại Thế Thiều là con rể của Duy Mật để làm nội ứng. Khi Thiều nhận được thư của mẹ hắn ngầm khuyên đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành ngoài cho quan quân Trịnh tiến vào. Duy Mật tự biết đã vỡ lở việc là do từ trong nhà rồi, liền tụ tập vợ con tung lửa để tự chết cháy.

Nhà Nguyễn (1802-1945).

Niên hiệu Gia Long (1802-1819).

Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840).

13. Năm Canh Dần (1830 Minh Mệnh thứ 11, Thanh Đạo Quang thứ 10):

. Nhà vua đến tuổi tú tuần, ngày đầu năm ban ân chiêu trong ngoài, ban 14 ân điển cho quan dân, ban yến và thưởng cho các hoàng tử thân công và các quan văn võ theo thứ bậc. Phong Hoàng trưởng tử Miên Tông (sau này nối ngôi là vua Thiệu Trị) làm Trưởng Khánh Công, tuế bỗng là một ngàn quan tiền, một ngàn vuông gạo. Lệ định bắt đầu từ đây về sau, các Hoàng tử đến tuổi mười lăm, bộ Lễ tâu xin sách phong, nhà vua sẽ xét về tuổi và đức sẽ phong cho tước Công. Nếu chưa đủ hai tiêu chuẩn trên thì phải đợi đến 5 năm sau mới đề xin xét lại.

Ngày khánh tiết, bộ Lại kê danh sách quan địa phuơng đợi vua khuyên cho đến Kinh chúc thọ, các quan ở Bộ và Nội Các quên không gói xuồng địa phuơng thông báo. Quan Thị Lang Nội Các là Phan Thanh Giản và Trương Đăng Quέ, Thị Lang bộ Lại là Phan Bá Đạt đều bị giáng 3 cấp. Khi đến ngày Khánh tiết Phan Thanh Giản, Trương Đăng Quέ dâng bài Tụng Đại Khánh, thuật các công việc từ lúc vua lên ngôi đến nay, siêng lo chính trị làm gốc để được phôluc hưởng thọ.

Vua phê: “Bạn người không lo cố gắng làm hết chức phận, cứ ngày thêm làm lỗi, nay lại làm bài văn vô dụng này đối

với làm lỗi có bô ích gì? Trẫm có thích nịnh ngoài mặt đâu? Vậy ném trả lại và truyền chỉ quở mắng”.

Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847).

Niên hiệu Tự Đức (1848- 1883).

Niên hiệu Hiệp Hoà (1883)

Niên hiệu Kiến Phúc(1884)

Niên hiệu Hàm Nghi (1884-1888)

Niên hiệu Đồng Khánh (1885-1889)

Niên hiệu Thành Thái (1889-1907)

14. Năm Canh Dần (1890, Thành Thái thứ 2):

.Nhiều tỉnh, đạo, phủ được thành lập: tỉnh Thái Bình, Hà Nam; đạo Mỹ Đức, Bãi Sậy, Vĩnh Yên; phủ Nghiêу Phong thuộc tỉnh Quảng Yên.

.Thực dân Pháp đem 800 quân gồm cả thủy, bộ tấn công căn cứ Yên Thế, kéo dài từ ngày 4 đến 21 tháng 11, nhưng hoàn toàn thất bại.

Niên hiệu Duy Tân(1907-1916)

Niên hiệu Khải Định(1916-1925)

Niên hiệu Bảo Đại (1926-1945)

Giai Đoạn Chống Pháp, Quốc Cộng Phân Ly(1945-1954)

15. Năm Canh Dần (1950).

Về phía Việt Minh lật nguyễn hình Cộng Sản.

.Về phía Việt Minh được Trung Cộng và Nga Sô công nhận ngày 31 tháng 1 .

Việt Minh được Trung Cộng giúp đỡ vũ khí đạn dược, huấn luyện, và hơn 10,000 cỗ vấn và chuyên gia dưới sự lãnh đạo của Trần Canh, một trong ngũ hổ tướng của Mao Trạch Đông cỗ vấn cho Võ Nguyên Giáp. Với sự cỗ vấn của Cộng Sản Trung Hoa đã biến bộ đội Việt Minh thành “Hồng Quân Việt Nam” xác

là Việt Nam mà hồn là Cộng Sản. Họ chuẩn bị mở một chiến dịch lớn ở Việt Bắc đánh vào phòng tuyến yếu nhất của quân đội Viễn Chinh Pháp mà Tổng Tư Lệnh kiêm Tổng Chính Ủy Võ Nguyên Giáp chỉ huy chiến dịch sau này.

.**Về phía Quốc Gia không theo Cộng Sản:** tiếp tục bỗ Việt Minh về thành lập khối Quốc Gia chống Cộng dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại.

.Tháng Giêng, Tân Nội Các của Thủ Tướng Nguyễn Phan Long trình diện Quốc Trưởng Bảo Đại

.Các nước công nhận nước Việt Nam do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo:

Ngày 7 tháng 2 nước Anh, nước Hoa Kỳ;

Ngày 2 tháng 3 nước Thái Lan.

Ngày 12 tháng 3 Toà Thánh Vatican.

.Tháng 4 Nội Các Nguyễn Phan Long bị suy yếu vì các Bộ Trưởng Phan Huy Quát, Lê Thăng, Nguyễn Tôn Hoàn thuộc Đảng Đại Việt từ chức, Nội Các Trần Văn Hữu lên thay,

. Tháng 6 Việt Minh mở Chiến Dịch Biên Giới để mở rộng căn cứ Việt Bắc và thông với Trung Cộng

Chiến dịch Biên Giới của Việt Minh kéo dài từ Tháng 6 đến ngày đầu tháng 9, quân đội viễn chinh Pháp bị quét sạch khỏi vùng Đông Bắc Bắc Việt và Quân Đội Viễn Chinh Pháp mất tinh thần. Biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc không còn nữa. Việt Minh loan tin Hồ Chí Minh sẽ ăn Tết ở Hà Nội.

.Tháng 12, chính phủ Pháp rút Đại Tướng Maurice Carpentier và Cao Ủy Đông Dương Léon Pignon về nước và cử Tướng De Lattre sang nắm Quyền Tổng Tư Lệnh Quân Đội Viễn Chinh Pháp ở Đông Dương.

Việc làm đầu tiên của tướng De Lattre khi đặt chân đến Việt Nam là bãi bỏ ngay kế hoạch di tản gia đình quân nhân Pháp khỏi Bắc Việt và phục hồi niềm tin của quân đội viễn chinh Pháp; đặt ra kế hoạch năm điểm nhằm mục đích tối hậu

16. Năm Canh Dần, 2010:Chờ xem !

xuân canh dần

thơ triều phong đặng đức bích



Tết nhuết nhà ai cũng rộn ràng
Xuân về chan chứa ánh thiều quang
Lá hoa chen chúc khoe màu thắm
Ông bướm xôn xao lượn sắc vàng
Dân tộc hân hoan mừng Tết đến
Quê hương nhộn nhịp đón Xuân sang
Xuân mơ nước Việt giàu no ấm
Hạnh phúc dân vui sướng ngập tràn

Triều Phong Đặng Đức Bích

năm dần nói chuyện cọp

thái sinh



Chuyện Những Nhân Vật Bình Định
ĐÁNH CỌP

Theo thông lệ, năm nào nói chuyện nấy. Năm nay 2010 theo Âm lịch là năm Canh Dần cầm tinh con Cọp (hổ). Vậy xin kể về chuyện những Nhân Vật Bình Định đánh Cọp.

Bình Định được mệnh danh là Miền Đất Võ và võ Bình Định phát triển mạnh và cung khắp dưới thời Tây Sơn, vừa để tự vệ cho bản thân, gia đình vừa để góp phần giúp nước bảo vệ Non Sông.

Ai vè Bình Định mà coi

Con gái Bình Định bỏ roi, đi quyền.

Đến như bậc nữ nhi tay yếu chân mềm mà cũng biết võ và biết rất thành thạo cả roi lẩn quyền. Nghĩa là cũng có khi không cần đến vũ khí, vừa bỏ roi (buông roi) là đánh bằng tay không (đi quyền) cũng không kém..

Chuyện đánh cọp trong lịch sử thì có “Võ Tòng Đả Hổ” mà xét ra Võ Tòng đánh cọp còn cần phải dùng đến vũ khí, các nhân vật Bình Định đánh cọp thì có nhiều cách. Xin trình bày sau đây:

CHÚ LÍA

Đánh cọp bằng tay không

Chuyện kể về cuộc đời Chú Lía, có nhiều dị bản. Ở đây xin vắn tắt kể chuyện Chú Lía đánh cọp.

Chú Lía là một Nhân Vật Bình Định. Sinh vào thời Chúa Nguyễn Minh Vương, cha là Võ Trụ lính trụ hồi hưu, người huyện Phù Ly. Mẹ là một nông dân ở Phú Lạc, ấp Kiên Thành huyện Tuy Viễn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định).

Cha Lía mất sớm khi Lía lên bảy (lên muồi) Mẹ đưa Lía về quê ngoại nuôi dưỡng. Gia cảnh bần hàn, Lía phải đi ở chăn trâu cho một phú hộ trong vùng. Lía thương Mẹ và rất có hiếu với Mẹ thường đi bắt trộm gà vịt, bẻ bầu bí, hái ngô khoai của người đem về dâng cho Mẹ nói dối là của chủ cho. Mẹ Lía biết được không đồng ý khuyên con nên chừa, nhưng Lía chứng nào tật ấy.

Mẹ Lía biết tính con mình hung hăng lung hoang, bà mới cho Lía đi học. Vào trường thì Lía học rất thông minh, học đâu nhớ đó. Bạn đồng học ganh ghét ý chúng hiếp cô xúm nhau mà đánh Lía. Lía nổi đóa đậm cho một trận, bọn học trò đứa u đầu, đứa lủng trán. . . . kéo nhau vào tình Thầy. Thế là Lía bị đuổi học.

Trở về nhà sợ Mẹ rầy, Lía đi lang thang trong rừng. Chợt thấy một ông lão râu tóc bạc phơ nhưng diện mạo quắc thước đang tung kiếm quần thảo với một con cọp vện tàu cau vừa to lớn vừa hung dữ. Hai bên đánh nhau cả buổi vẫn chưa phân thắng bại. Bỗng cả hai cùng dừng lại dưỡng như để lấy sức, thủ thế, ghìm nhau. Thừa lúc ấy, Lía lén đi ra phái sau lưng cọp, lừa thế nhảy bổ tới hai tay ôm cổ cọp mà siết, hai chân choàng qua thân cọp kẹp cứng vào hái. Cọp hoàn toàn thất thế vuốt không dùng được, nanh không dùng được chỉ còn có cách vùng vẫy, nhào lộn, gầm thét. Cọp càng vùng giãy, Lía càng siết chặt cổ, cọp nghẹt thở dần dần mòn hơi lăn dùng ra tắt thở. Lão trưởng vui mừng đến tạ ơn cứu tử và hỏi. Lía thưa rõ lý lịch. Lão trưởng tỏ ý muốn đem

Lía về nuôi. Mẹ Lía và Lía thuận tình.

Lão trượng vốn là một võ tướng của nhà Lê. Vì chán họ Trịnh, ghét chúa Nguyễn mà cáo quan về ở ẩn. Lão trượng dạy Lía võ nghệ, môn nào Lía cũng tinh thông..

Sau khi Lão trượng qua đời, Lía trở về lại ở cùng Mẹ. Nhưng tính khí ngang tàng, “ giữa đường gặp sự bất bình ra tay” , không chịu nổi những bất công của xã hội, Lía trở thành một hiệp sĩ áo vải : can đảm, nghĩa khí, võ nghệ siêu quần và có một sức mạnh phi thường, đi hành hiệp.

Chuyện kể rằng : Lía một mình có thể nấm đuôi một con trâu đang báng lộn kéo ngược ra xa, trong lúc con bên kia có đến đói chục người kéo. Lía có thể nhún một cái nhảy phốc lên ngọn cây đứng như chim đậu rồi nhảy xuống nhẹ nhàng như một chiếc lá rơi,. Lía lại còn có tài phi thân từ đỉnh núi này bay sang đỉnh núi kia. Hôm mẹ Lía chết , Lía đội quan tài mẹ lên đỉnh núi Chớp Vàng.. Một tay đỡ quan tài Mẹ, một tay cầm chiếc mâm đồng ném mạnh về hướng Trưng Sơn rồi bay theo đứng trên mâm bay sang hòn Trưng Sơn chôn cất mẹ.

Lía võ nghệ tài giỏi như vậy nên được đồng bọn tôn lên làm chủ trại đứng đầu đám lục lâm cai quản Truông Mây. Nhưng Lía lại làm điều nhân nghĩa cướp của nhà giàu thất nhân bất đức đem chia cho nhà nghèo, lợi lộc hưởng đều cùng bộ hạ. Lía khuất phục được đám thảo khấu cha Hồ, chú Nhẫn, mẹ Chân, trừ khử được mụ Trà, một tay giặc giữ. Cho nên nhà giàu ghét Lía, nhà nghèo lại thương. Lía ác với người cần ác như chém chết cả nhà tên quan huyện hăm hại người để đoạt vợ, hoặc chém quan giám khảo tham ô, hối lộ bắt sĩ tử phải nạp tiền đút lót trong đó có Lía.

Sau khi thành công, Lía đổi tên là Văn Doan và muốn sống cuộc đời lương thiện. Cuối cùng Lía trúng kế mỹ nhân đến tiêu tan cả cơ đồ và chọn cho mình cái chết thật dũng khí bằng cách tự chặt đầu biếu cho lão tiêu phu đã thương tình mở trói và hào sảng cho bữa cơm ăn, để mang lên huyện đường lanh thưởng. Nhân dân Bình Định nhớ thương Lía thường ngâm câu ca dao :

Chiều chiều én liệng Truông Mây

Cảm thương Chú Lúa bị vây trong thành.

TRẦN QUANG DIỆU - BÙI THỊ XUÂN

bởi đánh cọp mà nên duyên kỳ ngộ

Bốn người giỏi võ đầu tiên giúp nhà Tây Sơn dựng nghiệp là Võ Văn Dũng, Võ Định Tú, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân. Trong bốn người này thì Võ Văn Dũng quê ở Phú Mỹ, Võ Định Tú ở Phú Phong, Bùi Thị Xuân ở Xuân Hòa là những thôn cách Kiên Mỹ quê của Ba vua Tây Sơn không xa. Chỉ có Trần Quang Diệu quê ở Vạn Hội xã Ân Tín huyện Hoài Ân nhưng cùng một tỉnh : Bình Định,

Trần Quang Diệu xuất thân trong một gia đình dòng dõi thuộc hàng khá giả trong vùng, là hậu duệ của một quan Thượng thư mà lăng mộ hiện vẫn còn ở trên gò đồi Vạn Hội xã Ân Tín.

Bùi Thị Xuân sinh trưởng tại thôn Xuân Hòa xã Bình Phú gần thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Con ông Bùi Đức Kế và gọi Bùi Đắc Tuyên bằng chú, hiện có ngôi tự đường họ Bùi ở thôn Xuân Hòa thờ Nữ Đô Đốc Bùi Thị Xuân. Thuở nhỏ Bà là một cô bé khỏe mạnh, xinh đẹp, hiếu động, thích đấu võ, múa kiếm, bắn cung, đua ngựa như một con trai, là một trong Ngũ Phụng Thư giúp nhà Tây Sơn.

Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, họ đã gặp nhau trong trường hợp nào, ngọn gió nào đưa đẩy họ trở thành đôi vợ chồng tình nhà tình nước vẹn toàn cả hai ?

Người xưa kể lại rằng :

Trần Quang Diệu sinh trưởng trong một gia đình dòng dõi khá giả, nhưng cha mẹ lại mất sớm phải thân tự lập thân, đứng ra cai quản cả một cơ nghiệp đồ sộ của cha mẹ để lại.

Rồi một ngày thư thả việc nhà, Trần vào rừng săn

bắn và cũng là để ôn luyện võ nghệ thì bỗng thấy một ông cụ già đang hồn đau với một con cọp vàng. Con cọp đã mấy lần nhảy vào vồ ông lão nhưng ông lão đã nhanh nhẹn né tránh làm cọp trượt thế gầm lên.

Sợ ông lão lâm nguy, Trần rút dao vào đánh cọp. Thấy Trần xuất hiện thình lình, ông lão vẫy tay mấy cái cọp ngưng đau ngoan ngoãn bước tới ngồi bên gốc cây ở远远 xa. Lão ôn tồn bảo Trần :

- Tráng sĩ là ai ? chẳng biết nơi nầy là ổ cọp sao mà dám đưa thân tới ? Trần ngạc nhiên giây lát rồi lẽ phép thưa :

- Cháu vào rừng săn thú và cũng là để luyện thêm đường tên, mũi kiếm, nhân gắp cảnh tượng nầy tưởng Trưởng lão lâm nguy nên mới dám vô lẽ ra tay.

Ông lão cười :

- Cháu tốt bụng lắm ! nhưng đừng có lo. Con cọp nầy được lão cứu nó thoát chết một lần nên nó biết ơn. Thỉnh thoảng nó vẫn đến thăm ta và đau chơi với nhau cho vui đỗi thôi ! chứ nào nó dám hại ta và ta cũng không nỡ nào xuống tay hại nó.

Nghe lão nói, Trần thầm nghĩ đã gắp được dị nhân võ nghệ siêu quần, mới đem kể hết gia cảnh và thân phận rồi cúi lạy lão trượng xin làm đệ tử. Ông lão trầm ngâm đáp:

- Âu cũng là tiền duyên. Thôi con về thu xếp việc nhà rồi lên đây ở với ta.

Từ đó, trong căn nhà rộng rãi thoáng mát trong rừng sâu, một thày một trò ngày thì lo trồng trọt sinh sống, tối đến thì đem dao kiếm, thương bổng, cung tên ra mà dạy. Thày truyền hết sở đắc, sở trường như cách đánh trên đất liền, lúc trên lưng ngựa, trên thuyền, khi vượt rào, vượt sông... thày thảy đều truyền hết cho Trần. Thày dạy hết lòng, trò cố sức học.

Nhưng có một điều là con cọp của Thày khi thấy

có Trần là nó lánh mặt. Biết ý nên khi cọp đến thăm Thầy đứa dỡn với Thầy thì Trần cũng khéo léo lánh mặt. Ban đầu thì vậy sau dần dần mà cưng quen thân.

Một hôm lão trượng đem thanh đại đao của mình thường dùng mà trao cho Trần và bảo :

- Đây là “Thanh huỳnh long bảo đao” sản xuất từ đồi Trần, ta tặng con làm kỷ niệm. Con nên đem sở học làm sở hành để khỏi phí cuộc đồi anh tuấn. Nói xong lão nằm xuống lấy tay vỗ nhẹ lên đỉnh đầu mà tắt thở.

Rồi lại một hôm, Trần Quang Diệu từ Hoài Ân vào Kiên Mỹ để thăm Nguyễn Nhạc. Theo đường núi vượt qua Kim Sơn, Trần đến vùng Thuận Ninh thì gặp một con cọp tàu cau to lớn đón đường, Trần rút đại đao ra giao đấu với cọp. Phút chốc cọp bị ngọn đại đao của Trần chém chết ngay. Không ngờ có một con cọp khác từ sau lưng vồ tới, Trần lách mình tránh khỏi, nhưng bị cọp tát văng mất đại đao, Trần buộc phải quần thảo với cọp bằng tay không suốt nửa giờ chưa phân thắng bại.

Bùi Thị Xuân, từ khi nhận lệnh của Nguyễn Huệ thành lập đội tượng binh, thường ngày Bùi Thị cõi voi trắng cùng đệ tử vào rừng săn bắt voi hoang đem về doanh trại thuần phục.

Hôm ấy, Bùi thị vào rừng bỗng nghe có tiếng cọp gầm rung chuyển cả núi đồi lại nghe có tiếng người hét vang. Bùi thị liền cõi voi về phía ấy thì thấy giữa trảng cỏ tranh một người một cọp đang quần thảo với nhau mãnh liệt. Người thanh niên ấy mình bê bết máu me dường như ô đuổi sức sấp bị cọp vồ. Bùi thị nhảy xuống bành voi hét lên một tiếng rút song kiếm xông vào trợ chiến đánh nhau với cọp. Cuối cùng cả hai thủ được cọp dữ.

Thoát chết, Trần tạ ơn và yêu cầu Bùi thị đưa về Kiên Mỹ vào nhà Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc và Bùi Thị Xuân vốn đã nghe danh Trần Quang Diệu nhưng chưa có dịp làm quen. Nay nhờ cọp dẫn lối voi đưa đường mà nên nghĩa “vườn đào” Nguyễn- Trần- Bùi .

Rồi để cho tình thêm thắm, nghĩa thêm nồng, Nguyễn Nhạc và Bùi Công đã đứng ra một người làm mai, một người làm chủ hôn xe kết lương duyên cho Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân nên vợ thành chồng.

Từ đó, Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân ở luôn tại Kiên Mỹ với Ba Vua Tây Sơn gây dựng cơ đồ. Trần Quang Diệu được phong Đô Đốc rồi Thiếu phó là một trong bốn quan tú trụ triều đình. Còn Bùi Thị Xuân cũng lên đến chức Đô Đốc và phong tặng bốn chữ vàng Cân Quắc Anh Hùng. Họ là hai tảng đá trong Thập Bát Cơ Thạnh, làm nền cho một triều đại rực rỡ những chiến công ngót ba thập kỷ..

TRẦN THỊ QUYỀN

Đánh Cọp Băng Lòng Hiếu Thảo

Bà Trần Thị Quyền, người làng Trung Lương, huyện Bồng Sơn, nay là huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Con của một võ tướng thời Tây Sơn. Sau khi nhà Tây Sơn mất, ông về sống ẩn dật nơi thôn xóm hẻo lánh thuộc làng Trung Lương bằng nghề săn bắn thú rừng và làm nương rẫy.

Tại đây ông lập gia đình với một thiếu nữ chon chất, mộc mạc. Hai vợ chồng chỉ sanh được một gái, đó là bà Trần Thị Quyền.

Bà Quyền có vóc dáng cao lớn, khỏe mạnh, nhan sắc cũng khá mặn mà, thường theo cha đi săn bắn và được cha truyền dạy võ nghệ. Chẳng bao lâu cha Bà mất, Bà ở với mẹ. Cuộc sống tuy thanh bần nhưng hạnh phúc.

Đến tuổi cập kê, nhiều chàng trai trong vùng đến xin cầu hôn, Bà đều từ chối viện lẽ ở vậy để phụng dưỡng mẹ già cho tròn đạo hiếu.

Một hôm, hai mẹ con vào rừng đốn củi. Đang lúc hăng say làm việc thì thình lình một con cọp chẳng biết từ đâu nhảy bở đến vồ mẹ Bà. Mẹ Bà săn cây đòn xó mang theo để gánh củi, Bà phán cho cọp mấy cái. Nghe động Bà Quyền cũng không chậm trễ quay lại đấu với cọp. Qua vài

cái né tránh, Bà chém vào chân cọp một nhát rựa, cọp rống lên một tiếng rồi nhảy phốc vào rừng biến dạng. Xem như chẳng có việc gì xảy ra, mẹ con lại tiếp tục đốn củi.

Nhà Bà ở gần núi. Ít lâu sau, đường như linh tính, Bà thấy có bóng dáng chúa sơn lâm đêm đến rình rập quanh nhà, mong dịp báo thù. Bà đoán thế nên gia công tập luyện thêm võ nghệ và cẩn thận đề phòng.

Quả thật vậy, một hôm kia, mẹ Bà đau bụng cần ra ngoài đi cầu. Bà đốt đèn đưa cho mẹ cầm, Bà xách kiếm theo sau hộ vệ. Hai mẹ con mở cửa vừa ra tới sân thì cọp đã chực săn phóng đến vồ mẹ Bà. Nhanh như chớp, Bà múa kiếm chặn ngay đầu cọp và chém một nhát vào chân cọp. Cọp trúng thương gầm lên một tiếng xông vào vồ lần thứ hai. Bà nhảy né bồi thêm cọp một nhát nữa. Bà đem hết sở đắc võ nghệ do cha truyền thụ và bởi lòng yêu thương mẹ dâng trào tạo cho Bà thêm sức mạnh quần thảo với cọp càng lúc càng quyết liệt giữa đêm khuya, mưa nhẹ nhẹ, trăng sao lờ mờ và chập chờn ánh đèn dầu của mẹ Bà lúc bấy giờ đứng trên thềm nhà trợ chiến bằng tiếng la thất thanh cọp ! cọp !

Lúc này cọp như điên cuồng, nhào lộn, nhảy chụp loạn xạ bởi một phát kiếm của Bà chém sǎ ngay trên mặt trúng vào mắt. Cuối cùng thừa lúc cọp há hốc gầm thét, Bà thọc sâu một kiếm vào họng. Cọp bị thương nặng vùng chạy không định hướng va mạnh đầu vào thềm nhà ngã lăn ra sân giãy chết.

Nghe tiếng la cầu cứu, dân làng kẻ giáo mác, người gậy gộc, đèn đuốc sáng choang kéo đến thì cọp đã nằm kềnh giữa sân, tắt thở mình đầy máu me, Cái sân đất bỗng phẳng, giờ này lổ chổ như đất ruộng. Lật ra xem, cọp bị quá nhiều thương tích nơi chân, cổ, nơi bụng, mặt và một đường vạch dài nơi mắt. Hiểm nhất là nhát kiếm cuối cùng đi thẳng vào họng cọp. Mọi người đều thán phục, tấm tắc khen ngợi Bà là một nữ lưu anh kiệt.

Ít lâu sau mẹ Bà qua đời vì tuổi già, Bà lo chôn cất tử tế, mồ mả tốt đẹp, tuân tự hiếu phục tuy đơn sơ nhưng đủ lễ. Đoạn tang xong Bà mới chịu lấy chồng và người chồng

Bà chọn phải giỏi võ và chịu vê ở cùng Bà nơi căn nhà hiện tại để tiện bề nhang khói thờ phụng và chăm sóc mệ phẫn ông bà, cha mẹ.

Chồng Bà cũng không ai khác hơn là anh Lý - một thanh niên đã có lần tỷ thí vỏ cùng Bà- anh đành ôm mối tương tư người đẹp mà trở về nhà, giao ước cùng Bà ba năm sau trở lại. Và nay, anh Lý đã trở lại như lòng mong ước của Bà.

Chuyện hiếu hạnh của Bà được quan địa phương trình tấu về Triều. Năm Tự Đức nguyên niên (1848) Bà được Vua ban tấm biển với bốn chữ vàng HIẾU NỮ KHẢ PHONG, có nghĩa là gái hiếu đáng nêu gương cho người đời noi theo.

TĂNG BẠT HỔ

Đánh cọp vì yêu nước

Tăng Bạt Hổ tên thật là Tăng Doãn Văn, hiệu là Điền Bát, sinh năm Mậu Ngọ (1858) tại làng An Thuường, huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn, nay là thôn An Thuường, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.

Ông tính tình khí khái, can trường, văn võ song toàn. Nhờ có chí cầu học và thúc đẩy bởi lòng yêu nước mà Ông sớm thành tài. Thời Vua Tự Đức, Ông được lên chức Cai Cơ chống Pháp ở Bắc Kỳ. Cuối năm 1883, lực lượng Ông được Triều đình điều động vào giữ cửa biển An Dũ (Bình Định). Ngày 23 tháng 5 năm Ất Mão (1885) hưởng ứng phong trào Cần Vương, Ông đưa toàn bộ lực lượng và cả vũ khí về vùng Kim Sơn chiêu mộ nghĩa binh lập căn cứ chống Pháp. Ông được Mai Xuân Thuởng phong chức Tổng Trấn, hoạt động mặt Bắc Bình Định., đặt bản doanh trong núi Kim Sơn (sau gọi là hòn Tổng Dinh). Ông bắt liên lạc với Thống Trấn Bùi Diền (Phù Mỹ) hiệp lực hoạt động. Trong lúc ấy Mai Xuân Thuởng đặt bản doanh tại Linh Đổng (Phú Phong).

Phong trào Cần Vương Bình Định mỗi ngày một lớn mạnh, đã chiến thắng địch qua nhiều trận thư hùng.

Suốt thời gian từ cuối năm 1885 đến 1886 toàn bộ huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn nằm trong khu vực kiểm soát của Nghĩa quân Bắc Bình Định.

Để đối phó với lực lượng Cần Vương Bình Định, Nguyễn Thân là người trong đảng Cần Vương, sau phản đảng theo Pháp chống lại Cần Vương.Vua Đồng Khánh lệnh cho Nguyễn Thân và bè lũ thực dân, từ Quảng Ngãi kéo quân vào Bình Định, mặt khác trong Nam thì Trần Bá Lộc kéo quân ra, Nghĩa quân Cần Vương bị đánh phá dữ dội, nhiều đạo binh trấn thủ các yếu địa lần lần bị tiêu diệt. Mai Xuân Thuởng phải rút vào mật khu Linh Đổng, còn Tăng Bạt Hổ bị thương nặng trong trận tập kích ở Hoài Nhơn, được thủ hạ là Đội Vô đàm hầm bí mật cạnh bờ sông Lai Giang thuộc làng Trung Lương ẩn giấu chạy chữa vết thương.

Tình thế nguy cấp, Tăng Bạt Hổ nghĩ chỉ còn có cách cầu viện nước ngoài.

Tháng Giêng năm Dinh Hợi (1887), các đồng chí đưa Ông xuống ghe qua sông Kim Sơn lên Cao Nguyên để tìm đường sang Xiêm. Vừa tới đèo Dốc Đót nơi giáp với An Khê thì gặp một con cọp đứng chặn đường, mấy người theo Ông ai cũng thất kinh hoảng sợ. Ông không một chút sợ hãi, nhìn thẳng vào mặt cọp bình thản nói: “Này Chúa Sơn Lâm ! tôi đi đây là vì đại nghĩa chứ chẳng phải làm việc riêng tư, xin Ông tránh sang một bên để kẻ vong quốc này lên đường cho sớm” Dường như cọp cũng có linh tính biết xúc động trước nghĩa cử cao đẹp của Ông, nên đã tránh sang một bên cho Ông và các bạn Ông qua đèo. Từ đó Ông được các đồng chí và thời nhân tặng cho Ông cái tên Tăng Bạt Hổ.

Lên đến Cao Nguyên, Ông chia tay mọi người, một mình Ông vượt biên giới sang Lào rồi lại qua Xiêm. Sau đó Ông qua Trung Quốc để tìm đồng chí và xin cầu viện. Nhưng chẳng được gì, Ông lại sang Nhật Bản hy vọng con cháu Thái Dương Thần Nữ có thể giúp Ông hoàn thành tâm nguyện. Ông tham gia vào quân đội Nhật lập nhiều chiến công ở Đài Liên và Lữ Thuận trong chiến tranh Nga Nhật. Sau đó Ông lại trở thành một chính khách Việt Nam hoạt

động bên cạnh chính phủ Nhật.

Ở Nhật một thời gian dài, Ông trở về nước may mắn gặp nhà đại ái quốc Phan Bội Châu. Ông mang bài “Khuyến Thanh niên du học” của Phan Bội Châu cổ động thanh niên sang Nhật gây thành một phong trào Đại Đông Du khá sôi nổi và xúc tiến thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục.

Mùa Đông năm Tân Tỵ (1907), Ông mất vì bệnh kiết lỵ giữa tuổi 50 tràn đầy sinh lực. Ông là một bậc hào kiệt không vợ, không con, không nhà cửa, cả một đời phụng hiến cho Quốc gia Dân tộc.

Cọp là một loài thú dữ cần phải tiêu diệt “sát nhất hổ cứu vạn nhân”. Nhưng có một loài còn dữ hơn cọp đó là : “Hà chánh mãnh ư hổ”. Nghĩa là sự hà khắc, bạo tàn của chính quyền còn khốc hại, nguy hiểm hơn hổ dữ.

Thái Sinh

Houston Texas

Tài liệu tham khảo :

- Nước Non Bình Định của Quách Tấn, NXB Thanh Niên 1999.
- Võ Nhân Bình Định của Quách Tấn - Quách Giao.NXB Trẻ 2001.
- Nhân Vật Bình Định của Đặng Quý Địch, sogn giả xuất bản 1971.
- Các Ngôi Sao Tây Sơn của Nguyễn Xuân Nhân, NXB Văn Nghệ 2000.



mưa đêm xuân

thơ bùi thúc khán



Đêm Xuân bắt chợt mưa mờ mịt.

Gió xạc xao mưa nặng hạt thêm...

Mưa gọi nhớ những ngày tháng cũ,

Gọi niềm thương cảm tuổi hoa niên.

Thời gian đã chảy trên hai lối,

Mưa lạnh rơi trên mỗi nẻo đường.

Và những đêm buồn nghiêng gối mong,

Ngoài hiên dạ-lý thoảng đưa hương...

Đồi như chiếc lá trong mưa gió.

Ước vọng ngày Xuân biết hẹn đâu?

Chút nghĩa cũ càng ai vướng bận,

Cho mình thao thức đến bao lâu!

Bùi Thúc Khán

(Xuân 2009)



giòng sông năm ấy

Quách Tú

Càng về tuổi xế chiều tôi càng nhận ra cái ý niệm: “Trẻ sống với tương lai, già sống về quá khứ.” Tôi được sinh ra và lớn lên ở nông thôn

Bình Định. Quảng đời ấu thơ tôi sống ở một làng quê nằm bên bờ Sông Côn. Đời sống của gia đình tôi cũng như bao dân làng khác đều dựa vào nông nghiệp. Một cuộc sống thanh đạm, không có nhiều nhu cầu cần đòi hỏi. Tình người thật thà, chất phát. Nắng mưa, thiên tai chung chịu, được mùa no ấm chung vui. Quê tôi có cánh đồng xanh hai mùa cho lúa, con sông dài tắm mát trưa hè. Tiếng hò giã gạo, tát nước, cấy lúa đêm trăng là những âm thanh tình tự tôi ôm ấp. Tôi đã sống và lớn lên trong môi trường ấy cho đến khi ra tỉnh học.

Tôi ước mong ngày học xong sẽ trở về nơi mình sinh trưởng. Sống một đời bình dị muối dưa, sau bữa cơm chiều nhìn trăng lên sau hàng tre cuối xóm, đêm ngủ giữa sân gió nồm thoái hiu hiu, xuân về đi xem hát bộ trước sân đình thức trăng đêm. Nhưng đường đời là một lộ trình ngang dọc, đâu có theo ý mình muốn đứng mãi một nơi. Đến tuổi trưởng thành, tôi đi vào cuộc sống và xuôi ngược nhiều nơi. Rồi vận nước của quê hương thay đổi, tôi sống một kiếp tha phương lưu lạc do chính mình lựa chọn. Dù xú người đồ sộ và lộng lẫy, nhưng lũy tre xanh của làng quê nghiêm minh soi bóng nước. Giòng sông trong xanh ngọt ngào năm xưa vẫn không mờ nhạt trong tôi. Tôi nhớ ngôi trường làng thuở xưa theo học mang tên “Trường Cơ Bản Thuận Nghĩa” vách trắng, mái ngã màu rong rêu với thầy cô giáo hiền lành và tận tụy. Tôi còn nhớ rõ Cô Từ Thị Ba dạy lớp Tư, thường ngày mặc

chiếc áo dài đen, da cô trắng. Cô có giọng nói nhỏ nhẹ và nụ cười hiền hậu. Có một lần cô kể cho lớp học nghe cô đến lớp trễ vì đêm qua mưa lũ nước xuống nhiều, cô không thể lội qua mương rộc được. Cũng may cho cô, có bác nông dân tên là Trùm Tự cõng cô qua mương. Cái thời ấy, lòng người thật thà, thanh bạch như tờ giấy trắng. Để giúp cho đám học trò khỏi chờ đợi và mất một ngày học, bác nông phu vui vẻ cõng cô giáp qua mương để đến lớp kịp giờ.

Năm đó tôi học lớp Ba do thầy Nguyễn Đang dạy. Thầy mới được đổi về đây dạy năm đầu. Chúng tôi quý mến thầy ngay tuần lễ đầu vì thầy rất hiền lành. Ngoài giờ học chúng tôi thường đứng bao quanh để nghe thầy kể chuyện. Lớp học được thầy trang trí rất đẹp. Những tấm hình của các nhà Cách Mạng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, ... được thầy treo lên vách tường của lớp. Chúng tôi đứng nhìn say đắm các chân dung và tranh phong cảnh của thầy. Thầy Nguyễn Đang khác hẳn với thầy Huỳnh Đồng, thầy Đồng hay dùng roi bắt học trò nằm xuống đánh khi không thuộc bài và thường tịch thu những đồng xu đánh đáo của chúng tôi.

Thầy Nguyễn Ngọc Liễn dạy lớp Nhì anh tôi theo học. Thầy rất thương học trò và thường cười vui vẻ. Tay thầy run run nhưng chữ thầy viết rất đẹp. Đặc biệt chữ D thầy viết như bụng bầu trông rất dễ thương. Anh tôi và tôi mỗi trưa thường ngồi tập viết chữ D, nhưng không bao giờ đẹp như thầy viết. Mùa hè năm ấy tôi đến học hè với thầy Liễn để chuẩn bị lên lớp Nhì. Thầy mượn ngôi đình nhỏ gần nhà để dạy. Học xong lớp sáng, trưa về nhà thầy nghỉ để học lớp chiều. Học trò chúng tôi thường hay dỡ cơm trong mo cau, bóp lại thật chặt. Đến khi ăn dùng dao cắt ra từng miếng chấm vào muối mè hay muối đậu ăn thật là ngon. Mùa hè năm ấy nhà thầy có ngày giỗ, thầy cho chúng tôi ăn giỗ. Bữa ăn đó tôi còn nhớ mãi đến hôm nay; không phải vì miếng ăn, nhưng vì tình thầy trò ngọt bùi chia sẻ.

Cái thời cơm mo, muối mè muối đậu đã qua, nhưng hương vị cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Tôi nhớ ngôi trường cũ dù nay chỉ còn cái nền hoang phế. Tôi nhớ rõ

hình ảnh thầy cô và tôi nhận ra rằng hôm nay có được ít nhiều kiến thức, trong đó có một phần thầy cô tôi đã trao cho. Ngày trước, tình thầy trò ngọt ngào thấm vào lòng vào tâm trí như máu chảy về tim. Sự kính trọng đó đã trở thành truyền thống và đóng góp một nét đặc thù vào nền văn hóa dân tộc.

Hôm nay tôi đang làm cái công việc mà thầy cô tôi đã làm mấy chục năm về trước, nhưng trong một môi trường và một nền văn hóa hoàn toàn khác lạ. Sau nhiều năm dạy học ở xứ Mỹ này, đứng giữa lớp học tôi cố tìm ra một tình cảm giữa thầy trò như năm xưa khi tôi còn đi học, nhưng tuyệt nhiên không có! Nhiều lúc tôi cảm thấy mình đang truyền đạt kiến thức có tính cách chuyên nghiệp như một cái máy. Nhiều học sinh Trung học trong lớp biếng học và quậy phá không ngừng. Rõ ràng Đông-Tây đôi ngả. Hai nền văn hóa có nhiều khác biệt.

Quê hương Bình Định có nhiều tình tự qua ca dao và lời ca tiếng hát. Khi tôi lên ba, mẹ tôi qua đời nên tôi không được nghe mẹ tôi hát ru con. Tôi sống với Bà Nội trong một đại gia đình gồm bốn thế hệ dưới một mái nhà. Những trưa hè tôi ngồi nghe thím tôi ru con ngủ. Tuy không ghi chép nhưng qua truyền khẩu thím tôi thuộc rất nhiều ca dao bình dân lắn ca dao Bình Định. Thím thường ngâm nga: “Chàng ơi phụ thiếp làm chi, thiếp như corm nguội đỡ khi đói lòng.” rồi thím thong thả tiếp: “Thương chi cho uổng công tình, Nẫu về xú nẫu bỏ mình bơ vơ!” Lúc đó tôi nghe chỉ vui tai nhưng không hiểu nhiều về ý nghĩa. Về sau khi lên Trung học, học về ca dao Việt Nam vừa có tính cách bình dân vừa bác học. Tôi nghĩ lại và cảm phục thím tôi đã thuộc nhiều câu ca dao rất hay: “Chàng ơi phụ thiếp làm chi, thiếp như corm nguội đỡ khi đói lòng.” Dàn bà ngày xưa mang đức tính hiền lành; chồng phụ bỏ đi với người khác nhưng không chửi bới, không thuê người tạt acid vào người tình của chồng. Chỉ biết than thân và ví mình như corm nguội của chồng. Còn câu hát “Nẫu về xú nẫu, bỏ mình bơ vơ!” dựa theo thổ âm của người Bình Định. Giọng hát ru con của thím tôi đã thể hiện sự than thân một cách nhẹ nhàng khi người thương bỏ đi, mình còn ở lại bơ vơ. Tôi thích nghe câu hát đó và thích

chữ NẤU của người Bình Định mìn, vì nó thể hiện cách ăn nói thật thà và chơn chất. Đứng về khía cạnh văn phạm mà xem xét thì chữ NẤU được dùng một cách đa dạng. Nó vừa đóng vai chủ từ và túc từ, vừa ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba: “NẤU quen dùng chữ NẤU xin đừng cười NẤU, nếu NẤU có cười là quyền của NẤU.” (Tôi quen dùng chữ NẤU xin đừng cười tôi, Nếu ai đó có cười là quyền của người ấy). Ngày nay trong đối thoại nhiều người Bình Định đã bỏ chữ NẤU, nhất là những người ở thành thị. Nhưng không sao, đừng ngần ngại dùng chữ NẤU vì nó là một thổ ngữ rất uyển chuyển và được dùng đa dạng. Chúng ta phải nhìn nhận rằng trong ngôn ngữ mỗi miền hay mỗi địa phương có những thổ âm hay thổ ngữ riêng. Không hẳn thổ ngữ này trội yếu hơn thổ ngữ khác. Và chính thổ ngữ đã góp phần làm cho ngôn ngữ của một dân tộc thêm phần phong phú.

Tôi xa quê hương đã lâu, xa giọng nói câu hò và xa cả giòng sông năm ấy. Tôi ước mong có ngày trở về thăm cố hương. Về soi mặt lại giòng sông để thấy mình xa lạ, đổi thay qua thời gian. Năm 2000 tôi đã có dịp trở về. Một chiều đứng bên bờ sông, tôi không còn nhận ra giòng sông năm xưa. Bãi cát bên kia bờ đã chạy sát đến tận hàng tre bên nây sông. Giòng sông khô cạn và giòng nước tắt nghẽn vì nạn phá rừng. Chỉ còn một rạch nước nhỏ màu nâu đang chảy dẩn những chất phế thải đổ xuống giòng sông và lan truyền ô nhiễm. Bãi cỏ xanh bên bờ sông năm xưa là nơi đám trẻ chúng tôi chạy chơi, u quạ, đá banh dưới ánh trăng bạc, đã bị cày xới để “biến thành cớm”. Hình dáng con sông vẫn còn, nhưng giòng sông năm xưa của tôi đã mất. Cũng giống như quê hương tôi còn đây, nhưng đất nước tôi đã mất vì đã rơi vào tay kẻ sai. Những kẻ chỉ biết lo làm giàu và vơ vét, còn tâm đâu nghĩ đến mạch nước giòng sông và những ô nhiễm lan tràn.

Ngày rời quê nhà, tôi quay lại nhìn giòng sông, lòng buồn man mát. Đâu còn giòng sông năm ấy của tôi. Một sự đổi đời, đổi cả cảnh thiên nhiên. Tôi nhìn những gốc rù rì chỏng chơ trên bãi cát vì thiếu nước. Một đàn chim đang bay lượn tìm vũng nước trong lành để uống cũng không ra. Bao giờ quê hương được hồi sinh trở lại?

Ngày mai tôi sẽ ra phi trường và bay về Mỹ. Một đất nước tôi mang ơn vì đã giúp tôi trong bước cùng của cuộc sống, nhưng tôi không bao giờ nhìn nhận là quê hương. Tôi vẫn bước đi trên xứ người xa lạ, trong cái lạnh lùng của một kẻ tha phượng.

Quách Tú

VUI CUỒI

Ai đáng được về hưu nào?

Các bộ phận trong cơ thể cùng hội họp để xét xem ai xứng đáng được về hưu đầu tiên. Não lên tiếng:

- Trong bao năm qua, tôi phải vất vả suy nghĩ, tính toán, làm sao để cẩn nhà của mình không bị nhà bank kéo, làm sao có tiền để qua khỏi tình trạng suy thoái kinh tế hiện nay. Bây giờ thì mệt mỏi quá rồi, tôi phải về hưu thôi.

Tim liền gạt phắt:

- Lão thì làm được trò trống gì? Tôi phải liên tục co bóp để nuôi các ông suốt bao lâu thì sao, bao nhiêu đau buồn tim thắt lại khi mỗi khi nhận bill tiền nhà, tiền điện, tiền credit card.. tôi mà không đáng được về hưu ư ?

Lúc đó có một giọng nói mệt mỏi từ phía dưới cất lên:

- Chỉ có mỗi mình tôi là đáng được về hưu thôi.

Cả não và tim cùng hùng hổ quát:

- Thằng nào vừa nói đấy, đứng lên cho ông xem mặt nào?

- Ông mà đứng dậy được thì đã không xin về hưu.

ĐÓN XUÂN NÀY NHỚ XUÂN XƯA

Mậu thân ở Huế vẫn âm vang

Diệt chủng dã man khó khép trang

Chôn sống dân lành hầm tập thể

Chặt đầu già trẻ khóc kêu than

Giao thừa pháo nã ai ra lệnh

Đón Tết giết người bọn Việt gian

Nghĩ lại rùng mình Xuân sáu tám

Tội đồ phải xử kéo hồn oan.

Nguyễn Diêu

NHỚ VỀ QUÊ MẸ

Một mình tựa cửa đường nhìn ra

ở chung cư bạn hữu xa

Nghĩ đến quê hương biên giới cắt

Trông về xúi mẹ mất trường sa

Mang ơn chốn cũ tình sông núi

Chưa trả người xưa nghĩa nước nhà

Bờ cõi tiền nhân công lập quốc

Nỡ đành dâng hiến lũ Tàu hoa.

Nguyễn Diêu



LÊ PHƯƠNG NGUYÊN,

Một nhà Thơ thiâm lặng,

Một Nhà Ái Quốc Chân Chính

Trần Phương Anh



Từ sau ngày “đổi đời”, người yêu thơ ít có dịp được đọc những gì đáng gọi là thơ theo nghĩa đích thực của nó. Ngày nay ở bất cứ nơi đâu cũng thấy thơ nở ra tràn lan như nấm, và số người làm thơ có thể lên đến hàng trăm ngàn chứ không phải khoản hàng ngàn như Hoài Thanh, Hoài Chân đã phỏng tính trong khoản thập niên 30 của thế kỷ trước. Trong văn học sử nhân loại chưa bao giờ có số thi sĩ và thi phẩm viết bằng một ngôn ngữ nhiều bằng thơ tiếng Việt như bây giờ!. Văn học sử thời Đường bên Trung quốc trải dài suốt 342 năm cũng chỉ có hơn 2.200 thi sĩ với hơn 48.900 (1) bài thơ mà thôi. Nhưng trong số những bài thơ Đường đó còn có được ít ra là một phần tư thơ đáng gọi là thơ hay, còn trong số hàng trăm ngàn bài thơ của ta có bao nhiêu bài đáng được xếp loại là thơ hay? Thất vọng, người yêu thơ quay tìm lại những “người tình cũ”. Văn còn đó: Cao Tiêu, Hà Huyền Chi, Vương đúc Lệ, Kim Tuấn, Nhã Ca, Trần Dạ Tù, v.v....nhưng thơ họ bây giờ còn đâu những nét yêu kiều ngày trước, từng làm cho người yêu thơ chết mê, chết mệt!

Thơ chúng ta ngày nay khủng hoảng thừa về lượng, nhưng khủng hoảng thiếu về phẩm, chắc bối lẽ thi sĩ ngày nay thường sáng tác thơ “bằng tay” chứ không phải “bằng tâm”(2). Giữa những đống thơ hỗn tạp đủ “thượng vàng, hạ cám” đó biết tìm đâu ra thơ hay để đọc? May mắn lắm, người yêu thơ có thể bắt gặp đâu đó một số ít thơ hay, nhưng sau cố công tìm không thấy đâu tông tích của người thơ đó. Có lẽ thơ hay cũng như người đẹp, đều là những vưu vật trong đời, phải tốn công tìm và phải có duyên may mới mong gặp được. Trong vườn hoa có những bông hoa nép mình trong

khóm lá tận góc vườn, e ấp nở như không muốn khoe sắc cùng ai, nhưng đó thường là những bông hoa đẹp nhất. Trong vườn thơ cũng có những bài thơ chưa bao giờ được trình làng trên sách báo, chỉ được chuyền tay đọc giữa bạn bè với nhau, và đó cũng thường là những bài thơ mà người yêu thơ may mắn lăm mới tìm gặp được. Thơ của Lê Phương Nguyên thuộc loại thơ đặc biệt này.

Lê Phương Nguyên (LPN) tên thật là Lê Công Minh (xin xem tiểu sử ở cuối bài) bắt đầu làm thơ từ lúc còn ở tuổi học trò và sớm được nhiều người biết đến và ái mộ. Suốt hơn 50 năm qua LPN âm thầm sáng tác đều đặn. Mười mấy năm trong lao tù, LPN vẫn tiếp tục làm thơ, và trong khoảng thời gian này số thơ sáng tác có đến hơn 500 bài cùng hơn 300 bài thơ dịch từ thơ Đường. Hầu hết toàn bộ sự nghiệp thơ lớn lao ấy chưa hề được in lên báo hay xuất bản. Thơ LPN làm ra thường chuyển cho bạn bè xem nói là “để xem cho vui”. Một số bạn bè của LPN ở nước ngoài đọc thấy thơ hay bèn đưa đăng lên báo. Thơ đăng lên báo rồi, tác giả cũng chẳng được thấy những đứa con tinh thần của mình trên giấy trắng, mực đen. May mắn lắm, có ai về, mang theo trót lọt một vài bài được đăng trên báo, đem đến tặng tận tay LPN mới biết. Đa số bạn bè đều khuyên LPN sưu tập lại thơ của mình và in ra cho mọi người cùng xem. Nhưng LPN ngại ngùng làm việc này, và cứ thế lần lữa, năm này sang năm khác, việc in thơ chẳng bao giờ thực hiện.

Đó là một sự thiệt thòi cho người thơ và cũng là sự thiệt thòi cho người yêu thơ. Bởi người thơ đem tâm tình gửi cả vào thơ để chuyển đến cho người yêu thơ mong tìm một sự cảm thông, chia sẻ; cho nên tâm sự người thơ trở thành tâm sự của kẻ yêu thơ. Kẻ yêu thơ soi thấy lòng mình trong những vần thơ chứa chan nỗi niềm tâm sự ấy. Thơ hay chắt lọc từ tim óc, từ những kinh nghiệm khổ đau đầy nước mắt, đầy tui nhục mà người thơ từng gánh chịu.

Âu Dương Tu viết bài tựa cho tập thơ của Mai Thánh Du có câu: “Càng khốn cùng thì thơ càng hay. Không phải thơ làm cho người ta khốn cùng, mà người ta có khốn cùng rồi thơ mới hay”. Alfred de Musset cũng cho rằng : “Khúc ca

tuyệt vọng (là) khúc ca tuyệt vời". Đúng vậy, ai cũng biết truyện Kiều đã được Nguyễn Du ký thác tâm sự u ẩn của mình. Ly Tao cũng được Khuất Nguyên muộn để giải bày nỗi lòng mình. Tâm sự ấy, nỗi lòng ấy đáng thương, đáng xót biết chừng nào, nên khi được gởi vào văn, vào thơ là thành "hàng hàng châu ngọc, lời lời gấm thêu".

Người bạn thơ LPN của chúng ta cũng giống như thế. LPN cũng mang một nỗi niềm tâm sự nhiều cay đắng. Đó là lòng yêu quê hương, đất nước vô biên của một kẻ bị mất nước, mà kẻ mất nước đó không còn được cả quyền yêu nước nữa. Đó cũng là lòng thương người bao la, cảm thông sâu sắc những cơ cực, lầm than của những mảnh đời sống vất vưởng bên lề xã hội mà chẳng có thể làm được gì hầu đem lại công bằng cho những kiếp người hẩm hiu đó. Những tình cảm cao quý rạng ngời ấy đã nung đúc trong tâm trí nhà thơ và trở thành động lực đưa đến sự dấn thân vào một cuộc cách mạng để mong đem lại tự do, công lý, ấm no, hạnh phúc cho mọi người. Sự hi sinh đó đã phải trả một cái giá quá đắt là bản án tử hình, và nhà cửa, tài sản đều bị tịch biên.

Nhà văn Hoàng Hải Thủy trong một bài báo đăng trên báo Saigon Nhỏ nhắc lại phiên tòa xử LPN tại Saigon đã hết lời ca tụng những lời nói đầy khí phách của LPN trước tòa và gọi LPN là một anh hùng dân tộc. Những lời ca ngợi đó không cường điệu một chút nào. Tư cách, ngôn ngữ, lòng dũng cảm của người tù trước vành móng ngựa cũng đã gây xúc động mạnh cho người phía bên quan tòa, khiến họ biểu lộ lòng khâm phục và đã gọi LPN cùng các đồng chí của LPN là "những kẻ sĩ ngày nay"!

Cho hay "đồng bệnh tương lân" nên "kẻ sĩ ngày nay" LPN luôn bày tỏ niềm cảm thông sâu sắc đối với những "kẻ sĩ ngày xưa" có số phận cay nghiệt như Cao Bá Quát, Nguyễn Trãi.

Với Cao Bá Quát, LPN đã hết lòng bênh vực như là tự bênh vực cho chính mình. Nhân danh bạo lực, quan tòa kết tội nhà thơ là phản động, là quốc tặc, nhưng trong lòng đồng bào và ngay cả trong tâm của những người đồng chí của quan

tòa, nhà thơ là một nhà yêu nước, một anh hùng dân tộc. Vậy thì ai là quốc tặc, ai là anh hùng?

Tài hoa đến tối đời

Hồn kiêu bạc quá cõi Người khó dung

Đất trời cũng đất trời chung

Nào ai Quốc tặc, Anh hùng nào ai?

(Quốc tặc và Anh hùng)

Trong thư riêng gởi cho bằng hữu, LPN viết: " Nguyễn Trãi là một nhân vật lịch sử lõi lạc, một thiên tài về quân sự, chính trị, một tấm lòng yêu nước vô biên, một nỗi oan khuất đến nay vẫn còn mờ mịt đất trời... Viết về Người bao nhiêu cũng không đủ, nghĩ về Người tôi chỉ muốn thốt lên:

Nỗi đau mang vào thiên cổ

Khí hùng gởi lại núi sông"

Rồi trong một bài thơ khác về Nguyễn Trãi, LPN viết :

Nguyễn Trãi xưa nỗi oan đời khóc liệt

Sá chi ta bé nhỏ giữa quê nhà

Vân ao ước đau một vầng trăng khuyết

Xin trải lòng soi rõ mặt Người, Ma

(Đọc sử cảm hoài)

Người, Ma theo LPN là 2 phía đối kháng: CHÍNH và TÀ. Nói theo kiểu thượng nghị sĩ John McCain thì TÀ phái đang là kẻ thắng, đang thống trị đất nước, còn CHÍNH phái là bên thua, chịu nhục mất nước. Thế cho nên biểu tượng bất khuất trước bạo quyền là Kinh Kha đã được LPN nhắc đến nhiều lần:

Dường sang Tân dãu một lần dang dở

(Tiễn biệt)

Rượu tiên Kinh Kha chảng ngậm ngùi

(Rượu tiên)

Kinh Kha với lối gươm trần

Cũng chưa giết được bạo Tân cứu dân

(Vầng dương còn lấm bụi mù)

Và trong một bài thơ chữ Hán, LPN đã nhớ tới sông
Dịch :

Tư Dịch thủy

Tiểu mãn, thùy tri kỷ

Trà khuy, độc đối sơn

Hốt nhiên tư Dịch thủy

Chiết kiếm năng đoạn hồn

(Tác giả dịch ra văn xuôi: Chung rượu đây, ai là người tri kỷ.
Tách trà lung, một mình đối mặt với núi. Bỗng nhiên nhớ đến
dòng sông Dịch. Thanh kiếm gãy (ngày ấy) còn có khả năng của
đau lòng người (hôm nay)

Cũng trong thư riêng gửi bạn bè, LPN giải thích thêm vì sao biểu tượng Kinh Kha cứ được chàng nhắc đến hoài: "Còn những bạo chúa trên cõi đời này, thì hình ảnh bi hùng của Kinh Kha vẫn còn tràn đầy cảm xúc, vẫn còn có những tâm hồn cô đơn chất ngất khi nhìn sông, ngắm núi.... cứ ngỡ như mình chưa trọn vẹn với núi sông". Dòng tâm sự ấy được đúc kết lại trong mảnh vần thơ này:

Đêm nay ta nhớ sao là nhớ

Chàng Kinh Kha thanh kiếm bạc sang Tân

Người muôn năm, một tấc lòng muôn thuở

Nửa nụ cười, xuân muôn, bước phân vân...

Đêm nay nữa, gió tràn sông Dịch thủy

Người xưa đâu? Bao chúa vẫn còn đây!

Non sông đó, những gông cùm hê lụy

Đất trời kia, vàng nhuộm lá thu bay...

Tâm lòng yêu nước chưa chan ấy thật đáng thương, đáng quý biết chừng nào! Có ai trong chúng ta, có một phút giây nào đó, khi nhìn sông, ngắm núi mà lòng tự ngậm ngùi vì cảm thấy mình vẫn chưa trọn vẹn chút tình với núi sông?

Người bạn thơ của chúng ta, giống như Đặng Dung xưa, chí lớn không thành, đầu bạc trải bao năm tháng mài gươm dưới trăng, nhưng lòng vẫn luôn hoài vọng, luôn đợi chờ. Chờ ai vậy? Chờ một đấng minh quân:

Ta đã chờ Người đã quá lâu

Bao nhiêu nước biếc chảy qua cầu

Bao đêm trăng sáng mòn thân đá

Mỗi một hoàng hôn, một biển sâu.

(Đợi chờ)

Chờ một bình minh cho non sông đất nước:

Ngày cứ thế lom khom chờ nắng tắt

Đêm cưa mình thao thức đợi bình minh

(Sóng đợi)

Nhưng lòng vẫn kiên định:

Còn Sông, còn Núi, còn Người

Yêu Sông, yêu Núi, còn trôi Việt Nam

Sá gì bão táp, mưa chan

Núi nguyên dáng Núi, Sông tràn nét Sông

(Việt Nam, Sông, Núi và Người)

vẫn luôn tin tưởng:

Cơn mưa đêm này lớn quá

Không trôi hết những vì sao

Đường về dấu trăng nỗi khó

Sáng soi rõ lối ta vào

(Cơn mưa đêm)

vẫn luôn duy trì, giữ vững niềm tin:

Mùa mưa đến giữ dùm nhau chút lửa

Để cho lòng bếp ấm chin nhiêu cơm

Để được nhìn mái tranh chiêu khói tỏa

Thời gian trôi, không lạnh nữa trong hồn

(Giữ lửa)

Niềm tin trong thơ LPN không phải là một niềm tin mơ hồ, niềm tin đó xuất phát từ một lý tưởng cao cả. LPN từng nhắc nhiều lần đến “NÚI”, một biểu tượng cho lý tưởng. Chữ “NÚI” trong thơ LPN phải được hiểu như một điển tích. Trong “Sử ký Tư Mã Thiên” tác giả đã nhắc đến một câu nói nêu rõ chí hướng của Khổng Tử: “NÚI cao ta trông, đường rộng ta đi, đích tuy chưa đến, lòng vẫn hướng về”. Hình ảnh ngọn núi (lý tưởng) mà suốt đời Ngài đã hướng về đó, đã gợi ý cho LPN viết thành bài thơ mở đầu

cho tập thơ gồm 200 bài chưa xuất bản, như sau:

Bình minh ngắm núi

Đêm chờ sáng;

Lòng gợi troi xanh

Mộng gợi thơ...

Niềm tin ấy kết hợp với tình yêu quê hương, đất nước sắt son đã thể hiện qua cách tự chọn làm “giọt phù sa muối lắng mình nơi bờ biển, cửa sông để góp phần làm bã lúa, nương dâu trong tương lai cho quê hương chứ không muốn vượt trùng dương”:

Từ Núi theo Sông ta về cuối bã

Rời lắng mình-không góp mặt trùng dương

Ta biết rõ nơi đâu ta dừng lại

Xin cảm ơn-cho dãu có thiên đường

(Nỗi lòng phù sa)

LPN có thừa điều kiện ra đi để đến một phương trời tuy không phải là thiên đường, nhưng có đủ không khí tự do như chàng từng mơ ước. LPN cũng không phải lo vất vả trên con đường hội nhập với cuộc sống mới, nhưng chàng đã quyết định ở lại với quê hương.

Không phải là một quyết định suông.Niềm tin vào lý tưởng cao cả và con đường đã chọn còn được thể hiện một cách kiên định, vững vàng qua những lời thơ như là tuyên ngôn của người đã quyết định ở lại với quê hương:

Ta ở lại đây, thân xác mây dập vì

Vân ấm trong ta niềm tin lịch sử

Lũ chúng nó điên cuồng như quỷ dữ

Thì bạo Tân kia,
Rồi thành quách cũng tan hoang
Ngôi lai đây nhịp khúc kết đoàn
Cho tiếng hát vang lừng bốn bề
Cờ Tự do tung bay trời ngạo nghê
Dục những cánh băng nương gió vút lên cao

Theo suy nghĩ của nhà thơ cho dù ở đâu đó có một thiên đường thật sự, thì:

Tâm thân mất nước về đâu cũng buồn
(Gởi băng hữu)

Rồi “chỉ còn lại nỗi buồn đau của một người vẫn sống trên quê hương mà không có một quê nhà!”:

Trời phương ấy dưới chòm sao lấp lánh
Khuất trong lòng một cõi gọi là quê
(Cõi quê)

Tại sao vậy? Quê hương thứ hai của nhà thơ là Saigon, với một ngôi biệt thự xinh xắn bên cầu Băng Ky đã trở thành tư thất vĩnh viễn của vị quan tòa ngồi xử án chàng. Còn quê hương đích thực của thi nhân là làng Khuông Bình, nơi đó vườn nhà chàng đã trở thành nghĩa trang chung cho cả làng! Vì thế chàng phải chọn một nơi sơn cùng, thủy tận, bán sơn, bán địa để làm chốn dung thân sau ngày mãn hạn tù. Trong hoàn cảnh khốn cùng nào đó, tác giả 2 câu thơ cổ:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lô
Liễu ám, hoa minh hựu nhất thôn
dẫu ngờ là “vô lô” vẫn còn có chỗ quay vê ẩn cư nơi làng

quê cũ, còn LPN không có được cái hạnh phúc đơn giản đó. Chàng tự coi như quê hương đã thật mất rồi, và là một cái tang lớn cho đời chàng:

*Mười lăm năm chẳng về làng
Mãi như còn giải khăn tang trên đầu
(Thương nhớ làng quê)
Lòng thi nhân luôn mơ về cố hương:
Đường trở lại cố hương là giấc mộng
Mộng nghìn đêm chưa chắc đã thường phùng
Thôi dành ngắm dăm tấc trời cao rộng
Mây lạc loài! Xin chở nỗi đau chung
(Mơ cố hương)*

Ai trong chúng ta cũng đều có một quê nhà để luôn tưởng nhớ khi sống cách xa và một quê hương để yêu thương trọn đời. Chính vì tình yêu tha thiết ấy, chúng ta có thể hình dung ra và cảm thông được nỗi đau khổ vô biên của kẻ sống vong thân trên chính tại quê hương mình như LPN. Và cũng chính vì thế lòng yêu quê hương của LPN rất chân thành, mộc mạc mà sâu đậm vô cùng.

Nhớ quê người ta thường nhắc đến những hình ảnh có tính cách ước lệ như : khóm cúc, luỹ tre, tiếng sáo diều, ngàn dâu, đình làng, bến nước...thì LPN lại nhớ đến “hoa bắp”. Hoa bắp thì có gì đặc biệt đáng để nhớ đâu. Nhưng với LPN, hình ảnh hoa bắp lay trong gió vườn, gợi nhớ đến hình ảnh mẹ và chị những ngày xưa giữa quê nghèo, tria bắp trên các lối đi phân ranh giữa các rò hành, rò tỏi; và khi xuân về, bắp trỗ cờ lay lay trong gió, dưới trời mưa phùn bay lất phất như tơ sương. Hãy đọc bài thơ của LPN đi. Có phải bạn cũng như tôi bỗng tự nhiên khám phá ra rằng trong đời ta, có những vật tuy tầm thường, mộc mạc, nhưng khi những vật đó gắn liền với những kỷ niệm thân thương, cũng sẽ trở

thành những hình ảnh đẹp nhất đi theo ta suốt cả cuộc đời. Đây là một khám phá độc đáo:

Chiều vắng, trời xa, chim én bay

Trên đồi cánh mỏng nhớ nhung đây

Gởi hồn ta đó về quê cũ

Để thấy vườn xuân hoa bấp lay.

(Chiều tha hương)

Cảnh ngoài đồi thường tự nó rất đơn sơ, mộc mạc, nhiều khi chẳng ai để ý đến, nhưng khi chính những cảnh đó đã “lọt vào mắt xanh” của thi nhân, thì cảnh bình thường đã trở nên nổi tiếng. Ngày nay có nhiều người cất công lặn lội đến tận nơi để xem “Hoàng hạc lâu”, “Hán Dương sông tạnh”, “bãi xa Anh Vũ”, “chùa Hàn san...” có đẹp như họ từng yêu thơ Thôi Hộ, Trương Kế mà tưởng tượng ra không. Khi đã tận mắt thấy cảnh, ai cũng ngộ ra rằng cảnh tầm thường đã nhờ thi nhân mà trở thành bất tử.

Một hình ảnh độc đáo khác khi LPN nhớ về quê hương là một “món khổ quê nghèo” (3) của Bình Định: đó là món mắm cua đồng. Võ Phiến đã từng viết cả một bài tùy bút giới thiệu về mắm cua đồng, nhưng ông không bày tỏ rõ ràng tình yêu thương tha thiết đối với món ăn quê mùa đó. Ai từng sống ở thôn quê Bình Định đều đã từng thưởng thức món ăn mộc mạc này, nhưng có điều cái mùi của nước cốt cua sống để lên men chua, sau khi ăn xong nó lưu lại trong miệng chúng ta không thơm như tác giả vì quá yêu nên đã viết: *Dẫu xa hơn nửa cuộc đời còn thơm*

(Mắm cua đồng)

Chấp nhận ở lại quê hương đối với LPN cũng là chấp nhận sự chia sẻ khổ đau với những mảnh đời lầm than đang cùng chung sống với chàng trên mảnh đất quê hương. Trong hầu hết các thi phẩm của những thi sĩ nổi tiếng Việt Nam không có ai có nhiều thơ dành cho những kiếp đời lầm than như LPN. Có lẽ chính vì từng trải qua không biết bao nhiêu

trầm luân trong đời, nên LPN mới cảm thông sâu sắc nỗi khổ của mọi người sống quanh chàng.

Chắc ai từng yêu thơ cũng thừa biết bài thơ nổi tiếng mang tính chất xã hội trong Đường thi là bài “Thạch hào lại” của Đỗ Phủ . Đỗ Phủ một lần kia trợ trong một nhà ở xóm Thạch hào. Khuya lính vào nhà bắt người, ông lão chủ nhà vượt tường trốn đi. Bà lão ra năn nỉ với lính là nhà đã có ba con trai tòng quân và hai đῖ tử trận, trong nhà chỉ còn đàn bà, con nít. Kết thúc bài thơ, Đỗ Phủ viết:

Thiên minh đăng tiền đỗ

Độc dữ lão ông biệt

(Trời sáng bước lên đường

Chỉ có lão ông biệt)

Cảnh từ biệt đó âm thầm mà sâu thẳm, vì ta bùi ngùi biết được rằng bà lão đã bị lính bắt đi, bỏ lại ông lão với đàn cháu nhỏ.

Và đây là những bức tranh xã hội của LPN. Hãy đọc và so sánh xem bức tranh nào làm ta cảm động hơn:

Mồng một té tết anh nằm nghe lệ nhớ

Chị ngồi bên giếng nước rửa khoai mì

Đàn trẻ nút lưng trần vui với gió

Đóm lửa chiều ai đốt tiễn Xuân đi

(Xuân đến ở một làng quê)

Một ngày Tết không có mâm cơm tươm tất cúng đóm ông bà, chỉ có khoai mì thay cơm, trong khi đàn trẻ không có áo mới mặc khoe xóm làng, chỉ biết phơi lưng trần với gió. Và Xuân mới đến có một ngày, người ta đã vội tiễn Xuân đi bằng một đóm lửa chiều! Có mùa xuân nào, có cảnh đón xuân nào thê lương, sâu thẳm hơn thế không?

Và đây, hình ảnh những con người sống nhờ vào
những đống rác:

....Nón tồi, bao tải, đinh ba

Moi trong cặn bã tìm ra phận mình

(Moi tìm)

Và đây nữa, hình ảnh những người trí thức bị gạt
hở ra bên lề xã hội, những nhà giáo chỉ quen cầm phấn
đã phải cam phận sống bằng nghề đạp xích lô sau ngày
“đổi đời”:

Anh gò lưng đạp xích lô

Một bàn tay vầy....

Xin cô mười đồng

Khách chết trân, như trời trồng

Thưa thầy, bỏ chạy...

Anh không kịp nhìn...

(Cuộc hội ngộ đau lòng)

Và đây thân phận những người vô gia cư sống
chung dưới gầm cầu, sau khi bỏ vùng kinh tế mới trở về
thành:

Lang thang đổi rách, áo manh, nón cời

Mới hay mình vẫn là người

Nên từ đây sổ bụi đời có tên

.....

Đời đã lấy sạch trọn niềm mơ ước

Sao vẫn còn để lại trái tim đau?

(Xóm gầm cầu)

Và đây thân phận những người con gái bất hạnh:

Em hương phấn đứng bên đường gió bụi

Mùa xuân xanh xao xác lá thu vàng

Lòng son đỏ, trắng tay đời dùn rủi

Mái tóc huyền từng sợi buộc dây oan

(Gởi em bên đường gió bụi)

Những mảnh đời lầm than đó luôn cố gắng đến kiệt sức mình để thoát khỏi cảnh nghèo, thế nhưng không sao thoát khỏi cảnh khốn cùng. Lỗi không phải tại họ mà tại “con đường dốc đầy sỏi đá ngu si” đã làm cho họ tuột dốc, tụt hậu, mất thế đứng để làm người tử tế. Rồi cũng chẳng biết cuộc đời họ sẽ trở nên ra sao:

Áo bao mảnh vá trên người

Anh còng lưng đầy cuộc đời nghèo đi

Đường toàn sỏi đá ngu si

Chân rướm máu, nét xuân thì tàn phai

(Thoát nghèo)

Tình thương của thi nhân còn trải rộng ra trên khắp cõi người. Chúng ta còn gặp những bài thơ trữ tình không nhăm gởi đến cho một đối tượng nào, nhưng đọc xong khiến lòng ta ngậm ngùi, thương xót vô cùng:

Hoa sứ, trời ơi, hoa sứ nở!

Vườn hoang, mây trắng gọi chim về

Cửa nát, thềm rêu, tường ngói vỡ

Người đâu? Hương sứ quyền bơ vơ

(Hoa sứ)

Phải chăng đây là nỗi lòng chàng Kim khi trở lại
vườn Thúy đã vắng bóng Kiều? Không, đây chỉ là nỗi lòng
của một thi nhân tài hoa khi đi ngang qua Long Thành thấy
một ngôi biệt thự hoang tàn, nhưng vẫn có cái vẻ đẹp trong
sự hoang tàn đó, nhất là hoa sú nở rực rỡ trong nắng, có đàn
chim sẻ rủ nhau về ríu rít dưới bầu trời xanh đầy mây trắng.
Thi nhân nghĩ thương cho số phận chủ nhân ngôi biệt thự
kia, không biết đã bỗng ra đi, hay trôi dạt về một phương
trời nào để cho hương hoa sú nở quyết bơ vơ, tưởng nhớ
người chủ cũ... Hãy so sánh bài này với bài “Đè tích sở kiến
xứ” của Thôi Hộ xem bài nào gây cho ta ấn tượng sâu đậm
hơn.

Thi nhân có lòng thương người bao la cũng là người
nặng tình thương với gia đình. Đây những vần thơ nhớ mẹ:

Quê nhà lâu đã thật lâu

Sân ga còn đó con tàu vẫn qua

Mẹ già xa đã thật xa

Ngang trời mây trắng mắt nhòe dõi theo

(Biền biệt)

Ngắm bé nằm trong nôi, nhớ đến mẹ:

Đoá hoa xinh của cuộc đời

Cho tôi nhớ lại một thời mẹ xưa

(Ngắm bé trong nôi)

Tình thương đối với người thân đã khuất:

Quê cũ Cha nằm nghỉ với Ông

Hoang vu trời đất chiềng mênh mông

Vội vàng con ghé về thăm mộ

Đốt nén hương lên nồng trùm lòng

(Về quê thăm mộ)

Mùa xuân mong chờ người bạn đời ở xa chưa về kịp:

Xa em ngày tháng đầy thương nhớ

Hóng mắt trông theo ngọn gió vàng

Mai nở tượng biếc trời đất sơ

Giật mình anh biết đã xuân sang.

(Mùa xuân đợi)

Đây những vần thơ gợi đến hai con đang sống ở quê người:

Hai con nương nau bên trời

Chiều quê, năm hết cha ngồi đăm đăm

Không buồn vì chuyện cách ngăn

Sợ đau vì nỗi xa xăm tắc lòng

(Gởi hai con ở xa)

Thương người chị có số phận hẩm hiu, con chết, 21 năm tảo tần phụng sự nhà chồng, chờ chồng như vọng phu, để khi người chồng trở về với một người khác và một đàn con. Nàng vọng phu hoá đá vẫn còn có niềm tin và hi vọng, nhưng người chị của thi nhân chết đi mang theo nỗi niềm tuyệt vọng khôn nguôi:

Chị đã ra đi chẳng trở về

Sao em cứ ngỡ tận ngoài kia

Chị hong mắt đợi thuyền vào bến

CÙNG VỌNG PHU XƯA, DÁNG NÚI MỜ.

(Tưởng niệm hương hồn chị LTB)

Thật là thiếu sót nếu ta bỏ quên những bài thơ tình của LPN. Đây một bài tả nỗi nhớ người đã xa cách ngàn trùng với nỗi nhớ làm trĩu nặng lòng như cánh cò cô đơn chở tất cả ánh nắng của một buổi chiều còn vương lại:

Nghi ngút sương nhèo phai ráng đở

Khói nhà ai đốt trăng không gian

Tóc em từng sợi xanh màu nhớ

Trĩu cánh cò bay chở nắng vàng

(Chiều trên đường về)

Và đây nữa:

Thuở ấy trời xanh màu áo biếc

Mắt huyền xinh quá mắt huyền ơi

Anh dang tay đón mà không hết

Để lọt mùa xuân khắp đất trời

(Mùa xuân trong đôi mắt em)

Và đây là nỗi lòng liên tưởng đến người ở phương trời:

Đâu đây hương mái tóc người

Biết Em hong gió bên trời xa xôi

Đâu đây ngọt một làn môi

Biết em đang gối nụ cười trong mơ

(Liên tưởng)

Và:

*Lòng anh như sợi tơ chìm
Nửa xanh mây biếc, nửa huyền tóc em
(Trên đường qua núi)*

Còn trong tình bạn LPN là một người luôn luôn hết lòng vì bạn . Hình như đối với LPN bạn là trên hết. Ngôi biệt thự trên đường Nguyễn văn Học, Saigon xưa, sau ngày mất nước trở thành nơi bao dung tạm cho nhiều bạn hữu sa cơ, lõi vận. Và đây cũng chính là nơi anh chị em văn nghệ sĩ một thời nổi danh đã gặp lại được nhau sau ngày lạc mất nhau, nhờ lòng hào hiệp của thi nhân, tạo cơ hội cho những cuộc hội ngộ này. Các văn nghệ sĩ như :Nguyễn Mộng Giác, Doãn quốc Sỹ, Bùi Khánh Đản, Lam Giang, Nguyễn thị Vinh, Vũ Hối, Nguyễn Hữu Nhựt, Hoàng Hương Trang, Dương Nghiêm Mậu, Phạm thiên Thư, Bửu Lộc, Hồ Diệp, Huyền Trân, v.v....đã từng gặp nhau tại địa chỉ này. Và cũng chính tại nơi này đã trở thành trụ sở của tổ chức chống cộng của LPN, và sau ngày bị xử án tử hình ngôi nhà này đã trở thành nhà riêng vĩnh viễn của vị quan tòa ngồi xử án chàng như đã nói ở trên!

Vì tình yêu bằng hữu quá tha thiết, quá sâu đậm như vậy, nên thơ viết về tình bạn cũng nồng thắm có kém gì thơ Nguyễn Khuyến dành cho Dương Khuê:

*Đêm nay có rượu không người uống
Lạnh cả vầng trăng, lạnh chiếu năm
Khói thuốc lên xanh đèn thắp muộn
Mới mà như chuyện đã trăm năm!*

(Nhớ bạn)

Và đây là những lời gởi cho bằng hữu:

Ra đi mong cũng xa người

Ngập ngừng chén rượu bên trời nhớ nhau

Sự đói càng nghĩ càng đau

Tâm thân mất nước về đâu cũng buồn

(Gởi bằng hữu)

Có lẽ lòng thi nhân là cả một cõi cô đơn sâu thẳm mà thi nhân muốn tìm trong tình bạn chút nương tựa để lấp đầy khoán trống đó. Ta lại thấy thêm một tình bạn khác mở ra trong thơ LPN, tình bạn đối với thiên nhiên. Thi sĩ thật sự coi thiên nhiên như là những người bạn. Đây những lời thi nhân cảm ơn thiên nhiên:

Ngày tháng trôi trên tóc trăng bay

Cám ơn hương của cánh hoa gầy

Cám ơn mây trăng, trời xanh nữa

Và cả không gian tĩnh lặng này

(Một cõi riêng)

Cám ơn ngọn rau dền đã cải thiện bữa cơm tù mà thi nhân gọi thân thương như gọi một người tình và đem so với tấm lòng Hoài âm hầu từng mang ơn Phiếu mẫu:

Len mình trong cỏ rổi bời

Ung dung uống ánh mặt trời , Em xanh

Nuôi đói trong đó có Anh

Thay cơm Phiếu mẫu, chén canh mát lòng

(Rau dền)

Yêu hoa mà nhân cách hoá hoa như một con người từ trước đến giờ có Lưu Vũ Tích khi ông ngắm hoa mẫu đơn và tự đùa mình rằng:

Đản sầu hoa hữu ngữ:

“Bất vị lão nhân khai”

(Chỉ buồn vì nghĩ rằng nếu như hoa biết nói, nó sẽ nói là “không nở cho ông già ngắm”)

LPN còn đi xa hơn, vì cho rằng mình hiểu được nỗi lòng của hoa, thay hoa nói hộ nỗi lòng đầy nhân hậu đốí với trần gian:

Mùa đã tàn xuân hoa muôn nở

Một cành sương tuyết đỗ trời xanh

Đã góp chút hương chìm trong gió

Ôn đời chưa trắng nợ phu sinh

(Lời hoa)

Thi nhân sau khi mân hạn tù, trở về sống cô đơn tại điền trang Lộc xuân, nơi bán sơn, bán địa chẳng có gì vui, không có ai bầu bạn thì đùa với gió:

Nơi đây chẳng lấy gì vui

Năm chờ con gió tái lui hẹn hò

Lim dim đôi mắt giả đò

ngủ quên, làm gió tèn tò lại đi

(Vui với gió)

Và đây là những lời yêu thương thi nhân nói với bướm:

Hiu hắt mây giăng gió chuyển mùa

Em từ vạn dặm biệt trời quê

Vàng mơ cánh bướm ngoài song ẩy

Anh ngỡ như Em chở nắng về

(Bướm vàng)

Lòng yêu thiên nhiên của LPN còn độc đáo hơn nữa khi chàng nghĩ đến trong kiếp sau, có thể chàng sẽ trở về trần thế, nhưng không thể gặp được hay nhận diện được người thân, nhưng mảnh trăng gầy trên sông kia chàng sẽ nhận ra như những cốt nhânh của tiền kiếp:

Kiếp sau về lại chốn này

Cốt nhânh còn mảnh trăng gầy trên sông

(Trên dòng ký úc)

Một khía cạnh khác trong thơ LPN chúng ta không thể bỏ qua được, đó là những lời thơ đầy triết lý nhân bản. Đây quan niệm của thi nhân đối với việc nhân bản con người (human cloning):

Trải qua vô lượng luân hồi

Mỗi mong thành được kiếp Người hôm nay

Nỡ nào tẩy máy bàn tay

Tù trong chai lọ răng đây : “Con Người”

(Nghĩ về nhân bản con người)

Còn đây là quan niệm về sống và chết:

Rất vui khi được làm người

Dẫu qua nước mắt nhìn đời vẫn vui

Chớ buồn chi lúc chia phôi

Chỉ là nhường chỗ cho người đến sau

(Nghĩ về sống và chết)

Và đây là quan niệm của thi nhân về “tòan cầu hóa”: “Tòan cầu hóa là một cuộc cạnh tranh khốc liệt, nhất là đối với các nước nghèo. Chạy đua với thời gian, chạy đua với sản

phẩm.. đến lúc con người không còn chút thanh bình riêng rẽ, chút lâng mạn cần thiết cho cuộc sống.. giống như hình ảnh vầng trăng trong giếng cạn”:

Thời gian trôi lòng khô như giếng cạn
Vầng trăng qua không giữ được riêng mình
Xa biết mấy giấc mơ đời phiêu lảng
Khắp tinh cầu mới mệt kiếp nhân sinh
(Nghĩ về toàn cầu hoá)

Có khi chỉ là lời khuyên con trong gia đình mà chúng ta thấy lời khuyên đó có thể dùng làm kim chỉ nam trong cuộc đời cho mọi tầng lớp người trong xã hội:

Thơm và ngọt vẫn chỉ là hảo vị
Chén rượu đời rất đáng thế mà hay
Uống lấy sức rồi gượng mình đứng dậy
Để cho ta lớn giữa thế gian này
(Chén rượu đời – Gởi các con)

Và đây là lời thơ giảng nghĩa rất dễ hiểu về chữ “duyên” trong phật giáo:

Hạt giống nào rất nhỏ
Theo gió về nơi đây
Giọt sương tràn lá cỏ
Rơi xuống đúng chỗ này
Một mầm non hé nở
Dưới mặt trời xanh cây
(Cơ duyên)

Ta có thể hiểu được vì sao thơ LPN thấm nhuần đạo

lý phật giáo. Đó là vì ngoài ảnh hưởng tín ngưỡng trong gia đình, LPN còn có duyên làm bạn cùng nhiều vị sư nổi tiếng. Thời còn trẻ, nhờ nổi tiếng hay thơ , LPN đã từng kết bạn thơ vong niêm với hòa thượng trụ trì chùa Long Khánh, Qui Nhơn. Sau này vào tù có lúc sống chung trại, chung phòng với các thầy Trí Siêu, Tuệ Sỹ. (Trong một bài viết đăng trên báo Saigon Nhỏ, Công tử Hà Đông có nhắc đến kỷ niệm những ngày sống chung với LPN và 2 nhà sư trí thức kia trong khu trại tù Xuân Lộc)

Có lẽ cũng vì sự quan hệ nặng về tinh thần này, thơ LPN có nhiều bài nhắc đến “duyên”, “nghiệp”, “luân hồi” như đã thấy rải rác qua các bài trích ở trên. Có một số bài đọc lên nghe như một bài thơ thiền. :

Mờ trên trang sách một giây

Hình như có cánh chim bay ngang trời

(Buổi trưa nǎm đọc sách bên cửa sổ)

Những bài thơ như thế này phần nhiều là thơ chỉ có 2 câu, nhưng ý lẩn lời vô cùng súc tích. Chẳng hạn như đây là quan niệm của LPN đối với những khuôn sáo trong sáng tác:

Bước đi trên những lối mòn

Mà lòng nghe nặng nỗi buồn đôi chân

(Lối mòn)

Bài thơ cực ngắn này còn có thể hàm ẩn một ý khác. Ngày nay chúng ta bước đi trên những lối mòn do người đi trước để lại, lòng ta cảm thấy nặng trĩu nỗi thương xót và biết ơn tiền nhân, những người từng mang gươm đi mở nước để con cháu chúng ta có được một giải giang sơn gấm vóc như ngày nay.

Tính cách súc tích trong thơ như thế thường thấy rất rõ nét nhất là trong thơ Đường. Thơ LPN rất gần với thơ Đường, từ cách chọn chữ, diễn ý, sử dụng bút pháp, v.v... vì thế tuy phần nhiều thơ trong tập bản thảo này chỉ là

những bài thơ ngắn nhưng ý rất phong phú, thơ rất gợi cảm. Xin phân tích một vài bài gây nhiều ấn tượng nhất.

Trong tác phẩm “Hương sắc trong vườn văn” nhà biên khảo Nguyễn Hiến Lê hết lời ca ngợi một câu trong bài “Chant d’automne” của Beaumelaire: “C’e’tait hier l’e’té’, voici l’automne” và nói rằng mỗi lần ông ngâm tới câu thơ này là cảm thấy xao xuyến trong lòng, không hiểu vì đâu, phải chăng tại những âm “é” và “i” cứ lấy đi lấy lại ?

Không biết nếu nhụt hõm nay tiên sinh còn sống, người sẽ nghĩ sao khi đọc câu thơ này của LPN :

“ mùa Xuân Xanh Xao Xác lá thu vàng”

với những chữ bắt đầu bằng phụ âm X, nghe dồn dập như có một lực vô hình nào đó thúc đẩy, xô đẩy người bất hạnh vào chốn đường cùng. Cũng trong bài này chỉ có 4 câu mà đã có đến 5 màu sắc :

Em hương phấn đứng bên đường gió bụi
Mùa xuân XANH xao xác lá thu VÀNG
Lòng son ĐỎ, TRẮNG tay đời run rũi
Mái tóc HUYỀN tùng sợi buộc dây oan

Có thể trong khi cảm hứng đến dồn dập, tác giả vô tình đưa vào bức tranh đủ 5 màu như thế này, nhưng khi bài thơ đã thành hình cả tác giả lẫn người đọc mới thấy cái hay hàm chứa trong 5 màu ấy và chúng ta cũng có thể lý giải điều đó theo trình tự của các câu thơ :

Trong câu 2 màu xanh hi vọng đã nhuường chỗ cho màu vàng nâu buồn bã của lá khô; sang câu 3 màu đỏ của sinh khí trở thành màu trắng vô hồn, và cuối cùng còn lại trong câu 4 là một màu đen tuyệt vọng. Phải chăng trình tự màu sắc đó đã diễn tả khớp với trình tự những quãng đời của người con gái bất hạnh? Nàng sinh ra, trưởng thành mơn mởn đào tơ, tràn đầy niềm tin và hi vọng (xanh). Nhưng vì nghịch cảnh gia đình và xã hội đã xô đẩy cuộc đời nàng đến

chỗ mất dần hết hi vọng(vàng). Rồi chút hi vọng còn sót lại (đỏ) cũng biến mất (trắng), để cuối cùng đời nàng hoàn toàn rơi vào chỗ tuyệt vọng(đen huyền).

Và đây là một nét độc đáo khác. Ai đã từng đọc “Thi nhân Việt Nam” của Hoài Thanh, Hoài Chân chắc không thể quên đoạn tác giả so sánh con cò của Vương Bột và con cò của Xuân Diệu. Trong thơ LPN cũng có đến mấy bài nhắc đến hình ảnh con cò, nhưng có một bài rất đặc biệt ghi lại hình ảnh một con cò:

“Lẻ loi trôi giữa trời cao rộng

Có đợi ai không trê cánh chờ?”

Con cò của Vương Bột cùng bay với ráng chiều (Lạc hà dữ cõ vụ tề phi). Cảnh ở đây là cảnh ghi lại ở thể tinh vật như trong một bức hình chụp, hay trong một bức tranh.

Hơn một ngàn năm sau, con cò của Xuân Diệu là “con cò trên ruộng cánh phân vân”. Ta thấy con cò này tiến thêm được một bước, như hình ảnh con cò trong phim, chớp cánh phân vân không biết nêu đậu ở chỗ nào. Phim chỉ ghi nhận hình ảnh con cò chớp cánh phân vân, có thể thôi.

Hơn 70 năm sau, con cò của LPN lẻ loi trôi giữa trời cao rộng, bay chậm chậm như chờ đợi bạn còn bay ở phía sau, hay đã vướng bẩy ở đâu đó. Con cò này có suy nghĩ, có tình cảm, như một con cò đã được nuôi dạy để đóng phim.

Còn nếu như chúng ta thử đếm 3 câu thơ đề cập đến 3 con cò nói trên dịch ra Pháp ngữ hay Anh ngữ, chúng ta cũng sẽ thấy:

-Câu thơ của Vương Bột chỉ là câu tả cảnh, dễ dịch nhất.

-Câu thơ của Xuân Diệu hơi khó hơn một chút vì ta phải làm sao dịch cho lột được hết ý 2 chữ “phân vân”

-Đến câu thơ của LPN thì thật là súc tích, chỉ có 7 chữ mà cô đọng đến bao nhiêu là ý. Ai dám bảo đảm là có thể dịch thật sát câu thơ này cho giới thưởng ngoạn không phải là

người Việt nam có thể hiểu được trọn vẹn ý trong câu (4) . Chỉ từng ấy thôi cũng đủ cho chúng ta thấy thơ LPN đã đạt được tới mức độ nào.

Trong một bài đọc thơ như thế này không thể phân tích hết mọi khía cạnh chứa đựng trong toàn tập thơ. Mà trong tập thơ gồm 200 bài thơ ngắn còn trong bản thảo này của LPN hầu như bài nào cũng có một vài cái hay đáng trích, đáng nêu ra. Nhưng làm sao hơn? Tâm hồn nhà thơ vô cùng phong phú, nếu muốn viết đầy đủ phải cần triển khai thành nhiều luận đề khác nhau. Vì thế chúng ta đành bỏ qua những khía cạnh hấp dẫn khác như: thơ tình thời áo trắng, thơ về đạo lý làm người, thơ phản ảnh thói hư, tật xấu của xã hội, thơ tửu tụng, thơ về hoài niệm tuổi thơ, thơ cảm thụ về cái đẹp, thơ diễu, v.v... Người viết dành tự nhủ là hãy để dành một khoản trống để kích thích lòng tò mò của người đọc. Mong ước của người viết là sớm được thấy tập thơ này của LPN được in ra để cho tất cả những người yêu thơ có thể đọc và thưởng thức. Ngày nào tập thơ chưa được in ra, ngày ấy còn đem lại sự thiệt thòi cho người thơ lẫn người yêu thơ như đã trình bày ở trên.

Xin thưa những lời cuối với người bạn đọc đã chịu khó theo chúng tôi đọc đến những dòng này. Đây chỉ là những cảm nghĩ có tính cách riêng tư của người viết đối với thơ của một người bạn thân. Trong chiều hướng đó, có thể dễ lạc vào chỗ thiên vị. Nếu có như vậy xin lượng tình tha thứ vì đó cũng là chuyện thường tình của con người.

Bắc Cali những ngày nhớ Tết ở quê nhà

Trần Phương Anh

CHÚ THÍCH:

(1) Nhà Đường bắt đầu từ năm Vũ Đức thứ 1 (618) đến năm Thiên Hựu thứ 4 (907), nhưng trong việc phân định văn học sử, người ta tính thêm thời Ngũ Đại tàn Đường (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu) từ 907 đến 960, tổng cộng là 342 năm. Trong khoảng thời gian đó, theo bộ Toàn Đường Thi, hoàn thành năm 1706 dưới triều Khang Hy thì số thi sĩ thời

Đường hơn 2.200 và hơn 48.900 thi phẩm

(2) Ngu Sơ Trưởng đói nhà Thanh nói :"Thơ sinh ra ở tâm, viết thành chương là ở tay, lấy tâm vận dụng tay thì được, lấy tay mà thay tâm hẳn không được". Ý nói thơ phải xuất phát từ tấm lòng không phải do vay mượn, chép nhặt từ tuồng của người khác.

(3) Nhóm tù của nhà biên khảo nổi tiếng Hồng Huy, người gốc Phú yên, dùng để chỉ những món ăn quê mùa mà ai cũng cho là ngon khi còn sống nghèo khổ ở quê nhà, và khi đi xa, lúc nào cũng nhớ về những món ăn độc đáo đó.

(4) Thơ LPN từng được dịch ra Anh ngữ và chữ Hán như bài "Tĩnh và Động" do nhóm yêu thơ Việt-Mỹ-Hoa gồm có Kimberly R. Pattersons, Trần Cẩm Tú & Vương Quyền Quý thực hiện. Xem bài này trên DS Cường Đẽ & Nữ Trung Học Quinhon năm 2004

TIỂU SỬ LÊ PHƯƠNG NGUYÊN

(Do một người bạn tù hiện cư ngụ tại Mỹ cung cấp)

Lê Phương Nguyên tên thật là Lê Công Minh

Sinh năm Quý Mùi (1943) khai sinh năm 1942 tại Phước Thắng, Bình Định

Tốt nghiệp Kỹ sư, trường Cao đẳng Công Chánh Phú Thọ, Saigon

Trước 1975 : công chức. Sau 1975 bị tập trung cải tạo tại Qui Nhơn.

Sau cải tạo : làm rẫy, làm thơ. Vào Saigon nhận thầu công tác Khảo sát, Thiết kế Thủy lợi

Năm 1978 cùng một số nhân sĩ, trí thức thành lập tổ chức tranh đấu đòi chính quyền cộng sản thực hiện đa nguyên, đa đảng, bầu cử, ứng cử tự do.

Năm 1983 bị bắt và bị kết tội hoạt động lật đổ chính quyền.

Bị kết án tử hình tại cả hai phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Toàn bộ tài sản đều bị tịch biên. Sau hoán chuyển thành tù chung thân. Ở tù 15 năm.

Ra tù tiếp tục làm rẫy, làm thơ tại Xuân Lộc Đồng Nai

THAM KHẢO

-Giai thoại thơ Đường, Cao từ Thanh, NXBPN, TPHCM 1995

-Tùy viên thi thoại, Viên Mai, Trương đình Chi dịch, NXB VHNT, TPHCM 2002

-Hương sắc trong vườn văn, Nguyễn Hiến Lê, NXBVHTT, TPHCM 2003

-Thành ngữ, điển tích, Diên Hương, NXBTHĐT, 1992

-Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh Hoài Chân, NXBVH Hanoi, 1984

-Saigon Nhỏ xuất bản năm 2002 và 2005

-Văn đàn bảo giám, Trần trung Viên, NXBVH Hanoi, 1998

-Website : wikipedia.org

-Website:saigonbao.com

-Website :guoxue.com



Hoa Tư Tưởng

* Cách duy nhất để có bạn bè là chính bản thân mình phải là một người bạn.

Emerson

* Hãy đối xử với bạn bè như đối xử với những bức tranh, nghĩa là hãy đặt họ ở những góc độ có nhiều ánh sáng nhất.

J. Churchil

NÚI ĐẤT THƠ VÕ NGỌC UYỄN

Núi đã đổ! bên kia bờ thương nhớ,
Cho đất trời cây cỏ bỗng bơ vơ,
Nghe hụt hắng bước chân đồi viễn xứ,
Thôi còn đâu! Ngày tương hội... mong chờ!
Núi đã đổ bên kia bờ thương nhớ!
Lòng hoài mong đã lịm chết từ đây!
Tìm đâu thấy ngọn núi cao che chở?
Ngàn thông reo, giòng suối mát vơi đầy!
Núi đã đổ bên kia bờ thương nhớ!
Vạn niềm yêu xin gửi áng mây bay!
Nỗi uất nghẹn nỗi nhau từng nhịp thở,
Ơn dưỡng sinh chưa báo đáp một ngày!
Núi đã đổ bên kia bờ thương nhớ!
Nghe trong hồn trống vắng đến bao la...
Suối đã cạn và cây rừng ngã đổ,
Chim ngàn bay, bay mãi.. ánh dương tà!
Núi đã đổ bên kia bờ thương nhớ!
Cho mây chiều trắng sớm mai thương mong,
Trầm hương đốt ngút xông trời ly xứ,
Đau bao năm tiếc nhớ vẫn khôn cùng./.



VÕ- NGỌC- UYỄN

NHÀ TÂY SƠN QUA CA DAO

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Triều Tây Sơn chỉ có 24 năm (1778- 1802), ngắn nhất trong lịch sử Việt Nam nhưng có công mở đầu việc thống nhất đất nước sau 217 năm Trịnh Nguyễn phân tranh, lấy sông Linh Giang làm ranh giới. Tuy thời Tây Sơn đất nước không chia cắt rõ rệt nhưng vẫn có hai kinh đô: thành Hoàng Đế ở phủ Qui Nhơn cho vua Thái Đức (1778- 1793), thành Phú Xuân (Huế) cho vua Quang Trung (1788- 1792) và vua Cảnh Thịnh (1793- 1802).

Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi (1765), liền phong cho Trương Phúc Loan làm Quốc phó. Chúa chỉ lo việc vui chơi, mặc cho Trương phúc loan chuyên quyền, các quan không phục, dân tình ta thán. Năm Kỷ Sửu (1769), Hàn lâm Nguyễn Quang Tiễn tiên đoán “Không quá năm sáu năm nữa ở Quảng Nam sẽ có binh nổi dậy” [1].

Cũng theo Xứ Đàng Trong của Phan Khoang, quan Nội hưu Thái phó Trương Văn Hạnh bị Trương Phúc Loan giết. Trương Văn Hiến là môn khách của Thái phó sợ bị vạ lây, trốn vào phủ Qui Nhơn (Bình Định) mở trường dạy học ở An thái (nay thôn Mỹ Thạnh , xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn), nuôi chí báo thù. Thấy anh em Tây Sơn có chí khí, Giáo Hiến đem lời sấm “Tây khởi nghĩa, bắc thu công” nói với người anh cả là Nguyễn Nhạc.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc lập căn cứ ở Tây Sơn Thượng. Chiêu mộ hầu hết thanh niên miền núi vào lực lượng Tây Sơn:

Thượng du lớn nhỏ đồng tình

Theo ông Hai Nhạc luyện binh tháng ngày
Lập đoàn cung thủ rất hay
Đợi khi lâm trận sau này ra oai.

Theo Nhà Tây Sơn của Quách Tấn và Quách Giao, Nguyễn Nhạc và bộ tham mưu đóng ở ngọn núi phía nam, Nguyễn Huệ và ban quân sự đóng ở ngọn núi phía bắc. Hai núi này cao và rậm, nằm phía đông đèo An Khê, địa đầu Tây Sơn Trung, giáp Tây Sơn Thượng. Các địa danh núi Ông Nhuộc (Nhạc nói trại), núi Ông Bình có từ đấy và đi vào lịch sử:

An Khê đất rộng đẹp thay
Biết bao thăng cảnh mê say lòng người
Non Bình có hang Tối Trời
Lại thêm núi Nhuộc cao vời néo xa
Nơi đây là đất dụng võ, hào kiệt theo về rất đông:
Cây cây khỉ cổ ngân nga
Tiếng buging chiêng trống kéo ra đầy đường
An Lũy có An Khê thường
Là nơi tụ hội muỗi phượng anh hùng.

Lập kế hoạch nuôi quân, Nguyễn Nhạc cho phá rừng Mô Điểu ở Tây Sơn Thượng thành đồng lúa màu mỡ, rộng hàng ngàn mẫu, giao cho người vợ thứ, con của vị đầu mục người Ba Na cai quản, quen gọi là đồng Cô Hầu, nay thuộc Tú An:

Cánh đồng Cô Hầu
Đàn trâu ông Nhạc
Ngựa lạc vang rền

Voi dùng Tượng Đâm.

Để có vũ khí trang bị quân đội và đủ nông cụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, Nguyễn Nhạc tập trung các thợ rèn ở xóm Ké và chiêu mộ thêm thợ rèn ở đồng bằng, lập công binh xuồng:

Ai lên xóm Ké An Khê [2]

Hỏi thăm các bác thợ rèn khỏe không?

Rèn dao, rèn cuốc, rèn chông

Bám luôn buôn Thượng lâu không thấy về.

Muốn lên cách trở sơn khê

Đèo cao mây lớp, mây che mây tầng.

Thương nhau chẳng quản xa gần

Sợ gặp “Ông Xám” thot chân chấn đèo.

Thiên thời, địa lợi, nhân hòa đã đến, cần thêm sức mạnh tâm lý để củng cố nhân tâm. Tương truyền Nguyễn Nhạc được Ngọc hoàng ban chiếu phong vương ở hòn Trưng Sơn (cao 422 mét, nay thuộc thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn). Một hôm, trên đường từ đèo An Khê về Kiên Mỹ (thuộc xã Bình Thành) Nguyễn Nhạc tình cờ thấy kiếng báu ở núi Ngang tức Hoành Sơn, còn gọi là hòn Kiếm (thuộc thôn Trinh Tường, xã Bình Tường), rồi lại được ấn vàng ở hòn Giải, còn gọi là hòn Ấm (núi nhỏ nằm trước núi Ngang):

Ấm vàng kiếm bạc

Nguyễn Nhạc trời trao

Mũ áo đai trào

Ai vô riêng cảm

Thấy tấm biển đè:

“*Nguyễn Huệ vi tướng*

Nguyễn Nhạc vi vương”

Đôn đại bốn phương

Tây Sơn dấy nghĩa.

Tiếng đồn “Tây Sơn dấy nghĩa” lan rộng khắp vùng, Trương Phúc Loan cử Nguyễn Khắc Tuyên, viên quan văn võ song toàn vào trấn thủ Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc cho thám tử về miền duyên hải theo dõi tình hình. Một mật lệnh từ An Khê nhắn xuống Thị Nại:

Anh về dưới Giã chiêu hôm

Gánh phân đổ ruộng gió nồm bay lên [3].

Thám tử vội lên báo cho Tây Sơn biết, quan trấn thủ được tăng viện, chuẩn bị tấn công An Khê. Nguyễn Nhạc không để cho Nguyễn Khắc Tuyên ra tay trước.

Rằm tháng tám năm Quý Tỵ (tháng 9- 1773), Nguyễn Nhạc làm lễ xuất quân, lập đài tế cáo trời đất giữa đèo An Khê, nơi ngẹo Cây Khế có trảng đất rộng rợp bóng mát của hai cổ thụ, tục gọi là cây Ké và cây Cây. Nguyễn Nhạc cho quân trực chỉ hướng đông, dùng chân nghỉ đêm ở thung lũng chân núi Bà Phù, mở tiệc khao quân và đái yến các tướng lãnh. Nhân đấy, Nguyễn Nhạc cải danh núi Bà Phù là Tâm Phúc, nay ở địa phương vẫn quen gọi thung lũng này là Hóc Yến:

Cây Ké phát cờ

Cây Cây gióng trống

Tiền hô hậu ứng

Đất thủng đá nhào

Quân khao Hóc Yến

Thắng tiến Lĩnh Lương

Đây đường bụi cuốn

Ruồi xuống Hòn Ngang

Vượt sông Đá Hàng

Đô Bàn náo động [4].

Nguyễn Nhạc chiếm ấp Kiên Thành, truyền hịch khắp nơi kể tội Trương Phúc Loan và bày tỏ lý do khởi binh tôn phò Hoàng tôn Dương; rồi chia quân đánh chiếm các huyện. Quân Tây Sơn khi lâm trận thường la ó, áp đảo tinh thần địch quân. Bấy giờ có câu hát thời sự, phân biệt quân của hai phe:

Binh triều là binh Quốc phó,

Binh ó là binh Hoàng tôn.

Cơ cấu hành chánh đầu tiên của chính quyền Tây Sơn, theo Đại Nam chính biên liệt truyện (quyển 30, trang 2b và 3a), Nguyễn Nhạc tự xưng là Đệ nhất trại chủ quản trị hai huyện Phù Ly (nay là hai huyện Phù Cát, Phù Mỹ) và Bồng Sơn (nay là huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão). Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn (nay là huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh). Huyền Khê làm Đệ tam trại chủ lo việc quân lương.

Sau khi mật bàn với các tướng lãnh và cất đặt mọi việc nghiêm minh, Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi, sai thủ hạ kh-iêng đến thành Qui Nhơn nộp cho Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên. Quan trấn thủ tưởng thật, mở cửa thành cho vào. Nửa đêm, Nguyễn Nhạc tháo cũi, cùng các thủ hạ giết lính gác, mở cửa thành và đốt pháo hiệu cho quân Tây Sơn tràn vào chiếm phủ thành:

Cây Ké phát cờ

Cây Cây gióng trống

Hòn Chiêng vang động

Hòn Trống đở hồi

Lên ngôi Vương soái

Quan ái đẹp bằng

Cuốn phăng hào lũy

Phủ lý Quí Nhơn

Oán hòn đất dày

Cờ phất quân reo

Dân theo chiếm phủ [5].

Thừa thắng, Nguyễn Nhạc chiếm hai kho lương quan trọng Càng Rang và Nước Ngọt ở huyện Phù Ly (nay thuộc Phù Cát), rồi tiến quân ra Quảng Ngãi. Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 11 chép: “Chúa sai bọn Chuồng cơ Nguyễn Cửu Thống (con Nguyễn Cửu Thông, lấy Công chúa Ngọc Huyên), Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp, lấy Công chúa Ngọc Anh), Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tống nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Văn Hoảng đem quân đi đánh không được. Sùng và Hoảng đều chết ở trận” [6]. Quân Nguyễn đại bại, Tây Sơn tiến quân đến Bản Tân, giáp Quảng Nam (1773).

Mùa đông năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc mở thêm mặt trận phía nam, sai Ngô Văn Sở, Lê Văn Hưng và Nguyễn Văn Lộc vào chiếm Phú yên, Diên Khánh và Bình Thuận:

Thạch Thành voi ngựa kéo ra

Eo Gió kéo xuống quân đà hội quân

Chúa Chàm, Bà Hỏa chí nhân

Giúp ông Hai Nhạc định phần Phú yên.

La Hai quyết chiến đôi bên

Phuộc Hiệp trúng kế chạy liền vô Nam.

*Sa trường gươm giáo ngắn ngang
Thây phơi thành lũy máu loang gò đồi
Giữa vòng đạn lạc tên rơi
Xót thương nữ chúa vội rời ba quân [7].*

Mặt trận Phú Yên khá sôi nổi, giành qua giựt lại nhiều lần, tổn hao xương máu rất nhiều nhưng lòng dân nguỡng mợ Tây Sơn, sẵn sàng hy sinh cho đại cuộc:

*Ôn vua Thái Đức chí tình
Cù Mông vắng vẻ nhưng mình cứ đi [8].*

Nguyễn Nhạc lợi dụng tối đa lá bài Hoàng tôn Dương, gả con là Công chúa Thọ Hương cho Thế tử, xin lập ngôi chúa, dàn cảnh tôn phò trước mặt sứ giả [9]. Tống Phước Hiệp cả tin, bị Nguyễn Huệ đánh úp bất ngờ, thua to, bỏ Phú Yên chạy ra Hòn Khói năm 1775.

Mặt trận phía bắc, tháng tư năm Ất Mùi (1775), Hoàng Ngũ Phúc vượt đèo Ái Vân vào Quảng Nam. Tập Đinh lãnh tiên phong, Lý Tài lãnh trung quân, Nguyễn Nhạc đem quân hậu tập, đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa (huyện Hòa Vinh) nhưng bị thua to, bèn bỏ đất Quảng Nam lui quân về giữ Bản Tân.

Để tránh lưỡng đầu thọ địch, Nguyễn Nhạc sai Phạm Văn Tuế đem vàng bạc đút lót Hoàng Ngũ Phúc và đưa thư xin hàng, xin lãnh 3 phủ Quảng Ngãi Qui Nhơn Phú Yên làm tiền khu đánh Nguyễn. Bấy giờ vào tháng 6, quân Trịnh bị lam chuồng, chết dịch rất nhiều, nên Hoàng Ngũ Phúc thuận cho, phong Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn hiệu trưởng Tráng tiết tướng quân. Sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem cờ ấn, sắc phong, gươm lệnh và áo mao cho Nguyễn Nhạc. Rồi Hoàng Ngũ Phúc rút quân về Thuận Hóa.

Năm 1775, Nguyễn Nhạc sửa sang và nới rộng thành Đồ Bàn, chu vi lớp thành ngoài lên đến khoảng 7400 mét tây. Nguyên thành có 4 cửa: Đông, Tây, Nam, Bắc; giờ mở thêm

một cửa nữa ở phía nam, gọi là Tân Khai, đã một thời vang bóng:

*Chiều chiều nghe sáo nghe oanh
Tưởng kèn lính tập bên thành nhà vua.
Tân Khai nay vắng bóng cờ
Nào đâu tướng soái thuở xưa ra vào.*

Tháng 2 năm Bính Thân (1776), Nguyễn Nhạc xưng Tây Sơn Vương, đóng đô thành Đồ Bàn, đúc ấn vàng, tổ chức triều chính, phong Nguyễn Huệ làm phụ chính, Nguyễn Lữ làm thiếu phó:

*Hà thời Biện lại vi vương
Thủ thời Bắc tận, Nam trường xuất bôn.*

Năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân thủy bộ đánh Gia Định, đuổi bắt được Định Vương và Tân Chính Vương tại Long Xuyên (tức An Giang), rồi giết cả hai. Nguyễn Phúc Ánh (cháu Định Vương) chạy thoát, được các tướng tôn làm Đại nguyên súy Nhiếp quốc chính lo việc khôi phục Gia Định.

Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thái Đức, đổi tên Đồ Bàn là Hoàng Đế thành, phong Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết Chế.

*Lạy trời cho cả gió lên
Cho cờ vua Bình Định bay trên kinh thành.*

Từ năm Nhâm Dần (1782), mỗi lần quân Tây Sơn vào đánh Gia Định, Nguyễn Ánh bỏ chạy. Lần nào Tây Sơn cũng thắng nhưng không dứt được Nguyễn Ánh. Bấy giờ miền Qui Nhơn có câu hát phản ánh nỗi lòng của người vợ lính:

Đồng Nai xa lăm anh oī

Gởi thơ, thơ mấ; gởi lời, lời quên.

Trở lại mặt trận phía bắc, nhờ có Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ Trịnh theo Tây Sơn, kể hết tình thế Bắc Hà, vua Thái Đức quyết định chiếm Phú Xuân. Tháng 5 năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ làm tiết chế, giao Võ Văn Nhậm lãnh tả quân, Nguyễn Hữu Chỉnh lãnh hưu quân ra đánh Thuận Hóa, đất thuộc về chúa Trịnh từ năm 1774. Phó tướng thành Phú Xuân là Hoàng Đình Thể cùng hai con và tì tướng Vũ Tá Kiên ra ngoài thành chống giữ, hết thuốc đạn lại bị chánh tướng Phạm Ngô Cầu đóng cửa thành không tiếp ứng nên tử trận cả. Phạm Ngô Cầu treo cờ trắng, mở cửa thành ra hàng, bị bắt giải về Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc cho là bất trung, đem chém. Nhân đấy người đời có câu hát:

Làm tôi thì ở cho trung

Chớ có hai lòng mà hóa dở dang.

Thừa thắng, quân Tây Sơn vượt sông Gianh tiến ra vùng Thanh Nghệ như vào chỗ không người. Các trấn tướng như Bùi Thế Toại, Tạ Danh Thùy bỏ cả binh sĩ chạy thoát thân; đúng như lời bàn của Nguyễn Hữu Chỉnh:

Bấy lâu họ Trịnh gian tà

Binh kiêu, dân oán ắt là bại vong.

Uy trời ai dám tranh phong

Hãy xin thửa thắng ruổi giòng cõi ngoài [10].

Cánh quân Nguyễn Hữu Chỉnh tiến vào sông Vị Hoàng, đỗ bộ Nam Định chiếm kho lương hơn mấy triệu hộc lúa, dẽ như trở bàn tay. Trận Nhị Hà, Dinh Tích Nhuống lâm kế Tây Sơn, bắn vào thuyền lính giả, hết sạch tên đạn đành phải tháo chạy. Trận Tây Long, đích thân Trịnh Khải thúc trống chỉ huy; quân Tây Sơn dùng hỏa hổ phun lửa, nhờ gió nam thổi mạnh, quân Trịnh rối loạn hàng ngũ phải thua tan.

Trịnh Khải chạy đến huyện Yên Lãng, Nguyễn Trang thay vì dẫn chúa đi trốn, lại bắt nộp Tây Sơn, chúa bức thế tự sát.

Ngày rằm tháng 7 năm Bính Ngọ (1786), Lê Hiển Tông lập đại trào ở điện Kính Thiên [11], Nguyễn Huệ đem tướng vào lạy và dâng sổ quân dân. Vua phong Nguyễn Huệ chức Nguyên soái phù chính dực vận Uy quốc công và gả công chúa thứ 21 là Ngọc Hân, mới 16 tuổi [12]:

Gió đưa mưới sáu lá xoài

Có chồng Bình Định cho dài đường đi

Ngày 17 tháng 7 vua băng, thái tôn Duy Kỳ nối ngôi tức Lê Mẫn Đế. Ít lâu sau Nguyễn Nhạc ra Thăng Long đem Nguyễn Huệ vào nam. Đầu 17 tháng 8, lúc canh ba, Nguyễn Nhạc sai người vào cáo biệt Lê Mẫn Đế rồi bí mật rút toàn bộ thủy lục quân. Tây Sơn thấy Nguyễn Hữu Chỉnh xảo quyệt nên bỏ lại Bắc Hà. Sáng hôm sau Nguyễn Hữu Chỉnh hay tin, vội thuê thuyền buôn theo vào Nghệ An. Nguyễn Nhạc không nỡ bỏ, cho ở lại giữ đất Nghệ An (quê hương của Chỉnh) cùng với Nguyễn Duệ. Dân Bắc Hà có lời nhạo báng Chỉnh:

Đi cùng bốn biển, chín chu

Trở về xó bếp, chuột chù gặm chân!

Anh em Tây Sơn tiếp tục lên đường về Thuận Hóa. Đường về quê chồng xa vời vợi, Công chúa Ngọc Hân với nỗi lòng:

Ngựa thồ thay mối xích thăng

Ông Tơ bà Nguyệt đau giặc chẳng ra.

Một ngày một vắng quê nhà

Sáng tùng tùng nhớ, tối tà tà trông [13].

Đến Phú Xuân, Nguyễn Huệ xin ở lại trấn thành để giữ mặt

Bắc, Nguyễn Nhạc về Qui Nhơn.

Năm Đinh Mùi (1787), vua Thái Đức phong cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, giữ Quảng Nam, Thuận Hóa và khống chế Bắc Hà. Phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương giữ Bình Thuận, Đà Lạt, Đồng Nai, Hà Tiên. Còn Thái Đức là Trung ương Hoàng Đế đóng ở Qui Nhơn thống trị Quảng Nam, Qui Nhơn, Nha Trang [14].

Cũng năm đó, vua Thái Đức và Bắc Bình Vương có sự bất hòa. Nguyễn Huệ đem binh vào vây thành Hoàng Đế, Nguyễn Nhạc lén mặt thành kêu khóc. “Bì oa chủ nhục, đệ tâm hà nhẫn”. Nguyễn Huệ động lòng khóc theo, rồi ra lệnh rút quân. Nhân đấy, người đời có câu hát:

Lỗi lầm anh vẫn là anh

Nỗi da nẤu thịt sao đành hở em!

Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An chiêu mộ dũng sĩ và hương binh, nuôi mộng chiếm xứ này. Ngoài Bắc, Trịnh Bồng nhờ vua Lê thắng được Trịnh Lệ, rồi lại hiếp đáp vua. Lê Chiêu Thống bèn gọi Nguyễn Hữu Chỉnh về đánh đuổi được Trịnh Bồng, vua phong làm Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, tước Bằng trung công. Dân gian thưa biết Chỉnh xảo quyệt và tham vọng nên có câu hát cảnh cáo:

Ai đem con sáo qua sông

Cho nên con sáo sổ lồng bay cao

Bay cao thì mặc bay cao

Lười trời đã rộng thoát nào được đâu!

Năm trọn quyền chính, Nguyễn Hữu Chỉnh muốn nối nghiệp chúa Trịnh. Sai người vào Nghệ An thông đồng với Nguyễn Duệ cướp đất, lấy Linh Giang làm ranh giới, sửa lũy Hoành Sơn, phục hồi lanh thổ Bắc Hà y như thuở trước. Công việc bại lộ, Nguyễn Duệ trốn về Qui Nhơn, còn Nguyễn Huỳnh Đức vào Gia Định. Bắc Bình Vương sai Võ Văn Nhậm trấn thủ Nghệ An và theo dõi tình hình miền

Bắc.

Giải pháp quân sự không thành, Nguyễn Hữu Chỉnh chuyển qua đường lối ngoại giao. Chỉnh xúi vua Lê đòi lại đất Nghệ An. Mùa xuân năm Đinh Mùi (1787), sứ bộ lên đường có Trần Công Sán, Ngô Nho và hoàng thân Lê Duy Hiên (ông chú của Chiêu Thống). Nguyễn Huệ biết mưu ấy của Nguyễn Hữu Chỉnh, càng căm ghét, phải trừ hắn. Chỉ tội cho 3 vị sứ thần và 18 người tùy tùng, chuyen về bị đắm thuyền ở cửa biển Đan Nhai (thuộc Nghệ An), chết cả. Nguyễn Huệ không muốn thả họ về Bắc, tiết lộ việc nội biến (anh em bất hòa) ở Nam Hà.

Bắc Bình Vương sai Ngô Văn Sở và Lê Văn Lân đem quân ra Nghệ An hợp với trấn tướng Vũ Văn Nhậm, trị tội Cống Chỉnh. Đoạn phim thời sự này phản ánh qua câu:

Ai ra ngoài Bắc nhẫn chim Băng
Lồng cánh bao nhiêu dám vây vùng
Lồng lồng lưỡi trời sao thoát được
Rồi ra ta bắt bỏ trong lồng.

Quân Tây Sơn đánh tan lực lượng tiền phương của Bắc quân ở Thanh Hóa, giết chủ tướng là Lê Duật. Ở Ninh Bình, hơn 2 vạn tinh binh tan rã, chủ tướng Nguyễn Như Thái phi ngựa chạy, bị bắn chết. Nguyễn Hữu Chỉnh và con là Nguyễn Hữu Du tự cầm cầm quân ra trận, thua nặng, bỏ Thăng Long chạy đến Bắc Giang thì bị bắt. Chỉnh chịu cực hình tử mã phân thây, quả đúng như bài Tràng pháo mà ông đã cảm tác:

Xác không, vốn những cây tay người,
Khôn khéo làm sao đốt cõng rời.
Kêu lầm lại càng tan xác lầm!
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

Vua Lê Chiêu Thống chạy lên Kinh Bắc, vào Thanh Hóa, lại ra Kinh Bắc, rồi sai Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang Tàu cầu viện. Thái hậu và Hoàng tử cùng các thị thần như Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh cũng gõ cửa nhà Thanh kêu cứu.

Vua Càn Long sai Tổng đốc Luõng Quǎng Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh 20 vạn quân tiến vào Thăng Long bằng 2 ngả, từ Cao Bằng xuống do Sầm Nghi Đống chỉ huy, từ Lạng Sơn xuống do Tôn sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy [15]. Theo lời bàn của Ngô Thì Nhậm, ngày 20 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Ngô Văn Sở cho lui quân về giữ Tam Diệp (đèo Ba Dội), thủy quân về đảo Biện Sơn (trong vùng biển Thanh Hóa Nghệ An) và cấp báo Phú Xuân.

Lê Chiêu Thống theo quân Thanh về Thăng Long, không lo trị nước an dân, chỉ một việc đền ơn trả oán, giết hại những người theo Tây Sơn. Việt Nam sử lược, trang 371 chép “Tiếng là làm vua mà phải theo niên hiệu của vua Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng đốc, thế thì có khác gì đã là nội thuộc rồi không?” và “Tôn sĩ Nghị thì càng ngày càng kiêu ngạo thêm, coi việc binh làm thường, lại thả quân lính ra cướp phá dân gian, làm lầm sự nhũng nhiễu. Vì thế nên lòng người mất cả trông cậy”, dân chúng chỉ còn biết than trời:

Đời ông cho chí đời cha

Đời nào cực khổ cho qua đời này.

Nhận tin cấp báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22-12-1788) Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi Hoàng đế ở Bàn Sơn (phía nam núi Ngự Bình) thì ngày 29-11 vua Quang Trung cùng đại binh có mặt tại Nghệ An. Ở đây 10 ngày để lấy thêm quân và hội kiến với La Sơn Phu Tử. Ngày 20 tháng chạp, Quang Trung đến núi Tam Diệp, mở tiệc khao quân, vua nói: “Bữa nay hãy ăn Tết Nguyên Đán trước, sang xuân, ngày mồng 7, ta sẽ vào thành Thăng Long, mở tiệc ăn Tết Khai Hạ. Các người cứ nhớ lấy lời ta, xem có đúng không?” [16]. Quân dân một lòng tin tưởng và quyết chiến :

Thùng thùng trống đánh quân sang
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàn
Qua Chiêng thì rẽ về Giàng
Qua quán Đông Thổ vào làng Dinh Hương
Anh đi theo chúa Tây Sơn
Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

Quang Trung chia quân làm 3 đạo: Hữu quân [17] cùng Thủy quân có Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyết đi đường biển, theo sông Lục Đầu tràn lên đất liền. Cánh quân của Tuyết đổ bộ Hải Dương, tiếp ứng mặt trận miền Đông. Cánh quân của Lộc tràn lên Bắc Ninh, Bắc Giang, đóng chốt từ Yên Thế đến Lạng Giang, chặn đường về của giặc.

Tả quân kiêm lĩnh tượng, kỵ binh giao cho Đại Đô đốc Bảo và Đô đốc Long [18] đi bọc đường núi đánh tạt cạnh sườn vào phòng tuyến địch. Cánh quân của Bảo dùng tượng binh từ huyện Sơn Minh (Úng Hòa, Hà Đông) đánh vào các căn cứ địch ở Đại Áng (Thanh Trì, Hà Đông). Cánh Quân của Long vòng lên hạ các trại giặc tại huyện Chương Mỹ (Hà Đông), đâm thẳng phòng tuyến ở làng Nhân Mục (Thanh Trì, Hà Đông), tiến đến Khuông Thượng, tiêu diệt quân của Sầm Nghi Đống đóng ở chùa Bộc, cạnh Đống Đa.

Còn chính nhà vua thống lĩnh đại binh gồm ba doanh Tiên, Trung, Hậu quân; có Tư mã Sở và Nội hầu Lan làm mũi nhọn tiên phong. Dám tân binh Nghệ An sung vào Trung quân do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Hậu quân do Hồ Hổ hầu (không rõ tên họ, chỉ biết chức đô đốc, tước hầu) thủ vai đốc chiến và đề phòng hậu tập. Ngày 30 Tết, đại quân của Quang Trung vượt bến đò Gián Khuất (Ninh Bình), ngược chiều tiến quân của giặc, lần lượt hạ các đồn Thanh Liêm, Nhật Tảo, Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi, Văn Điển, Khuông Thượng, Đống Đa. Vào giờ thân (khoảng 4 giờ chiều) mồng 5 Tết Kỷ Dậu, Hoàng Đế Quang Trung, áo ngự bào sạm đen thuốc súng, với 80 thớt voi, ung dung tiến vào

kinh thành Thăng Long sớm hơn hạn định 2 ngày, lời vua đã hứa trước ba quân trong ngày 20 tháng chạp:

Tây Sơn khởi nghĩa anh hùng

Cứu dân quét sạch quân Thanh bạo tàn.

Thiên tài quân sự thần tốc của Nguyễn Huệ sáng chói nhất trong lịch sử Việt Nam. Không chỉ có trận Đống Đa mà còn trận Rạch Gầm Xoài Mút ở Mỹ Tho, khúc sông Tiền Giang nối với hai rạch ấy. Ngày mồng 8 tháng chạp năm Giáp Thìn (18-1-1785), Nguyễn Huệ đánh tan 2 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, chỉ còn sống sót vài ngàn tháo chạy về nước. Trong vòng 3 năm (1775- 1788) hai lần đại thắng ngoại xâm và những lần tiến quân từ Nam ra Bắc xóa bỏ lằn ranh chia đôi đất nước:

Thành ngoài, thành giữa, thành trong

Hoàng thành còn dấu rêu phong thuở nào.

Voi gầm, ngựa hí lời trao

Vào Nam ra Bắc cờ đào ruồi quân.

Nguyễn Huệ tài giỏi hơn thần

Đuổi Xiêm, đại phá quân Thanh Ngọc Hồi.

Quang Trung Hoàng Đế lên ngôi,

Nhất vương nhì đế một thời lừng danh.

Năm Nhâm Tý (1792), Quang Trung đang chuẩn bị lực lượng 30 vạn quân đánh Gia Định cho dứt điểm [19]. Ngoài ra vua còn sai sứ sang Tàu xin cầu hôn và đòi lại đất Luống Quảng. Không ngờ vua bị huyễn vận và mất ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý [20], niên hiệu Quang Trung thứ 5, đặt miếu hiệu là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Vua Quang Trung băng hà là sự mất mát lớn của đất nước. Triều Tây Sơn đang hưng thịnh nhưng không có người

lãnh đạo tài ba thay thế, khó tránh khỏi suy vong:

Nguyễn Huệ là đấng anh hào
Tận trung dưới trướng biết bao kỳ tài
Văn thời Kỷ, Nhậm hòa hai
Lại thêm Phu Tử ở ngoài giúp vô,
Võ thời Tư mã họ Ngô,
Quang Diệu, Văn Dũng, nữ đô họ Bùi.
Triều đình văn võ toàn tài
Tiướng bè dụng nước lâu dài quản bao
Nào ngờ đứt gánh tài cao
Con thơ nên nối Tây trào vội suy.

Quang Toản lên ngôi mới có 10 tuổi, niên hiệu Cảnh Thịnh cho đến năm Tân Dậu (1801) kinh đô thất thủ, đổi là Bảo Hưng.

Từ năm Nhâm Tý (1792), cứ đến tháng 3, gió mùa tây nam thổi mạnh, Nguyễn Ánh, từ Gia Định đem binh thuyền ra đánh Qui Nhơn, dân trong vùng quen gọi là Giặc Mùa:

Gió nồm thổi rộ tháng ba
Giặc Mùa trong áy kéo ra hải hùng.

Năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Ánh sai Tôn Thất Hội, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Thành dẫn bộ binh đánh lấy Phan Rí và tiến quân ra Qui Nhơn. Vương cùng với Nguyễn Văn Chương và Võ Tánh đem thủy quân đánh lấy các phủ Diên Khánh, Bình Khang rồi đến Phú Yên. Triều đình Thái Đức đã suy yếu, nên dù cố sức chống đỡ cũng không ngăn nổi bước tiến quân Gia Định, chỉ tốn hao xương máu và dân phủ Qui Nhơn phải lao dịch chiến trường quá nặng nề :

Tiếng ai than khóc nỉ non

Là vợ chú lính trèo hòn Cù Mông.

Thừa thế, Nguyễn Vương cho thủy quân đổ bộ vào Thị Nại, Thái tử Nguyễn Bảo dàn quân chống cự, không ngờ có bộ binh của Tôn Thất Hội từ Phú Yên ra kịp, đánh tập hậu nên thua nặng. Thành Hoàng Đế bị uy hiếp, vua Thái Đức cầu viện Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh sai Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huấn, Lê Trung, Ngô Văn Sở đi đường bộ và Đặng Văn Chân đi đường biển vào cứu Qui Nhơn. Nguyễn Ánh biết không địch nổi, rút quân về Gia Định.

Quân Phú Xuân giải vây được rồi, chiếm luôn thành trì, tịch biên kho tàng. Nguyễn Nhạc uất ức quá, thổi huyết chết. Cảnh Thịnh truất Thái tử Nguyễn Bảo làm Hiến công, cho ăn lộc một huyệng, gọi là Tiểu triều.

Lỗi lầm của triều Cảnh Thịnh là làm mất đoàn kết nội bộ. Lại nữa, vua nghe lời đèm pha, giết nhiều tướng tài như Lê Trung, Nguyễn Văn Huấn, lòng người chán nản:

Lạy trời cho chóng gió nồm

Cho thuyền chúa Nguyễn thảng buồm chạy ra

Năm Kỷ Tỵ (1799), Nguyễn Ánh lấy thành Qui Nhơn, cải danh là thành Bình Định. Năm sau, tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu vây chặt thành Bình Định và Võ Văn Dũng nắm thủy quân, giữ cửa Thị Nại. Để quân lính đỡ nhở nhè, ngày mồng 1 và mồng 2 Tết, tướng Diệu và Dũng dùng bãi đất rộng sát núi Úc (tên chữ là Hàm Long) và sông Cần, thuộc làng Phong Thạnh (nay thuộc thị trấn Tuy Phước, tỉnh Bình Định), cho vợ con binh sĩ đến thăm, có tổ chức trò chơi vui xuân và nhóm chợ. Truyền thống Chợ Gò, nay vẫn còn:

Chợ Gò Phong Thạnh Mỹ Cao

Gần sông gần núi biết bao nhiêu tình

Nhớ quan Thiếu phó quang minh

Nhớ quan Đô đốc trung trinh trọng đời

Năm Tân Dậu (1801) Nguyễn Vương chiếm Thị Nại, nhưng không giải cứu được thành:

*Mai chiêu gió ngạt ngào hương
Ai hay rằng bãi chiến trường ngày xưa
Đôi bên quyết chiến hơn thua
Cân Úc súng nổ, gươm đùa máu trào
Quan quân phát ngọn cờ đào
Can tràng há để ai vào nơi đây.*

Trong thành, hết cả lương thực, quân Gia Định sắp chết đói, quan trấn thủ Võ Tánh tự đốt mình ở lâu Bát giác, quan Hiệp trấn Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Tấm lòng trung kiên ấy, bia miệng ngàn đời khắc ghi:

*Ngó lên hòn tháp Cảnh Tiên
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm
Ba năm quan Hậu thủ thiềng
Thành cô lửa dậy tôi hiền gởi thân.*

Nguyễn Ánh thừa lúc chủ lực của Tây Sơn đang vây thành Bình Định, ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (1801) Vương chiếm kinh đô Phú Xuân, triều đình Cảnh Thịnh chạy ra Bắc.

Ngày mồng một tết Nhâm Tuất (3-2-1802), quân Tây Sơn dồn hết lực lượng thủy bộ gần 3 vạn quân, mở mặt trận Trấn Ninh [21], cố giành lại phần đất đã mất. Nguyễn Quang Thùy tiến đánh lũy Trấn Ninh. Bùi Thị Xuân lãnh chức Đại tướng, đem 5000 quân bản bộ tấn công lũy Đồng Hới. Quân Nguyễn bắn như cát vãi nhưng cờ lệnh của bà vẫn chúc hẵn xuống, dấu hiệu tiến không lùi. Bỗng nghe tin thủy quân Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ bị vỡ, lại thêm tướng Nguyễn Văn Kiên ra hàng địch, vua Cảnh Thịnh và các tướng năn lòng.

Bà liền sai một đội quân đến diền khuyết bọn làm phản, rồi giành lấy dùi trống thúc quân liên hồi. Một lúc sau mới biết trên mặt trận chỉ còn quân dưới quyền bà, các cánh quân khác đã hỗn loạn tháo chạy. Bà vẫn bình tĩnh giữ vững hàng ngũ, bảo vệ vua Cảnh Thịnh rút lui an toàn. Nỗ lực cuối cùng đó không thành nhưng để lại dấu ấn trong lịch sử Việt Nam về lòng can trường của nữ tướng Bùi Thị Xuân và đội nữ binh:

Truyền rằng có đội nữ binh

Phò Bà đánh giặc yên sinh đến cùng.

Chị em tả đột hữu xung

Tay đao tay kiếm nữ hùng kém ai.

Tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802), quân Nguyễn vượt sông Linh Giang tiến ra bắc, băng cả hai đạo thủy bộ, không gặp sức kháng cự nào mãnh liệt, chỉ trong một tháng đã đến Thăng Long. Vua Cảnh Thịnh cùng các Hoàng đệ và cận thần sang sông Nhị Hà chạy lên trấn Kinh Bắc, đến huyện Phượng Nhãnh thì bị dân địa phương bắt nộp quân Nguyễn. Sự kiện lịch sử diển tiến đúng với câu sấm truyền:

Nguyễn ra rồi Nguyễn lại về

Giặc đến Bồ Đề [22], thời giặc lại tan.

Hai mươi bốn năm về trước, Nguyễn Nhạc xưng đế (1778), đặt niên hiệu là Thái Đức. Bấy giờ, trong nước có 3 thế lực Trịnh, Tây Sơn, Nguyễn tranh giành nhau; có người chiết tự chữ Thái Đức mà đoán số mệnh nhà Tây Sơn không bền:

Tam nhân tranh nhất thủy

Thập túi niên vong.

Quang Trung Nguyễn Huệ, Hoa bằng dịch:

Ba người tranh một nước

Mười bốn năm nữa sẽ mất.

Quả nhiên, triều đình Qui Nhơn, Nguyễn Nhạc làm vua 15 năm (1778- 1793), bị xóa sổ. Triều đình Phú Xuân cũng chỉ 14 năm (1788- 1802) thì chấm dứt.

Lại nữa, năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu Quang Trung; năm 1892, Quang Toản nối ngôi đặt niên hiệu Cảnh Thịnh. Các nhà háo sự thấy chữ Quang (trong chữ Quang Trung) có chữ tiếu trên đầu, nên gọi là đầu cha. Chữ Cảnh (trong chữ Cảnh Thịnh) có chữ tiếu ở dưới, nên gọi là chân con, rồi truyền ra câu:

Đầu cha lấy làm chân con

Mười bốn năm tròn, hết số thì thôi.

Họ còn kết hợp giữa chiết tự và dịch nghĩa để có câu:

Cha nhỏ đầu, con nhỏ chân

Đến năm Nhâm Tuất thì chân chẳng còn.

Không rõ các câu trên là lời tiên tri hay sự kiện có rồi, người ta mới nghĩ đến. Dù sao, chữ nghĩa vẫn là điều hệ trọng, đáng suy ngẫm.

Một điều đáng nói, tạo hóa có luật bù trừ, nhà Nguyễn với chính sách dài hạn xóa bỏ tàn tích của Tây Sơn, các sử quan triều Nguyễn khi viết đến Tây Sơn cũng chỉ khái quát. Thế nhưng, văn chương truyền khẩu đền bù lại. May mắn cho lịch sử, đất Bình Định là cái nôi của bài chòi, hát hò, hát bả trạ, hát bội; vì thế sinh sản nhiều câu hát dân gian. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn xảy ra ở Bình Định, được dân chúng hết lòng hưởng ứng và truyền lại qua ca dao không thiếu một sự kiện quan trọng nào.

Tóm lại, thời Tây Sơn (1771- 1802) là giai đoạn lịch sử đặc biệt, có nhiều cái nhất, tốt xấu đều nhất cả.

Vua Quang Trung đánh đuổi ngoại xâm trong thời gian ngắn nhất và trước thời hạn ấn định : Trận Đống Da đánh tan

20 vạn quân Thanh trong 5 ngày, trận Rạch Gầm Xoài Mút tiêu diệt 2 vạn quân Xiêm chỉ 1 ngày. Quang Trung còn được nhà Thanh nể nang nhất, xóa bỏ lệ cống người bằng vàng, vua Càn Long rót rượu mời giả vương.

Một thời đại nội chiến triền miên, từ Nam Bắc triều (1533-1592), đến Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1775); khốc liệt nhất là cuộc chiến giữa Tây Sơn - chúa Nguyễn (1771- 1802) và Tây Sơn - Trịnh (1775- 1786).

Một thời đại, cùng lúc có nhiều vua chúa. Thời điểm cao nhất là năm 1778, nước ta có 2 vua và 2 chúa: ở Thăng Long vua Lê Hiển Tông còn tại vị, chúa Trịnh Sâm đang quyền hành; ở Qui Nhơn Nguyễn Nhạc xưng đế; miền Gia Định, sự nghiệp chúa Nguyễn chưa dứt vì có Nguyễn Ánh thay thế.

Và thời đại có nhiều biến cố nhất, bất ổn nhất nhưng lại lăm nhăm tài. Có thể mượn câu thơ của Chí sĩ Phan Bội Châu [23] để luận cứ cho giai đoạn lịch sử này:

*Nếu phải đường đời bằng phẳng hết
Anh hùng hào kiệt có hồn ai.*

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Phan Khoang, Xứ Đàng Trong (Sài Gòn, Khai Trí, 1970), trang 253.

[2] Nguyễn Xuân Nhân, Văn Học Dân Gian Tây Sơn (Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999), trang 12, ghi lời kể của cụ Phan Tỏ (ở An Điềm Nam, Cửu An, An Khê): Nhóm thợ rèn người Kinh lên đây hành nghề, bán nông cụ cho người Thượng, lập ra xóm Ké, nay thuộc thôn Thượng An, xã Song An, huyện An Khê.

[3] Sách đã dẫn, trang 25: ông Tư Quỳnh (ở Phước Bình, An Cửu, An Khê) cho rằng câu này là một trong các mật lệnh

tình báo của Tây Sơn.

[4] Các địa danh trong câu này gồm:

- Hốc Yến ở chân đèo An Khê, một thung lũng hẹp, nằm giữa hòn Phòng và hòn Băng Lăng.

- Lĩnh Lương, tên ngọn núi ở thôn Tả Giang, xã Bình Giang, sát quốc lộ 19. Theo Văn Học Dân Gian Tây Sơn, trang 22, nơi đây Nguyễn Lữ phát lương cho quân sĩ.

- Đá Hàng là phụ lưu quan trọng của sông Côn, bờ phía tây là thôn Trinh Tường, bờ đông là thôn Phú Phong, từ đèo An khê xuống phủ lỵ Qui Nhơn (tức thành Đồ Bàn) phải qua sông này.

[5] Hòn Một tức hòn Trống, hòn Dãi tức hòn Chiêng, là hai núi nhỏ ở xã Bình Tường. Tương truyền thời Tây Sơn treo trống, chiêng ở hai núi này đánh báo hiệu cho tiếng vang xa.

[6] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1, trang 243.

[7] Các địa danh trong câu này gồm:

- Thạch Thành, làng miền núi thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có nữ chúa Chàm là Bà Hỏa đem quân giúp Tây Sơn và bị tử trận.

- Eo Gió, đèo nằm trên đường từ Vân Canh (tây nam Bình Định) vào La Hai (huyện Đồng Xuân, Phú Yên).

[8] Đèo Cù Mông cao, dốc, quanh co, hiểm trở, nằm giữa Bình Định và Phú Yên.

[9] Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ (Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm), trang 48.

[10] Ngô Lê Cát và Phạm Đình Toái, Đại Nam Quốc Sử Diển Ca (tái bản ở Hải ngoại, không đề chi tiết về xuất bản), trang

210.

[11] Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược ghi: “ngày 7 tháng 7”; Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục ghi: “ngày rằm tháng 7”.

[12] Thân mẫu của Ngọc Hân là Nguyễn Thị Huyền, người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[13] Thơ của Nguyễn Thời Thấu, lan truyền trong dân gian và được ca dao hóa.

[14] Nguyễn trong Sử Ký Đại Nam Việt, Giáo hội xuất bản, Sài Gòn 1898, trang 59; Hoa Bằng chép trong Quang Trung Nguyễn Huệ, trang 99.

[15] Trần Trọng Kim, sách đã dẫn, trang 370, ghi là quân Thanh sang nước ta làm 3 ngả: Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn.

[16] Hoa Bằng, sách đã dẫn, trang 183.

[17] Trần Trọng Kim (Việt Nam Sử Lược, trang 372) chép là Hữu quân, Hoa Bằng (Quang Trung Nguyễn Huệ, trang 189) chép là Tả quân, và ngược lại.

[18] Trần Trọng Kim (Sách đã dẫn, trang 372) chép là Đô đốc Mưu.

[19] Lam Giang, Vua Quang Trung (Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001), trang 199.

[20] Hoa Bằng, sách đã dẫn, trang 333.

[21] Lũy Trấn Ninh thuộc xã Trấn Ninh, sau đổi là Phù Ninh, huyện Phong Lộc, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[22] Bến đò ở xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc thành phố Hà Nội), ngày xưa có hai cây bồ đề cổ thụ nên đặt tên là Bồ Đề (theo Đinh Xuân Vinh, Sổ Tay Địa danh Việt Nam, trang 68).

[23] Nguyên văn 2 câu kết bài thơ Phan Bội Châu tặng Mai Lão Bạng là: “Giả sử tiền đồ tận di thản, Anh hùng hào kiệt dã dung thường”, Dao Trinh Nhất dịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ĐINH XUÂN VỊNH; Sổ Tay Địa Danh Việt Nam; Hà Nội, nxb Lao Động, 1996.

- KIÊM ĐẠT, Đi Tìm Lại Vết Tích Của Thành Hoàng Đế; Nhật Báo Cali Today (San Jose) số 113, thứ sáu, ngày 5- 2- 1999 và số 114, thứ bảy, ngày 6- 2- 1999.

- HOA BẰNG; Quang Trung Nguyễn Huệ (Hà Nội, nxb Tri Tân, 1944), Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm.

- LAM GIANG NGUYỄN QUANG TRÚÙ; Vua Quang Trung; Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001.

- LÊ NGÔ CÁT và PHẠM ĐÌNH TOÁI Lê Ngô Cát; Đại Nam Quốc Sử Diển Ca, Hoàng Xuân Hãn đề tựa và dẫn, tái bản ở Hải ngoại; không đề chi tiết về xuất bản.

- NGÔ GIA VĂN PHÁI; Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.

- NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU; Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn, Tỉnh Phú Yên; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1997.

- NGUYỄN TRÚC PHUỢNG; Văn Học Bình Dân; Sài Gòn, nxb Sống Mới, 1964.

- NGUYỄN VĂN MAI; Việt Nam Phong Sứ, bản dịch của Tạ Quang Phát; Sài Gòn, Thủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xuất bản, 1972.

- NGUYỄN XUÂN NHÂN; Văn Học Dân Gian Tây Sơn; Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999.

- ÔN NHƯ NGUYỄN VĂN NGỌC sưu tập; Tục Ngữ Phong

Dao, 2 tập (Hà Nội, Vịnh Hưng Long thư quán, 1927), Garden Grove (CA), Tú Quỳnh tái bản, không đề năm.

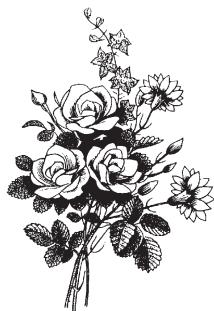
- PHẠM VĂN SƠN; Việt Sử Tân Biên, quyển 3; Sài Gòn, tác giả xuất bản, 1959.
- PHAN KHOANG; Việt Sử: Xứ Đàng Trong (1558- 1777); Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1970.
- QUÁCH TẤN; Nước Non Bình Định; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.
- QUÁCH TẤN và QUÁCH GIAO; Nhà Tây Sơn; Sài Gòn, nxb Trẻ, 2000.
- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính; Hà Nội, nxb Sử Học, 1962.
- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, 47 quyển; Hoa Bằng và 2 người khác dịch, ấn hành thành 2 tập; không đề nơi, nxb Giáo dục, 1998.
- Sưu tầm một số tài liệu về ca dao ở các địa phương.
- TRẦN TRỌNG KIM; Việt Nam Sử Lược, in lần thứ 7; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.
- VŨ BẢO TỒN BẢO TÀNG; Niên Biểu Việt Nam; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hộ, 1984.

DANH NGÔN

Trong thiên hạ có ba cái nguy:

- Đức ít mà được ân sủng nhiều
- Tài kém mà ở địa vị cao
- Thân không lập được công mà hưởng bổng lộc nhiều.

Hoài Nam Tử



THƠ XUỐNG HỌA

Đặng Đức Bích phụ trách

Bài Xuống

BIỂN ĐÔNG DÂY SÓNG

Tiếng gọi non sông đợi chúng ta
Góp công xây đắp dây son hà
Nhìn về đất nước tim khô héo
Nghĩ đến quê hương lệ đầm sa
Bản Giốc, Nam Quan đã mất hẵn
Hoàng Sa, Đông Hải đã rời xa
Vững tin quê Mẹ hồi sinh lại
Lịch sử sang trang dựng nước nhà.

Triều Phong Đặng Đức Bích

Bài Họa 1 :

YÊU NUỚC GIỮ NHÀ

*Ngược mắt nhìn xem Đất nước ta
Biển Đông sóng gió dậy giang hà
Non sông cắt xén dâng quà tặng
Ruột thịt tương tàn đầm lệ sa
Chinh chiến ly tan mong hội hiệp
Hòa bình thống nhất lại chia xa
Bắc phương đường có mong bành trướng
Dân Việt Nam yêu nước giữ nhà.*

Thái Tấu

Bài Họa 2 :

VỌNG CỐ HƯƠNG

*Nhin xem Cộng Đảng bán quê ta
Công đức Tiền Nhân tợ hải hà
Ai Bắc lấn ranh, gan túc tuổi
Biển Đông xâm phạm, lệ đầm sa
Thương dân khốn khổ, ngàn trùng cách
Nhớ nước điêu linh, vạn dặm xa
Viễn xứ đấu tranh thê chắng nhụt
Chung hưng bảo vệ nước non nhà.*

Huyền Vũ Lê Văn Huyền

Bài Họa 3 :

BỜ CỐI ĐỔI THAY

Nợ nước tổ tiên bốn phận ta
Toàn dân tông điếm cảnh sơn hà
Vừa连线 vết cắt cây còn héo
Đừng nghĩ chia lìa cành cội sa
Biên giới Việt Trung bờ cõi đổi
Lưỡng Sa Đông Hải đảo đồn xa
Quê hương chọn thế vương vai rộng
Đèn thắp bừng lên tỏa mọi nhà.

Hoàng Duy

Bài Họa 4 :

MUÔN TRÙNG DẬY SÓNG

Còn mãi niềm đau trong chúng ta
Với câu “Chiến bại biệt quan hè”
Trường Sơn ngày trước xương vô định
Đông Hải bây giờ lụy thảm sa
Qui gối rước voi nhớ vạn thuở
Cúi đầu công rắn nhục sâu xa
Muôn trùng sóng dậy trên sông núi
Quét sạch quân gian cứu nước nhà.

Bùi Thúc Khán

Bài Họa 5 :

NGUYỄN CẦU

Từng giọt u buồn đọng mắt ta
Thương quê vàng vỡ khóc sơn hà
Nam Quan đổi chủ, sâu biền ải
Đông Hải dời ranh, mất lưỡng Sa
Nỗi khổ lương dân, không kể xiết
Ngày tàn bạo chúa, chẳng còn xa!
Nguyễn cầu dân Việt tung xiềng xích
Đánh đuổi sài lang, rửa sạch nhà.

Nguyễn Công Hoàng

Bài Họa 6 :

TRĂN TRỎ

Tiên tổ dày công dựng nước ta,
Cháu con lại cắt bán sơn hà.
Đêm nầm trăn trở nghe lòng thắt,
Ngày đường thẩn thờ thấy lệ sa.
Ai Bắc, bàn tay sao dứt bỏ,
Biển Đông, khúc ruột nỡ lia xa.
Núi sông nào của riêng ai nhỉ!
Sản nghiệp cha ông thuộc mọi nhà.

Ngô Đình Phùng

Bài Họa 7 :

CẢNH TỈNH

Phương Bắc ngàn năm chiếm nước ta
Tổ tiên oanh liệt giữ sơn hà
Tàn quân thất thế hồn phiêu tán
Bại tướng tan thương máu đẫm sa
Dân Việt oai hùng không khuất phục
Giặc Tàu bạo ngược phải lui xa
Uy danh Lý, Nguyễn, Trần ghi nhớ
Chiêu Thống hồn quân hại nước nhà.

Nguyễn Vũ

Bài Họa 8 :

MẤT NƯỚC NHÀ TAN

Đất nước Việt Nam mãi của ta.
Ông cha bồi đắp giữ sơn hà
Mười đố Bắc Hán toan xâm chiếm
Đồng lõa Nam Triều hiến đảo sa
Nghĩ đến quê hương xê cột mốc
Đau lòng xót mẹ mất không xa
Toàn dân họp sức ngăn Tàu tiến
Lũ Chết bước vô nát cửa nhà.

Nguyễn Diêu

Bài Họa 9 :

ĐỒ ĂN HẠI

Phương Bắc xưa quân cướp nước ta
Đặt nền thống trị cả sơn hà
Ngày quan bóc lột dân cùng quần
Đêm giặc hoành hành lệ đố sa
Mãi quốc cầu vinh không thấm nhục
Rước voi dày mả chẳng nhìn xa
Quê hương chẳng dựng còn lo khoét
Người đói khắp nơi nát cửa nhà.

Nhất Dạ

Bài Họa 10 :

TINH THẦN DÂN TỘC

Non sông gấm vóc nước Nam ta
Bành trướng lấn sang dân hít hà
Trên đất di dời bày cột móc
Ngoài khơi chiếm cứ đặt Tam Sa
Tiền nhân thuở trước luôn gìn giữ
Con cháu ngày nay quá xót xa
Bản Giốc, Nam Quan sao bị mất ?
Tinh thần quật khởi đến muôn nhà

Mỹ Văn

Bài Họa 11 :

TIẾNG GỌI NON SÔNG

Núi, rìng, sông, biển của dân ta
Bồi đỡp, Ông Cha chǎng nê hà
Mấy bạn giao phong cùng Hán Mân
Bao lần tử chiến với Lang Sa
Tiền nhân trân quý luôn xây dựng
Con cháu sao dành nỡ bỏ xa
Tắc đất, ngọn rau bâu sưa mè
Người ơi giữ lấy nước non nhà .

Chu Hà



Tiểu Sử LINH VANG



Lên thật Bùi Mimi Lê. Sinh tại Bình Định và lớn lên tại Saigon. Qua Hoa Kỳ năm 1975. Tốt nghiệp Kế toán Thương mãi tại University of Puget Sound ở Tacoma, Washington. Đang là chuyên viên tài chánh cho tiểu bang Washington. Tác giả của khoảng 100 truyện ngắn, và một số tùy bút/tạp văn. Đã cộng tác với Đất Mới, Tiểu Thuyết Nguyệt San, Cỏ Thơm, Văn Phong -

tất cả ở Hoa Kỳ. Đang cộng tác với Nhật Báo Việt Nam ở San Jose, nguyệt san Báo Nhà ở Sacramento. Cũng đang cùng các bạn điêu hành diễn đàn Phụ Nữ Việt (www.phunuviet.org). Hội viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/Khu Vực Tây Bắc Hoa Kỳ, hội viên của Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn, thành viên của Văn Đoàn Đồng Tâm DQS, cộng tác viên của Làng Thơ (www.vietbang.com). Chủ bút nguyệt san Kỷ Nguyên Mới ở Virginia. Hiện sống ở thành phố University Place, thuộc tiểu bang Washington, Hoa Kỳ.

E-mail: linhvang@hotmail.com



cõi tạm



linh vang

Hai gia đình rất giàu ở Việt Nam, qua bên này vẫn còn giàu. Sơn và Phượng quen từ bên đó, qua Mỹ cặp luôn cho đến lúc lấy nhau. Sơn là bạn của cậu nên nhiều lúc Phượng cứ quen miệng kêu Sơn là cậu Sơn. Thấy cặp đó “xưa như trái đất”, rất đẹp đôi. Nhà bên Sơn có bốn trai, mặt được hết. Nhà bên Phượng, một trai một gái. Bây giờ nghe Sơn và Phượng ly dị rồi, ừ thì ngoại tình, ghen tuông, làm khổ nhau, sống chung không được nữa, vợ đỗ thừa chồng bay bướm, chồng đỗ thừa vợ lảng lơ, tát tai nhau chán, xách nhau ra tòa xé giấy hôn thú, hai bên cha mẹ bệnh con mình đều không thèm nhìn nhau nữa.

Họ trẻ nên họ nồng nỗi, lấy nhau chưa được một năm, chưa có con, thì chia tay. Thời gian bồ bịch còn dài hơn thời gian ở với nhau. Cha mẹ hai bên qua đây mang được tiền, làm đám cưới lớn, vậy mà không bền, quả đúng như người xưa từng nói đám cưới rình rang cũng không cho là bảo đảm, nhất là tại xứ này, thích thì ở, không thích thì mạnh ai đe dọa nấy đi. Tin ly dị đó tuy vậy cũng làm sững sốt nhiều người, vì thuở đó, vấn đề ly dị trong cộng đồng Việt ở đây còn ít lấm. Con gái kín cổng cao tường, đi chung với con trai còn sợ mang tiếng. Quen con trai nhiều sợ không lấy được chồng!

Phượng chạy theo một ông bị vợ bỏ, vợ bỏ nhưng có tiền có địa vị, dân du học trước 75. Sơn chỉ có nước tiếc vợ ngắn ngơ mất hồn, nói thôi là thôi, ở xứ này bố mẹ cũng không can gián được, mấy cặp già qua đây đòi sống khó khăn, cô đơn, cũng cãi nhau như mổ bò, cứ toác miệng ra cãi, đem con cái ra làm trọng tài, đâu còn cảnh đóng cửa phòng nói

nhỏ với nhau nữa, nên bây giờ có khuyên lớn, con cái cũng đâu có nghe. Lối sống tự nó thay đổi dần dần theo hoàn cảnh. Sau đó, Sơn lông bông, không ở lâu một chỗ, không làm giốp nào quá một năm. Hận đời, hận đàn bà, chửi rủa, tuổi chưa tới ba mươi. Bố mẹ bất lực đau lòng, nát ruột nhìn con. Ai muốn vậy đâu. Trời không thương thì đành chịu.

Bố mẹ Phượng thì thở dài chuyện của Phượng, mẹ Phượng có phân trần với những người quen, nói về chàng rể mới: ly dị, 3 con, lớn hơn con Phượng nhà tôi gần 15 tuổi, nhà tôi đâu có chịu. Không chịu thì làm gì? Sinh con chứ ai sinh được lòng. Bà con nghe xong kín đáo lắc đầu, đâu dám cười ai, bởi vì ai biết được, “cười người hôm trước hôm sau người cười”. Anh này có tiền cho Phượng xài, dân ăn diện mà không tiền thì như cụt cẳng cụt tay - bố mẹ có tiền nhưng còn lo những ngày về hưu nên chưa rộng rãi cho con. Phượng sắm một cái áo dạ vũ đủ đi hết nửa tháng lương của một gia đình nào đó. Một cái ví bằng da cá sấu cũng mấy trăm bạc. Cuối tuần phải có tiền cho Phượng đi làm đầu, làm móng tay. Cặp mắt, chiếc mũi... chắc là có sửa chút đỉnh rồi!

Mới đầu, ông bà cụ giận Phượng lắm. Lâu ngày cái giận dần, cha mẹ nào đi giận mãi con cái. Phượng đưa anh chồng mới về, anh cũng biết nịnh mẹ vợ, cứ mẹ mẹ với con con khi nói chuyện với bác Thành gái, ngồi bên cạnh bác chỉ bác đánh bài. Anh sành đánh bài, mê đỏ đen, bác Thành gái cũng mê đỏ đen. Bà con nói lấy lòng, là bác có thằng rể quý hóa quá. Có người nghe vậy phì cười nói theo ừ, quý hóa quá, có thêm tay đánh bài, sau này có đi đánh bài ở Long View thì có thằng rể đưa đi, chỉ réo một tiếng, khỏi phải năn nỉ bác Thành trai.

Bác Thành trai không thích đánh bài, chỉ mê coi phim chuồng đầm đá của đại văn hào Kim Dung, bác rành những môn phái; ngoài ra, thú vui cuối tuần của bác là tưới cây, trồng hoa, cắt cỏ, cho cá ăn. Hồi đó, chiều vợ, bác đưa bà đi, nhưng đến nhà người ta ăn uống xong tối mục mang bộ bài ra đánh, sát phạt cho hết weekend, thì bác cứ ngồi chóc ngóc coi TV chờ vợ, rồi nằm xa-lông ngủ lăn lóc như kẻ không nhà, bức quá trời, nhưng cứ bẩm bụng “nice” với vợ, vì bác nghĩ cũng già cả tới nỗi rồi, cứ để bả vui. Mới 50 tuổi ngoài mà người

Việt mình có thói quen cứ than già rồi, nhìn Mỹ kia, ở tuổi đó, họ còn lấy vợ lấy chồng, cô dâu mặc áo cưới màu trắng, làm lễ ở nhà thờ, cũng sụt sùi khóc như con gái lần đầu tiên về nhà chồng. Ai làm gì thì làm, bác trai không rò rỉ một con bài. Bác cho biết lý do: ông cụ thân sinh ra bác ngày xưa cũng vì mê cờ bạc mà bán hết ruộng đất làm anh em bác phải chịu cảnh khổ và còn bị họ hàng gièm pha chê cười nữa.

Mọi việc rồi cũng đâu vào đó, vẫn chưa mất con, lại thêm rể và... mấy đứa cháu kêu ngoại, ngoại... - con đồi trước của thằng rể. Thằng John, thằng Jimmy và con Julie.

Bác Sắc ở chùa Việt Nam nói:

-Bác thế là nhất! Đốt giai đoạn. Không phải giữ cháu ngày nào, rửa trôn, chùi đít, đút cơm, sổ bắc sương nhẹ, tụi nó lớn hết cả rồi, đằng nào cũng là cháu, phải không ạ!

Ừ thì nhất. Bác Thành gái gật gù trả lời, nhưng trong bụng nghĩ Phượng còn trẻ, chỉ mới 28, rồi thì nó sẽ để cho bà một đứa cháu. Phải là cháu ruột của mình, bà mới chịu.

Ông bà chỉ có hai đứa con, lâu nay trông chờ nơi Phượng, chứ thằng Du thì coi như bỏ đi từ hồi 75, chẳng học hành gì, đi Alaska làm tôm cá rồi mùa không có tôm cá làm thì về lại Seattle mang tiền cúng hết cho mấy sòng bạc, rồi làm hăng gõ, rồi chạy bàn, lái xe cam nhông cho hăng Coke chờ nước ngọt đem giao mấy cái siêu thị, rồi theo bạn bè bỏ đi Texas, thỉnh thoảng gọi phon về, bị ông chửi mỗi bận ông cầm phon. Có một thằng con trai duy nhất, không trông mong được gì, xấu hổ ngượng ngùng với bạn bè. Ông chửi hoài, rồi Du không thèm gọi nữa. Mấy tháng rồi, giờ không biết nó trôi giạt về đâu. Cứ coi như chẳng có đứa con trai đó.

Nhớ con trai, bác gái cắn nhăn chồng tại ông nghiêm khắc với nó quá. Nói thì nói vậy, chứ bà bắc phon nói chuyện với con là bà cũng la con. Bố cứng mè nhu, đằng này cả bố lẫn mẹ đều cứng thì Du nghỉ chơi luôn. Đến lúc cần gọi con thì ông bà mới sức nhớ ra là đã chẳng bao giờ lấy địa chỉ hay hỏi phon. Đời sống bên này có những nỗi khổ mà biết thổ lộ cùng ai! Ông an ủi bà:

-Khi nào con gọi, tôi sẽ khuyên nó về đi học lại. Về ở gần rồi mình sẽ nhỏ nhẹ hướng dẫn dần dần. Cũng không muộn đâu!

Lại một điều sai lầm. Suốt đời ông, ông cứ ước con ông học thành ông này ông nọ mà quên là ông chẳng bao giờ hướng dẫn con, thiếu cẩn bản nên Du đâm ra không thích học nữa, nếu muốn học thì đã học từ lúc mới qua, nhà có tiền của, Du đâu cần phải đi làm ngay. Cứ nói chuyện học, Du không muốn nghe, giải pháp này không ổn. Bắt về lấy vợ để lo làm ăn, xứ này, con gái họ cũng kén chọn, đòi hỏi lắm, không bằng cấp, không nghề ngõng bảo đảm, ai thèm chịu, trai thừa gái thiếu, cái đám con trai ra bằng kỵ sú “nhiều như vịt” còn phải “phơi” kia kia, ở đó mà không có chi.

Bây giờ mỗi khi nghe nhà mấy ông bà bạn có con ra bác sĩ, nha sĩ, kỹ sư... là ông buồn, buồn đến thúi ruột. Bây giờ đã buồn, huống chi về già! Bố mẹ già còn khổ vì con, hèn gì Phượng chả muốn đẻ, con với cái!

Ở nhà hiu quạnh thì buồn, ngồi vào sòng bài nghe mấy mụ lăm chuyện khoe con, khoe cháu thì nhức cái đầu. Cái sướng của mấy mụ xí xợn đó là được khoe cháu với bác Thành gái, một người có tiền của mà đường con cái bất hạnh quá. Luật bù trừ, bà giàu có cõi đó mà con cái học hành đàng hoàng thì bà còn khoác lác cõi nào, thả dàn mà ca, nói trời nói đất, ai chịu nổi. Thật sự thì bác Thành gái chỉ có tật nói nhiều, chứ cái ruột rỗng lắm.

Tháng mười một, mưa mù trời mù đất. Có ba ngày mưa mà nước sông dâng lên ngập lụt nhà cửa cây cối ở nhiều nơi. Nửa đêm chợt thức giấc nằm nghe mưa rơi lộp độp ngoài cửa kiếng, ông nhớ tới thằng con lâu lăm rồi nó chưa về nhà. Lo quá, ông cứ đâm nghĩ dại. Nếu nó chẳng may bị Mỹ đen Mỹ trắng giết ở một xó xỉnh nào thì chắc ông bà cũng chẳng biết. Mà ông cũng sợ những cú phôn nửa đêm khuya khoắt, cảnh sát cho biết hung tin. Ông biết vợ cũng thức giấc và chắc cũng đang nghĩ tới thằng Du như ông.

Ông đứng lên, lại bên cửa sổ, nhìn ra sau vườn. Vườn sau thật rộng, ông trồng vài cây táo Mỹ, lê Mỹ, lê Tàu, lê Nhật, vài khóm hoa hồng, một góc dành cho đủ loại rau sống: rau răm,

húng cay, húng nhủi, tía tô, kinh giới, quế, cải, ớt, cà chua, hành hương, tỏi... Mấy cây lê Tàu, lê Nhật, mùa hè năm nay đã nặng trĩu những trái là trái, mọng nước... rụng la liệt đầy gốc cây vì ông bà ăn uống không bao nhiêu cũng lười hái. Những năm trước, bôm lê sai trái, bà còn hái cho vào bao giấy đem cho Food Bank giúp đỡ người nghèo. Mấy lúc sau này buồn về con cái, bà không thiết làm gì, rồi lại sợ phải giải thích chuyện của con, ai gọi phôn bà cứ nói tránh đi, không mời ai đến nhà mà cũng chẳng thăm viếng nhà ai, cứ để nhà hoang vuồn vǎng, ra vô chỉ là “cặp già” với nhau. Mấy hôm rày, mưa gió bão bùng làm nghiêng ngả mấy khóm hồng ông cũng không buồn thu gọn mà bà cũng chẳng buồn ngó ngàng.

Đời sống xứ này, lo thì có đủ thứ để lo, và buồn thì lúc nào cũng có thể buồn được. Cái ám ảnh già lú lẩn mà phải cô đơn sống một mình mấy lúc sau này cứ đeo đuối theo ông hoài. Phượng bây giờ đã theo chồng qua Trung Đông làm cho một hằng dầu. Du vẫn biền biệt phương nào. Chuyện nhà đã thế, trong vòng hai năm nay ông bà lại còn chứng kiến vài người bạn thân qua đời. Người đau vài năm, người bất thình lình ra đi, làm ông bà nghĩ rằng rồi cũng tới phiên mình thôi.

Những năm đầu mới qua còn bận rộn với đời sống mới, lăn lộn với công ăn việc làm, đâu có thời giờ nghỉ chuyện già cả, bệnh tật. Bây giờ ăn uống chi cũng sợ, sợ mập, sợ cao máu, sợ trữ nhiều chất mỡ trong người làm nghẽn mạch máu. Sống xứ Mỹ càng ngày càng thấy buồn. Thương cho mình, thương cho những anh em HO mới qua. Tuần trước có một ông HO mới vừa tự tử chết, ông này cứ than cái xứ gì buồn quá, nhà vắng như Chùa Bà Đanh, không nghe tiếng xích lô máy, tiếng rao hàng trong xóm. Bên này ai cũng đi làm, đi học, ban ngày làm gì có người ở nhà. Nghe nói tinh thần của ông này từ ngày ở tù cải tạo về đã yếu đuối rồi, ở VN lúc nào cũng phải có người ở bên cạnh. Nhiều người sống phải thấy người Việt, phải nói tiếng Việt, không thì chịu không nổi. Ông ra đi, xác ông thành tro bụi, thôi cũng xong phần ông, chỉ tội cho người thân ở lại bơ vơ lạc lõng nơi xứ người.

Thấy nỗi bất hạnh của người ta mà cũng ngậm ngùi cho nỗi buồn của mình. Hai bác cứ than thở, không còn thiết làm gì. Nhớ tới lời ông Nhơn bạn bác nói hôm nọ:

-Tôi mong được chết sớm. Sống lâu mà lú lẩn chỉ làm khổ con cháu.

Bác Thành trả lời:

-Ai mà chẳng muốn vậy. Số phần cả. Muốn cũng đâu có được.

Mà bụng bác thì nghĩ mình có con mà cũng coi như là không có con.

Ông Nhơn cứ tiếp tục với dự án:

-Lo cho các cụ là khi các cụ lú lẩn không thể săn sóc cho chính các cụ. Con cháu thì vẫn phải tiếp tục với công ăn việc làm đâu thể bỏ mà ở nhà săn sóc cho các cụ được. Để các cụ ở nhà một mình cũng đâu có được. Xin lỗi nói không được đẹp lắm, lúc mà các cụ ỉa đái cũng lo không được, mình phải làm sao đây? Trường hợp này thì chỉ có giải pháp duy nhất là phải cho các cụ vào viện dưỡng lão, để có người săn sóc bên cạnh. Mà cho vào một nơi lạ người lạ tiếng, các cụ sợ hãi tội nghiệp. Tôi nghĩ rồi, nghĩ nhiều lần rồi... hãy mở một viện dưỡng lão cho người Á Châu. Mở một viện dưỡng lão thì đâu phải dễ. Phải đúng tiêu chuẩn chính phủ. Rồi cách thức điều hành phức tạp lắm. Chỉ còn cách là xin mở một khu cho người Á Châu, bác sĩ, y tá và người làm cũng là người Á Châu, trong một viện dưỡng lão đã có sẵn. Coi như là một nhánh Đông nhánh Tây nào đó. Đau ốm có miếng cháo ăn, thấy quen thuộc là thấy ấm cúng phần nào. Chứ mấy cụ làm sao ăn được súp Mỹ, nhạt nhẽo. Rồi vài năm mươi năm nữa cũng tới bọn mình...

Bác Thành chợt thấy vui vui. Phải rồi, ý kiến của anh Nhơn rất hay. Mình hãy còn trẻ, đủ trẻ để làm một cái gì cho thế hệ già ở xứ này. Cũng là chuẩn bị cái già cho chính thế hệ mình. Không thể nào cứ ngồi mà than thở mãi cho một bất hạnh riêng tư. Đời sống chỉ là cõi tạm, thì chết ở quê nhà hay ở xứ người thì cũng vậy thôi.

Linh Vang (Tacoma - Washington)

tình biệt ly thơ đỗ hùng



Một chiều tôi đứng bờ Tây
Trông thấy én lượn chim bay ven bờ.
Trùng dương sóng cuộn vỡ bờ
Hoàng hôn nắng hạ, trăng chờ lên ngôi.
Nhìn về cố quốc xa xôi.
Tâm tư nhớ lại tình đầu tuổi thơ
Khi còn hứa tuổi mong mơ.

Yêu người con gái ngây thơ Học Đường
Nàng là sinh nữ Trường Vương
Còn tôi Cường Để hai trường gần nhau.
Yêu đương chớm nở bắt đầu.
Hẹn chiều tan học gặp nhau cống trường.
Cùng nhau dạo biển phố phường,
Trên đường Nguyễn Huệ yêu đương trãi dày.
Hàng thông ven biển tình say.
Công viên bến mong dựng xây tình đầu.
Nàng ngồi nghiêng tựa hỏi tôi
Tình mình chớm nở bao lâu sẽ tàn.
Tháng năm vàng vụt thời gian.
Thư nàng tôi ghép thành trang sử tình
Yêu đương nét chữ nguyên trinh.

Chúng mình trân quý giữ gìn bền lâu.

Từ nay cho đến bạc đầu.

Ngờ đâu tan vỡ ưu sầu phũ bao.

Dù tình đẹp tựa trăng sao.

Bỗng nhiên đông tố mây bao che mờ.

Miền Nam bức tử bát ngát.

Bảy lăm cộng sản phá bờ xâm lăng.

Trời Nam mây xám sâu giăng.

Nhà tan người chết xóm làng đều hiu.

Bom đạn cướp người tôi yêu.

Bao năm xây dựng một chiêu vỡ đôi.

Tình yêu vừa mới bắt đầu.

Mà nàng đã vội xa tôi lìa trần.

Nàng như gió ngoài biển đông.

Thổi vào mát rượi oi nồng xưa tan.

Gió đông nay không còn sang.

Là tôi mất cả tình lang ban đầu

Đành cam ôm mối tình sâu.

Tìm đường đi đến bầy trời tự do.

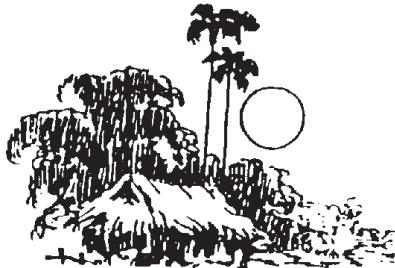
Tạ ơn Trời Phật đã cho

Bây giờ tôi được tự do xúi người

Đỗ Hùng

tánh tình người xứ Nẫu

huyền vũ lê văn huyên



Tánh tình người Việt Nam chúng ta trong ba miền Bắc Trung Nam đều giống nhau trên căn bản, nhưng nơi nầy khác nơi kia là khác ở sắc thái. Vì đại đa số người Việt Nam đều do một gốc mà ra, đều chung một nền kinh tế, một nền văn hóa, đều nói một thứ tiếng, đều thăng trầm trong một dòng lịch sử. Càng ở gần nhau càng giống nhau. Nhưng không phải giống như những pho tượng đúc cùng một khuôn, mà giống nhau như những anh chị em cùng một cha mẹ.

Người Bình Định phần đông tánh tình chất phát, thuần hậu, chuộng khí tiết, trọng nhân nghĩa. Ngoài xã hội lấy trung tín làm gốc. Trong gia đình lấy hiếu thuận làm nền. Chúng ta hãy đi sâu vào mỗi lĩnh vực Tánh-Tình để minh họa cái đặc điểm riêng của người Bình Định, thường được gọi là "Dân xứ Nẫu".

Tánh : là tính, ý tự nhiên của con người : Bổn tánh, bẩm tánh, đúc tánh, khó tánh, tâm tánh, thiên tánh. .

" Anh đánh thì em chịu đòn

Tánh em hoa nguyệt, mười con chặng chùa" (cd)

Tình : là tính tự nhiên do mắt thấy, tai nghe,

lòng nghĩ mà sinh ra: ân tình, cảm tình, chân tình, chí tình, chung tình, hữu tình, thông tình . . .

Tánh tình nói chung là tánh nết và tình cảm.
Tánh tình dễ thương .

Tánh

Tánh cũng như tình đều bị hoàn cảnh xã hội chi phối. Nhưng tánh là gốc, tình là ngọn. Tánh là xương, tình là thịt. Cho nên tình thường thay, còn tánh khó đổi, nếu có thay đổi, cũng chỉ thay đổi ít nhiều mà thôi. Tục ngữ ta có câu : "Đánh chết cái nết vẫn còn" nết tức là tánh. Tây phương cũng có câu : "Qui chasse le naturel, il revient au gallop" nghĩa là "Đuổi tánh tự nhiên, nó liền trở lại" Bởi vậy trải qua bể nổi dâu chìm, đa phần người Bình Định vẫn còn giữ được bản tính :

* Cương trực : Cứng cỏi và ngay thẳng, dám ăn nói, không vị nể .

* Chân tình : Tình thật, không giả dối. Bày tỏ chân tình .

* Can đảm : Dạn dĩ, dám làm, không sợ sệt, nhưng sự can đảm luôn luôn đặt đúng chỗ chứ không liều lĩnh .

* Nhẫn nhục : Khi nhẫn thi nhẫn cũng hung, mà đến lúc đổ khùng thì ông Trời coi cũng nhỏ.

* Hiếu khách : Khách đến nhà không gà thì vịt, và khách đến chơi, ở càng lâu càng quý. Ra đường hể có tiền trong túi là đãi bạn. Vào quán thường dành nhau trả tiền hàng, được trả lấy làm thú vị.

* Tri ân : Đã mang ơn thì luôn luôn lo trả. Trả được rồi vẫn nhớ mãi, đời nọ sang đời kia. Ơn nhỏ mấy cũng không bao giờ quên. Một miếng cơm, một lời nói, vẫn đều ghi dạ tạc lòng :

Em tôi thèm sữa mút tay

Ai cho bú miếng, ngàn ngày biết ơn

Một lời đổi ruổi thành may

Ôn ghi vào dạ mỗi ngày một sâu.

* Háo nghĩa. Thấy việc nghĩa là làm, nghe điều nghĩa là theo; nhưng nhiều khi không xét sâu nghĩa kỹ, nên dễ bị lợi dụng làm vật hy sinh .

* Thích an nhàn. Ít tham vọng, Làm lụng đủ ăn, đủ mặc, học hành viết thạo, đọc thông là được, chứ không cần lúa ngàn, tiền vạn, không mong bǎng nhǎn, trạng nguyên. Nhiều khi chạy chọt được chút miến sai, chúc sắc... để khỏi thuế, khỏi siêu , chứ thi đở rồi cũng ít muối đi làm quan, phải vào luôn ra cúi cho mệt xác, mà có ra làm quan đi nữa thì cũng giữ mục thanh liêm, chính trực. Có nhiều người vì tình thế bắt buộc phải xuất chính thì :

Mặc dù lờ lão, quan trên quở

Cho nữa làm chơi, chẳng nữa về.

Nguyễn Trọng Trì

Vì vậy mà mấy ông quan Bình Định, từ trước đến nay, ông nào cũng "Đi sao về vậy" không mấy ông mang tiếng xấu về tinh nhà.

* Ưa hài hước. châm biếm. Người Bình Định bất kỳ ở tầng lớp nào, luôn luôn có nụ cười mỉm trên môi, và những câu chuyện "thọc lét" bụng người. Bất kỳ ở trường hợp nào cũng diệu cợt được. Nhiều khi "buồn thúi ruột" mà cũng kiếm được câu chuyện hài hước, lời nói ba lơ, để cười. Những đám tiệc, hội hè, luôn luôn có những tràng cười như bắp rang, như pháo nổ. Vua Quang Trung đã biết khai thác tính hí lộng của người Bình Định, bày ra kể chuyện "Tiếu lâm" cho quân sĩ khuây sầu lúc vắng con, xa vợ.

* Nặng về địa phương. giàu lòng tự ái : Hễ ai dụng đến làng mình, quận mình, tỉnh mình, thì nhiều khi không dỗng lòng được, lại hay thù hận, giận dai, nên đôi lúc hóa ra

thành kiến, cố chấp.

* Hay kiện cáo. Đã hay kiện cáo, mà hể đút đơn kiện là liền vát cửa đi lo, phải cúng lo, quấy cúng lo. Bởi vậy người nào ra làm quan dù nhỏ dù lớn, bỗ đến Bình Định là “chuột sa bồ nếp” Tục ngữ có câu :

Quảng Nam hay cải

Quảng Ngãi hay co

Bình Định hay lo

Thừa Thiên “Nính “hết.

Người bình Định, có nhiều tánh tốt và cũng có nhiều tánh xấu không thể kể hết. Đại khái người Việt Nam có những tánh tốt, xấu nào thì người Bình Định cũng đều có như vậy, có khác chăng chỉ khác ở phân lượng và ở sắc thái mà thôi. Nghĩa là người Bình Định có rất nhiều dân tộc tính

Tình

Ta hãy lần lượt tìm xem, tình của người Bình Định, đã thể hiện qua những gì ? Nó thâm trấn như thế nào ? và dĩ nhiên cũng như tánh, đều bị hoàn cảnh xã hội chi phối .

* Lòng chung thủy. Người Bình Định chẳng những hàng sĩ phu mới lo sửa mình, rèn luyện đạo đức. mà đạo lý cổ truyền thấm nhuần khắp các tầng lớp nhân dân, thể hiện một cách tự nhiên nơi ngôn ngữ, nơi hành động, biểu lộ một cách hồn nhiên, tục ngữ, ca dao đã ghi nhận :

Dù cho đất đổi trời thay

Trăm năm giữ một lòng ngay với đời

Tham vàng bỏ nghĩa mặc ai

Lòng đây sông giải non mài cũng nguyên. v.. v..

Đó là lòng chung thủy xây trên nền tín nghĩa. Người

không tín nghĩa, bị xã hội coi như bỏ đi. Nếu phép nước có tha, thì tội Trời không tránh khỏi.

*Chứng minh có đất có trời
Nói ra rồi lại nuốt lời sao nêng.*

* Lòng hiếu thảo: Người Bình Định cũng thể hiện đầy nhẩy lòng hiếu thảo trong khúc hát, lời ru :

*Ôn Cha nghĩa Mẹ trùu trùu
Mưa mai lòng sợ, nắng chiều dạ lo
Ôn Cha núi chất trời Tây
Láng lai nghĩa Mẹ nước đây biển Đông*

Có Cha có Mẹ là có tất cả. Cha Mẹ không còn dù sang bao nhiêu, giàu bao nhiêu, lòng người con vẫn luôn luôn buồn tủi:

*Có Cha có Mẹ thì hơn
Không Cha không Mẹ như đòn đứt dây .*

Tình Cha đối với con dù tha thiết đến đâu cũng không bằng tình Mẹ. Đức hy sinh của bà Mẹ Việt Nam, nói chung, bà mẹ Bình Định nói riêng thật non chồng biển chứa, Trời cao đất dày . . . Càng nghèo khó bao nhiêu đức bà Mẹ lại càng cao cả bấy nhiêu .

*Trời đông gió lợt sông hồ
Chỗ uớt phân Mẹ, chỗ khô con nằm.
Đường xa sicc mỗi chân rần
Chén cám kiém được nhặt phân cho con .*

* Tình anh em thì :

Anh em hòn máu xắn đôi

Gặp con mưa gió chỉ trôi nước ngoài
 Anh em khuất ruột chia hai
 Mạch còn máu chảy, đứt ngoài liền trong .

Cho nên trong làng xóm, nếu có gia đình nào, anh em bất hòa, thì liền bị cho là “Gia đình vô phuỚc” . Chẳng những đối với thường dân dư luận khắc khe đã đành , mà đến như nhà Tây Sơn được nhân dân Bình Định kính trọng, nhưng đối với việc vua Quang Trung và vua Thái Đức xích mích với nhau, thanh nghị vẫn không tha thứ, như trường hợp lúc vua Thái Đức bị vây ở thành Qui Nhơn. Bí quá vua leo lên thành khóc và nói với Nguyễn Huệ rằng : “Bì oa chủ nhục, đệ tâm hà nhẫn” Vua Quang Trung cảm động lui binh, người đời đã diễn nôm câu nói ấy ngầm ý trách móc :

Lỗi lầm anh vẫn là anh
 Nồi da xáo thịt sao dành hối em ? !

* Tình vợ chồng, đối với nhau cũng chí tình. Lẽ nghĩa nghìn xưa vẫn giữ, cái cảnh chồng chúa vợ tôi ít thấy trong gia đình người Bình Định. Thường thường vợ kính chồng, chồng nể vợ, thương yêu nhau, chiêu chuộng nhau. Những tiếng mầy tao mi tố, những trận chuỗi mắng đánh đập, thảng, hoặc có xảy ra, nhưng :

Khi giận thì rầy thì la
 Đến khi hết giận thì ta yêu mình.
 Chồng giận thì vợ làm thinh
 Vợ giận chồng hỏi rằng mình giận ai ?
 Vợ rằng giận trúc giận mai
 Vợ chồng ai có giận ai bao giờ .

Cảnh gia đình thật êm ấm. Đó cũng nhờ biết cách đối xử,

đó cũng nhờ biết giữ lễ nghi:

Chồng như giỗ vợ như hom

Đá vàng chung chạ, cháo cờm vui lòng.

Có nhiều gia đình vợ chồng càng già, tình đố với nhau càng đầm thắm :

Vợ chồng nghĩa nặng tình sâu

Thương nhau đến tuổi bạc đầu càng thương.

Lúc sống với nhau trọn tình , lúc chết đố với nhau trọn nghĩa :

Thề nguyên sau trước nhất ngôn

Sống nắm chung gối, thác chôn chung mồ .

* Tình Thầy trò. Đố với người Bình Định, tình thầy trò vẫn là biển , là non. Học trò để tang cho Thầy, thờ Thầy như Cha Mẹ. Nhỏ sơ Thầy, kính trọng Thầy đã dành, đến khi thành danh, vẫn kính sợ Thầy như lúc còn đang thụ huấn.. Thầy đố với trò cũng trước sau như vậy.

Cụ Đào Tấn là học trò của cụ tú Nhơn An. Cụ Tú có soạn bốn tuồng ” Ngũ Hổ Bình Tây ” rất có giá trị. Khi cụ Đào làm quan ở Nội Các, có dâng lên vua Tự Đức ngự lâm. Nhà vua khen là diệu tú, và muốn đặc cách cụ Tú được đi thi Hội, nhưng lúc bấy giờ cụ Tú đã già yếu, không hưởng được quân ân.

Bốn Ngũ Hổ Bình Tây đã hay, bố cục lại khéo, nhưng vẫn còn có chỗ chưa thật

chín. Như lúc công chúa Trại Ba níu không cho Địch Thanh trốn đi đánh Tây Liêu. Đến nơi ải, Công chúa truyền cho tướng giữ ải là Cáp Man đóng cửa ải cẩn mật. Thế mà khi vợ chồng đã hiểu với nhau rồi, Công chúa thuận để Địch

Thanh đi, lại quên không truyền lệnh cho Cáp Man mở ải.
Hai bên chỉ than thở nhau rồi chia tay :

Dứt tình một khúc Dương quan

Tây Liêu anh tối, Đón bang em về,

Cụ Đào định trình lại thầy để thầy sửa cho ổn. Nhưng chưa kịp trình thì cụ Tú tạ thế. Nếu để y vậy thì bốn tuồng là một viên ngọc liên thành có tì vết, còn tự ý sửa thì thất lẽ với Thầy. Mãi về sau, khi đã trí sĩ rồi, cụ mới mua một con heo và sắm lễ vật đến nhà Thầy, làm cỗ bàn cúng lạy xin thầy cho phép “Mở cửa ải, để đưa Địch Thanh lên đường”. Lẽ xong, cụ thêm vào bản thảo, ngay ở sau câu “Giây phiền đó buộc chuỗi sầu dây mang” một đoạn ngắn rằng : “Bó Cáp Man ! Truyền Cáp Man mở ảiặng ta đưa Nguyên Soái lên đường”. Trong khi vợ chồng than thở thì cửa ải mở rộng, hai bên mới chia tay bằng hai câu của cụ Tú :

Dứt tình một khúc Dương quan

Tây Liêu anh tối, Đón Bang em về . . .

Đoạn thêm thật hay. Cụ Tú có thiêng, nhất định vui lòng thích ý .

* Tình bạn. Tình thầy trò đã thâm, tình bạn càng rất thiết. Bạn bè thường hay giúp đỡ nhau. Mỗi tình bạn giữa cụ Đào Phan Duân và cụ Hồ Sĩ Tạo là một bằng chứng hùng hậu : Cụ Đào Phan Duân đậu phó bảng, đi làm quan. Cụ Hồ Sĩ Tạo đậu cử nhân, lấy cớ nhà nghèo không đi thi Hội.

Biết cụ Hồ là người tài ba lối lạc. Cụ Đào rất kính yêu, mong cho bạn đem tài năng ra thi thố với đời. Cụ Đào khuyên cụ Hồ ra kinh ứng thí. Cụ Hồ thoái thác vì không đủ sức lại không săn tiền. Cụ Đào liền sắm sửa hành trang và cấp lệ phí, ép cụ Hồ phải lên đường. Không nỡ phụ lòng bạn, cụ Hồ đã đi thi và đậu Tấm sỹ. Sau cụ Hồ liên can quốc sự, bị mắc cảnh lao lung. Cụ Đào vẫn giữ tình xưa, chu cấp cho gia đình và tới lui thăm viếng. Khi cụ Hồ được tự do, thì hai ông bạn già lại chung sống với nhau trong cảnh thanh

bần, lạc đạo.

Nói thế không phải bảo rằng tất cả người Bình Định đều tốt cả

Ở đâu cũng có anh hùng

Ở đâu cũng có đứa khùng thằng điên.

Phản ảnh chung cho cảnh xã hội buổi giao thời của hai nền văn minh Á và Âu, thời buổi ấy chẳng những đạo thầy trò bị lung lay, mà cả một nền luân lý Á Đông đều bị làn sóng văn minh vật chất của Âu Tây làm vỡ lõi. Nhưng ở Bình Định vẫn chưa đến nỗi như cụ Tú Xương đã than :

Nhà kia lối đạo, con khinh bố

Mụ nợ chanh chua, vợ chiểu chồng

Những nơi thành thị đô hội, tình người cũng đã bị hoàn cảnh xã hội chi phối, không còn giữ trọn chất thuần mĩ ngày xưa. Những câu hát như:

Vợ con chiểu mắng vẫn cười

Khuyên răn cha mẹ nhẹ lời cũng gây.

Vợ nhà cục mịch hổ ngươi

Anh về bán ruộng cưới người Xuân kinh

Chồng đi thì có chồng nhà

Hơi đâu mà đợi chồng xa trở về.

Gia tài chỉ một con trâu

Đùi vai phần chị, đuôi đùu phần anh

Ruột gan xâu xé tan tành

Còn thừa chút mệt để dành phần em.

Đó là hình ảnh xã hội, vang bóng tâm tình, khi người Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước Việt Nam ta nói chung, Bình Định nói riêng .

Là con dân Bình Định, hảnh diện được thụ hưởng truyền thống hào hùng của Đại đế Quang Trung, của Mai Xuân Thuởng, của Tăng Bạt Hổ . . . , được hấp thụ tập tục Á đông trong nhân, nghĩa, lễ, trí, tín., Nhưng cũng đã bị hoàn cảnh xã hội chi phối bởi hai nền văn minh Á Âu, từ khi Pháp đô hộ Việt Nam, làn sóng văn minh vật chất âu tây làm đổ vỡ một phần tập quán tốt đẹp Á đông.

Tiếp đến ngày miền nam Việt Nam lọt vào tay Cộng sản vô thần, phi nhân, đã làm cho dân chúng lầm than khốn khổ, tôn giáo bị bức hại, mất nhân quyền, mất tự do, còn đâu là nhân nghĩa, còn đâu là tình người ! ?

Nơi hải ngoại, trong cuộc sống lưu vong. con và nhau là các cháu của chúng ta, sinh ra và lớn lên trong xã hội phồn hoa, nặng về vật chất, tự do phóng túng, văn hóa Việt đã ít nhiều bị pha trộn với các sắc dân khác. Nỗi trăn trở của các bậc cha me: e rằng vài thế hệ kế tiếp, dân tộc tính Việt Nam sẽ đi về đâu ? !

Nhưng cũng may, gần đây, ta thấy cộng đồng người Việt chúng ta ở hải ngoại mỗi ngày một phát triển . Các tôn giáo mỗi ngày một hưng thịnh. Các trường Việt ngữ từ một số cơ sở tôn giáo, càng ngày càng phát triển. Trẻ em được cha mẹ khuyến khích học tiếng Việt, được học văn hóa Việt . Chúng ta hy vọng truyền thống dân tộc Việt Nam sẽ không bị mai một theo thời gian , theo hoàn cảnh xã hội, mà vẫn giữ được " Tính tốt " và "Tình nồng " .

Huyền Vũ Lê Văn Huyên

DANH NGÔN:

Thấy lợi chẳng bỏ nghĩa, thấy chết chẳng đổi lòng là người
quân tử

Lễ Ký



Chúc Mừng

Nhận được thiệp hồng báo tin:

Anh Chị Phan Minh Châu làm lễ thành
hôn cho Trưởng Nam:

Cháu Vincent Phan

Đẹp duyên cùng

Cháu Christine Nguyễn

Hôn lễ được cử hành ngày 11 tháng 01 năm 2009

Tại San Jose, California, Hoa Kỳ

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California xin chúc
mừng và chung vui cùng Anh Chị Phan Minh Châu.
Cầu chúc hai họ Phan & Nguyễn có được dâu hiền rể
thảo.

Mến chúc hai cháu Vincent và Christine

Một đời thương yêu

Trăm năm hạnh phúc

Xuân Quang Trung Đại Thắng



Đỗ-Thị Thu-Ba

Hoa lịch-sử nở Mùa Xuân Kỷ-Dậu,
Máu quân thù trang điểm Áo Quang-Trung.
Tiếng quân reo ngợp Thắng-Long,
Sóng cờ Vạn-Thắng vinh-quang ngất trời.

Lệnh xuất-quân vang vang trời Tam-Điệp,
Rừng cung đao ròm-rợp thủy non Côi.
Cùng Ngũ-Hổ Tướng ra oai,
Kiếm báu hoa nở hùng mây Ninh-Bình.
Mùng 3 Tết, ta công đồn thắng lợi,
Triệt Hạ-Hồi, lũ địch khiếp uy danh.
Ngọc-Hồi vùi xác Hứa-Thế-Hanh,
Uy Vương-Tu-Lệnh đốc quân vang rền.
Pháo Đại-Hổ vươn mình về phía trước,
Đường dàn hàng chửi Nhát, tiếng reo cao.
Lệnh “Sát Đôn”, vung đoản đao,
Âm âm trống trận, ào ào thúc quân.

Thường-Duy-Tăng giữ hồn về chín suối,
Trương-Triệu-Long qua một kiếp xâm lăng.
Sầm-Nghi-Đống, bại tướng ô danh,
Gò Đống thây giặc ngổn-ngang chất-chồng.
Tôn-Sĩ-Nghệ vượt sông Hồng chạy trốn,
Bạn ruốc voi công rắn lùi theo sau.
Lũ địch hoảng loạn qua cầu,
Cầu sập, biến máu thù ngập đáy sông.

Mùng 5 Tết, đúng lời nguyên hẹn trước,
Về Thăng-Long, cờ Đại-Việt tung bay.
Hoa Vạn-Xuân nở ngọt trời,
Khải-Hoàn tấu khúc xum vầy Quân Dân.
Địch gấp hai, ta chí bền quyết thắng,
Địch xâm lăng, ta giữ nước cứu dân.
Mẫn-Thanh khát máu, bạo tàn,
Ta luôn quý trọng nghĩa-nhân một lòng.
Tươi Áo Vải trong đáy hồn Tổ-Quốc,
Ngọn cờ đào linh kiết trải non sông.
Công đức Hoàng-Đế Quang-Trung,
Hồng Xuân Kỷ-Dậu, vàng son Sử Hùng ./.

Boston, tháng 12/2009

ĐÔNG TÂY TAM KIỆT

- . NAPOLEON BONABARTE
- . GEORGE WASHINGTON
- . VUA QUANG TRUNG



Triều Phong Đặng Đức Bích

*T*hời đại nào cũng có anh hùng, đất nước nào cũng có người hùng anh. Từ đông sang tây, từ cổ chí kim đều có những siêu nhân, những người tài ba lối lạc xuất hiện, ở những thời điểm khác nhau như Hạng Võ, Lưu Bang, Hàn Tín, nổi danh trong thời Xuân Thu Chiến Quốc. Thành Cát Tư Hãn đã gầm thét Hoa lục và một thời kéo hùng binh sang tận Europe. Mustafa Kémal, Nã Phá Luân Đại Đế, Hitler đã làm rung chuyển cả Âu châu.

Vào thế kỷ thứ 18, tại Âu châu, Hoa kỳ và Phương đông, có ba vị anh hùng xuất hiện cùng một thời điểm mà những chiến công và sự nghiệp hiển hách đã làm sáng chói trang thế giới sử : Đó là Đại Đế Napoléon Bonaparte Pháp quốc, Tổng Thống Hoa Kỳ George Washington và Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ Việt Nam.

1 - NAPOLÉON BONAPARTE : (1769 - 1821)

Đại Đế Pháp quốc, ông đã khởi xướng, thiết lập và bổ sung nhiều cải cách sâu rộng cho cuộc cách mạng Pháp. Một thiên tài vĩ đại về quân sự, ông đã chinh phục phần lớn lãnh thổ Âu châu và canh tân những vùng đất đai chiếm đóng.

Napoléon sinh ngày 15/8/1769 tại đảo Corse, một hòn đảo nhỏ của nước Pháp. Là người thứ 2 trong gia đình 8 người con, ông tốt nghiệp trường quân sự tại Paris năm 16 tuổi. Sau cuộc cách mạng Pháp, ông được thăng lần đến cấp bậc Đại úy và trên đà danh vọng, lập được nhiều công trạng, ông được vinh thăng cấp tướng năm ông 24 tuổi.

Năm 1795 ông đã cứu chính quyền cách mạng Pháp, đánh tan cuộc nổi dậy của nhóm phiến loạn tại Paris. Năm 1796 ông kết hôn với góa phụ Joséphine de Beauharnais và cung năm ấy, ông được đề cử làm Tư lệnh quân đội Pháp tại Ý. Vào thời đó, nước Áo, Nga và Anh liên kết lại để chống Pháp, Napoléon quyết định từ Ý Đại Lợi trở về cứu quốc.

Ngày 9/11/1799 tại Paris, ông đã thiết lập một chính thể mới, Quốc hội với một Hội đồng tư vấn Bonaparte đầu tiên, sau này vào năm 1802 và 1804 được cải tổ lại để thành lập triều đại Napoléon Bonaparte.



Napoléon Đại Đế

Napoléon là một thiên tài quân sự. Để tạo uy tín và củng cố quyền lực, năm 1800 chính ông đã thống lãnh đoàn hùng binh vượt qua núi Alpes, đánh bại quân Áo tại Marengo. Ngày 2/12/1805, ông đã chiến thắng vẻ vang quân đội liên kết Nga - Áo tại chiến trường Austerlitz, năm 1806 đánh bại quân đội Prussian tại Jeva và Auerstadt, rồi tiêu

diệt quân đội Nga tại Friedland, năm 1807 chiếm Bồ Đào Nha, năm 1808 chiếm Tây Ban Nha, năm 1809 một lần nữa, ông đánh bại đoàn quân Áo quốc tại Wagram. Cũng năm 1809 này, Napoléon ly dị Joséphine.

Để làm giảm bớt sự căng thẳng và gây tình hòa hiếu với nước Pháp, triều đình nước Áo đã tiến cử công chúa Marie Louise, con gái Hoàng Đế Áo quốc cho Napoléon. Họ kết hôn năm 1810 và hạ sinh một hoàng tử năm 1811.

Năm 1812, Napoléon kéo quân sang đánh nước Nga và bị quân Nga dụ sâu vào Moscow, quân Pháp không chịu nổi cái lạnh thấu xương như cắt da thịt vào mùa đông, cuối cùng bị tan rã. Sau đó các nước Âu châu liên kết chống lại ông ta. Tháng 4/1814, triều đình Pháp từ chối tiếp tục chiến tranh, các chính trị gia không ủng hộ ông nữa và Napoléon đã thất bại trong trận Waterloo ngày 18/6/1815 tại nước Bỉ. Ông bị đưa đi an trí tại đảo Saint Helene, phía nam Đại Tây Dương. Ông mất ngày 5/5/1821.

Dân tộc Pháp luôn luôn tôn kính Napoléon Bonaparte. Khải Hoàn Môn được xây dựng tại Paris để tưởng nhớ đến ông, vị anh hùng vĩ đại, với những chiến thắng vẻ vang liên tiếp đã làm rạng danh trang sử Pháp.

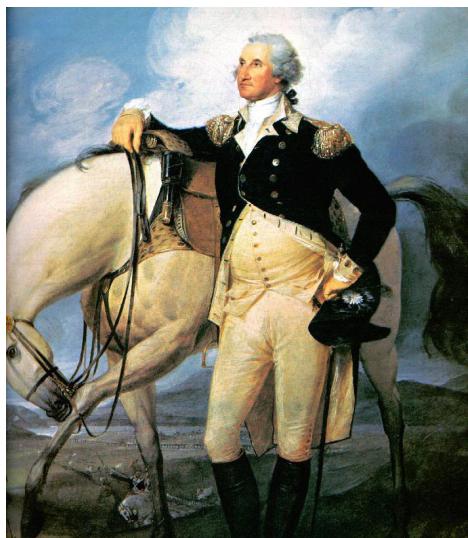
2 - GEORGE WASHINGTON : (1732 - 1799)

Chỉ huy trưởng quân đội lục địa trong thời gian cuộc cách mạng Hoa Kỳ. Một chính trị gia lỗi lạc, một thiên tài về quân sự, George Washington đã đưa đất nước Hoa Kỳ đến chỗ vinh quang. Ông là Tổng Thống đầu tiên của Hiệp Chủng quốc Hoa Kỳ.

George Washington sinh ngày 22/2/1732 tại Virginia Mỹ quốc, là con trưởng của ông bà Augustine Washington, một điền chủ ở Virginia. Ông là một người thông minh lỗi lạc, năm 16 tuổi đã được mời vào Ủy ban Nghiên cứu và Phát triển những vùng đất mới.

Năm 1755 với quân hàm Đại tá, ông được bổ nhiệm thống lĩnh quân đội bảo vệ Virginia và những vùng biên giới phía tây Hoa Kỳ. Sau trận đánh giữa Massachusetts và quân đội Anh, ông được đề cử làm tư lệnh quân đội Lục địa. Ông đánh bại quân Anh tại Boston vào giữa tháng 7/1776 và sau đó đưa đoàn quân chiến thắng về New York.

Áp dụng chiến thuật tốc chiến tốc thắng, ông đưa quân băng qua vùng đông tuyết Delaware giữa ban đêm 25/12/1776, bắt được Trenton trong một trận đánh thần tốc vào buổi sáng. Ngày 3/1/1777 ông đánh thắng quân đội Anh tại Princeton, tháng 6/1778 sau khi quân Pháp đứng về phía Mỹ, Washington tấn công chỉ huy trưởng quân đội Anh, Henry Clinton tại Monmouth, New Jersey.



Tổng Thống George Washington

Năm 1780, Washington được tăng cường một chiến đoàn 7000 người Pháp do tướng Rochambeau chỉ huy. Sau đó Washington và Rochambeau liên lạc với Quận công Lafayette, chỉ huy trưởng quân đội Mỹ tại Virginia, di chuyển đoàn quân

về Virginia. Tháng 10/1781, liên quân Mỹ - Pháp tấn công quân Anh. Hòa bình đã ló dạng, Anh quốc thừa nhận nền tự trị của Hoa Kỳ.

Ngoài quân sự, George Washington có tài về chính trị. Ông góp công nhiều trong việc soạn thảo Hiến pháp và thành lập Quốc hội, là nền tảng vững chắc đã đưa Hoa Kỳ trở thành một nước tự do, dân chủ và công bằng. Ông được bầu làm Tổng Thống đầu tiên của Hoa Kỳ năm 1778 và tái đắc cử Tổng Thống năm 1792. Ông mất tại Mount Vernon ngày 14/12/1799.

Dân tộc Hoa Kỳ tôn kính George Washington, coi ông như một người Cha, một biểu tượng tinh thần Quốc gia, một nhân vật tiêu biểu trong cuộc sống. Là một chiến binh, một nông gia, một người yêu nước muốn đem tâm huyết thực hiện, phát triển văn hóa và chính trị của của một nước cộng hòa, dân chủ.

Mason Lock Veems đã viết về George Washington nêu gương cho tuổi trẻ mai hậu, được nhấn mạnh là siêu nhân ở chỗ tự trọng, hiếu thảo, làm việc siêng năng, lòng yêu nước và sự thông minh cẩn trọng.

Tổng Thống George Washington được gắn liền với dân tộc Hoa Kỳ, tiếp theo là quốc kỳ, hiến pháp và ngày 4/7, ngày độc lập của Hoa Kỳ.

3 - VUA QUANG TRUNG : (1753 - 1792)

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ là một thiên tài đặc biệt về quân sự. Hành quân tốc chiến tốc thắng, biến hóa như thần, hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ luật sắt thép. Đức tính làm tướng của ông đáng kể nhất ở chỗ biết chia bùi xẻ ngọt với tướng sĩ, lấy ân uy và đảm lược để chinh phục lòng người.

Ra trận ông đi trước ba quân, lúc nguy nan ông tỏ ra bình tĩnh, gặp vấn đề khó khăn, những việc mà người khác phải khiếp vía kinh hồn thì ông thường nảy ra nhiều mưu kế thần kỳ, tỏ ra có một khối óc thông minh lõi lạc phi thường. Từ khi làm tướng, giữa lúc nước nhà loạn lạc khắp nơi, đến khi ông mất, xong pha trăm trận bách chiến bách thắng, ông chưa hề biết chiến bại.

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 tại Tây Sơn, Bình Định, con giữa gia đình 3 người con trai, anh là Nguyễn Nhạc, em là Nguyễn Lữ. Vua Quang Trung tiếng to như chuông, mắt sáng như điện, sức khỏe hơn người, mỗi khi ra trận, hai tay ông cầm hai dùi đồng, phi ngựa xông vào giữa trận, hàng trăm người cũng không địch nổi, lại có mưu trí quyền biến, mèo mực như thằn.

Vua Quang Trung phía Nam tiêu diệt quân Xiêm La, phía Bắc đánh tan quân Mãn Thanh, thống nhất đất nước. Nhà thơ Khâm Đức đã làm bài thơ ca ngợi công đức của vua Quang Trung :

Trịnh Nguyễn hai bên dẹp đã đàn
Thêm còn giữ nước thắng nhà Thanh
Ngai vàng Chiêu Thống gìn cương kỷ
Duyên thăm Ngọc Hân nặng nghĩa tình
Sĩ Nghị mang sâu tâu Bắc khuyết
Càn Long vỡ mộng dâm Nam thành
Xiêm La tướng sĩ ôm đầu chạy
Nước Việt nhờ đây hưởng thái bình

Năm 1784, quân Xiêm được nhà Nguyễn rước về nam Việt Nam. Xiêm La cử hai tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương kéo sang nước ta hai vạn quân và 300 chiến thuyền, đi đến đâu quấy nhiễu dân chúng đến đó, thật là tai hại.

Được tin Nguyễn Huệ vội vào Gia Định, áp dụng chiến thuật lùi để nhử địch vào các địa điểm chiến lược. Tại Xoài Mút, Nguyễn Huệ đặt phục binh bên Rạch Gầm nay thuộc tỉnh Định Tường, quân Xiêm đến, quân của Nguyễn Huệ đổ ra đánh bất thình linh, đánh cả hai mặt thủy bộ, chặn đường rút lui của địch, quân Xiêm xoay trở không kịp, chết và bị thương

rất nhiều, mươi phần chỉ còn một, hai, manh đầu chạy về nước.



Quang Trung Đại Đế

Ngày 24/11 năm Mậu Thân 1788, Ngô Văn Sở từ núi Tam Diệp cho tin cấp báo về Phú Xuân, việc Tôn Sĩ Nghị huy động binh mã 4 tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông và Quảng Tây, đem 200 ngàn quân, chia làm 3 đạo, kéo thẳng vào nước ta.

Nguyễn Huệ tỏ ra rất bình tĩnh. Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy chính hiệu để buộc lấy nhân tâm, dương thanh thế, rồi sẽ tiến quân ra Bắc. Nguyễn Huệ cho là phải, liền hạ lệnh đắp đàn giao tại núi Bàn Sơn, phía nam núi Ngự Bình, tế cáo trời đất và làm lễ đăng quang. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế, kỷ nguyên là Quang Trung ngày 25/11/1788.

Vua Quang Trung khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ, đem ra Bắc Hà. Ngày 20 tháng chạp, đoàn quân tới núi Tam Diệp, khao thưởng quân sĩ, truyền cho ba quân tạm ăn Tết nguyên đán, hẹn đến mồng 7 tháng

giêng, thu phục thành Thăng Long, sẽ mở tiệc khai hạ.

Mồng 3 tháng giêng năm kỷ dậu 1789, ông kéo quân đến vây đồn Hà Hồi, nay thuộc tỉnh Hà Đông, truyền loa gọi dạ ầm ầm, đến vài vạn người, quân Tàu trong đồn run sợ, ta rã mà chạy, bắt được giết sạch, không còn tên quân nào chạy lọt về báo Tôn Sĩ Nghị ở Thăng Long được nữa.

Vua Quang Trung thừa thắng đánh tràn đến đồn Ngọc Hồi, Vân Điện, Yên Quyết, giết các tướng Tàu là Đề Đốc Hứa Thế Hanh Trương Triệu Long, Tả Dực Thuượng Duy Thăng. Tiên phong Tri phủ Điện Châu là Sầm Nghi Đống không địch nổi, treo cổ tự vận trên cành cây đa. Tôn Sĩ Nghị đóng quân tại Thăng Long, được tin cấp báo, mất tinh thần, không kịp đóng yên ngựa, cùng một số thân binh vượt qua cầu phao trên sông Nhị hà chạy về phía Bắc. Quân sĩ tranh cầu, xô nhau mà chạy, cầu đổ, quân Tàu chết hàng mẩy vạn người, đến nỗi nước sông Nhị hà không chảy đi được. Hôm ấy là ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu 1789, vua Quang Trung mặc áo chiến bào xông pha trận mạc, thắng vào Thăng Long, chiếc áo bào đỏ của vị anh hùng dân tộc, qua nhiều trận huyết chiến đã đổi ra màu đen cháy vì hơi khói của thuốc súng.

Nhà thơ Trần Quán Niệm đã làm bài thơ ca tụng chiến công oanh liệt của vua Quang Trung, thắng quân xâm lược Mãn Thanh trong những trận đánh thần tốc oai hùng :

DẠI PHÁ QUÂN THANH, XUÂN KỶ DẬU 1789

Vua Quang Trung khăn vàng buộc cổ

Đốt sạch quân lương

Quân sĩ đồng lòng

Hò reo như sấm nổ

Lớp lớp hùng binh
Hàng hàng chiến tượng
Ngài cởi đâu voi chiến
Chỉ ngọn cờ đào hùng dũng tiến lên
Trong nắng ấm mùa xuân
Áo bào đỏ oai nghi rực rõ
Sĩ tốt ghép mộc gỗ
Chống lại súng thần công
Siết công thành mạnh như thác đổ
Đập lũy hào, liều chết xông lên
Quân reo ngựa hý vang rền
Hỏa hồ cháy đỏ liên liền thành tan

Quân Đô Đốc Long, Đô Đốc Bảo
Thế gọng kèm đánh thốc ngang hông
Phơi thây máu chảy đầy đồng
Xác giặc chết chất chồng gò đống
Đê Đốc Hứa Thé Hanh chết
Tiên phong Trương Triệu Long vong mạng
Tả dực Thượng Duy Thăng rời đâu
Sầm Nghi Đống đóng đồn Khuông Thượng
Sức cùng thắt cổ treo thây

Tôn Sĩ Nghị chạy thoát lấy thân
Cầu phao đứt xác đầy sông Nhị
Áo bào đen khói súng
Ngài vào thành Thăng Long
Trong tiếng khải hoàn ca
Đúng như lời đã hứa
Oanh liệt thay vua Quang Trung
Bảy ngày đai thăng chiến công muôn đồi
Bình Nam phạt Bắc chói ngời
Chí toan lấp biển vá trời ai hơn ?

Mỗi độ xuân về
Lòng dân rộn rã nhắc chiến công xưa
Trang sử Việt uy nghi hồn Đại Đế
Trong khói trầm thơm tỏa
Anh linh hồn núi sông
Hồi thế hệ Quang Trung
Hồi tinh thần bất khuất
Quyết giữ vững giang sơn
Chống lại loài xâm lược

Vua Quang Trung mất ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý 1792,
Miếu hiệu là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Ba vị anh hùng trên đây xuất thân từ những miền đất nhỏ, khiêm nhường của đất nước. Napoléon Đại Đế sinh trưởng tại đảo Corse, một hòn đảo nhỏ của nước Pháp, Tổng Thống Hoa Kỳ George Washington, con của một nhà trồng tía ở Virginia Hoa Kỳ, Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ xuất thân từ đất Tây Sơn, một vùng đồi núi hiểm trở của tỉnh Bình Định Việt Nam, tất cả đã bình Đông, trị Tây, đánh Nam, dẹp Bắc, lập những chiến công oai hùng hiển hách, một sự nghiệp lẫy lừng vang vang, là tấm gương sáng cho thế hệ con cháu mai hậu.

Hằng năm, vui Tết mừng xuân, chúng ta ngồi uống trà thuởng Xuân, nhớ lại những chiến công oanh liệt của tiền nhân, chỉ trong 7 ngày chiến đấu ào ạt như vũ bão, với những trận đánh thần tốc, oai hùng vẻ vang, vua Quang Trung đã tiêu diệt 200 ngàn quân Thanh mau như chớp nhoáng, chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, làm rạng danh trang sử Việt Nam. Đây là một chiến công lớn lao của các danh tướng đông tây cổ kim trên thế giới và cũng là những bất diệt của hôm qua, hôm nay và ngày mai cho toàn thể dân tộc Việt Nam.

Triều Phong Đặng Đức Bích

VUI CUỜI

Dám ghẹo bà

Một sư, một tiểu lên chùa, thấy một người đàn bà đang cày ruộng với một con trâu, sư bèn đưa lời trêu chọc:

“Nhất sưu nhất nữ tại canh điền,

Nhứt môn hương hậu, nhứt môn tiền”

Bà kia liền đáp lại:

“ Nhứt sư, nhứt tiểu hương môn thiền

Lưỡng đầu hương địa lưỡng đầu thiên”

Sư quê quá bỏ đi một mách.

đi giữa delta thơ quách tú

(Những ngày tháng theo học tại Delta College, 1992)

Đi giữa Del-ta ngỡ mình lạc bước,

Sách vở ba lô của tuổi học trò.

Cửa thuở xuân xanh một thời hoa bướm,

Một sớm phai tàn giong ruổi về đây.

Tuổi học trò bây giờ xa xôi quá,

Tuổi hoa niên đã vụt cánh mù bay.

Ta còn lại ngày dài với sách vở,

Bến bờ nầy ta nuối tiếc không nguôi.

Ta về đây như chìm về mùa cũ,

Hót trên cành tiếng hót của mùa xưa.

Ngắm chiều vàng cây dài nghiêng bóng ngã,

Chập chờn bay tà áo thuở năm nào.

Đi giữa Del-ta vàng hoe nhuộm nắng,

Nắng sớm tô hồng trên má môi em.

Cho đời thêm xanh ôm nhiều mộng mị,

Bờ bến tương lai đang vẫy gọi chào.

Đi giữa Del-ta trời cao vời vợi,

Bạn bè năm xưa trường cũ xa rồi.

Ta bước đi giữa riềng người xa lạ,

Tìm bến tương lai trong tuổi muôn màng.





nìn lại

phan bá trác

Tôi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm năm 1962. Anh Trà Văn Bông, bạn cùng lớp người Chàm quê Ninh Thuận, nói với tôi, “Anh đừng về Miền Trung.”

Vì sao?

Nhưng tôi đã về Quy Nhơn, không thắc mắc do dự. Nơi đây là quê hương tôi. Tôi đã sống những ngày cùng khổ với cha mẹ, anh em, bạn bè, và đồng bào ruột thịt trong những năm kháng chiến. Bắt đầu từ năm 1954, cái gì cũng như bắt đầu đào tạo xây dựng trở lại trên những đổ nát hoang tàn. Tôi được đi học đến nơi là nhờ sự hy sinh lớn lao của cha mẹ. Vẫn đến năm 1962, người các nơi đến tràn ngập các thành phố Bình Định để buôn bán, làm quan chức lớn nhỏ. Người Bình Định hầu hết bám vào đất đai sống đời vất vả cơ cực. Tôi về dạy học tại trường Cường Đế từ năm 1962 đến năm 1973, đúng 11 năm.

Có hai nguyên nhân làm cho sự học hành và giảng dạy ở trường Cường Đế đạt được thành quả rất cao. Trước hết, học sinh và phụ huynh ở Bình Định và Quy Nhơn ý thức tầm quan trọng của giáo dục. Những năm kháng chiến, sự học rất khó khăn, nhất là bậc trung học; học sinh phải đốt đèn đi học ban đêm ở những nhà tranh vách đất

thôn quê, thiếu sách vở, thiếu giáo sư, và pháp phòng lo

sợ máy bay Pháp pháo kích. Giáo dục sau năm 1954 ở Bình Định giống như đất tiếp nhận mưa sau thời gian dài nắng hạn. Phụ huynh có lòng tự tin và tự trọng, không muốn để con cái họ khi ra đời phải thua sút người khác, nên đã hy sinh tất cả để cho con cái họ được học hành đến nơi đến chốn. Học sinh cũng ý thức như vậy. Nhiều người quên rằng Bình Định là Trung Tâm Thi Hương thời Nhà Nguyễn và thời Pháp thuộc Quy Nhơn có Collège Võ Tánh, một trong ba trường trung học ở Trung Phần hai trường kia là Trường Quốc Học ở Huế và một trường trung học ở Vinh, Nghệ An. Tiếp đến, trường Cường Đẽ có một ban giảng huấn trẻ và rất nhiệt thành. Một vài năm giảng dạy sau tốt nghiệp, các giáo sư này trở thành giảng viên đứng hàng đầu.

Tôi còn nhớ rõ như in các lớp và các học sinh niên khoá đầu tiên, 1962-1963. Tôi không sao quên được các bạn đồng nghiệp ở trường Cường Đẽ.

Anh Phạm Ngọc Quan là giáo sư lý hoá. Anh về trường trước tôi và còn ở lại trường đến năm 1975. Đối với tôi anh như anh em. Bề ngoài anh trông nghiêm khắc, nhưng anh đóng góp rất nhiều cho sự thành đạt của các học sinh. Nên bây giờ nghĩ lại, ai cũng nhớ ơn anh. Tháng tư 1975, tôi gặp anh ở Sài Gòn, cùng nhau rủ đi xuất ngoại, nhưng sau cùng anh không đi vì còn cụ thân mẫu ở nhà. Sau nhiều năm, anh vượt biển, định cư ở Đức, anh không được khoẻ, đã mất sau mấy năm. Phu nhân anh, chị C. T. Tôn Nữ Ngọc Lan, là thanh tra ở Ty Giáo Dục Bình Định & Quy Nhơn.

Ở trường Cường Đẽ, không ai quên được anh Vương Quốc Tấn, giáo sư giản dị, tài ba. Anh về trường Cường Đẽ một năm với tôi, 1962. Anh là giáo sư lý hoá. Trong lớp anh giảng dạy, học trò thấy học là niềm vui, tiếp nhận dễ dàng, hết giờ học lúc nào không hay. Phu nhân anh, chị Tôn Nữ Nguyệt, cũng là học trò cũ trường Cường Đẽ. Năm 2002, tôi về Việt Nam, đến thăm anh chị. Anh mở lớp lý hoá dạy tư, sống dễ dàng sung túc. Vì ở Việt Nam sự thu nhận vào trường đại học rất hạn hẹp, khó khăn. Tỷ số giữa sinh viên được thu nhận và ứng sinh rất thấp. Ai cũng cho con luyện thi để được nhận vào trường đại học. Anh Vương Quốc Tấn nay

trông còn trẻ lắm.

Năm tôi về trường Cường Đẽ, ban Anh ngữ có anh Hoàng Thạch Thiết và anh Nguyễn Tri Tài. Sau một năm, còn có anh Tạ Quang Khanh. Tôi gần gũi với các anh vì cùng ban. Anh Thiết đứng đắn nghiêm trang, trông có vẻ thư sinh lắm. Anh tốt nghiệp đứng đầu ban Anh Văn. Anh xin về trường Cường Đẽ vì thân sinh anh là cụ Hoàng Đình Giai lập nghiệp ở Quy Nhơn. Anh đi tu nghiệp một năm ở Tân Tây Lan. Sau anh về trường Bùi Thị Xuân Đà Lạt và gặp chị ở đây. Năm 2002, tôi về Sài Gòn, có đến thăm anh chị. Anh Thiết còn trẻ, khoẻ mạnh, nhưng tóc đã bạc trông phúc hậu. Anh chị mở lớp dạy Anh Văn, sống dễ dàng thoải mái, vì ở Sài Gòn từ lớn tới nhỏ rất nhiều người học Anh Ngữ. Anh chị có bốn người con, đều được học bỗng đi du học ở Hoa Kỳ. Anh Nguyễn Tri Tài không ở trường Cường Đẽ nhiều năm. Anh đi làm ty trưởng Ty Giáo Dục Quảng Tín. Anh Tài là người hoạt bát, vui vẻ, rất tháo vát, lúc nào cũng hết lòng với bạn bè. Tôi có liên lạc với anh Tài ở Việt Nam cũng như ở Hoa Kỳ. Anh Tạ Quang Khanh tài cao, mện yểu. Anh rất hoạt động trong các ngành sinh hoạt. Chưa hết, phải kể anh Nguyễn Văn Thái, người cao lớn, khoẻ mạnh, đúng là một võ sư nhu đạo. Ở Hoa Kỳ anh là giáo sư trường Đại Học Philadelphia.

Trong ban Pháp Văn có anh Nguyễn Hoàng Sanh, anh Trương Ân, anh Lưu Quang Sang, và chị Ngô Thị Hoa phu nhân anh Trương Ân. Anh Trương Ân dạy hay, hấp dẫn, nên có người nói anh Trương Ân ở lại dạy Pháp Văn tốt hơn là làm hiệu trưởng. Tôi không chắc như vậy.

Phải kể các giáo sư toán vì toán có hệ số cao và trường Cường Đẽ có những giáo sư toán thật giỏi và thật tận tâm. Đó là anh Nguyễn Đình Nhàn, anh Nguyễn Phụ Tài, anh Lê Đức Bé, và anh Lê Bá Tròn. Tôi thân với anh Tròn vì anh là người thẳng thắn, thật tình, và anh thấy tôi hiền lành.

Trong ban vạn vật có anh Lê Nhữ Tri và anh Lê Văn Tùng. Anh Lê Nhữ Tri là một ngôi sao sáng trong ban giảng huấn. Giữa anh Tùng và tôi có nhiều điểm tương đồng nên rất thông cảm nhau. Anh là người tầm thường. Lần đầu tiên được

giới thiệu trước học sinh, anh kéo tôi lại, nói, “Hai đứa mình đứng gần nhau.” Anh đã từng sống qua chín năm trong Liên Khu V. Anh rất chững chạc, chín chắn. Anh hiện ở Cali. Các con anh đều đã học thành tài.

Tôi còn nhớ rõ anh Võ Ái Ngụ, nguyên là đại úy biệt động quân. Nếu anh còn ở trong quân đội, không mấy chốc anh có thể lên đại tá. Nhưng anh xin về trường cũ, dạy học. Đi dạy học, anh thường cầm một chiếc roi thật dài. Anh coi học trò như con. Anh nói thường con phải cho roi cho vọt. Anh chưa dùng roi để phạt học trò lần nào. Anh có một tấm lòng đối với học sinh và học đường. Anh cũng là huynh trưởng hướng đạo. Sau năm 1975, anh chết trong lao tù còng sǎn.

Anh Lê Văn Ba về trường Cường Đế sau tôi mấy năm. Trước sau tôi coi anh Ba như anh tôi vì anh ở gần nhà và anh lớn tuổi hơn tôi. Học trò trong lớp thấy anh không gò bó khuôn khổ. Những người chung quanh thấy anh vui vẻ, hiền hoà. Anh đúng là tiêu biểu cho người địa phương, trường kỳ cố gắng để vươn lên. Ra trường làm giáo viên ở Phú Yên, anh về dạy học ở trường Cường Đế; anh cố gắng học hành và đã có văn bằng Cử Nhân Văn Khoa. Sau anh chuyển qua trường Sư Phạm. Nếu có ai nghĩ anh Lê Văn Ba hiền lành quá, thì không đúng. Trong những hoàn cảnh khó khăn, anh luôn luôn tìm ra một lối thoát. Năm 1973, thầy Đoàn Nhật Tấn nói với tôi, “Sao các anh có bao nhiêu người đưa ra hết? Nếu hoàn cảnh thay đổi thì còn ai?” Tôi nghĩ ngay đến anh Lê Văn Ba. Anh là một tài năng lớn chưa được sử dụng.

Anh Hồ Sĩ Duy về trường Cường Đế thay thế chỗ trống giáo sư Việt Văn để lại do anh Nguyễn Mộng Giác làm hiệu trưởng và anh Hà Thúc Hoan về nhiệm sở khác. Những năm dạy ở trường Cường Đế chứng tỏ khả năng và lòng nhiệt thành của anh không thua kém ai. Anh sẵn sàng góp một bàn tay cho nền giáo dục tinh nhã. Trường Tăng Bạt Hổ đang ở trong tình trạng rối ren vì phải di chuyển về Quy Nhơn sau những năm không có người chủ trương. Anh về làm hiệu trưởng trường Tăng Bạt Hổ, ổn định tình hình và đem niềm hy vọng và tin tưởng cho các học sinh và phụ huynh Bắc Bình Định. Trong kỳ làm chủ khảo ở Tuy Hoà,

anh làm biên bản và lột mặt vụ thi gian lận “quan lớn” từ Sài Gòn cho người khác thi tú tài để lên tướng. Anh thừa hưởng sỹ khí của gia đình; cụ Tiến Sĩ Hồ Sĩ Tạo không ra làm quan với Pháp. Tháng tư năm 1975, lịch sử mở sang trang khác. Tôi ra đi, lòng bùi ngùi nghĩ đến những anh em khác như anh còn ở lại.

Sau hết, nhưng không thể quên được là anh Huỳnh Hữu Dụng. Anh đã từng là giáo sư và hiệu trưởng trường Tăng Bạt Hổ. Sau anh về trường Cường Đế. Chức vụ sau cùng của anh trước năm 1975 là Ty Trưởng Ty Giáo dục tỉnh Bình Định và thành phố Quy Nhơn. Anh là bộ óc điều hành và quản trị. Anh có kiến thức sâu rộng về lịch sử nước nhà cũng như lịch sử thế giới và luôn luôn theo dõi thời cuộc. Nên các học sinh chăm chú lắng nghe anh giảng bài trong lớp học. Là giáo sư sử học, không phải người làm chính trị, anh trình bày các sự kiện và biến cố lịch sử một cách khách quan, không quan tâm phản ứng từ các phía. Anh với tôi là bạn thân. Chúng tôi, và những anh em khác, có cùng chung một mối ưu tư, là phát triển nền giáo dục của tỉnh nhà.

Những anh em giáo sư tôi nói trên đây là tiêu biểu, không phải là tất cả. Còn nhiều ngôi sao sáng khác, còn nhiều cây cổ thụ khác, làm cho trường Cường Đế có thể so sánh với trường Trương Vĩnh Ký và trường Chu Văn An ở Sài Gòn và trường Quốc Học ở Huế. Từ năm 1954 đến năm 1975, các giáo sư trường Cường Đế phần đông từ các nơi đến. Tôi không có ý phân biệt địa phương này với địa phương khác vì cùng là người Việt Nam với nhau. Nhưng có ý nói rằng đặc tính đa dạng này làm cho trường Cường Đế thêm phong phú. Các giáo sư người Bắc ăn nói hoạt bát và ham thích hoạt động. Các giáo sư người Huế, vì từ chốn cung đình, việc gì cũng suy nghĩ kỹ lưỡng không vội vàng hấp tấp. Người địa phương còn hiếm hoi. Tập kết năm 1954 như sóng thần cuốn đi rất nhiều người. Nhìn lại thấy một chỗ trống lớn. Giống như kỳ di tản năm 1975 đã đưa vô Nam, ra ngoại quốc, hay vào tù các giáo chúc, kỹ sư, bác sĩ, hay những người học thúc khác đã được đào tạo rất công phu, rất tốn kém trong bao nhiêu năm trời.

Trong cuộc chiến tranh tương tàn, nền giáo dục tinh nhà còn đứng vững, trường Cường Đế còn đó, là niềm hy vọng vẫn còn. Mỗi lần mở quyển Đặc San Cường Đế & Nữ Trung Học ra, tôi bồi hồi xúc động đọc đến tên những học trò cũ. Các anh, các chị này đang nghĩ gì, làm gì? Bao nhiêu lớp học sinh trẻ đã qua trong đời dạy học của tôi. Tôi vẫn còn đó, đứng giảng bài trong lớp học. Nay làm ông thầy già. Trường Cường Đế là trường trung học chính và kỳ cựu nhất ở Bình Định & Quy Nhơn. Các tiền thân của trường Cường Đế là Collège Võ Tánh ở Quy Nhơn thời Pháp và trường trung học cấp 2 và cấp 3 thời kỳ Việt Minh. Collège Võ Tánh là một trong ba trường trung học ở Trung Phần, đào tạo và cung cấp giới trí thức cho Bình Định thời bấy giờ. Trường trung học cấp 2 và cấp 3 thời kỳ Việt Minh đào tạo và chuẩn bị đa số các anh thuộc thế hệ đầu tiên sau năm 1954 tiếp tục con đường học vấn và tốt nghiệp trung học và đại học. Nếu xét những điều kiện khó khăn, lòng tận tâm của giáo sư, thành quả đạt được và sự hiếu học của học sinh, trường này đáng được ghi một điểm son.

Nhà giáo luôn luôn ý thức quan hệ giữa học đường và cộng đồng. Cộng đồng nói rộng là đất nước và xã hội Việt Nam. Cộng đồng gần hơn là tỉnh Bình Định và thành phố Quy Nhơn, và đồng bào sinh sống ở đây.

Thủ đô Đồ Bàn (Vijaya) ở gần Quy Nhơn về phía tây bắc từ năm 1000 đến năm 1471 (ngày 21 tháng 3). Đây là thời kỳ cường thịnh của nước Champa (Chiêm Thành). Thế quan hệ giữa Chiêm Thành và Việt Nam ngang ngửa nhau trong gần 500 năm. Thời kỳ này vua Chế Bồng Nga đem quân ra đánh Việt Nam và Thăng Long trong những năm 1378, 1380, 1389, và 1390. Năm 1471, vua Lê Thánh Tôn đem quân đánh chiếm thành Đồ Bàn và đưa người Việt vô lập nghiệp. Nước Chiêm Thành suy yếu từ đó. Và từ đó xuất hiện tinh gọi là Bình Định bấy giờ.

Nhà Tây Sơn xuất phát từ Bình Định với ba người nông dân áo vải, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, và Nguyễn Huệ. Vua Quang Trung đánh đuổi quân Tàu ở Bắc Hà và trong Nam tiêu diệt quân Xiêm. Vua Quang Trung không phải chỉ là võ

tướng. Giống như Napoléon, ngài bắt đầu cải tổ và sau chiến chinh, ngài bắt tay vào việc xây dựng một nước Việt Nam cường thịnh. Nhưng mệnh trời không cho! Ngài mất sớm và ấu chúa không gánh vác nổi sơn hà. Nhà Tây Sơn bắt đầu mất từ đó.

Bình Định là một tỉnh rộng lớn ở miền trung nguyên. Dân số khoảng một triệu ruồi người. Bình Định có cửa biển Quy Nhơn (Thị Nại), là cửa ngõ ra biển của Miền Cao Nguyên Trung Phần, Quảng Ngãi, Phú Yên, và Nam Lào. Phần đông người ở các tỉnh Kontum, Pleiku, Phú Bổn, và ngay cả Ban Mê Thuột là dân Bình Định đến làm ăn, lập nghiệp, và tạo dựng các tỉnh này cho được như ngày hôm nay. Bình Định là nguồn nhân lực của Cao Nguyên Trung Phần. Người Quảng Ngãi dám nói, dám làm. Người Phú Yên cũng cẩn trọng như người Bình Định.

Một triệu năm trăm ngàn người dân Bình Định thông minh, cần cù, và nhẫn nại! Địa thế và người dân chứng tỏ một tiềm lực rất lớn chưa được khai thác. Cửa biển Quy Nhơn vẫn còn y như hai trăm năm trước. Những biến động lịch sử cầm chân người Bình Định tại chỗ. Người dân thường tự hào tỉnh nhà là quê hương vua Quang Trung và Nhà Tây Sơn. Đầu đây thỉnh thoảng tôi nghe câu “Địa Linh Nhân Kiệt”. Không sao! Người các địa phương khác như Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bến Tre thường tự hào về địa phương họ. Tại sao người Bình Định lại không được tự hào. Nhưng nếu nghĩ đến vua Quang Trung, một tiền nhân anh hùng hiển hách, muốn cho câu “Địa Linh Nhân Kiệt” không phải là câu trống rỗng, mọi người và mỗi người phải đóng góp một bàn tay vào để cho tiềm lực lớn lao của tỉnh nhà được khai thác đúng mức và người Bình Định có thể tự tin hơn ở mình và địa phương mình.

Từ xưa, Bình Định vốn là đất văn học với Trung Tâm Thi Hương và với Đặng Đức Siêu, Đào Tấn, và nhiều vị khác nữa. Trước năm 1945, một Bình Định đã sản sinh Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Quách Tấn, Chế Lan Viên, và Yến Lan, những đỉnh cao vời trong nền văn học nước nhà. Hàn

Mạc Tử lớn lên ở Bình Định từ nhỏ và quê mẹ Xuân Diệu ở Gò Bồ, Tuy Phước. Thời quốc gia có Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác, là những nhà văn tên tuổi và đứng đắn. Bây giờ tôi thấy có nhiều người khác trong các ngành sáng tác (thơ văn), biên khảo, và báo chí. Ở Bình Định văn học thời nào cũng có, gần như là bản tính tự nhiên.

Người Bình Định tính tình giản dị, hiền hoà, không khoác lác hay đài các kiêu ngoa. Có người dùng chữ “thàn” để diễn tả người Bình Định. “Thàn” có nghĩa là người có hiểu biết, có sức mạnh tiềm ẩn, nhưng hiền hoà, tử tế với những người chung quanh. Hiền hoà không có nghĩa là nhút nhát. Bình Định có Mai Xuân Thuởng, Tăng Bạt Hổ, và biểu tình chống thuế thời Pháp thuộc.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh chấm dứt Nhà Tây Sơn và đem chữ Bình Định gán lên cho tỉnh nhà như là một ếm chú. Nhà Nguyễn cáo chung năm 1945. Nhưng tinh nhà vẫn còn là “Bình Định”. Lâu quá thành người ta không còn nhớ “Bình Định” có nghĩa là gì. Tỉnh Bình Định vẫn còn là tinh bình định. Tôi tự hỏi tại sao các nhà chức trách qua các thời đại lại vô tình đến thế.

Học sinh trường Cường Đế rất hiếu học và trọng kỷ luật. Qua các cuộc biến động từ năm 1963 đến năm 1969, các lớp học vẫn mở cửa. Học sinh chăm chú nghe thầy giáo giảng bài như không có gì xảy ra ngoài lớp học. Một đêm tôi ở trong nhà, nghe tiếng ồn ào huyên náo từ phía trường Cường Đế. Tôi vội ra xem, gặp anh Phan Long Khẩn trên đường Hai Bà Trưng. Anh bảo tôi, “Thầy đừng lên trên đó! Có lộn xộn.” Thì ra học sinh bao vây trung tá Lê Trung Tường, tinh trưởng, từng là tư lệnh sư đoàn, ở sân trường Cường Đế. Trung tá Tường bó tay, đành bất lực. Thế mà cũng chính những học sinh này ngày hôm sau vào lớp ngồi nghe các thầy giảng bài, hiền lành như bồ câu.

Các học sinh trường Cường Đế rất quý trọng và thương mến các thầy cô, ngay cả sau nhiều năm nhiều người đã ra đi, có sự nghiệp và giữ những chức vụ cao trong xã hội. Tôi thường gặp nhiều học sinh tốt như vậy. Mỗi năm hay mỗi hai năm, trường Cường Đế và trường Nữ Trung Học có cuộc

hội ngộ vào cuối tháng sáu để thầy trò và bạn bè gặp nhau. Năm 2002 tôi về Sài Gòn. Trong một tiệc vui, có anh chị Vương Quốc Tấn và học sinh cũ khoảng hai chục người, nhiều người là luật sư, bác sĩ, kỹ sư, doanh nhân, giáo sư, hiệu trưởng, khoa trưởng (bây giờ cũng gọi là hiệu trưởng), có vài người giữ chức vụ cao trong chính quyền đương thời. Họ đối xử với tôi giống như khi họ còn là học sinh ở trường Cường Đế. Sánh với ông Carnot xưa, họ có khác gì. Ngày hôm sau tôi trở về Mỹ, giữ một kỷ niệm đẹp trong đời.

Trong những năm dạy học ở trường Cường Đế, tôi nghĩ tôi không dạy hay như anh Vương Quốc Tấn hay dạy có kết quả nhiều như anh Phạm Ngọc Quan, nhưng tôi đối xử với học sinh rất công bình và không thành kiến, không nghĩ cha mẹ họ giàu hay nghèo, họ con ai, học giỏi hay không. Trong các học sinh tôi, có các chú tiểu từ Chùa Long Khánh và các chủng sinh từ Chủng Viện Quy Nhơn. Tôi còn liên lạc với các học sinh nầy sau khi họ ra trường nhiều năm, như chú Nguyễn Đà bây giờ chắc là đại đức rồi hay chú Nguyễn Đình Sáng hiện giờ là linh mục ở New York. Tôi cứ nghĩ nếu mọi người trong xã hội ta giữ lời giáo huấn từ bi của Đức Phật hay lời giảng dạy bác ái của Chúa như các học sinh nầy, thì tốt biết mấy!

Những năm sau cùng trước khi qua Ty Giáo Dục, tôi dạy Anh Văn cho các lớp ban C. Nói dạy thì không đúng; đúng hơn là truyền lại cho học sinh cách tự học của tôi, nhờ đó mà tôi thi đậu vào ban Anh Văn trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và đậu đầu trong ban Pháp Văn trường Đại Học Đà Lạt cùng lớp với các anh Võ Sum, Trương Ân, và Lưu Quang Sang. Đó là đọc sách thật nhiều, học thêm văn phạm, và viết thật nhiều hằng ngày. Trong các học sinh ban C của tôi, có nhiều người thi đậu vô ban Anh Văn trường Đại Học Sư Phạm và nổi nghiệp thầy như các anh Hoàng Thái Dương, Chế Trọng Hùng, và những người khác.

Nhìn lại những năm dạy học ở trường Cường Đế tôi rất vui, vì thấy mình làm một công việc có ích với tất cả cố gắng và tấm lòng. Nhưng không khỏi ân hận thấy một vài chấm đen trên tờ giấy trắng; đó là vài trường hợp về kỷ luật. Mong

rằng những người trong trường hợp này quên đi và nghĩ rằng hồi đó tôi còn trẻ và cứng nhắc áp dụng nguyên tắc “phép công là trọng”. Tôi không có ác ý. Bây giờ về già tôi thấy luôn luôn phải có lòng nhân ái với hết mọi người trong mọi trường hợp.

Trong cuộc tập kết năm 1954 cũng như cuộc di tản năm 1975, nhiều người học thức đã ra đi. Chúng tôi là lớp người tốt nghiệp đại học đầu tiên. Ra đời chúng tôi thấy cô đơn trống vắng. Mọi người phải phấn đấu nhiều lắm và mang ý thức về xây dựng lại tỉnh nhà. Lần lược có anh Nguyễn Mộng Giác rồi đến anh Huỳnh Hữu Dụng về Ty Giáo Dục. Chúng tôi không quan niệm chức tước gì. Thấy mình như là một “task force” để thực hiện một chương trình. Lần lược có anh Lê Công Minh về làm ty trưởng Ty Điện Địa, anh Đặng Đức Bích làm ty trưởng Ty Nông Nghiệp, anh Nguyễn Trác Hiếu bác sĩ ở nhà thương quân y Quy Nhơn, và anh Nguyễn Công Lượng quận phó quận An Nhơn. Còn những người khác nữa, tôi không biết hết. Họ là những người con xuất phát từ Đại Gia Đình Trường Trung Học Cường Để, nay trở về xây dựng quê hương.

Tháng tư năm 1975, lịch sử mở sang trang khác.

Hè 2009

Phan Bá Trác

DANH NGÔN

Một giá trị thật sự không thể có từ tham vọng hay từ bốn phận bắt buộc; một giá trị thật sự chỉ có thể phát sinh từ tình thương và cống hiến cho nhân loại.

Albert Eistein

Con người sinh ra với bàn tay nắm chặt, khi chết đi thì bàn tay mở rộng. Đi vào đời hồn muốn đạt tất cả. Khi lìa thế giới này, những gì hồn sở hữu đều mất cả.

Rabbinical Ana

TỪ ĐƯỜNG NGUYỄN GIA

Tông đồ thủy tổ Nguyễn Y gia, (1)

Tộc họ an cư dựng nghiệp nhà.

Xương Lý đất lành, noi hội tụ,

Từ đường nước mát cháu con ra.

Y khoa tiến sĩ vang danh ngoại, (2)

Giáo chức cử nhân rạng tiếng nhà (3)

Cháu lũ, con đàn nên nghiệp cả,

Ôn trên ban phước, đức Ông Bà.

CỘI NGUỒN

Ông Bà cội rẽ tự ngàn xưa,

Từ Bắc xuôi Nam gió thuận mùa.

Nước biếc, non xanh, vui đất lá,

Cát vàng, sóng bạc lấp ngời ưa.

Thuyền câu dăm chiếc nghêu ngao thả,

Lưới bùa vài tay, rái nhặt thưa,

Biển lặng trời êm thuyền đỡ bến,

Đầm khoan cá mực, đón giao thừa.

TẾ LỄ TRỜI ĐẤT

Giao thừa năm, ấy phủ sương mai,

Đất mới, người thừa, bãi rộng dài.

Họ tộc Nguyễn Gia, khai mở trước,

Bà con lần lượt đến thêm hoài.

Quay về, một cõi thành Xương Lý,

Tụ lại vài trăm cúng lê Ngài.

Tế cáo đất trời xin chúc giám,

Tâm thành nguyện ước, thấu thiên nhai.

PHƯỚC LỘC

Thiên nhai cảm đức, Nguyễn Gia Trang,

Hiếu đạo, tâm trung, tạc chữ vàng.

Ban phước cháu con, tròn sự nghiệp,

Thi ơn tộc họ, sống bình an.

Nguyễn Tuân Tiến sĩ ngành sinh học,

Nguyễn Cận Kỷ sư cũng sánh hàng.

Nhân quả trời cho nào biết được?

Noi gương tổ phụ, dẹp trung can.

Thư Trang

Ghi chú:

- 1) Nguyễn Y là ông Thủy Tổ 12 đời họ Nguyễn Nhơn Lý.
- 2) Michael Hiên Nguyễn, Thanh Nguyễn, Thủy Nguyễn.
- 3) Sim Nguyễn, Giáo sư Quốc Học
- 4) Lê cúng Thổ Thần đầu tiên Làng Xương Lý



MỘT CỰU MÔN SINH CỦA TRƯỜNG QUI-NHƠN

ĐẶNG HIẾU KÍNH

*M*ột chiều Thu lặng lẽ, tôi ra vườn sau nhìn lại cái cảnh xác xơ tàn tạ của cỏ cây hoa lá còn sót. Lơ thơ vài cọng sen khô, gai gốc còn nghiêng ngả trong mây bòn ở vườn như nhắc lại cảnh những ngày qua xanh tươi dài các của những chòm lá sen mượt mà xanh thăm, mùi hương nhẹ thoảng qua vào những đêm trăng khuya.

Chợt một đám kim cúc đang trổ bông trắng búp nhỏ làm tôi nhớ lại hình ảnh của mẹ tôi lúc sanh tiền thường hay thích và quý và chăm bón loại cúc uồng này. Rồi liên tưởng đến cúc Hoàng Hoa nở về Thu, thường vào tháng Chín, và Ông tôi có mấy câu vịnh cúc mà mẹ tôi thường nhắc đến:

“Khí niên trùng cửu đăng cao ấm,

Kim nhật đông ly mạo vũ khai;

Ngã thị nhàn quan, quân đạm khách,

Giai kỳ bát phụ mỗi Thu lai.” (Đào Công 1845-1907)

rồi diễn ra nôm:

Năm trước đăng cao vừa chuốc chén,

Dầm mưa nay nở dưới rào Đông;

Ta người dật sĩ, người thanh khách,

Thu đến chờ nhau chẳng phụ lòng. (T.T. 1888-1976)

Thuở ấy trong câu chuyện với các con về việc văn

học, mẹ tôi thường đề cập đến tấm gương hiếu học với hạnh kiểm đáng khen của người anh em chú bác với chúng tôi. Nhớ lại cuộc đời thăng trầm của chàng, lòng tôi bùi ngùi thương tiếc một môn sinh khá kính của trường cũ Qui Nhơn và cũng là một nạn nhân oan trái của tập đoàn tàn bạo phi nhân Việt Minh Cộng Sản.

Sinh ra trong một gia đình cử nghiệp rất lương thiện và thanh khiết vào khoảng 1912, Hiếu An lớn lên, học xong các lớp Sơ học ở trường làng có ba lớp, rồi được xuống tinh ly Qui Nhơn thi vào học bậc Tiểu học, được cấp học bổng toàn phần sau đó, cho đến đậu bằng Tiểu Học Pháp Việt. Khoảng tháng Chín năm 1927, chàng đậu vào kỳ thi tuyển Concours d'Admission en 1ère Année Primaire Supérieure ở Collège de Quinhon, xếp hạng cao nên cũng được cấp học bổng toàn phần cho đến mãn học trình, đậu bằng Thành Chung Cao Đẳng Tiểu Học (Diplôme d'Etudes Primaires Supérieures Indochinoises, gọi tắt là DEPSI). Thời ấy (1930), những thí sinh đậu xong Thành Chung được tục lệ của làng tưởng thưởng bằng đám rước, cho cờ trống võng mai rước về chánh quán. chàng và gia đình vốn nếp sống trầm lặng và khiêm cung nên đã chối từ cuộc tiếp rước long trọng ấy. Lúc bấy giờ tôi lên 7 tuổi, tôi còn nhớ những tiếng trống chầu vang dội từ ngoài đường chợ của đám rước vinh quy của tân khoa Tr. D. Phô. Nghe ồn ào rộn rã, tôi vội chạy ra ngõ để xem thì chỉ kịp thấy một chiếc võng cáng hai người gánh với những giải màn xanh đỏ phát phói trong đám rước trống cờ đi về hướng thôn Cảnh Vân xem rất vui mắt. Đó là một nét văn hoá đẹp ở nước ta thời xa xưa trong tinh thần tôn sư trọng đạo, ông Trạng về làng. Về sau, dần dần người ta chước giảm các lễ tục ấy, có lẽ vì quan niệm đổi thay theo đà tiến hóa của xã hội.

Sau bậc Thành Chung, gia đình chàng cũng rất khó khăn thu xếp, mạnh dạn để cho chàng ra tận Hà Nội để thi vào năm Đệ Nhất Niên ban Tú Tài (Première Secondaire). Lại được cấp Học Bổng Bảo Hộ (Bourse Scolaire du Protectorat), chàng tốt nghiệp về vang sau ba năm học tập đậu bằng Tú Tài Bản Xứ (Baccalauréat Local, gọi tắt là Bacc. local) của trường Lycée du Protectorat (Trung Học Bảo Hộ Hà Nội, tức là Trường Bưởi). Túc ấy, bằng Tú Tài có hai ban: một là “Tú Tài Mẫu Quốc”(

Baccalauréat Métropolitain, gọi tắt là Bacc. Métro.); một ban là “ Tú Tài Bản Xứ” (Baccalauréat Local, gọi tắt là Bacc. Local). Trình độ và học trình giống nhau, chỉ khác về vài chi tiết trong các môn Việt Văn, Anh Văn, Pháp Văn, từ ngữ Latin và Grec. Dư luận trong đám sĩ tử thì cho là Tú Tài Bản Xứ khó hơn, vì nặng về Triết, Toán và Khoa học. Bậc học Tú Tài chỉ mới có mở giảng dạy ở Hà Nội và Sài Gòn, miền Trung chỉ có đến Cao Đẳng Tiểu Học, sau năm 1936 mới có bậc Tú Tài.

Một chuyện xảy ra khoảng tháng Chín năm 1923, câu chuyện tiền hung hậu cát tại Bên Cây Da sông Hà Thanh, làng Vân Hội. Số là nhân ngày Thứ Năm trong tuần, sau giờ học Hán Tự, thầy Hiệu Trưởng Võ Kim Thanh dạy lớp Sơ Đẳng (Lớp Ba), trường Sơ Học Vân Hội, dắt một số học sinh đi “ promenade”, ra bến sông. Trời chưa trời lạnh, và bến có vẻ gọi mờ, thầy trò ta bèn cùng nhau nhảy xuống nước nô đùa. Rủi thay, mực nước còn cao sau cơn lụt trước đó, vài cậu học sinh đã hụt chân trôi theo dòng nước. Trong đám ấy có cậu Hiếu An cũng chới với giữa dòng. Mọi người trên bờ báo động dữ dội, lo việc cứu nguy. Ông Hai Rẽ, một cư dân trung niên vừa chạy đến, nhảy mùm xuống nước để vớt đứa con trai tên Lẽ trong đám trẻ bị trôi. Ông vớt được nó lên ngay, nhưng xem lại không phải nó, xem kỹ thì chính là cậu môn sinh Đặng Hiếu An, còn chú bé Lẽ lại không ở trong đám trẻ đang tắm: cậu ta đang đứng trên bờ với đám người đang đồ xô đến tiếp cứu! Hú vía cho ông Hai Rẽ, ông được yên tâm và rất mừng là đã cứu được một trò.

Riêng “thầy Trợ Võ” vì ra xa ngoài dòng sông nên bị chết đuối, không hồi sinh được trước sự tiếc thương của mọi người. Phải chăng trận chết hụt là một cảnh cáo huyền cơ cho một cuộc đời bất hạnh của chàng ở chung cuộc?

Thế rồi, thời gian điêu hoà trôi theo thời cuộc, chàng đã trải qua nhiều thành công tốt đẹp sau những phần đấu kiên trì cho sinh kế của tuổi thanh niên, đã cộng tác với các tư thực ở Huế. Gặp lúc khủng hoảng kinh tế, đồng tiền kiêm ra rất khó khăn: dạy học ở trường Hồ Đắc Hàm, lương tháng chỉ được 10 đồng, chàng quay ra tìm việc nhà nước, nộp đơn kỳ thi Sĩ Hoạn, để được vào công chức chính phủ. Tuy là đơn thương độc mã không nhờ thế

lực đồng tiền hay cầu cách gắt của các nguồn buôn quan bán tước thời bấy giờ, mà chàng vẫn trung tuyển. Kỳ thi Sĩ Hoạn này đặc biệt thu nhận thí sinh có bằng Tú Tài, vì sau đó điều lệ mới chỉ nhận thí sinh có bằng Cử Nhân và du sinh ở Pháp về.

Ở chức Hậu Bô tỉnh đường Hà Tĩnh một thời gian, chàng được hoán bổ qua chức Tri Huyện, Tri Phủ, huyện Cẩm Xuyên, phủ Hoằng Hóa, phủ Quảng Trạch, rồi sau hết vinh thăng lên Án Sát tỉnh Quảng Bình ở tuổi trong ngoài 30. Thời gian công vụ của chàng được ghi nhận là rất nghiêm túc và gương mẫu, bốn chữ “cần kiệm liêm chính” sáng ngời nên được đề bạt đặc biệt ở tuổi còn rất trẻ như thế.

Khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, khoảng tháng Tám, viên Án Sát trẻ tỉnh Quảng Bình bị bắt giữ, rồi hai tuần lễ sau bị đưa ra trước đám đông mà chúng gọi là Toà Án Nhân Dân và bị xử bắn. Lúc hành quyết, bọn sát nhân xả súng bắn loạn xạ vào người nạn nhân, nhưng nạn nhân vẫn chưa chết. Đến khi hai tay bị trói bị đạn bắn đứt dây trói sứt ra, nạn nhân mới lấy tay chỉ bắn vào đầu, bọn chúng mới kết liễu được một cách dã man một kiếp người đầy tức tưởi!

Mãi đến 48 năm sau, khoảng tháng Tư năm 1993, tôi có dịp gặp lại người bạn đồng liêu của chàng là cụ Trần Ngọc Liên tại Sceaux gần Paris. Cụ Liên cũng là bạn đồng khóa, trong thời Pháp, làm Tri Phủ phủ Tuy Phước, Bình Định. Lúc Việt Minh cướp chính quyền, cụ cũng bị bắt, bị hành hạ tra khảo rất nhục nhàn, cuối cùng bị đẫn độ về trung ương Huế và thoát chết ở đó. Sau ngày đất nước chia cắt năm 1954, cụ đã từng là Bộ Trưởng bộ Công Vụ dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Cụ Liên kể lại uẩn khúc nguyên do cái chết của người bạn xấu số là thủ đoạn trả thù của một đảng viên VM đội lốt một nữ tu. Nguyên một hôm, được mật báo có hội kín đang hội họp, hoạt động ở một địa phương phủ Quảng Trạch, quan Tri Phủ trẻ hiệp cùng Hương Lý xã đến khám xét tại một nhà bị tình nghi. Lúc lục soát các tài liệu trong nhà, chủ nhân là một nữ tu, thì nhà chức trách tìm thấy dưới đáy rương một xấp tạp chí Paris- Magazine, là loại tạp chí in rất đẹp, đầy bài vở và hình ảnh loã thể 100% của phụ nữ, xuất bản tại Pháp giống in

như báo Play Boy ở Mỹ vậy. Vị quan trẻ vốn người khắc khổ lại bảo thủ nặng về thuần phong mỹ tục Việt Nam, tâm bị kích động mạnh liền nói mấy câu bằng tiếng Pháp với vị nữ tu, vì không muốn cho nhóm Hương Lý nghe hiểu: “ Soeur, en présence des notables, j’emploie le Francais: je dis bien-que Je vous méprise!” (Thưa bà, vì có mặt các Hương Hào ở đây, tôi dùng tiếng Pháp để nói cho bà hay là tôi rất khinh bà). Người nữ tu bị lời chê trách nặng nề tê tái tận đáy lòng. Lúc thời cơ đến tay, VM nổi dậy, bà ta cầm đầu đám VM tàn bạo để trả thù xưa và đã giết người không thương tiếc!

Sau vụ xử bắn, mộ đắp của nạn nhân được một người hảo tâm trồng lên một cây chuối để làm dấu. Ngày đó là ngày Mồng 2 tháng 9 năm 1945.

Đến đây, cuộc đời đức hạnh của vị môn sinh trường cũ Qui Nhơn thời tiền bán thế Kỷ thứ 20 đã chấm dứt, để lại sự ngậm ngùi chua xót cho thân bằng quyền thuộc.

Nửa thế kỷ sau, người thứ nam duy nhất của nạn nhân mới có dịp trở lại Quảng Bình để rước linh cốt của người về quê ở Bình Định, có viết mấy câu cảm niệm về tiên phụ, tôi xin ghi chép lại đây để kết thúc câu chuyện thương tâm ngày xưa:

“Năm yên ngược mặt nhìn trời,

Thương con, nhớ vợ, một đời thanh liêm.

Chuyện đi cũng lắm ưu phiền,

Năm mươi năm lẻ tối phiên về nhà.

Ta về lại gốc Cây Da,

Thăm thôn xóm cũ, nhớ bà con xưa.

Đổi thay chuyện cũng đã thừa,

Dáng chẳng một chút tình xưa xóm làng...”

(Ngày rước linh cốt Ba về quê) Đ. H. Ái

TƯ TUỞNG “BÁC”

(Nhân việc Việt Gian Cộng Sản trong nước hô hào học tập “Tư Tưởng Hồ Chí Minh”, xin có bài thơ trình làng bên dưới)

TĐ NGUYỄN VIỆT NHO

Tư tưởng Bác ?

_ Bao la

Vĩ đại ...!

(Có thể nêu, đai khái thế này):

_ Nhận: Mác, Lê, Mao làm bậc thầy

Nguyễn lòng một mực từ đây tôn thờ:

“Ai ai đó

Bá vơ thì có...

Nhưng “bác” tin, với họ,

Quyết không!

Nên chi phải hạ cha ông

Đem hình Mao Mác kiếng lồng, treo lên!”

_ Lấy Cộng Sản: làm nền đạo đức

Làm đường đi-nhút-mục-phải-theo:

“Trăm năm dù phải đổi nghèo

Thiên đường Cộng Sản phải trèo phải lên!”

_ Còn những chuyện:

Ân đền,

Nghĩa trả

Những chuyện này xưa quá đi thôi!

Bây giờ là Cách Mạng rồi:

“Phóng tay đánh tổ làm câu răn mình! (l)

Lũ phú địa:

Phải khinh
Phải tởm!
“Tạch Tạch Sè” (2)
Phải sớm triệt tiêu!
Còn tuồng trí thức lầm điêu
Cho đi cả tạo bao nhiêu cũng vừa”
_ *Đạt cùu cánh* (3):
“*Phải lùa*
Phải dõi:
Ngày: nghĩa nhân
Đêm tối: thủ tiêu!
Quốc gia
Đảng phái ...bao nhiêu
Phải diệt bằng hết:
Chỉ tiêu Đảng đê” !
Còn tôn giáo:
“*Bùa mê,*
Cháo lú!
Thuốc phiện dân...(4)
Các chúa hiểu không ?
Tư tuồng ta là Nga Hồng (5))
Thắng, Chinh, Hoàn, Giáp, Duẩn, Đồng...(6) khắc
tâm! ...!
_ *Mặc ai nói:*
“*Hoang dâm _ mặc kệ!*
Thứ “Nhân Dân” là để Đảng xài!
Sá gì: Xuân, Lạc, Hạnh, Khai (7)...
Già rồi thì bỏ!
Thế vài “cháu ngoan” ...!

*_ Tu trưởng “Bác”
Hoàn toàn “thú ngoại”!
Tìm đâu ra là cái riêng đâu ?!
Đảng ta làm phép nhiệm màu
Xào qua,
Xáo lại hồi lâu... của “Người”!*

TD Nguyễn Việt Nho

Cuộc chú:

- (1): Khẩu hiệu trong CCRD.
- (2): Tạch tạch sè: Từ dùng trong thời “chín năm kháng chiến”, có ý chỉ giới chỉ Tiểu Tư Sản
- (3): Cứu cánh biện minh phương tiện hay mọi phương tiện đều tốt (chủ trương của CS)
- (4): Tôn giáo là thuốc phiện của dân chúng: Karl Marx
- (5): HCM chủ trương đem văn hóa Mác xít áp đặt cho toàn đảng, toàn dân (Bolchevist hóa toàn đảng, toàn dân tức chủ trương biến toàn đảng CSVN và toàn dân VN trở thành Nga)
- (6): Tên những cán bộ chopy bu: Tôn Đức Thắng, Trường Chinh,, Trần Đức Hoàn, Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng,
- (7): Nông Thị Xuân, Đỗ Thị Lạc, Bà Hạnh, Nguyễn Thị Minh Khai..., là những người đã đi qua đời “Bác.

HOA TƯ TUỞNG



Tình Bạn

* Phước thay cho người nào có tài kết bạn, vì đó là một trong những quà tặng quý nhất của Thượng Đế. Món quà này bao gồm nhiều điều hay, nhưng trên hết khả năng vượt khỏi chính mình.

Thomas Huge

* Một trong những hạnh phúc lớn nhất ở đời này là tình bạn, và một trong những hạnh phúc của tình bạn là có một người để giữ gìn những tâm sự thầm kín

A. Amazoni

* Một ngày cho công việc cực nhọc, một giờ cho thể thao, cả cuộc đời cho bạn bè vẫn còn quá ngắn ngủi.

Emerson

VUI CƯỜI

Năm nọ, 3 đội thủ Mỹ, Việt Nam và Trung Quốc đều lọt vào vòng chung kết thi vẽ quốc tế. Rút kinh nghiệm từ trước (Trạng Quỳnh vẽ rồng đất với TQ), phía Mỹ dặn nữ họa sĩ phải đề phòng anh chàng họa sĩ của VN. Họ lên phương án sẽ bắt họa sĩ VN để tránh bị chơi xỏ.

Đến ngày thi, sau 3 tiếng trống, họa sĩ TQ cẩn cui vẽ được một con hổ rất oai phong. Đến lượt anh chàng VN, chẳng nói chẳng răng, tụt luôn quần, nhúng mông vào chậu màu rồi ngồi lên giấy vẽ. Nữ họa sĩ Mỹ thấy vậy, cũng bắt chước, tụt quần nhúng mông vào chậu màu và ngồi lên tờ giấy.

Đến lúc công bố giải, thấy Việt nam được nhất vì vẽ nhanh và đẹp, phía Mỹ bèn kiện : “Tại sao cũng vẽ giống nhau mà VN lại được nhất?”. Ban giám khảo trả lời: “Vì VN vẽ quả cà chua có cuống, còn phía Mỹ vẽ quả cà chua không cuống”.

vợ tôi bị ung thư

Lê Tân Phước

“Chào Bác Sĩ! Bác Sĩ khỏe không?” Tôi vừa chào vừa đưa tay ra bắt khi thấy Bác Sĩ Aaberg bước vào phòng.

“Tôi thấy không khỏe,” Bác Sĩ Aaberg đưa mắt nhìn nhà tôi rồi nói tiếp, “vì có tin không tốt cho bệnh nhân của tôi.”

Vừa nghe vị bác sĩ nói xong, tim tôi như đập hụt một nhịp. Ngày hôm nay vợ chồng tôi đến để bác sĩ thông báo kết quả xét nghiệm nhà tôi có bị ung thư hay không. Tôi bồn chồn hồi hộp suốt cả buổi sáng nhưng cố làm tĩnh để nhà tôi khỏi lo sợ. Bây giờ nghe bác sĩ nói có tin không tốt cho nhà tôi, tôi như muối nghẹn thở.

Số là vài tháng trước đây, vợ chồng tôi cùng với gia đình một người bạn thân đi du lịch vùng biển Địa Trung Hải bằng du thuyền. Cuộc đi chơi đang rất thú vị thì bỗng dừng nhà tôi đi tiểu bị ra máu. Tôi đoán là nhà tôi bị nhiễm trùng vì nhà tôi cũng đã từng bị nhiễm trùng đường tiểu một lần, và đã ngưng ra máu liền tức thì sau khi dùng thuốc kháng sinh. Nhưng lần này sau khi dùng thuốc kháng sinh vẫn còn thấy máu trong nước tiểu của nhà tôi. Lúc đầu máu ra đỏ cả bồn cầu, vài ngày sau thì nhạt dần, nhạt dần, rồi hết hẳn. Chúng tôi lại đoán là có lẽ nhà tôi bị sạn thận; sạn thận đã gây chảy máu khi nó di chuyển. Chúng tôi vẫn tham gia hết cuộc du hành dù nhà tôi không còn thấy vui vẻ và thoái mái như trước; còn tôi thì không yên tâm khi không biết được chính xác nguyên nhân nào đã làm cho nhà tôi đi tiểu bị ra máu.

Sau khi về lại Hawaii, tôi đưa nhà tôi đi khám bác sĩ. Bà bác sĩ gia đình cũng đoán là nhà tôi bị nhiễm trùng nên cho nhà tôi uống thuốc kháng sinh, đồng thời bà gửi nhà tôi đến một bác sĩ chuyên môn để khám thận. Bác Sĩ Randall Aaberg là vị bác sĩ chuyên môn về khoa tiết niệu tại Moanalua Medical Center của bệnh viện Kaiser tại Hawaii. Ông đã thử nước tiểu và chụp hình thận cho nhà tôi, nhưng

không thấy sạn. Cuối cùng ông rời soi bên trong bàng quang (bladder) của nhà tôi thì thấy có hai cục buồu bồng hai hụt đậu phụng nằm sát nhau bên trong thành của bàng quang. Ông đoán là hai cục buồu này đã vỡ ra khiến cho nước tiểu có máu. Bác Sĩ Aaberg lấy hẹn cho nhà tôi trở lại bệnh viện lần sau để cắt hai cục buồu đưa đi xét nghiệm, nhưng trước khi cắt, nhà tôi phải đi chụp hình để coi hai cục buồu có mọc ra bên ngoài bàng quang không.

Trong thời gian chờ đợi, vợ chồng tôi vẫn sinh hoạt bình thường. Nhà tôi vẫn vui vẻ yêu đời, không tỏ vẻ lo lắng gì về chuyện hai cục buồu trong bàng quang. Có lần nhà tôi còn nói nếu có bị ung thư thì nhà tôi cũng không sợ. Phải chăng nhờ tiêm nhiễm những lời giảng của Thầy Thanh Từ và Thầy Nhất Hạnh mà nhà tôi đã giác ngộ được phần nào chăng?

Sau đó đúng hẹn, tôi đưa nhà tôi đến bệnh viện để Bác Sĩ Aaberg cắt hai cục buồu trong bàng quang. Phương pháp cắt tương tự như rọi soi, nên không cần phải mở xé gì cả; tuy vậy, nhà tôi vẫn phải nằm lại bệnh viện một đêm để đề phòng có biến chứng. Ông anh ruột của nhà tôi vì thương em nên đòi đến bệnh viện thăm cô em gái trước khi mổ, nhưng tôi cản, nói rằng đây chỉ là chuyện nhỏ, anh không cần phải lo lắng. Tôi áp dụng giáo lý của nhà Phật: chuyện lớn biến thành chuyện nhỏ; chuyện nhỏ coi như không có. Tôi muốn cho nhà tôi có ấn tượng mọi chuyện đều là chuyện nhỏ.

Tinh thần của nhà tôi vốn mong manh, dễ bị ảnh hưởng bởi những phiền toái của cuộc đời; do đó, tôi luôn luôn bảo vệ nhà tôi tránh khỏi những điều phiền toái này được chừng nào hay chừng ấy. Tôi âm thầm tự mình giải quyết tất cả những khó khăn gấp phải; đến chừng nào mọi việc đã trở lại bình thường, tôi mới nói cho nhà tôi biết. Có lẽ nhờ ít đối diện với những phiền trọc của cuộc đời nên giờ này nhà tôi vẫn còn giữ được sự trong sáng và hồn nhiên của thời con gái. Sở dĩ tôi cảm ấm anh đến thăm cũng như tôi hạn chế thông báo bệnh tình của nhà tôi đến với bà con là vì tôi không muốn làm lớn chuyện; tôi muốn sinh hoạt của nhà tôi bình thường như mọi ngày.

Bác Sĩ Aaberg nói rằng kết quả xét nghiệm cho thấy nhà tôi bị ung thư ở bàng quang, và đây là một loại ung thư rất hiếm. Trong số những trường hợp ung thư, không tới một phần trăm số người bị ung thư loại này. Và vì rất hiếm nên nhân lúc có cuộc hội thảo tại bệnh viện Johns Hopkins (bệnh viện chuyên nghiên cứu và chữa trị ung thư hàng đầu ở Mỹ), hồ sơ bệnh trạng của nhà tôi đã được trình bày trong cuộc hội thảo này. Nhờ đó, Bác Sĩ Aaberg đã thu thập được thêm những ý kiến quý giá để chữa trị cho nhà tôi.

Tôi ngồi nghe Bác Sĩ Aaberg giải thích mà người như lơ lửng trên mây. Nghe tin nhà tôi bị ung thư tôi như bị sét đánh; tôi choáng váng đầu óc, hết còn biết làm gì nữa. Bác Sĩ Aaberg nói kết quả chụp hình cho thấy có điều may mắn là đã phát hiện sớm vì hai cục buồng ung thư chưa mọc lan ra bên ngoài bàng quang. Ông nói cần phải mở sớm vì loại ung thư này rất dữ, và ông sắp xếp bốn ngày nữa thì mở.

Trên đường lái xe về nhà, tôi vẫn nói chuyện bình thường, coi như không có chuyện gì hệ trọng xảy ra dù rằng trong lòng tôi rất xao động. Tôi không muốn lộ ra sự lo sợ khiến cho nhà tôi bị mất tinh thần.

Về đến nhà, tôi gọi điện thoại báo tin cho ông anh biết nhà tôi bị ung thư. Tôi có cảm tưởng như ông anh nhà tôi đã lặng người khi nghe tin dữ. Ông chỉ hỏi với giọng yếu ớt là nhà tôi có biết hay không. Tôi trả lời là nhà tôi có biết. Bác sĩ đã giải thích rất rõ ràng mọi điều cho nhà tôi có lẽ để mong nhà tôi tích cực hợp tác với ông trong việc chữa trị căn bệnh quái ác này.

Sau khi ăn tối xong, nhà tôi vào nằm trong giường, và khóc. Nhà tôi đã không còn chịu đựng được nữa. Tôi chỉ biết ôm nhà tôi và khóc theo. Tôi thấy thương nhà tôi quá đỗi. Nhà tôi không than van, không trách trời trách đất; nhà tôi chỉ khóc nức từng cơn. Nghe nhà tôi nức nở mà tôi như đứt từng khúc ruột. Nếu có thể chịu bệnh thay cho nhà tôi được, thì tôi xin chịu liền. Tôi cũng không dám trách trời trách đất; tôi chỉ thấy thương nhà tôi sao mà khổ quá. Và tôi lại khóc. Hai vợ chồng tôi ôm nhau khóc, không nói một

tiếng nào. Có lẽ trong nỗi đau tột cùng thì mọi tiếng nói đều vô nghĩa.

Thức dậy vào sáng hôm sau, tôi thấy tinh thần nhà tôi có vẻ tươi tỉnh hơn. Chúng tôi làm đồ ăn sáng, rồi vừa ăn vừa xem chương trình ca nhạc Việt Nam trên DVD. Nhà tôi như bị quyến rũ bởi các màn trình diễn của các ca sĩ, hầu như quên đi căn bệnh hiểm nghèo. Đúng lúc đó, ông anh nhà tôi gọi điện thoại hỏi thăm. Tôi trả lời là nhà tôi vẫn bình thường. Anh bảo đưa điện thoại cho anh nói chuyện với nhà tôi. Tôi đưa điện thoại cho nhà tôi, rồi tôi đi làm công chuyện của tôi. Đến khi trở lại, tôi thấy nhà tôi đã vào trong phòng khóc như mưa. Hỏi chuyện gì, thì nhà tôi chỉ lắc đầu, rồi tiếp tục khóc. Tôi bèn gọi ông anh, hỏi anh nói gì mà nhà tôi khóc dữ vậy. Anh nghe nhà tôi khóc cũng đám hoảng, không nhớ đã nói những gì, chắc chỉ là những lời an ủi cô em gái mình. Nếu có cuộc thi về khả năng an ủi, thì chắc chắn sẽ không có ai qua mặt được ông anh của chúng tôi, vì nhà tôi đang vui vẻ bình thường, sau khi được ông anh an ủi, bèn khóc như chưa bao giờ được khóc. Ông anh đâu có biết là tôi đã khổ tâm đến chừng nào để tạo một nếp sinh hoạt bình thường trong gia đình, để cho nhà tôi quên đi căn bệnh dữ được lúc nào hay lúc ấy. Chỉ một lời an ủi của ông anh đã lôi kéo nhà tôi trở lại thực trạng đau buồn, đã làm cho nhà tôi nhớ là mình đang mang một căn bệnh ác. Bởi vậy mà nhà tôi khóc như mưa. Khóc vì thương chồng. Khóc vì nghĩ rằng mình sắp phải lìa xa những người thương yêu. Cứ nghĩ vậy, rồi tủi thân, rồi khóc nhiều hơn.

Chỉ còn vài ngày nữa là mổ cắt cục bướu, nên nhà tôi nghỉ làm để cho tinh thần được thoái mái và cũng để bồi dưỡng sức khỏe. Tôi cũng nghỉ làm để ở nhà với nhà tôi, để chờ nhà tôi đi chơi vòng vòng hoặc đi ăn tiệm. Có lần đi ăn ở tiệm Tàu, nhà tôi bỗng buộm miệng hỏi “Bây giờ được ăn tôm chứ gì?” Nghe hỏi mà tôi bàng hoàng. Nhà tôi vốn bị cholesterol cao, đang phải uống thuốc để hạ xuống. Một trong những món ăn cần phải kiêng cũ khi bị cholesterol cao là tôm. Có lẽ nhà tôi nghĩ rằng mình bị ung thư thì còn sợ gì cholesterol cao hay thấp, nên mới hỏi như thế. Tôi bàng

hoàng vì nhà tôi đã có cách suy nghĩ tiêu cực như vậy. Và đó là điều tôi cố tránh cho nhà tôi. Tôi nói với nhà tôi là mình kiêng cũ được thì nên kiêng cũ. Tuy nói vậy, nhưng tôi chột nghĩ, đói có bao lăm, kiêng cũ quá chi cho khổ thân; thôi, thèm thì cứ ăn, đừng có luông tuồng quá là được. Và tôi đã gọi tôm rang muối là món nhà tôi rất thích để nhà tôi chén một bữa cho đỡ, bù lại những ngày kiêng cũ trước đây.

Đến ngày mổ, sáng sớm tôi đưa nhà tôi đến bệnh viện Kaiser để làm thủ tục nhập viện. Chúng tôi đang ngồi chờ, thì bỗng thấy ông anh xuất hiện. Anh đến thăm mà không nói trước, có lẽ không muốn bị tôi cản như lần trước. Tôi thấy trong ánh mắt của nhà tôi long lanh một niềm vui, vui vì được ông anh thương yêu đến thăm trước khi lên bàn mổ. Ông anh nhà tôi vốn kín đáo, ít khi tỏ lộ tình cảm yêu thương ra bên ngoài, nhất là đối với vợ con và chị em ruột thịt. Tôi biết dù ít biểu lộ ra bên ngoài, nhưng anh rất thương yêu những người thân; anh thương một cách âm thầm, thương theo cách trầm trồ của anh.

Bệnh viện làm việc rất cẩn thận. Họ kiểm tra nhiều đợt để biết chắc nhà tôi đúng là bệnh nhân trong hồ sơ và cũng để xác định rõ là sẽ mổ về việc gì. Có lẽ họ đề phòng chuyện mổ lầm. Nhìn y tá chuyên nước biển cho nhà tôi mà tôi thấy xót xa trong lòng. Tôi thấy thương nhà tôi quá chừng. Tôi bỗng thấy số phận con người sao nhỏ bé quá. Nhà tôi nằm đó, gương mặt hiền hòa, trao số mệnh của mình cho Thượng Đế. Khi y tá chuẩn bị đẩy nhà tôi vào phòng mổ, tôi cầm lấy bàn tay nhà tôi và hôn nhẹ lên trán nàng. Nhà tôi nở một nụ cười thật bình an. Từ sáng đến giờ tôi không thấy một dấu hiệu lo sợ nào của nhà tôi. Đó là điều tôi thấy an úi vô cùng.

Ông anh và tôi cùng nhau ngồi chờ ngoài phòng đợi. Ông anh coi tivi, còn tôi đọc truyện kiếm hiệp của Kim Dung để khôi sống ruột trong lúc chờ đợi. Dù đã lựa một quyển truyện thật lôi cuốn mang theo, nhưng tôi đọc chẳng được bao nhiêu. Thỉnh thoảng chúng tôi trò chuyện với nhau dăm ba câu, và lâu lâu lại hỏi thăm y tá nhà tôi đã mổ xong chưa.

Mãi đến bốn tiếng ruồi sau Bác Sĩ Aaberg mới ra báo cho chúng tôi biết là kết quả cuộc giải phẫu rất tốt đẹp. Ông đã cắt một phần ba bàng quang của nhà tôi nơi có buốt ung thư, và nghĩ là sẽ không còn mầm mống ung thư nữa. Chưa bao giờ tôi thấy Bác Sĩ Aaberg dễ thương như lúc này. Ông đáng yêu quá! Ông là vị cứu tinh của chúng tôi. Xin Thượng Đế ban phước lành cho ông!

Chúng tôi chờ thêm khoảng một tiếng nữa mới thấy nhà tôi được đưa từ phòng hồi sức sang phòng thường. Nhà tôi đã tỉnh thuốc mê, nét mặt diệu hiền như vừa mới ngủ dậy. Quên những lo lắng đã qua, không cần biết những khó khăn sắp tới, tôi thấy rất vui trong lòng vì nhà tôi đã vượt qua cuộc giải phẫu bình an.

Trong suốt một tuần nhà tôi nằm bệnh viện, ngày nào tôi cũng vào thăm. Mấy ngày đầu, tôi ở lại suốt giờ thăm bệnh từ mười một giờ sáng đến tám giờ tối. Đến khi thấy nhà tôi đã khỏe được chút ít, tôi chạy vô chạy ra vừa thăm nom nhà tôi vừa lo cho công việc business đang bỗn dở. Để nhà tôi nằm một mình, thì tôi không đành lòng; còn bỏ công việc business không người trông nom, tôi cũng thấy bức rúc không ít. Thân này ví xé làm hai được!

Trong thời gian này, tinh thần tôi rất căng thẳng, nhưng tội nhất là Bambi. Vợ chồng tôi không có con; chúng tôi nuôi Bambi, và xem như là con trai của mình. Bambi là loại chó nhỏ thuộc giống Toy Poodle, được gần chín tuổi. Bambi cực kỳ thông minh, hiểu biết tất cả mọi việc, chỉ có điều không biết nói mà thôi. Trong nhà Bambi thương nhà tôi nhất; còn tôi nó xếp vào hạng nhì. Khi nào chúng tôi đi đâu về, tôi là người mở khóa cửa vào trước, nhưng nó xem tôi như là không có, chạy tìm nhà tôi mừng雀跃. Hai mẹ con nựng niu nhau, hôn hít nhau một chặp, xong rồi nó mới mừng tôi. Bây giờ tôi về nhà một mình, Bambi chạy luôn qua chân tôi đi tìm mẹ. Không thấy mẹ đâu, nó dáo dác tìm. Nhìn nó đứng ngóng trông mẹ mà tôi thấy thương vô cùng. Chờ hoài không thấy nhà tôi, Bambi lảng thửng đi vô nhà. Nhìn ánh mắt của nó, nhìn dáng đi của nó, mới thấy nó buồn đến chừng nào vì không thấy mẹ. Tôi bồng Bambi lên, vỗ về nó, mà nước mắt lưng tròng. Tôi thương

cho Bambi vắng mẹ, và cũng thương nhà tôi đang nằm cô đơn trong bệnh viện. Tôi chợt thấy thiếu vắng nhà tôi làm cho cha con tôi lẻ loi biết chừng nào. Nước mắt tôi chảy dài, chảy dài...

Thức ăn do bệnh viện nấu nhà tôi ăn không hợp khẩu. Tôi dứt cho nhà tôi được vài muỗng thì nhà tôi lắc đầu, không chịu ăn nữa. Tôi năn nỉ thế nào cũng không chịu. Thấy bỏ cũng uổng, sẵn đang đói bụng, tôi dứt sạch phần ăn của nhà tôi. Cô y tá vào thấy khay đồ ăn sạch sẽ, hỏi có phải nhà tôi đã ăn hết không, tôi bén lén trả lời chính tôi đã giúp thu gọn chiến trường. Cô ấy nói vậy cũng tốt, khỏi bỏ phí của trời. Cô y tá này là người Phi, suy nghĩ giống y chang người Việt mình.

Bà chị dâu thấy nhà tôi không ăn được thức ăn của bệnh viện, bèn kho cho nhà tôi một sơn cá cơm là món ăn khoái khẩu của nhà tôi. Ông anh cũng không quên mang theo cơm, còn kèm thêm một khoanh chả lụa và mấy củ khoai lang tím luộc (khoai đường ngọc cũng là món hủ xực của nhà tôi). Những củ chỉ săn sóc nho nhỏ như vậy của anh chị đã làm cho vợ chồng tôi hết sức cảm động.

Có một buổi sáng tôi vừa bước vào, thì nhà tôi mếu máo nói “Em bị xỉu mà không có anh bên cạnh.” Thấy nhà tôi rưng rưng nước mắt mà tôi xót xa trong lòng. Tôi nói bệnh viện không cho vào sớm, nên tôi không thể vào trước mười một giờ được. Vị bác sĩ trực thấy tôi liền báo cho tôi biết là vào khoảng chín giờ sáng, nhà tôi vào restroom đánh răng, thì bị té xỉu. Ông đã khám xét kỹ, và thấy là nhà tôi không bị đụng ở đâu cả. Ông cũng cho biết là ông đang thử máu nhà tôi, coi thử có bị thiếu máu hay không. Chính vì biến cố này mà bác sĩ quyết định giữ nhà tôi ở lại bệnh viện thêm một ngày nữa, thay vì được về ngày hôm sau. Tôi rất lo trong lòng, không biết nguyên nhân nào đã làm cho nhà tôi bị té xỉu. Sau đó, phòng thí nghiệm báo cho biết là nhà tôi không bị thiếu máu, nên bác sĩ đã không chuyển máu cho nhà tôi. Dù nhà tôi không bị thiếu máu, nhưng trong lòng tôi rất lo, không biết nhà tôi có bị biến chứng gì không.

Trước khi nhà tôi xuất viện, y tá hướng dẫn tôi cách

săn sóc nhà tôi tại nhà, nhất là cách thay túi chứa nước tiểu. Vì bàng quang bị cắt một phần và đang khâu lại, nên bác sĩ cho nước tiểu chảy vào một cái túi nhựa đeo lủng lẳng bên ngoài. Thấy thì khó, nhưng khi y tá bắt tôi thực tập vài lần, thì tôi cũng thay được túi nước tiểu. Thương vợ, gì cũng làm được, sá gì chuyện thay túi nước tiểu.

Dưa nhà tôi về nhà, thấy thoải mái hơn, nhưng tôi cũng bận bịu hơn vì chỉ có một mình tôi săn sóc cho nhà tôi. Lúc bình thường, hai vợ chồng hú hí với nhau, thấy thoải mái và hạnh phúc. Nhưng lúc này nhà tôi nằm một chỗ, tôi thấy lẻ loi chi lạ.

Tôi một mình lo chuyện ăn uống và canh giờ cho nhà tôi uống thuốc. Khổ cho tôi nhất là chuyện nấu ăn. Tôi giỏi nhất là nấu mì gói, ngoài ra không biết nấu món gì khác. Nhớ có lần tôi trổ tài nấu ăn, làm món vịt nướng chao. Tôi đi chợ mua vịt, mua chao, và các thứ gia vị. Theo đúng từng chữ trong sách dạy nấu ăn, tôi hì hục cắt vịt, ướp chao, rồi nướng vịt suốt mấy tiếng đồng hồ. Lúc làm xong, tôi hí hửng mời nhà tôi ăn. Nhà tôi cắn một miếng, vì lịch sự nên nuốt luôn, nhưng từ chối không ăn nữa. Bữa đó làm tôi ăn vịt nướng chao nhừ tử!

May có bà chị dâu làm cho mấy món ăn, đem chất đầy cả tủ lạnh. Bà chị đã biết quá rõ tài nấu ăn của tôi; nếu chờ cho tôi nấu ăn, chắc nhà tôi chỉ còn da với xương.

Hai ngày sau khi từ bệnh viện về, nhà tôi đòi tắm và gội đầu. Tôi dẫn nhà tôi vào phòng tắm, chuẩn bị hết mọi thứ, rồi bước ra ngoài. Một lúc sau, nghe tiếng nhà tôi kêu, tôi vội chạy vào. Tôi thấy nhà tôi đang đứng níu chặt cánh cửa buồng tắm, mặt mày xanh mét. Tôi vội xốc nách nhà tôi, lấy thế đứng cho vững. Nhà tôi bỗng buông hai tay, khuỷu xuống; tất cả sức nặng của nhà tôi đổ dồn xuống hai tay tôi. Nhà tôi đầu ngã ra sau, mắt trợn ngược, miệng há hốc, toàn thân xụi lơ, bất động. Tôi thấy điêng cả người, nghĩ là nhà tôi đã ra đi. Tôi cố hết sức bồng nhà tôi đặt nằm trên giường. Tôi quỳnh quáng, chỉ biết ôm vai lay nhà tôi, rồi vỗ nhẹ bên má nhà tôi. Nhà tôi từ từ chớp mắt, rồi môi từ từ mấp máy.

Nhà tôi đã tinh lại, và tôi cũng đã được tinh lại. Nhà tôi đã hoàn hồn, và tôi cũng đã được hoàn hồn. Sự việc xảy ra chỉ trong khoảng mười lăm giây, nhưng tôi thấy như thời gian đã ngừng đọng lại. Chỉ trong mười lăm giây ngắn ngủi, tôi đã chứng kiến nhà tôi bước sang cõi chết, rồi về lại cõi sống. Và cũng chỉ trong mười lăm giây ngắn ngủi đó, tôi rơi vào trạng thái chết đi精英 người, rồi lại bước vào trạng thái nhẹ hăng như mây. Mọi lo sợ, mọi hoảng hốt, mọi tuyệt vọng của tôi chỉ vài cái chớp mắt của nhà tôi đã làm cho tan biến hết. Nhà tôi nằm đó, mặt vẫn còn xanh, nhưng đã biết gật đầu trả lời những câu hỏi của tôi. Tôi mừng vô hạn. Tôi tưởng chừng như mình vừa thoát chết. Nhìn gương mặt đã bắt đầu có thần khí của nhà tôi mà tôi mừng chảy nước mắt.

Thật tình mà nói, nếu nhà tôi có ra đi lúc này, thì cũng đúng với mong muốn của nhà tôi. Đã từ rất lâu, những lúc tâm sự với nhau, nhà tôi thường tỏ ý mong muốn sẽ ra đi trước tôi. Nếu tôi ra đi trước, nhà tôi sợ cảnh phải ở lại một mình, sẽ đau buồn không thể nào chịu được; bởi vậy, nhà tôi lúc nào cũng muốn mình là người ra đi trước. Và tôi cũng đồng tình với ý muốn của nhà tôi. Tôi biết nhà tôi rất yêu thương tôi, và nhà tôi cũng biết là tôi rất yêu thương nàng; cho nên nhà tôi sẽ khó có thể chịu đựng được nỗi đau buồn và nỗi cô đơn khi không còn có tôi bên cạnh nữa. Tôi đồng tình làm kẻ đi sau vì tôi sẵn sàng gánh chịu nỗi đau buồn và nỗi cô đơn cho nhà tôi. Tôi thương nhà tôi, tôi không muốn nhà tôi phải chịu cảnh khổ sở như vậy. Chúng tôi yêu nhau tám năm (là mối tình đầu của cả hai chúng tôi), rồi lấy nhau ba mươi sáu năm. Chúng tôi đã cùng nhau lên thác xuống ghềnh, đã cùng nhau chia sẻ những ngọt bùi lần đắng cay của cuộc đời, đã cùng theo nhau đến chân trời góc bể. Mấy chục năm tình nghĩa mặn nồng như vậy, làm sao nhà tôi có thể chịu đựng được khi không còn có tôi? Đó là lý do khiến cho nhà tôi muốn mình là người ra đi trước. Từ ngày chấp nhận là kẻ đi sau, tôi ăn uống kiêng cữ hơn, tập thể dục đều đặn hơn, uống thuốc bổ đầy đủ hơn, lái xe cẩn thận hơn... Nói chung là tôi cố giữ gìn sức khỏe cho tốt hơn chỉ với một mục đích duy nhất là mong sẽ đi sau nhà tôi một bước.

Sau lần bị xỉu vừa rồi, nhà tôi chịu ăn uống nhiều

hơn cho mau lại sức, không còn kén ăn như trước. Được người quen hướng dẫn, tôi đi hốt thuốc Bắc về hầm với gà ác và xương đuôi bò, rồi lấy nước cho nhà tôi uống. Tôi thay đổi, khi thì gà ác, khi thì xương đuôi bò; sợ ăn gà ác hoài, da nhả tôi sẽ đen như da gà ác, lại phải tốn tiền tẩy trắng da như ca sĩ nổi tiếng Michael Jackson. Tôi chăm chỉ hầm gà và hầm xương cho nhà tôi. Nhà tôi khen tôi giỏi vì lần đầu tiên thấy tôi chịu khó nấu bếp. Tôi trả lời thương vợ thì làm, chứ có gì mà giỏi. Mà đúng như vậy, trước đây tôi không thích nấu ăn vì tôi dễ tính, ăn gì cũng được, cũng thấy ngon, nên không cần phải nấu nướng cầu kỳ; còn bây giờ nhà tôi bị bệnh, cần uống canh bổ cho lại sức, nên tôi đi hỏi cách nấu, rồi vào bếp nấu cho nhà tôi. Tôi vừa làm vừa gửi trọn lòng thương yêu của mình vào việc rửa thịt, lóc mỡ, nêm nếm, vớt bọt, rồi rót nước canh ra ly cho nhà tôi uống. Tôi làm mà thấy lòng tràn ngập niềm thương yêu, mà thấy thương nhà tôi vô cùng.

Mười hai ngày sau khi mổ, nhà tôi trở lại bệnh viện để rút ống chuyền nước tiểu và cũng để biết kết quả xét nghiệm của cuộc giải phẫu vừa rồi. Bác Sĩ Aaberg cho biết các tế bào ung thư đã được lấy sạch; do đó, nhà tôi không cần phải chữa bằng hóa trị tiếp theo. Vợ chồng tôi mừng vô hạn, không biết dùng lời lẽ gì để nói lên hết lòng biết ơn của chúng tôi đối với Bác Sĩ Aaberg.

Ra khỏi bệnh viện, tôi gọi ngay cho ông anh vì tôi biết anh cũng đang nóng lòng trông chờ kết quả xét nghiệm của em gái mình. Sau khi báo tin mừng xong, tôi nói hôm nay vợ chồng tôi sẽ đai anh chị đi nhà hàng để ăn mừng. Và tôi đã gọi hai phần tôm hùm, hai phần cua rang muối, một phần tôm rang muối, một phần mì xào hải sản, và một phần rau muống xào tỏi. Bảy phần ăn cho bốn người quả là quá thịnh soạn. Chúng tôi đã ăn mừng một bữa huy hoàng tráng lệ vì nhà tôi không còn mầm mống ung thư trong người nữa.

Lê Tấn Phước

Oct. 2008



Chúc Mừng

Nhận được thiệp hồng báo tin:

Anh Chị Nguyễn Mỹ làm lễ thành hôn cho Thủ nǚ

Cháu Nguyễn Thị Diệu Hậu

Đẹp duyên cùng

Cháu Thomas Thắng Trần

Hôn lễ được cử hành ngày 03 tháng 10 năm 2009

Tại San Jose, California, Hoa Kỳ

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California xin chúc mừng
và chung vui cùng Anh Chị Nguyễn Mỹ. Cầu chúc hai họ
Nguyễn Trần có được dâu hiền rể thảo.

Mến chúc hai cháu Thắng & Diệu Hậu

Một đời thương yêu

Trăm năm hạnh phúc

bóng hạnh phúc thơ vĩnh xuyên



Tóc mai sợi vắn, sợi dài

Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm

Ca dao

Bóng hạnh phúc lung linh tràn mắt biếc

Rụt rè tay chưa chạm bóng xa bay

Nghe vô vọng tháng ngày dài tưởng tiếc

Tóc mai vương quyền mãi cõi tim này

Vĩnh Xuyên

BẾN CŨ NGÀY VỀ

Hoàng hôn mưa đầm bến xuân xưa

Dáng cũ tiêu sơ biết mấy mùa

Quạnh quẽ đá giăng sâu dĩ vắng

Hất hiu khói tỏa chanh tình thơ

Néo vè hôn mộng từng tha thiết

Lối cũ chân quen lại ngẩn ngơ

Biên biệt người đi luôn nhớ bến

Nước trôi trôi mãi đến bao giờ?

Vĩnh Xuyên.



TĨNH VÀ ĐỘNG

Vườn khuya ngoài ánh nguyệt

Nụ hông như thoảng lay?

Bướm ngày hương chớp cánh

Ngỡ đêm đã sang ngày

VĨNH XUYÊN

**BẢN TỔNG KẾT SINH HOẠT CỦA HỘI TÂY SƠN
BÌNH ĐỊNH BẮC CALI 2009.**



Đường Anh Đồng

Trong sinh hoạt thường kỳ của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali mỗi năm có hai sinh hoạt lớn đó là Tiệc họp mặt Tân Niên, và Picnic Hè Hội Ngộ. Ngoài ra còn có phần trao Giải Khuyến Học cho các cháu học sinh giỏi là con em của đồng hương Bình Định Bắc Cali.

Tiệc Tân Niên Xuân Kỷ Sửu:

Tiệc Tân Niên Xuân Kỷ Sửu của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã được tổ chức tại Nhà Hàng Phú Lâm tại San Jose, vào lúc 12 giờ trưa ngày 21 tháng 02 năm 2009 với sự tham dự hơn 400 đồng hương và thân hữu Bình Định. Có những đồng hương ở thật xa thành phố San Jose như Sacramento, San Francisco, Stockton, San Pablo, San Leandro, Riverwark, Salinas, ... đã chở gia đình vợ con, bạn bè, đến dự ngày họp mặt đầu Xuân của bà con Bình Định. Những giọng nói xứ Nẫu thân thương của những người lớn tuổi không bao giờ thay đổi, mặc dù đã sống xa quê hương hơn ba chục năm. Họ đã tìm lại cái cảm giác được thăm lại quê-hương qua buổi gặp gỡ như thế này mỗi năm một lần để tay bắt, mặt mừng và huyên thuyên ôn lại chuyện ngày xưa ở quê nhà.

Năm nay Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali có nhiều khuôn mặt mới đó là sự tham gia của hai Hội Phó Ngoại Vụ anh Đoàn Hữu Đức, và Hội Phó Nội Vụ anh Phan Thanh Hùng cùng với một Thủ Quỹ mới đó là Anh Nguyễn Mỹ.

Với một Ban Tổ Chức hùng hậu, đầy nhiệt tình nhất là anh Phan Thái đã giúp cho những sinh hoạt của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali trở nên nhiều năng động hơn.

Hai khuôn mặt mới làm xướng ngôn viên trong bữa tiệc hôm ấy là Bác Sĩ Trương Thế Phiệt cựu học sinh Tăng Bạt Hổ, Bồng Sơn, và Nguyễn Thị Diệu Hiền, trưởng thành tại Mỹ, là con gái đầu lòng của anh Nguyễn Mỹ. Với sự điều khiển khéo léo của hai Master Ceremony này đã làm cho buổi tiệc khởi sắc, linh động và náo nhiệt từ buổi lễ chào Quốc Kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà, đến những tiết mục chào mừng quan khách của Ông Hội Trưởng Tony Định, tuyên bố khai mạc của Ông Trưởng Ban Tổ Chức Phan Thanh Hùng, giới thiệu Đặc San Xuân Kỷ Sửu của ông Trưởng Toại và các tiết mục văn nghệ, múa lân, xổ số trúng thưởng đầu năm. Đặc biệt tiết mục hát bài chòi của một đồng hương Bình Định, với giọng hát truyền cảm và lời thơ dí dỏm đã làm cho hội trường vang dậy những tiếng vỗ tay tán thưởng vì nó thích hợp với văn hóa dân tộc Việt Nam, mang nét đặc thù của quê hương Bình Định.

Ngoài ra Quý đồng hương và thân hữu Bình Định còn được biếu tặng một cuốn Đặc San Bình Định Xuân Kỷ Sửu, với sự đóng góp của nhiều văn nhân, thi sĩ chuyên nghiệp cũng như nghiệp dư. Là một món quà tinh thần đầu năm của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, không ngoài mục đích duy trì và phát huy văn hoá truyền thống của người Việt Nam ở hải ngoại, còn là gạch nối liên lạc giữ đồng hương Bình Định sống rải rác khắp nơi ở xứ người.

Danh Sách Đồng Hương và Thân Hữu ủng hộ Đặc San Xuân Kỷ Sửu:

1.	Trương Toại	\$100.00
2.	Lê Văn Tâm	\$20.00
3.	Đoàn Hữu Đức	\$20.00
4.	Ông Bà Nguyễn Văn Thành	\$20.00
5.	Dương Đức Khánh	\$50.00
6.	Bác Sĩ Nguyễn Thị Diệu Hậu	\$200.00
7.	Bác Sĩ Trương Thế Phiệt	\$35.00
8.	Tạ Chương Trí	\$10.00
9.	Trần Anh	\$10.00

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

10.	Đỗ Hùng	\$50.00
11.	Nguyễn Hoè	\$10.00
12.	Cao Văn Phố	\$10.00
13.	Ông Bà Nguyễn Trai	\$20.00
14.	Trần Thành	\$15.00
15.	Nguyễn Diêu	\$20.00
16.	Nguyễn Mai	\$20.00
17.	Phan Văn Khiêm	\$10.00
18.	Phan Thanh Hùng	\$100.00
19.	Phan Minh Lượng	\$100.00
20.	Quách Tú	\$50.00
21.	Nguyễn Đình Hình	\$5.00
22.	Đường Anh Đồng	\$100.00
23.	Nguyễn Bình	\$65.00
24.	C.P. Tax Trần Văn Ngô	\$100.00
25.	Bác Sĩ Cai Văn Dung	\$100.00
26.	Bác Sĩ Đặng Phương Trạch	\$100.00
27.	Bác Sĩ Nha Khoa Nick M. Nguyễn	\$100.00
28.	Bác Sĩ Hồ Thị Thuần Hậu	\$100.00
29.	Bác Sĩ Nha Khoa Nguyễn K Phụng	\$100.00
30.	Luật Sư Nguyễn Ngọc Diệp	\$100.00
31.	Care Insurance Agency, Inc.	\$100.00
32.	Sam Carpet Furniture	\$100.00
33.	Phở Ý Số 1	\$100.00
34.	Senter Food	\$300.00
35.	Truman Như	\$200.00
36.	Vinh Định & Hà Lê	\$200.00
37.	California Waste Solution	\$500.00

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

38.	Tony Dinh	\$200.00
	Tổng Cộng:	\$3,310.00

Báo cáo Tổng kết Thu Chi Tiệc Họp Mặt Tân Niên năm Kỷ Sửu

Thu:

Nguyễn Mỹ	2 bàn	\$700.00
Trương Toại	1 bàn	\$350.00
Nguyễn Bá Thư	6 người	\$210.00
Nguyễn Cẩm Mậu	2 bàn	\$700
Nguyễn Mai	1 bàn	\$350.00
Đường Anh Đồng	2 bàn	\$700.00
Võ Hân	1 bàn	\$285.00
Bùi Tú	1 bàn	\$350.00
Tony	11 bàn	\$3,850.00
Üng Hộ		\$1060.00
	Tổng Cộng Thu	\$8,765.00

Chi:

Nhà hàng	\$5565.00
Gift	\$220.00
Ban nhạc Karaoke & âm thanh	\$500.00
Hoa trang trí	\$150.00
Muá lân	\$200.00
Việt Nam Tự Do (Thông báo)	\$200.00
Calitoday (Thông báo)	\$185.00
Tổng Cộng Chi	\$7,020.00
Quý còn	\$1,475.00

Hè Hội Ngộ và Lê Phát Thuởng Giải Khuyến Học.

Ngày 14 tháng 06 năm 2009, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã tổ chức một ngày Hè Hội Ngộ dành cho gia đình Quý Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định. Như mọi năm địa điểm tổ chức tại Lake Cunningham Park nằm trên đường South White Road.

Chương trình tổ chức Hè Hội Ngộ dự trù sẽ bắt đầu từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều, Ban Tổ Chức đến sớm để chuẩn bị thức ăn dựng khán dài đã thấy lác đác đồng hương Bình Định đến sớm phụ giúp cùng Ban Tổ Chức. Khi lễ chào cờ bắt đầu vào lúc 10 giờ, thì số lượng khách thật đông, và Ban ẩm thực đã vất vả với số lượng người sắp hàng thật dài ngoài dự tính. Mặc dù đã dự trù thức ăn trên 700 phần ăn, nhưng vẫn không đủ cho những người đến sau. Sự hiện diện thật đông đảo của Quý Đồng Hương và Thân Hữu ngày hôm ấy là một khích lệ lớn lao của Ban Chấp Hành và Ban Tổ Chức Hè Hội Ngộ năm nay. Ngoài những tiết mục văn nghệ, giải trí vui chơi dành cho các cháu thiếu nhi, còn có giải bóng chuyền cho các thiếu niên và Giải Khuyến Học dành cho những học sinh giỏi là con em của đồng hương Bình Định

Giải Khuyến Học:

Nhằm mục đích khuyến khích con em đồng hương Bình Định trong công việc học tập, năm nay là năm thứ Năm, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã tổ chức phát giải cho những học sinh xuất sắc có điểm GPA từ 3.8 trở lên từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 trong niên khoá 2009-2010. Sau đây là danh sách 14 học sinh giỏi đã đạt được giải khuyến học do Ban Khuyến Học của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali tuyển chọn:

- | | |
|---------------------------------|----------|
| 1. Sophia Trần
Bunker School | Mẫu Giáo |
| 2. Ryan Như
Kindercare | Mẫu Giáo |

3. Vicky Nguyễn Lớp 3
K.R. Smith
4. Sheila Trần Lớp 5
Bunker School
5. Dalina Như Lớp 6
Challenger School
6. Thinh Nguyen Lớp 7
Cabrillo Middle School
7. Danny Nguyen Lớp 8
Newark Jr. High School
8. Minh Tiên Le Lớp 9
Evergreen Valley High School
9. Johnny Trần Lớp 10
Evergreen Valley High School
10. Mieng Nguyễn Lớp 10
Independence High School
11. Vy Vy Nguyễn Lớp 10
Oak Grove High School
12. Trần Nguyễn Lớp 10
Mount Pleasant High School
13. Nguyễn Trần Mỹ Mỹ Lớp 10
Piedmont Hills High School
14. Thi Lê Lớp 11
Mount Pleasant High School

Ngoài bằng khen của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, các cháu đều được nhận một phần quà có trị giá ngang nhau, tất cả đều do sự đóng góp của quý mạnh thường quân và phụ huynh của các cháu trong tinh thần tự nguyện.

Danh Sách Mạnh Thường Quân Ủng Hộ Picnic Hè 2009

<u>STT</u>	<u>Họ Và Tên</u>	<u>Số Tiền</u>
1.	Nguyễn Cẩm Mậu	\$320.00
2.	Phan Thanh Hùng	\$300.00
3.	Nguyễn Mỹ	\$120.00
4.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	\$100.00
5.	Nguyễn Thị Diệu Hậu	\$100.00
6.	Trương Thế Phiệt	\$70.00
7.	Nguyễn Ngọc Thụy (Hội CSQG)	\$50.00
8.	Hiệp Nguyễn	\$20.00
9.	Hội Ái Hữu Phú Yên	\$250.00
10.	Lara Trần (Con gái Ông Mậu)	\$100.00
11.	Peter Mc Huge	\$50.00
12.	Nguyễn Văn Dũng	\$20.00
13.	Lê Thiên Trúc (Hội Quảng Ngãi)	\$20.00
14.	Ngô Đức Hoanh	\$20.00
15.	Jode Beauty College	\$100.00
16.	Thủy Trần	\$10.00
17.	Đỗ Văn Trạch	\$20.00
18.	Đường Anh Đồng	\$220.00
19.	Minh Hiếu	\$50.00
20.	Tony Đinh	\$700.00
21.	Thành Xuân Lễ	\$15.00
22.	Lê đức Hùng	\$20.00
23.	ÔBà Đinh Chuyên	\$10.00
24.	Thúy Nguyễn	\$20.00
25.	Trần Duy Tân (Tony)	\$20.00
25.	Phan Minh Lượng	\$200.00

27.	Bảo Tố	\$20.00
28.	Phan Thái	\$240.00
29.	Trần Minh Lợi	\$100.00
30.	Đặng Đức Bích	\$100.00
31.	Nguyễn Mai	\$100.00
32.	Nguyễn Diêu	\$100.00
33.	Nguyễn Văn Thành	\$40.00
34.	Nguyễn Văn Thường	\$40.00
35.	Diên Nguyễn	\$40.00
36.	Nguyễn Mỹ Hào	\$20.00
37.	Hiền Cao	\$20.00
38.	Nguyễn Miên	\$20.00
39.	Liễn Hồng Đạt	\$20.00
40.	Nguyễn Ngọc Tiên	\$20.00
41.	Võ Thành Định	\$40.00
42.	Thảo con anh Quán	\$20.00
43.	Nguyễn Bình	\$50.00
44.	Đoàn Hữu Đức	\$100.00
45.	Đặng Thị Danh	\$100.00
46.	Lê Đức Hưng	\$50.00
47.	Nguyễn Bá Thư	\$100.00
48.	Quách Tú	\$100.00
49.	Jeffrey Phan (MD)	\$100.00
50.	Đào Đức Chương	\$50.00
51.	Khiêm Trần	\$5.00
52.	Lâm Sanh Thú	\$10.00
53.	Lisa Nguyễn	\$50.00
54.	Trần Phuốc Toàn	\$100.00

55.	Đặng Văn Ngọc	\$40.00
56.	Lê Lợi	\$60.00
57.	Phan Quang Nghiệp	\$50.00
58.	Nguyễn Minh Phước	\$100.00
59.	An Phan	\$20.00
60.	Đoàn Hữu Thạnh	\$20.00
61.	Nguyễn Hồng Tuyền (cựu Đại Tá)	\$40.00
62.	Quốc Việt (Khối 8406)	\$50.00
63.	Nguyễn An Thạo	\$100.00
64.	Truman Như	\$300.00
65.	Châu Nguyễn (Anh Đập Đá)	\$30.00
Tổng Cộng:		\$5490.00

Báo cáo Thu & Chi Pinic Hè Hội Ngộ 2009**Thu**

Tiền anh em trong Ban Điều Hành cùng Đồng Hương và
Thân Hữu Tây Sơn Bình Định đóng góp là: **\$5,490.00**

Chi:

Thuê Cunningham Park	\$750.00
Chuẩn bị thức ăn	\$915.00
Ban nhạc karaoke	\$100.00
Bia	\$87.00
Nước uống và vật dụng cho picnic	\$245.00
Nước uống lần hai, bánh mì, dưa hấu,	\$210.00
Heo quay hai con	\$500.00
Tổng cộng chi	\$2,807.00
Quỹ còn	\$2,583.00



Ban Chấp Hành từ trái sang phải: Ông Tony Dinh, Ông Phan Thanh Hùng, Ông Đoàn Hữu Đức, Ông Nguyễn Mỹ, Ông Đường Anh Đồng



Lễ chào Quốc Kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa



Bác Sĩ Trương Thế Phiệt và Nguyễn Thị Diệu Hiền
MC người Bình Định cùng với Hội trưởng Tony Dinh



Đoàn lân chào mừng quan khách



Anh Chị Tony Đinh, Bác Sĩ Phạm Đức Vương,
Anh Lý Tống và Ông Peter Mc Huge cựu Giám Sát
Viên Quận Hạt Santa Clara



Ban Hợp Ca của Hội Tây Sơn Bình
Định Bắc Cali



Tony Dinh Hội Trưởng cùng Đại Tá KQ
Nguyễn Hồng Tuyền Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ
Không Quân Phù Cát



Hoà Thượng Thích Giác Lượng Ban Cố Vấn
Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali



Ông Phan Thanh Hùng Hội Phó, kiêm
Trưởng Ban Tổ Chức Hè Hội Ngộ và Giải
Khuyến Học tuyên bố khai mạc.



Ban Chấp Hành và Ban Cố Vấn chụp chung với
Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định.



Đồng hương Bình Định đang xem những hình ảnh sinh hoạt trong năm của Hội Tây Sơn



Gần 700 thực khách là Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định đang sắp hàng dài để lấy thực phẩm trong ngày Hè Hội Ngộ.



Anh Đoàn Hữu Đức Hội Phó Ngoại Vụ
đang trao Giải Khuyến Học cho học sinh giỏi
là con em Đồng Hương Bình Định



Các thanh thiếu niên của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc
Cali đang tranh giải bóng chuyền



Anh Đường Anh Đồng Trưởng Ban Khuyến Học
đang đọc danh sách Học Sinh Giỏi của Đồng Hương
Bình Định



Các cháu học sinh giỏi đang tập trung trước khán
dài để lãnh Giải Thuởng Khuyến Học



XUÂN VIÊN XỨ

Bao năm Tết đến mấy lần Xuân,
Bèo dạt mây trôi đã mấy lần
Lưu lạc xa phương sâu viễn xứ,
Nặng tình non nước nghĩa tình thâm.
Sóng đổi giữa cuộc thế lần khân,
Tết ở quê người chẳng thấy Xuân.
Mồng một mồng hai không khí Tết,
Mồng ba mồng bốn đã tàn Xuân.
Bạn bè gặp gỡ chỉ qua loa,
Chào hỏi đôi câu nghĩ xót xa.
Chén rượu tách trà chưa phỉ dạ,
Đón mừng năm mới thật phôi pha.
Bao năm xa xứ bạt ngàn sương,
Mờ mịt chân mây cách dặm trường.
Trời đất giao mùa hoa lá rụng,
Tuổi đời thêm một lại buồn thương ./-

Phan Văn Hàm

NHẬT KÝ

MỘT CHUYẾN VỀ BÌNH ĐỊNH, 11-2009

Quy Nhơn, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Bác Sĩ Nguyễn Trác Hiếu

Hôm nay, chúng tôi đi Vân Canh, một quận nằm về phía tây nam tỉnh Bình Định. Ở Sài Gòn, chúng tôi được anh đoàn trưởng thông báo rằng nước lũ đã làm sập một cây cầu trên đường từ Quy Nhơn đi Vân Canh, chúng tôi có thể phải đi bộ nhiều cây số hay phải sang xe để đến địa điểm khám bệnh. May thay, ngày đi Vân Canh thì cây cầu đã được tạm thời sửa chữa và xe cộ có thể qua lại được.

Tôi lớn lên ở Bình Định nhưng chưa hề đặt chân tới quận lỵ Vân Canh nơi mà ngày xưa nổi tiếng mũi mòng, nước độc. Trước năm 1975, tôi có bệnh nhân từ Vân Canh ra Quy Nhơn chữa bệnh sốt rét. Binh sĩ cũng có nhiều người bị sốt rét khi đồn trú hay đi hành quân vùng này.

Khi chúng tôi đến Vân Canh thì mực nước con sông Hà Thanh chảy dọc đường đi đã rút xuống mực bình thường. Hai bờ sông đất bị xói mòn trầm trọng. Nhìn vết rát ruỗi còn vuông trên bờ tre hai bên bờ sông cho thấy mực nước lũ đã dâng lên rất cao trước đó. Nghe nói có năm bảy gia đình bị thiệt hại về nhân mạng. Gà vịt bị chết nhiều.

Địa điểm khám bệnh là một trụ sở xã. Dân chúng ở đây đa số là người dân tộc. Trước năm 1975, chúng quen gọi họ là người Thuợng. Theo thông báo của đoàn PVN thì dân cư vùng này 100% người dân tộc nhưng khi khám bệnh thì bản thân tôi gặp được vài bệnh nhân người Kinh. Cô y tá trưởng trạm xá xã Canh Hiệp là người Kinh, nói giọng Bắc vì được cha mẹ quê Vân Canh, tập kết ra Bắc và sinh cô ở miền Bắc.

Tôi không biết lấy một tiếng người dân tộc nào nên đêm trước khi đi Vân Canh tôi hơi lo âu không biết đồng bào ở đây có hiểu được tiếng Kinh hay không hay là chính tôi người Việt lại phải nhờ người thông dịch. May thay, khi trực tiếp khám bệnh đồng bào tôi mới biết ra hầu hết bệnh nhân đều hiểu được tiếng Kinh và nói tiếng Kinh gần đúng giọng, chỉ quên đánh dấu một số chữ. Ngồi cạnh tôi, một bác sĩ Mỹ có lần cần đến hai thông dịch viên, một dịch tiếng dân tộc ra tiếng Việt, một dịch tiếng Việt ra tiếng Mỹ. Tôi chỉ một lần không hiểu được hai tiếng Việt nói bởi một bà mẹ dân tộc.

Tôi hỏi bà mẹ một em bệnh nhân 9 tuổi:

- Cháu có bị bệnh kinh niên gì không mà than nhức đầu hoài vậy chị?

Bà mẹ đáp:

- Có, cháu bị tết xẹt!

Tôi không hiểu tết xẹt là gì, nhờ bà nói lại. Khi bà lập lại đến lần thứ tư mà tôi vẫn chưa đoán ra nghĩa của hai chữ tết xẹt thì tôi quay sang chị bạn Nữ Trung Học nhờ nghe hộ. Chị bạn lại gần bà mẹ em bệnh nhân nghe xong mỉm cười:

- Chị ấy nói cháu bị té xe.

Tôi bật cười vì sự chậm hiểu của tôi. Một trong những bệnh nhân của tôi là một cụ già tuổi khoảng 70. Ông chồng gãy và được người con trai dìu đi mò mẫm. Ông than đau nhức trong hai mắt hầu như mỗi ngày. Mắt phải của ông không còn nhìn thấy gì, con ngươi bị một màng trắng che phủ. Mắt trái chỉ nhìn thấy lờ mờ. Tôi nghĩ ông bị chứng áp suất tròng mắt cao. Tôi nhờ anh bác sĩ trẻ chuyên khoa mắt (ophthalmologist) đi theo đoàn khám lại. Anh đồng ý với định bệnh của tôi. Liếc qua danh sách thuốc của đoàn tôi không thấy có loại thuốc nào chữa chứng áp suất mắt cao, tôi định biên toa nhưng chợt nhớ người con trai của ông đã cho tôi biết nhà ông rất nghèo, ông bị bệnh mắt đã mấy năm mà không có tiền đi khám bệnh hay mua thuốc nên tôi quyết định giới thiệu ông đi bệnh viện tỉnh ở Qui Nhơn với hy vọng được

chữa trị. Tôi nói với bệnh nhân và người con trai của ông:

- Mắt phải của bác đã bị mất thị giác, mắt trái còn hy vọng thấy lại được nếu được chữa ngay. Anh tìm mọi cách đưa bác về Qui Nhơn ngay kẻo bác bị mù cả hai mắt thì khổ cho bác và cho gia đình lâm.

Người con trai của bệnh nhân có vẻ thất vọng vì các bác sĩ từ Mỹ về không làm được gì cho cha mình nhưng cuối cùng cũng run run cầm tờ giấy giới thiệu của tôi và dìu cha đứng dậy. Tôi thấy lòng nặng nặng vì sự bất lực của mình trước một bệnh có thể chữa được dễ dàng nếu bệnh nhân đang sống ở một nơi khác. Năm 1976, trong rừng biên giới Miên-Việt, tôi cũng đã trải qua cái cảm giác bất lực và đau thương khi nhìn một bạn tù bị sốt rét, đi tiểu ra máu đen đậm như xì dầu mà chúng tôi không có lấy một viên thuốc, một chai nước để cứu mạng anh.

Một bệnh nhân khác của tôi là một cậu bé 14 tuổi mà ốm yếu và nhỏ con như một em bé 5 tuổi. Bà mẹ già gầy của em đã bồng em dễ dàng trong vòng tay bà. Tôi hơi sững sờ trước bệnh nhân gầy ốm của tôi mà tôi chưa hề được chứng kiến bất cứ một trường hợp nào trong mấy chục năm hành nghề. Tôi hỏi:

- Em nó bị sao mà ốm yếu quá vậy chị?

Bà mẹ đáp:

- Em nó bị bệnh từ hồi một hai tuổi, ăn không được, bệnh đi bệnh lại hoài, thở không nổi, ho hen luôn, mới đây em bị gãy cả hai chân vừa mới lành.

Tôi khám em và giật mình biết em bị suy tim nặng, bị suy dinh dưỡng trầm trọng, em thở một cách mệt nhọc, da tái xanh, mắt thẫn thờ, ngồi bất động, co rúm lại như một em bé năm sáu tuổi trên chiếc ghế đầu bằng nhựa, không nghe và không trả lời được một câu hỏi nào của tôi.

Tôi đưa tay đụng vào chiếc máy ảnh tôi để săn trên bàn, định bụng thu vào ống kiếng hình ảnh tiêu tụy của em nhưng trong vài giây suy nghĩ tôi quyết định đặt chiếc máy

ảnh lại chõ cũ. Tôi không nỡ. Tôi không muốn nhiều sẽ người nhìn thấy hình ảnh em và sẽ mủi lòng. Tôi đã thấy, đã xót xa. Thế cũng là quá nhiều cho em rồi. Mẹ em cho biết bà có đưa em đi bệnh viện mấy lần nhưng bệnh em vẫn ngày càng nặng, trọng lượng cơ thể thì ngày càng nhẹ đi, thân thể co rút lại. Hai bác sĩ ngồi cạnh tôi cũng không nghĩ ra được em bị hội chứng gì. Tôi đoán em bị bệnh tim bẩm sinh, không được chữa trị kịp thời nên sinh ra đủ thứ biến chứng như suy tim phổi, thiếu dinh dưỡng trầm trọng, còm cõi, gãy xương... Cô Mộng Hằng, chuyên viên phòng thí nghiệm, giúp tôi thử máu cho em. Cô mỏ to mắt ngạc nhiên khi nhìn thấy kết quả hemoglobin của em chỉ có 3.0, bình thường phải là trên 10.0, có nghĩa là em đang bị thiếu máu trầm trọng. Bản thân tôi, tôi đã thấy hemoglobin ở mức thấp 6.0 nhưng chưa bao giờ thấy 3.0 như hôm nay. Tôi vội vã giải thích cho bà mẹ em bệnh nhân và khuyên bà đưa em đi nhập viện ở Qui Nhơn gấp kéo em không thể sống sót trong những ngày tới rất gần. Bà ứa nước mắt cầm tờ giấy giới thiệu của tôi và giấy lánh thuốc bổ cho em. Tôi dặn bà những viên thuốc bổ tôi cho hôm nay sẽ không giúp gì cho em nếu bà không đưa em đi nhập viện ngay.

Bà mẹ bệnh nhân bồng đứa con 14 tuổi bước đi chênh choạng không phải vì sức nặng của cơ thể em mà vì sự đau thương nơi lòng bà. Tôi ngồi thử mấy phút nghĩ đến nỗi gian nan vô vàn của một bà mẹ quê 14 năm trùorgen săn sóc đứa con trai duy nhất, mang nặng đẻ đau, bệnh tật triền miên. Đêm đêm bà đã chắp tay cầu nguyện cho con sống còn. Tôi không thể hiểu được làm sao bản thân bà có đủ cõm hẩm, canh rau mà sống qua ngày, lo săn sóc đứa con bất hạnh, bệnh tật. Rồi đây tiền đâu để bà đi xe về Qui Nhơn, tiền đâu để bà mua thuốc và thực phẩm cho con cho đến ngày em đi qua một thế giới khác có thể có được một đời sống thanh thản, khỏe mạnh hơn cuộc sống khổ đau nơi cõi ta bà này...

Tôi đứng lên, bước ra khỏi phòng khám, đi bộ trong hành lang bệnh xá và nhìn những bệnh nhân đang ngồi chờ được khám bệnh. Có những khuôn mặt thật chất phát, hiền lành, thân thương. Có những hàm răng đen, những chiếc nón rách, những đôi mắt lo âu pha lẫn chút vui mừng

được khám bệnh, được nhận quà... Có năm ba em bé trai gái tuổi học trò tiểu học, chụm đầu vào nhau, cười thật tươi cho tôi chụp hình vừa đưa cao hai ngón tay hình chữ V. Tôi cũng chưa hiểu rõ chữ V có ý nghĩa gì ở đây, vùng đất nghèo xơ nghèo xác: chào mừng, hô hởi, thành công?

Trên cao, mặt trời sau cơn bão đã trở lại chói chang, mây trắng vẫn lững lờ bay. Ngoài kia, mấy con bò vẫn thản nhiên gặm cỏ. Xa xa có tiếng gà gáy trưa. Không khí nơi đây thật nóng và ẩm. Áo tôi đã thấm ướt mồ hôi. Tôi cố gạt ra khỏi trí hình ảnh em bé và bà mẹ quê, quay trở lại phòng khám để nhận một bệnh nhân khác. Bà bệnh nhân tuổi khoảng 60, răng đen, nhai trầu bõm bẻm, thường cười thật tươi sau khi trả lời rành rẽ những câu hỏi của tôi. Bà bị chứng huyết áp cao. Tôi cho bà biết định bệnh, giải thích cho bà lý do tại sao bà bị chứng này, viết thuốc cho bà. Tôi nói:

- Chị Bảy nè, ngoài thuốc tôi biện toa hôm nay, tôi muốn chị ăn lạt nghe.

Bà cười:

- Ăn chay hả?

Tôi nói:

- Ăn lạt là ăn bớt mặn đi, không phải ăn chay. Chị càng ăn mặn, ăn muối thì huyết áp chị càng lên cao, có thể làm chị bị tai biến mạch não.

- Tai biến là sao?

- Tai biến là đứt mạch máu trong não, rồi bị liệt, tay chân không cục cựa được, đi đứng không được, nuốt không được, nói không được...

- Dãy na?

Tôi dặn tiếp:

- Chị phải tránh ăn mắm. Xì dầu, nước mắm chị phải pha thật lạt để chấm rau, chấm bánh tráng...

Bà chị bệnh nhân lại nghiêng đầu cười tươi, chiếc vòng đeo cổ lấp lánh:

- Tránh ăn mắm thì ăn gì, nhà chỉ có mắm thôi mà.

Tôi giật mình. Thì ra tôi đã xa rời thực tế. Tôi đã bài bản qua lời khuyên bệnh nhân. Câu nói của bà chị làm tôi bối tắc trong suy tư, chẳng biết phải khuyên bà sao nữa về việc tránh ăn mặn để giảm huyết áp. Có thứ mắm nào ở Bình Định mà không mặn đâu. Ba tôi cũng đã từng bị mắm nêm làm ngã gục, đau khổ 4 năm trên giường bệnh rồi mới qua đời. Tôi chợt nhớ đã đọc đâu đó câu nói “Mỗi bệnh nhân là một người thầy”.

Một bệnh nhân khác của tôi là một đàn ông da sạm nắng, trông còn khỏe mạnh. Tôi liếc nhoè ghi tuổi của bệnh nhân. Tình cờ tôi thấy tuổi anh bằng tuổi tôi. Anh trông già hơn tuổi nhiều. Tôi mỉm cười, đùa với anh:

- Anh Ba này, anh với tui cùng tuổi mà trông anh trẻ hơn tui nhiều.

Anh bệnh nhân cười bẽn lẽn:

- Đâu có. Tui già nhiêu chớ. Bac xi còn trẻ nhiêu chớ...
- Anh còn đi làm không?
- Già rồi mà đi làm gì.

Anh lại cười. Tôi hỏi thêm:

- Hồi xưa anh làm nông hay làm gì?
- Hồi xưa tôi đi lính Mỹ.

Tôi bị bất ngờ:

- Anh nói lính Mỹ hay lính Cộng Hoà?
- Lính Mỹ. Biệt kích đó mà.

Tôi im lặng vài giây, ngẫm nghĩa kỹ người đàn ông người dân tộc. Tôi biết anh không nói đùa. Đôi

mắt anh mống thịt đã kéo ngang tròng trăng nhưng tròng đen và con ngươi còn rất lanh lợi. Tôi nói thầm,

“Chào anh, người bạn súng gươm ngày nào... Rất hân hạnh được khám bệnh cho anh hôm nay...”

Tôi khám bệnh cho anh xong tôi xin phép được chụp hình anh. Anh vui vẻ cho phép, nhìn thẳng vào ống kính của tôi. Một chút xao xuyến dâng lên trong lòng khi được chính mình, sau hơn 30 năm khi chiến tranh chấm dứt, trở lại quê nhà, khám bệnh cho một cựu quân nhân. Tôi chữa bệnh huyết áp cao cho anh và dặn dò anh nhiều thứ. Tôi muốn hỏi anh nhiều câu hỏi nữa về đời sống của anh sau chiến tranh nhưng tôi lại im lặng. Nhiều bệnh nhân đang chờ được khám. Tôi khuyên anh lần chót sau khi dùng hết một tháng thuốc mà đoàn chúng tôi cung cấp, anh đến bệnh viện huyện xin được chữa trị tiếp hay nếu anh tìm được ít tiền thì dùng cái toa cũ tôi viết đi mua thêm thuốc vì tôi biết bệnh viện ở đây không cấp thuốc miễn phí cho bệnh nhân. Anh bệnh nhân người dân tộc bắt tay tôi từ giã với nụ cười tươi. Anh là bệnh nhân duy nhất bắt tay tôi trong bảy ngày tôi và đoàn của tôi khám bệnh ở Bình Định. Mối thân tình như còn vương vấn đây...

Một số bác sĩ chuyên khoa nội thương, chỉ khám bệnh người lớn. Chúng tôi chuyên khoa gia đình nên khám cả trẻ con lẫn người lớn, đàn bà lẫn đàn ông. Một bà mẹ trẻ đưa một em bé gái vào khám. Em trông khỏe mạnh. Khuôn mặt thật dễ thương. Tôi hỏi:

- Em tên gì, bao nhiêu tuổi?

Em bé trả lời thật đúng giọng tiếng Việt:

- Em tên là Mai, em 9 tuổi.
- Em đau bệnh gì nói cho bác sĩ nghe đi.

Em bé liếc nhanh mẹ rồi đáp:

- Em bị đau đầu, đau bụng.

Em đưa tay chỉ nơi rốn. Tôi hỏi:

- Em còn đau gì nữa không?

Em bé quay nhìn mẹ dò hỏi. Bà mẹ trẻ nhắc:

- Con kể hết cho bác sĩ nghe đi!

Em bé, hai tay sờ hai đầu gối nói như đọc bài thuộc lòng:

- Em bị sưng hai đầu gối, đêm nào cũng đau nhức ngủ không được...

Tôi sờ hai gối em:

- Em đau và sưng hai đầu gối. Vậy lúc đi học ở trường, em chạy chơi với bạn bè được không?

Em bé ngây thơ đáp nhanh:

- Dạ được.

- Em có bà nội hay bà ngoại ở nhà cũng đau đầu gối như em không?

- Dạ có.

Em bé đáp nhanh và tự nhiên. Tôi khám em xong biên toa cho em nhiều thuốc bổ như tôi vẫn cho bất cứ em nào tôi khám dù bệnh hay không bệnh. Tôi cũng biên thuốc giảm đau, giảm sưng và dặn bà mẹ trẻ cách dùng cho cả người lớn và trẻ em. Một nữ bệnh nhân khác tóc bạc phơ ngồi vào ghế bệnh nhân. Tôi chào bà:

- Chào cụ Năm! Cụ đau sao cụ nói tui nghe.

Bà cụ thảng thốt:

- Trời đất quơi! Sao ông nói được tiếng Diệt?

Bà cụ vừa hỏi vừa đưa hai bàn tay nhăn nheo cầm lấy một bàn tay tôi.

- Ông học tiếng Diệt hầu nào dậy?

Thì ra bà cụ tưởng lầm tôi là bác sĩ người gốc Mỹ. Tôi thấy vui vui, tính trêu bà và định nói, “Dạ, tôi học tiếng Diệt từ lúc được hai ba tuổi” nhưng tôi kịp thời dừng lại, thấy thất lễ với bà nếu đứa như vậy. Tôi đổi câu trả lời:

- Thưa cụ, tôi là người Việt chứ không phải người Mỹ. Tôi là dân Bình Định, dân Tây Sơn, cụ biết Tây Sơn ở đâu không? Bà cụ còn đang suy nghĩ thì người con gái đi cùng đã trả lời thay:

- Tây Sơn là Phú Phong đó mẹ.

Cô quay sang tôi:

- Mẹ thấy bác sĩ cao to, da trắng nên tưởng bác sĩ là người Mỹ.

Tôi mỉm cười:

- Không sao cô. Thật ra tôi cũng là người Mỹ gốc Việt. Đoàn chúng tôi có 60 người từ bên Mỹ về và mấy chục bạn bè ở Việt Nam theo giúp. Tôi ngồi ngắm làn da nhăn nheo trên tay, trên mặt bà cụ. Sống mũi bà cao, giọng nói vui vẻ, dẽ dãi, đầu tóc được cạo ngắn gọn gàng, chiếc áo bà ba già nứt bóp. Rõ ràng đây là hình ảnh của bà nội tôi trước năm 1975. Bà nội tôi qua đời khi tôi đang ở trên biên giới Việt-Miền vào năm 1976. Em tôi kể bà nuối tôi rất lâu trước khi ra đi. Đêm ấy, trên rừng, tôi vật vã không ngủ được. Ruột gan nóng như lửa đốt. Tôi biện toa trị chứng huyết áp cao cho bà cụ nhưng vẫn băn khoăn không biết khi bà dùng hết một tháng thuốc mà đoàn chúng tôi cung cấp, tương lai bệnh tật của bà sẽ ra sao. Bệnh xá huyền, tinh có tiếp tục giúp bà có đủ thuốc để chữa trị không? Các con bà quá nghèo làm sao có tiền để mua thuốc cho bà. Tôi xin chụp hình bà cụ. Bà ngồi ngay ngắn đợi tôi bấm máy xong mới tươi cười:

- Cảm ơn quý ông dìa đây khám bệnh cho bà con.

Lời cảm ơn chân thành thoát ra từ miệng bà cụ làm tôi chợt xúc động. Đáng lý tôi phải cảm ơn những bệnh nhân

thân yêu đã mang lại cho tôi niềm vui rạt rào được săn sóc họ, nơi nầy, trên quê tôi Bình Định. Trước đây một hôm, trong phòng ăn của khách sạn Quy Nhơn, một nữ bác sĩ Việt Nam trẻ từ Mỹ về, đã tâm sự với tôi, “Em ra trường y khoa thì vừa lúc chạy loạn, chưa có cơ hội phục vụ bệnh nhân ở quê nhà, nay được về làm việc chung với quý anh chị, được tận tay săn sóc đồng bào mình, em thấy như giấc mơ của em đang trở thành sự thật...” Lời tâm sự của người đồng nghiệp trẻ nhẹ nhàng lọt vào tai tôi, chạy thẳng xuống tim. Tôi ngưng nhai, ngưng nuốt đến mươi giây. Thì ra không phải chỉ có tôi mơ ước như vậy thôi.

- Anh may mắn hơn em. Anh đã có được năm năm để săn sóc bệnh nhân và binh sĩ trước trước khi lên rừng đốn gỗ, trồng khoai... Cho tới cuối năm 1978 anh mới ra đi trên chiếc thuyền con...

Chúng tôi biết, đoàn thiện nguyện y tế chúng tôi về đây lần nầy cũng chỉ như một cơn mưa rào trên sa mạc khô cằn, cháy bỏng lâu ngày, không đủ để cho hạt bông cỏ nẩy mầm chứ đừng nói đơn bông kết trái.

(Còn tiếp)

Nguyễn Trác Hiếu

VUI CƯỜI

Méo mó nghề nghiệp

Trên chuyến bay, một thiếu phụ cởi nút áo cho con bú để lộ bầu vú trắng nõn nà. Anh sinh viên Nông Lâm ngồi bên cạnh nói :

- Một nông vụ dân thủy nhập điền

Anh phi công xen vào:

- Không, đó là một phi vụ tiếp tế nhiên liệu trên không.

nỗi buồn lữ khách

thơ phan văn hàm



Lữ khách tha phương khắc khoải sâu ,

Vọng về cố quốc lệ thâm sâu .

Trần gian ngụp lặn trong tăm tối ,

Nhân loại đua chen giành giựt nhau .

Đất nước mong chờ ngày sáng lặng ,

Gia đình ước vọng phố hoàn châu .

Hỡi người nhớ lấy tình dân tộc ,

Đất khách đường quên tiếng nguyện cầu ./-

Xuân Canh Dần (2010)

PHAN VĂN HÀM

mong đỗ cho được cái tú tài.



trường an

Cách đây 3 tuần Tôi có đi dự một đám cưới của đứa con trai út của Mai ở dưới Lo. Mai là em gái của Khang, người bạn đã có một thời gian dài gắn bó với tôi ở cái thuở thiếu thời, cái thuở hai đứa còn cắp sách đến trường và cái thuở hai đứa làm lính. Mai gọi điện thoại năn nỉ một hai anh phải đi vì em không còn đứa con nào nữa để anh có dịp mà đi, em gả tựi nhỏ hết sạch rồi. Tôi nghe tiếng cười giòn dã của Mai trong phôn. Tôi nghĩ mình cũng tệ thật, mấy lần đám cưới trước tôi chỉ gởi quà mà không có đi, nên lần này tôi quyết định lái xe đi. Trong đám cưới tôi gặp lại chị Ca, vợ của Khang và là chị dâu của Mai. Dám chừng hơn 40 năm tôi mới gặp lại chị Ca. Chị thay đổi quá nhiều, người co quặt lại như một bà lão khiến tôi nhận không ra. Mà thật ra lão hết rồi chớ còn gì nữa! Có lẽ cuộc đời với bao đau khổ chồng chất, một thân, một mình nuôi ba đứa con dại ở xứ lạ, quê người nên trông chị già hóp như vậy.: “Bộ anh Lân nhận không ra chị Ca, vợ anh Khang, hay sao?” Mai hỏi tôi thật to, át cả tiếng đàn đang chơi. Trông chị Ca có thoảng buồn vì cái vô tình của tôi, quên đoạn, quên dành chị, một người mà chị tin chắc tôi không thể quên được. Chị dẫn tôi đến một cái bàn toàn là những người trẻ, trong đó có ba đứa con của Chị, hai gái, một trai. Chị giới thiệu tôi với lũ nhỏ: “Đây là bác Lân, bạn đi học và bạn đi lính của Ba con.” Chị chỉ một thanh niên đang ngồi im lặng “Sang năm đám cưới cháu Danh, tôi sẽ mời anh, chi xuống đây dự, nhớ đừng từ chối nhé”. Tôi liếc nhìn Danh, sao mà giống Khang như hai giọt nước! Cũng khuôn mặt lưỡi cày, cái mũi cao, cái cằm nhọn, cái môi dưới, chưa cười đã trề ra, và nước da khỏe ngăm ngăm đen. Tôi quay về ngồi lại chỗ bàn của mình một lúc thì Danh đến hỏi nhỏ tôi :

-Cháu nghe Mẹ cháu nói Bác là bạn thân của Ba cháu, cháu mong muốn Bác kể cho cháu nghe về Ba cháu được không? Ngày mai nếu Bác còn ở lại, xin Bác ghé nhà cháu chơi.

Tôi gật đầu chấp nhận lời mời của cháu, nhưng trong thâm tâm không biết kể làm sao để cho cháu tự hào về người cha của mình, nhất là để trả lời câu hỏi: cha cháu mất tích hay đã chết?

Mỗi lần về Việt nam, bao giờ tôi cũng ở lại Qui Nhơn lâu nhất .Tôi bỏ ra một ngày đi bộ để xem phố xá thay đổi như thế nào, nhất là để tìm niềm vui trong sự hòa nhập vào cái dòng người đi lại đông đúc, chen lấn trên hè phố. Vẫn lại tôi cũng muốn tìm lại cái quá khứ của mình ở từng ngõ ngách của thành phố, trên từng con phố đông người hay vắng người, mà ở đó vẫn còn lưu giữ những bước chân của tôi và bạn bè. Cũng những buổi chiều đầy nắng vàng như ngày hôm nay, vào những ngày xa xưa, cũng trên những con đường đông người qua lại, tôi đã gặp rất nhiều bạn bè và người thân. Bây giờ họ đi đâu hết rồi? Thành phố đang thay da, đổi thịt, những cửa hiệu mang tên cũ không còn nữa. Chỗ này ngày xưa phải là tiệm giày AJS, tiệm bida Tùng Ý trước cửa có xe nước mía, tiệm thuốc bắc Nguyễn Cự, cái hóc kia phải là tiệm hớt tóc mà tôi thường đến hớt, cái vỉa hè kia để xe bánh mì tôi thường mua một ổ để ăn sáng trước khi đi học. Tôi đứng trước tiệm vàng Hương bình. Tôi biết cái bà đang đứng đếm tiền kia là Hương, khi còn đi học ở cách nhà tôi vài căn nhà, bấy giờ nghe đâu giàu sụ, có mấy tiệm vàng. Cái tiệm vàng này có lẽ nguyên thủy là tiệm ảnh Bác ái? Vào những năm của thập niên 70, mỗi lần đi ngang qua tiệm ảnh Bác Ái, tôi thường đứng lại nhìn bức hình của Khang. Có lẽ đây là bức hình đẹp nhất và ưng ý nhất của ông Bác Ái chụp cho khách hàng, nên Ông đã treo ngay giữa phòng, không cần phải bước vào tiệm mới thấy mà đi ngoài đường cũng thấy được. Có lẽ Khang cũng thấy cái hình này vì cái hình này để thật lâu như là treo vĩnh viễn.Tôi nói dại nếu để thờ thì tuyệt! Trong hình con mắt hơi lồi của Khang long lanh, trong sáng trên khuôn mặt dài hơi ngựa một chút, còn làn môi dưới dày như trề ra để lộ hai hàm răng cưa đều đặn trắng ngà. Người ta bảo những người đàn ông có khuôn mặt như Khang, thường dễ tán tỉnh đàn bà. Quả vậy, Khang có rất nhiều bạn gái bám riết và có vợ rất sớm.Có lần tôi bảo một cách cải lương với Khang “Mầy sẽ chết vì đàn bà chớ không như tao, sẽ chết vì chiến trận.

Mầy sẽ chết trên giường nệm êm ám, còn tao, còn tao...sẽ chết trên một xó xỉnh nào của cái xứ sở Bình định này, có thể Phù Ly, Phù cát, Hoài nhơn, Hoài ân, An lão... ,Nhưng thật tế đã khác xa với điều tôi đã nói đùa: Khang đã chết vì chiến trận còn tôi sẽ chết dần vì đàn bà. Tôi có cảm giác như Khang đang chào đón tôi và muốn bước xuống cùng đi với tôi, hòa nhập vào dòng người đông đúc. “Lân à.Mầy giúp tao thi đỗ tú tài I đi, rồi mầy muốn cái con nhỏ bên cạnh nhà tao, tao sẽ giúp cho. Tôi nghe trong tai như có lời vang vẳng của Khang. “Mầy học giỏi hơn tao nhưng mầy nhác gái quá”. Khang đang ám chỉ đến Hồng bên nhà nó. Nhan sắc của Hồng thuộc loại bình thường thôi, chả có cái gì gọi là nổi bật cả trong cái đám con gái cùng thời, chỉ được cái nước da trắng như trứng gà bóc và đôi chân dài, đẹp. Tôi chỉ để ý đến Hồng từ đạo tôi thấy cái cơ thể của cô ta trên bãi biển. Một hôm tôi đạp xe đạp đến rủ Khang đi tắm biển. Hôm đó có Hồng đi theo với Mai và các em của Khang. Trên bãi biển tôi thấy lạnh run người mặc dầu nắng chiều đang phủ đầy trên người tôi kia mà. Thì ra tôi run người bởi vì tôi nhìn thấy cặp giò ấn tượng của Hồng trong bộ đồ tắm màu đen kéo lên thấu háng. Thời gian trôi qua, vì bận với thi cử, bận với đời lính, tôi quên hẳn cặp giò cô bé, không biết Hồng và gia đình đã lưu lạc về đâu.

Tôi nói với Khang: “Mầy cần chi cái tú tài, gia đình mầy giàu, sẽ lo cho mầy cái lính kiểng, mầy sẽ an toàn trong cái thành phố này. Còn những người như tao, con nhà nghèo, mới cần cái tú tài để đi Thủ đức hay Đà lạt.Tao cần dưới tay tao phải có ít nhất 40 người lính mới có cơ may sống sót. Tao không muốn là thằng lính đi hàng đầu mầy hiểu chưa? Bởi vì tao muốn sống. Cái tú tài đối với tao quan trọng như thế đó.”

Nhưng Khang không đồng ý như vậy, Khang có ý nghĩ khác:

-Mầy thấy cái đám thanh niên đông đúc trong trường Sư phạm không? Toàn là tú tài cả.Toàn là bọn trốn lính”.

Tôi trả lời: “Mày để tao nói hết đâ. mày thấy những ông trưởng ty nông lâm súc không? Mầy thấy ông đốc sự hành

chánh không? Mầy thấy mấy ông quận trưởng không? Ngay cả ông tỉnh trưởng, tất cả đều có cái tú tài. Những người có tú tài điều hành cái đất nước này ở mọi nơi. Họ là những bộ phận trong một cổ máy khổng lồ vận hành cho cái xã hội này quay. Mầy cứ tưởng tượng không có những thằng có tú tài thì cái gì sẽ xảy ra? Xã hội miền Nam sẽ chết, đúng không? Mầy biết tao không phải hèn, muốn có mảnh bangle tú tài để chui vào những chỗ an toàn. Cái mảnh bangle tú tài to bằng tờ giấy khai tử, tao vẫn biết vậy, nhưng tao vẫn muốn có nó. Tao vẫn biết đôi khi có nó, cuộc đời của tao và bao đứa còn tệ hại hơn là không có nó. Mọi người đi học đều có cái tú tài là bình thường, còn tao đi học mà thi không đỗ tú tài là không bình thường. Tao muốn đồng hạng với mầy và tất cả, mầy hiểu chưa? Đồng hạng với mầy lúc sống cũng như lúc chết. Vâ lại tao cũng muốn có cái tú tài để làm vừa lòng ông già tao. Ông già tao biết tao ham chơi hơn học nên ổng cũng chỉ mong tao đỗ cái tú tài là đủ rồi.

Tôi nhớ đến Tá bạn học của tôi. Vừa đỗ tú tài II là đi Đà lạt. Càng mơ đi sĩ quan Đà Lạt, Tá càng mong mau đỗ tú tài II. Tá ra sức học đêm, học ngày, học gầy cả người. Cầm mảnh bangle tú tài màu giấy đen nhỏ hơn tờ giấy học trò chưa ráo mực in, Tá nộp đi Đà-Lạt liền. Ra trường đi tác chiến, rồi lên Đại úy Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3, Sư đoàn 22 BB, bị chết ở chiến trường Phù Mỹ. Hôm tiễn đưa ra mộ, Trời tự nhiên làm mưa, bão tầm tã. Từ Tiểu khu đến nghĩa trang, con đường Nguyễn thái Học ngập nước tối bánh, tôi lái xe, mở quạt nước cực mạnh mà gần như không thấy đường. Vợ Tá bụng mang dạ chửa, kêu gào thảm thiết, bó người trong áo tang màu trắng, đẫm nước, đẫm bùn, ôm choàng hai tay qua cái hố gỗ, kêu gào thảm thiết, như muốn giữ lại không cho rơi xuống cái hố đầy nước. Cái hình ảnh đau khổ đó đeo đuổi tôi suốt cả tuần lễ. Nếu tôi có mảnh bangle tú tài của Tá trong tay, tôi sẽ đốt cháy như một tờ giấy vàng bạc rồi vất xuống mộ theo Tá.

Tôi nhớ đến những lời tâm sự của Phúc, Đại đội trưởng của tôi. Phúc, người Bắc, không đỗ tú tài nên nhà lo cho làm lính kiển ở quận 3 Sài Gòn. Mặc dầu sống lè phè ngày hai buổi đến văn phòng quận làm những việc lặc vặt

về giấy tờ, tối về sống với gia đình. Cuộc đời thanh niên trong thời loạn như vậy là quá tốt đẹp. Nhưng ngày lại ngày Phúc không thấy thích nếp sống như vậy. Cái mặc cảm thua thiệt, không bằng bạn bè thúc dục Phúc nộp đơn thi tú tài trở lại. Phúc thi đậu, vào Thủ Đức. Cũng như Tá, Phúc dẫn Đại đội xuống Cát tài thì bị VC bắn súng chết.

Rời tiệm vàng Hương Bình, tôi bước vào công viên có tượng Quang Trung, rồi bắt đầu bước vào con đường Võ tánh thì suýt bị xe đạp tông. Cũng chính chỗ này khi còn nhỏ Khang đã đèo tôi trên xe đạp, Khang hét lên bảo tôi đang ngồi ở đằng sau, dang tay trái ra làm signal quẹo trái, nhưng tôi chưa kịp làm bởi không hiểu signal là gì, nên bị xe của một ông phía sau tông. Khang và tôi ngã lăn bò càn trên con đường đầy cát. Cái cảm giác đau đớn vì cái cùi chỏ bị rướm máu bởi bị cà trên mặt đường phủ đầy cát vẫn còn đau đớn đây.

Trí óc tôi bay nhảy lung tung, không chịu ngồi yên một chỗ. Tôi nhớ đến lần tôi ngồi uống cà phê với Khang ở một cái quán bên đường, trước cửa quân trưởng Phù cát. Lúc đó Khang mang cấp bậc Trung úy, Đại đội trưởng khóa sinh. Sau khi cho đại đội đi vào cổng, Khang ngồi vừa uống cà phê vừa nói chuyện với tôi. Khang kể:

- Tao sắp sửa bị đổi đi làm Trưởng Ban Ba Phù cát bởi vì tao bị qui trách một cái lỗi quá nặng không phải của tao. Có một thằng lính của tao muốn cưới một con điểm đang làm ăn ở cái nhà kia, vừa nói, Khang vừa đưa tay chỉ về phía căn nhà tranh lụp xụp bên đường. Một thằng Đại úy trong trại lại ưa chơi con điểm này. Thằng lính hỏi tao nó phải làm gì? Trong lúc tao lơ đãng trả lời nó “Mày làm đi, tao yểm trợ”. Thằng lính đi vào lấy khẩu M16 ra quơ một loạt làm thằng Đại úy đang nằm với con bồ của nó chết liền tại chỗ. Thằng lính khai do Trung úy Khang xúi dục, Khang cũng nổi tiếng trong quân trưởng vì hay đánh lộn với các sĩ quan nên đây là dịp để Chỉ huy trưởng đổi đi khỏi quân trưởng. Tao nghe nói tao bị đổi sang binh chủng BĐQ. Ba tao đang chạy chọt làm Trưởng Ban Ba.

- Qua khỏi công viên Quang Trung, Tôi đã đứng trước trường

trung học LHP hồi nào không hay. Đây là trường CĐ cũ ngày xưa Khang và tôi cùng học. Tôi nhìn thấy trong trường chỉ còn sót lại vài cây keo, những cây keo mà Khang và tôi thường trèo lên hái trái để ăn vào những buổi trưa hè trốn ngủ. Tôi còn nhớ trường có hai dãy nhà tranh chạy song song với nhau, một dãy dọc theo đường Trần Phú, còn một dãy dọc theo đường Võ Tánh. Tôi đã ở đó gần như ba tháng hè để luyện thi cho Khang để thi lại đợt hai nhưng tôi thấy không có kết quả cho lắm, bởi vì Khang chơi nhiều hơn học nên mất cắp bản nhiều quá. Tôi và Khang vào học trong một lớp học bỏ trống. Tôi đứng trên bảng, như một thầy giáo, chỉ toán cho Khang.

- Trước nhất Mầy phải biết giải phương trình bậc hai. Mầy phải hiểu phương trình bậc hai là phương trình của một Parabol. Sau cùng mầy phải nhận ra cái hình vẽ như thế nào gọi là Parabol. Về hình Ellipse cũng vậy, phải biết công thức của nó như thế nào.

Vừa nói tôi vừa dùng phấn vẽ cái hình Parabol và cái hình ellipse. Khang nói đùa với tôi:

- Hai cái hình mầy vẽ sao mà giống hai cái bộ phận trên cơ thể của một người đàn bà quá vậy. Cái mông phía sau là Parabol, cái... cái phía trước là ellipse. Người đàn bà mập có cái ellipse mập, người đàn bà ốm có cái ellipse ốm. Trên thực tế tao biết hai cái hình này trước mầy. Bửa nào có tiền, tao sẽ dẫn mầy đi vào thực tế.

Nhưng thi lại đợt nhì Khang vẫn rớt. Khang buồn rầu vô cùng. Khang nói tao sợ ông già tao còn buồn hơn tao. Nhưng tao đã có cách. Tối đó Khang đến trường, lén lật cái tấm lưới sắt của cái bảng niêm yết, đem cái bảng danh sách trúng tuyển về nhà đánh máy thêm tên Nguyễn Khang của mình ở cuối dòng, rồi đem để lại như cũ. Sáng hôm sau Khang dẫn ông già lên xem bảng. Ông già thấy có tên con mình thì mừng vô cùng, bằng thưởng cho Khang một số tiền lớn để đi Sài Gòn chơi. Nhưng rồi sự việc đỗ bẽ ra, ông già vô cùng rầu rĩ cho thằng con, la cho Khang một trận roi bời.

Mãi đến năm sau nữa Khang mới thi đậu. Vì tôi và Khang cùng một lứa tuổi 45 nên cùng bị động viên vào Thủ đúc khóa 27. Hai đứa ra tường đều về Bình Định. Khang về làm ở quân trường Phù cát, còn tôi thì về Đại đội lưu động của tỉnh 691. Khi Đại đội đóng ở cầu Phụ Ngọc, thuộc An thái, nghe Khang đổi về làm Trưởng Ban Ba quận Phù Cát, tôi có tới thăm. Bước vào văn phòng của ban ba, tôi gặp Khang đang ngồi ở một cái bàn sắt đặt ở chính giữa phòng, nhìn ngay cửa ra vào. Sau lưng Khang là bản đồ hành quân to tướng chiếm gần hết bức tường. Trong phòng tôi thấy Khang nỗi bật nhất, vì cái dáng to lớn, dênh dàng, so với những người lính bé nhỏ NQ, trông thật oai hùng trong bộ đồ lính trận, với hai bông mai đen trên vai. Tôi kéo Khang ra chỗ vắng vẻ để nói chuyện cho thuận tiện. Tôi rất lo cho Khang vì tình hình Phù cát không khẩ gì, và bắt đầu sôi động trở lại. Tôi giơ tay chỉ dãy núi xa xa về hướng Đông và nói với Khang:

-Núi Bà chạy dài dài theo bờ biển phía đông Phù cát, giáp giới Mỹ tài và Tuy Phước. Mầy tối được Cát Chánh, Cát Thắng, An Nông, cũng vô cùng khó khăn rồi, nói chi đến vào mạt khu. Phù Mỹ, Phù cát, An nhơn đuổi VC đến cái vùng tam biên này, rồi bỏ mặc đó, nên nơi đó là vùng an toàn của VC. Mặt Đông Phù cát mới đáng sợ, còn mặt Tây khỏi lo vì đã có Tiểu đoàn 3, Sư đoàn 22 của Thăng Tá lo (Tôi nói đùa với Khang) Tao ở Phụ ngọc, Thăng Đì, thăng Đô, thăng Cư (phi công) ở phi trường Phù cát lo cho mầy mặt Tây nam. Tao nghe nói mầy mới nhảy vào núi Bà, thăng một trận lớn, giết được mười mấy tên VC, thâu được một số súng, lùa được vài con bò, mầy giỏi thật! (Trong đầu tôi nghĩ Khang liều, ủ ù các các mới đến nên mới làm một việc vô cùng nguy hiểm). Nhưng mầy coi chừng. Vào mạt khu của tụi nó không phải là chuyện dễ, nhất lại là núi Bà.

-Này Lân, tao nói mầy nghe. Tao có lục trong cái ba lô của một thằng Thượng úy VC, tao thấy có một cuốn sổ nhật ký, trong đó có kẹp một chứng chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông cấp 3 Hà nội. Thì ra bọn chúng ngoài Bắc cũng như bọn mình trong Nam: lớn lên đi học và đi lính. Đi học để có cái kiến thức giết người một cách thắn sâu, quỹ khốc.

Trên đường ra bãi biển, một mình đứng lặng nhìn biển căm hận mông. Xa xa ở cuối chân trời, góc biển là những chiếc thuyền con khi mờ, khi nhạt, y như những ngày nào, đã mang cái thân phận đen tối của mình trốn chạy về một nơi vô định. Tôi nghĩ miên man về thế hệ của chúng tôi. Ngoài Bắc gọi là tốt nghiệp phổ thông, trong Nam thì gọi là tú tài. Trước khi đi bắn giết nhau, thanh niên hai miền phải có một kiến thức căn bản là tú tài. Cái kiến thức tú tài mà đem ra áp dụng trên rừng núi, trên không trung, trên biển cả thì cái cách giết người, nhất là người đó lại là anh, em thì tuyệt! Tuy nhiên tôi vẫn thấy cái cách giết người của bè bạn chúng tôi vẫn có cái gì khác với người anh em bên kia. Khi còn đi học đứa nào cũng hiền khôn và lớn lên được hưởng cái nền giáo dục dạy con người yêu thương con người. Bạn bè chúng tôi chỉ bắn nóng (đang cái lúc đánh nhau) chớ không có bắn nguội (lúc bị bắt làm tù binh). Còn VC thì ưa bắn nguội lăm, đôi khi không cần bắn vì sợ tốn một viên đạn (do đạn được thiếu thốn?), chỉ dùng dao, mã tấu mà lui, đôi khi chôn sống nữa. Tôi không biết Khang đã chết theo kiểu gì khi lọt vào tay VC.

Sau đó tôi được may mắn đổi về Qui nhơn, làm ở Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận. Tôi được hung tín Khang bị mất tích khi dẫn 4 trung đội NQ nhảy vào núi Bà. Để trả thù thua trận lần trước tụi VC giết lính NQ bằng dao đâm, súng bắn, trói cột, bỏ ngoài biển để xác trôi vào đầm Thị nại. Tôi và Trung úy Tu, sĩ quan trợ y lái xe cứu thương chạy dọc theo đầm Thị nai suốt mấy ngày liền tìm kím, nhưng chỉ vớt được vài xác NQ mà không thấy xác của Khang.

Ngày Cộng Sản vào Qui nhơn, gia đình của Khang ở lại, không chạy, với hy vọng gặp lại Khang vì tin rằng Khang theo VC chớ không phải chết hay mất tích. Tôi thì tin rằng VC đã giết Khang và giết một cách đã mang người bạn thân thiết của tôi để trả thù.

Ngày mai tôi phải gặp Danh. Tôi phải nói những gì đẹp đẽ về Khang để cho cháu Danh có những ý niệm thật tốt về một người cha. Đối với tôi, Khang là anh hùng vì đã có lần giết được VC.

Bạn có biết?

Những cái Nhất của thiên nhiên:

- Núi cao nhất: Everest (Hy Mã Lạp Sơn, thuộc Nepal, cao 8848 mét.
- Sông dài nhất: Nile, thuộc Châu Phi, dài 6,695 km.
- Đại dương rộng và sâu nhất: Pacific (Thái Bình Dương), diện tích 166,241,000 km vuông.
- Hồ nước rộng nhất: Caspian Sea, thuộc Liên Xô & Iran, diện tích 371,002 km vuông.
- Thác nước cao nhất: Angel, thuộc Venezuela, cao 979 mét

Bạn có biết?

Tỷ lệ Tổng Thống Mỹ bị ám sát chết gần 10%. Tính đến nay có 4 trong tổng số 44 Tổng Thống Mỹ đã bị hạ sát bởi bàn tay của những hung thủ.

Tổng Thống Abraham Lincoln bị bắn tại Hí Viên Washington năm 1865 do hung thủ Wilkes Booth.

Tổng Thống James Garfield bị bắn chỉ bốn tháng sau ngày tuyên thệ nhậm chức năm 1881, hung thủ là Charles Guiteau. Tổng

Tổng William Mc Kinley bị bắn năm 1901 bởi Leon Czolgozs.

Sau cùng Tổng Thống John F. Kennedy bị bắn tại Dallas, TX năm 1963 do hung thủ Lee Harvey Oswald.

Sưu Tầm: Quách Tú

VĂN LÀ LOẠI “TRÍ THỨC” ẤY?

Sơn Tùng

*D*ư âm của cái gọi là “Đại Hội Việt Kiều” (hay Đại hội người Việt ở nước ngoài) diễn ra trong ba ngày vào cuối tháng 11 vừa qua (21-23.11.2009) tại Hà-nội còn lại chỉ là một bài viết của Ông Nguyễn Hữu Liêm, một đại biểu từ San Jose, Hoa Kỳ, về tham dự. Bài này tựa là “Nơi giữa Đại hội Việt kiều: Một nỗi bình an” dài bốn trang được tác giả viết sau “đại hội” và được phổ biến trên blog Talawas.

Như tự giới thiệu nơi phần đầu bài, Nguyễn Hữu Liêm là một cựu quân nhân Quân lực VNCH đã di tản khỏi Việt Nam trưa ngày 30.4.1975, và nay là “chủ tịch Hiệp hội Doanh nhân Việt Mỹ”. Ông Nguyễn Hữu Liêm còn có tên Mỹ là Henry Nguyen Huu Liem, và có bằng J.D. (1987), bằng M.A. Philosophy (1998).

Vì có bằng cấp về triết học nên hơn phân nửa bài được Ông Nguyễn Hữu Liêm dùng để viết về Hegel, Edmund Husserl, Derrida, Lý Đông A, Paul Ricoer... không ăn nhập gì tới “Đại hội Việt kiều”, mục đích không ngoài làm dáng trí thức và biện bạch quanh co cho sự đầu hàng và phản bội.

Sự đầu hàng và phản bội được diễn tả trong phần còn lại của bài viết, mà rõ rệt nhất và trơ trẽn nhất là phần cuối bài:

“Ngày thứ ba của Đại hội, ở cuối phần bế mạc, tôi cùng đứng dậy chào cờ. Bài 209 Tiến quân ca được vang cao trong cả hội trường. Lạ thật. Tôi chưa hề từng nghe Quốc ca Việt Nam (này) trong khung cảnh thể thao như thế. Từ ấu thơ đến bây giờ, tôi từng hát Quốc ca của miền Nam, trước 1963 thì cùng với bài hát buồn cười 209 Suy tôn Ngô Tống thống . Ba mươi bốn năm qua là Quốc ca Hoa Kỳ xa lạ, Star Spangled

Banner. Nay thì tôi lại nghe và chào Quốc ca Việt Nam và lá cờ đỏ sao vàng. Con người là con vật của biểu tượng. Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước. Tôi cảm nhận được một dòng điện chạy từ đáy lưng theo xương sống lên trên cổ trên đầu như là khoảnh khắc thức dậy và chuyển mình của năng lực Kundalini. Tôi nhìn lên phía trước, khi vừa hết bài quốc ca, mấy chục cô và bà đại biểu từ Pháp đang chạy ùa lên sân khấu, vỗ tay đồng ca hát bài 210 Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng . Tôi nhìn qua các thân hữu Việt kiều từ Mỹ, và ngạc nhiên khi thấy hầu hết kẻ cả những người mà tôi không ngờ - đang vỗ tay hào hứng la to, Việt Nam! Hồ Chí Minh! Cả hội trường, và tôi, cùng hân hoan trong tất cả (vẫn là) cái hồn nhiên mà dân tộc ta đã bước vào từ hồi thế kỷ trước.”

Thế đấy! Nếu cảnh trên đây diễn ra “từ hồi thế kỷ trước”, khoảng giữa thập niên 1940, nó có thể là cảnh thực. Nhưng, năm 2009 của Thế kỷ 21 là cảnh giả - giả từ bên ngoài đến trong tận đáy lòng của mỗi người, do Đảng Cộng sản Việt Nam đạo diễn gồm những cò mồi và những kẻ xu thời vì nhiều lý do.

Ông Nguyễn Hữu Liêm muốn tỏ ra là một người trí thức, nhưng lại chỉ là loại trí thức mà hàng thế kỷ trước đã được cộng sản dùng làm cảnh ở nhiều nơi để lừa gạt những người khác trên con đường cướp chính quyền và củng cố quyền lực. Trong lịch sử cướp chính quyền và củng cố quyền lực của Đảng Cộng sản VN hơn nửa thế kỷ qua cũng có sự tiếp tay của loại người này mà một tên tuổi lớn được Nguyễn Hữu Liêm nhắc tới trong bài là Trần Đức Thảo. Ông Thảo là một giáo sư Triết tại Paris đã mê chủ nghĩa Mác và nghe lời chiêu dụ của Hồ Chí Minh mà trở về Việt Nam hợp tác với chế độ cộng sản ở miền Bắc để rồi bị vỡ mộng, bị gạt ra bên lề và kéo dài kiếp sống cực kỳ khổn khổ cả về vật chất lẫn tinh thần cho đến lúc nhắm mắt.

So với Trần Đức Thảo thì Nguyễn Hữu Liêm chỉ là một kẻ vô danh nhưng khôn hơn người đi trước. Ông Liêm chỉ đi Việt Nam tham dự “Đại hội Việt kiều” để được đón tiếp long trọng và lễ lạc linh đình, sau đó lại trở về Mỹ mà ông

ta gọi là “đi” Mỹ:

“Ngày hôm sau, thứ Ba, 24 tháng 11, trên suốt chuyến bay để 211 đi California không phải 211 về như bao lần tôi thấy chính mình đang mang tiếp được một nỗi bình an ngày hôm trước. Quê nhà đã đón mừng và nhận lại mình. Tôi không còn sợ tổ quốc, sợ chế độ, sợ công an, sợ cộng sản. Bạn thấy không? Con người tôi vẫn là con người của thời quán thứ nhất - một anh nông dân trong làng chưa bước qua được giai thoại của một thủ dân tộc chủ nghĩa thô sơ và đầy uẩn khúc. Tôi chưa phải là con người tự do.

Xin chân thành cảm ơn tất cả. Ôi hời quê hương Việt Nam. Lần này, tôi đã thực sự trở về!”

Bao giờ thì Nguyễn Hữu Liêm “thực sự trở về” để làm công dân của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam? Có lẽ không bao giờ, và nhà cầm quyền CSVN cũng không bao giờ hoan nghênh “nhà trù thức” Nguyễn Hữu Liêm trở về VN sinh sống, vì khi ấy ông ta sẽ không còn “hữu dụng” nữa mà có thể còn “gây rắc rối” cho sự trị an - như Trần Đức Thảo đã bị buộc tội hơn nửa thế kỷ trước.

Vậy thì nay Ông Nguyễn Hữu Liêm “đi” Mỹ với tư cách gì?

“Việt kiều”? Không. Ông Liêm không phải là Việt kiều vì ông ta đã trở thành công dân Mỹ. Ông ta chỉ có thể là Việt kiều sau khi từ bỏ quốc tịch Mỹ, và lấy lại quốc tịch Việt Nam.

Nếu không làm như vậy, Ông Nguyễn Hữu Liêm ở trong tình trạng “vịt không ra vịt, ngan chẳng phải ngan”. Với những gì đã làm ở Hà-nội và đã viết trong bài báo, ông ta đã mặc nhiên tự coi mình là một công dân của nước CHXHCN Việt Nam. Những hành động ấy đã chứng tỏ ông ta không trung thành với nước Mỹ - đất nước đã dung nhận ông ta và ông ta đã tuyên thệ khi trở thành công dân mà còn là một sự phản bội đối với những người trước đây đã tin ông ta, đã coi ông ta là “chiến hữu”, và những người đã chấp nhận ông ta là một người “tị nạn” cộng sản và cho ông ta cơ hội

để trở thành con người như hôm nay.

Nguyễn Hữu Liêm tự nhận là một người “trí thức” và cố viết lách một cách uyên bác, nhái giọng yêu nước của những trí thức Việt Nam thân cộng hơn nửa thế kỷ trước. Nhưng, thế giới của nửa thế kỷ trước đã khác xa với thế giới ngày nay, trong đó các thuộc địa đã không còn, các chế độ cộng sản nguyên khởi đã hoàn toàn biến mất khỏi Âu Châu, vài chế độ cộng sản còn sót lại trong đó có Việt Nam đã trở thành những con quái vật cổ lỗ bị biến dạng đang chờ bị diệt chủng trước phong trào dân chủ ngày một dâng cao.

Một người tự nhận là “trí thức” mà không thấy nổi bức tranh toàn cảnh ấy là thiếu sự minh triết, tự hiến thân làm chậu cảnh cho một bạo quyền cuối mùa là không có trí, không cảm thấy bất bình và không hề nhắc đến sự đàn áp những chiến sĩ dân chủ ở Việt Nam trong đó có nhiều trí thức chính danh là không có tâm. Không có sự minh triết, không có trí, và không có tâm thì không phải là trí thức.

Nguyễn Hữu Liêm có vài mảnh bằng đại học nhưng không thể được gọi là trí thức, và thua xa những trí thức Việt Nam thân cộng hơn nửa thế kỷ trước mà trùm Cộng sản Nga Vladimir Lenin gọi là “những tên ngốc hữu dụng”, vì dù sao có thể lúc ấy họ cũng là những người thực sự yêu nước và mê chủ nghĩa cộng sản từ trong tháp ngà.

Những giọng điệu yêu nước của người tự nhận là Việt kiều Nguyễn Hữu Liêm thì có thể đọc được trên bất cứ tài liệu tuyên truyền nào phát xuất từ Hà-nội, do bồi bút viết.

Sơn Tùng

8.12.2009

DANH NGÔN VỀ TÌNH YÊU

Tình yêu thầm lặng là tình yêu thiêng liêng, trong bóng mờ trái tim ẩn kín một tình yêu sáng rực như trân châu. Trong ánh sáng ban ngày kỳ lạ, tình yêu lú mờ một cách đau thương.

Tagore

thầm nhớ thơ b. phong khê

Ngày ấy có hoa,
Nghe lòng rực rỡ.
Đường vui rộng mở
Với đồi ngát hoa!



Rồi những Xuân qua,
Hoa như ngai ngai nở
Tình Xuân vàng vỡ,
Niềm Xuân phôi pha!

Từ đó Xuân xa,
Hoa không còn nở.
Đôi lần thăm nhớ
Những ngày có Hoa.

B. Phong-Khê

ngôn từ tài đức



tiểu sơn

T ục ngữ Việt có hai câu nói về chữ TÀI ĐỨC (1):

- _ “Chữ tài đi với chữ tai một vần”,
- _ “Có đức không sức mà ăn”.

Khi con người sinh ra và lớn lên, không ai không muốn có được tài nầy, tài nọ. Chẳng hạn như tài lãnh đạo, tài chỉ huy, tài làm giàu .v.v... Đó là về mặt tốt, còn mặt xấu như tài lường gạt, tài bỉu bợm, tài ăn trộm .v.v...

Mục đích có được tài nầy, tài nọ là do con người muốn nổi danh, muốn tranh thắng thua, muốn giàu có sung sướng .v.v...Nhưng muốn có được tài không phải dễ dàng, mà phải bỏ tiền của, sức lực, trí óc để học-tập, rèn-luyện mới có thể đạt được thành-tựu tốt.

Bậc làm cha mẹ, ai lại không muốn con mình có được tài nọ, tài kia; được nổi tiếng, nổi danh. Ngoài xã-hội, biết bao cuộc tranh tài thể-thao, thể-dục, hoa-khôi, hoa-hậu .v.v... Chúng ta làm như thế là để nêu lên nếp văn-hóa, văn-minh, nếp sống lành mạnh của thời-đại. Nào vận động trường xây dựng hoành-tráng, hình nầy thể nọ. Nào là các cuộc thi hoa-hậu, tên nầy, tên khác đặt ra; quảng cáo rùm beng trên đài phát thanh, đài truyền hình.v.v...

Cũng đúng thôi! Vì đó là nền văn-minh vật-chất dư thừa, dư ăn, dư mặt của ngày nay; chứ đâu còn cảnh ngày xưa Ông Bà mình chỉ nói tối”miếng cơm, manh

áo”. Ông Bà cũng có nói”phú-quí sinh lẽ-nghĩa”, hay “trưởng giả học làm sang” kia mà! Nhưng bên cạnh đó, tiền-nhân cũng cảnh báo”chữ tài đi với chữ tai một vần”.

Vậy thì chúng ta nên đề phòng, cân nhắc để biết được cái tai hại về sau. Một khoa-học gia, một nhà bác-học phát-minh ra một loại máy móc, một hóa-chất nào đó .v.v... thường chỉ thấy cái lợi trước mắt; nhưng sau đó biết bao tai hại sẽ xảy ra. Chẳng hạn như chất nổ, nguyên-tử,xe hơi .v.v...Điều này chắc chúng ta đã biết rồi!

Việc trao tặng giải-thưởng Nobel hòa-bình không ngoài mục-dịch để tránh bớt đại-họa chiến-tranh trên thế-giới. Việc trao giải đã tăng lên con số hàng trăm hay hàng ngàn người nhưng hiệu-quả là bao! Việc làm này gần như không thúc đẩy được nền hòa-bình trên thế-giới đến sớm với nhân-loại. Càng về sau càng có nhiều nước muốn chế-tạo bom nguyên-tử, hỏa-tiễn có mang đầu đạn hạt-nhân, vũ-kí mới .v.v... Chiến-tranh luôn đe dọa loài người trên quả địa-cầu này!

Nói tóm lại, con người càng tài-ba lối-lạc, xã-hội càng phát-triển về mặt vật-chất bao nhiêu thì họa diệt-vong có cơ xảy ra bấy nhiêu!

Thật vậy! Trong thế-giới nhị-nguyên(2), bất cứ một sự-vật, sự-việc nào rồi cũng có hai mặt. Không khác nào cái huy-chương, mặt trước rất đẹp-de; biết bao người ao ước và hảnh diện, kể cả huy-chương giết người. Nhưng mặt sau của tấm huy-chương đó, ít người nghĩ đến là nó sần-sùi, thô-thiển, gớm-giết thế nào?

Trào-luу xã-hội ngày nay, các cấp lãnh-đạo cần phảи cân nhắc, tính toán kỹ càng trước khi hành động. Những công việc phát triển xã-hội, phát-minh về mọi mặt như khoa-học, kinh-tế cần được xét đoán thấu-đáo mới cho phép làm. Như vậy, các cấp lãnh-đạo phải có óc sáng-suốt, biết nhìn xa trông rộng, mới hành-xử công việc. Có như thế, nhân-loại mới mong tránh được tai-họa cho con người nói riêng, và vạn-vật nói chung trên quả địa-cầu, hay rộng lớn hơn là vũ-trụ. Chữ tài là vậy, chữ đức thì sao?

Khổng-Tử lấy câu”tứ đức tam tòng “(3)làm mẫu-mực để

đánh giá phái nữ trong cuộc sống. Chương-trình giáo-dục của chế-độ miền Nam trước tháng tư năm 1975, có môn công-dân giáo-dục, dạy về đạo-đức con người ở bậc tiểu-học.

Ngoài xã-hội, người Việt chúng ta coi nặng chữ đức hơn chữ tài khi đánh giá một người, một gia-đình, nhất là về phương diện hôn-nhân .

Tiếc thay rằng! Ngày nay do trào-lưu dân-chủ, tự-do phát triển khắp năm châu, làm lu mờ việc coi trọng chữ đức trong hôn-nhân. Lớp trẻ chạy theo tự-do, bình-đẳng, nên xảy ra biết bao gia-đình bị xung-đột giữa cha mẹ và đâu rể.

Nền giáo-dục xưa kia xem nặng lẽ-nghĩa, đạo-đức cá nhân. Giờ đây không còn nữa! Chế-độ chính-trị đã bỏ đi công việc giáo-dục đạo-đức, đạo-lý; không quan tâm đến việc giáo-dục đạo-đức cá-nhân thuần-túy mà là đạo-đức cách-mạng. Cụ thể như câu”trung với đảng, hiếu với dân”. Mấy chục năm qua đã làm sụp đổ nền đạo-lý ưu-việt của dân-tộc Việt. Chúng ta đã hạnh-diện với nền văn-hóa mệnh danh là :”bốn ngàn năm văn-hiến”(4).

Nền giáo-dục của Hoa-Kỳ lại không phải là”tiên học lẽ, hậu học văn”, mà đặt nặng về toán-học, khoa-học và kỹ-thuật.

Nề-nếp gia-đình được ràng buộc bởi hai chữ tự-do. Lớp trẻ mới lớn lên chưa hiểu thấu-đáo ngôn-từ này. Tự-do cá-nhân bị hạn-chế bởi tự-do của gia-đình, của xã-hội, của người khác. Căn nhà này bị giới-hạn bởi căn nhà khác, bởi hàng rào hay con đường đi.

Ngày xưa, việc giáo-dục đạo-lý trong gia-đình rất khắc khe, đã ăn sâu trong từng nhà, từng xóm làng; nay còn đâu nữa! Sách vở đã để lại cho con cháu. Con cháu để mục nát, mối mọt ăn hết và không cần đọc để làm gì? Trong sách “Minh Tâm Bảo Giám”(5) có dạy:”Tích kim dĩ dị tử-tôn, tử tôn vị tất năng thủ; Tích thư dĩ dị tử tôn, tử tôn vị tất năng đọc; Bất như tích Âm Đức(6) ư minh minh chi trung, dĩ vi tử tôn trường cửu chi kế”. (Lược dịch: Chứa vàng để dành cho con cháu, con cháu chưa chắc giữ được; Chứa sách vở để lại

cho con cháu , con cháu chưa chắc đọc; Chi bằng chưa Âm Đức mờ mờ bên trong cho con cháu là kế sách lâu dài).

Giờ đây, chúng ta nói lên chắc cũng bằng thừa, nhất là ở xứ Mỹ này. Có mấy ai muốn nghe, nên người muốn nói cũng không muốn nói nữa. Tôi có biết được một số ít gia-đình còn giữ được nề-nếp cũ xưa nhưng quá ít. Lỗi lầm đó do đâu? Có thể nói là do xã-hội. Các trào-lưu cách mang hóa chế-độ chính-trị; từ đế-quốc, thực-dân, phong-kiến; để rồi ngày nay bước qua dân-chủ, tự-do, bình-đảng, nhân-quyền đã kéo đầy con người đi theo tư-tưởng này, ý-thức-hệ nọ. Phát minh khoa-học, vật-chất dẫn dắt con người chạy theo tiền-tài, mà quên đi phần tinh-thần. Cân cân đã lệch nghiêng về phía vật-chất.

Qua cuộc chiến-tranh lạnh hai phe duy tâm và duy vật xung đột nhau. Giờ đây, chúng ta muốn hòa-hợp nhau cũng cần một thời-gian dài mới có thể thực hiện được.

Trên đây là phần luận về hai chữ tài đức trên bình diện nhị nguyên. Nếu chúng ta đi sâu vào ĐẠO HỌC nhứt-nghuyên(7), chúng ta có cách nhìn khác để hiểu hai chữ tài đức khác hơn và nhẹ nhàng hơn. Tôi xin trích tóm lược câu chuyện ngũ-ngôn(8) của Trang-Tử nói về hai chữ tài và bất tài. (Tôi xin phỏng viết theo bản dịch của Thu-giang Nguyễn duy Cần);

Vào một ngày đẹp trời, thầy trò Trang-Tử ngao du (đi dạo rong chơi) đây đó. Khi đến một khu rừng, gặp một cây cổ-thụ, cành lá sum-sê, gai góc chằng-chịt, thân cây to nhưng cong queo. Đệ-tử hỏi Trang-Tử:

_ "Cây cổ-thụ to thế mà sao người ta không đốn về dùng vào một việc gì vậy thầy?"

_ Trang-Tử trả lời:" Cây này bất tài".

_ Đệ-tử im lặng.

Hai thầy trò tiếp tục ngao du sơn thủy. Trên đường về, ngang qua nhà cửa người bạn của Trang-Tử, thầy trò ghé vào

thăm. Chủ nhà bảo người ở bắt chim làm thịt đai khách. Tôi xin mở ngoặc lớn ở đây.

{Lời người viết: Không biết nhà ông bạn của Trang-tử nghèo hay giàu? Có lẽ là giàu nhưng không giàu lăm. Bởi lẽ tại sao ông ta không nuôi gà, vịt chờ khi đai khách. Nếu nghèo quá, cõi như loại bần-nông, cố-nông(9) của thời Việt-Minh chín năm kháng-chiến chống Pháp trước năm 1954, mà sao lại có người ở? Hoặc giả dụ có gà, vịt nhưng không bắt được như cảnh nghèo của Trần tế Xường mà phải kiếm cõi “rào thưa khó đuổi gà”.

Thật sự, Trang-Tử viết câu chuyện này cách đây khoảng trên dưới 2500 năm rồi, nên mới bắt chim đai bạn. Nếu mà Trang-Tử của thế-kỷ 20 hay 21 thì đâu cần bắt chim làm thịt đai khách, mới xảy ra câu chuyện tài và bất tài. Chủ nhà cứ vào ngay tủ lạnh là có ngay gà đông lạnh đủ loại như gà mái tơ lông vàng, gà dai, gà đi bộ nữa kia! Hết lời người viết}. Tiếp tục câu chuyện:

_Người ở hỏi chủ nhà: “Có hai con, một con biết nói, một con không biết nói, thưa ông bắt con nào?”

_Chủ nhà trả lời: “Bắt con không biết nói”.

Đến chiều tối thầy trò Trang-Tử ra về. Mai đến sáng hôm sau, đệ-tử hỏi Trang-Tử:

Thưa thầy! Tại sao hôm qua cái cây cổ-thụ nó bất tài, nó lại được sống lâu; còn con chim bất tài, nó lại chết sớm. Như vậy theo thầy, thầy chọn tài hay bất tài?”

Trang-Tử đáp: thầy chọn ở giữa tài và bất tài(Nghĩa là không chọn tài mà cũng không chọn bất tài). Hết câu chuyện.

Chúng tôi hiểu rằng Trang-Tử muốn nói cái tài và cái bất tài là MỘT(10) chứ không phải là HAI, nên không cần phải phân biệt, lựa chọn gì nữa cả. Đây là một hiện tượng nên nó biến đổi liên tục; lúc thì tài, lúc thì bất tài. Cũng như một việc gì cũng có lúc tốt, lúc xấu. Giống như hiện

tương ngày đêm, tối sáng thay đổi luôn; từ ngày qua đêm, từ sáng đến tối; rồi ngược lại kế đêm lại ngày, kế tối lại sáng. Chúng thay đổi trước mắt chúng ta, nhưng nào biết nó khởi từ đâu và chừng nào chấm dứt chăng?!

Chẳng hạn như hiện tượng nắng mưa. Khi nắng cùng cực thì lại mưa, khi hết mưa thì lại nắng. Hay hiện tượng gió, khi gió hiu hiu, nhè nhẹ, khi bão táp, khi gió đứng im lìm.v.v...

Trong môn Dịch-học(11), có đề-cập đến cái Thái-cực(12), gồm cả Âm Dương luôn luôn biến hóa. Nói về Âm Dương có qui-luật rất quan-trọng là: “Trong Dương có Âm, trong Âm có Dương”. Từ đó, chúng ta suy-nghiêm được như: trong tốt có xấu, trong xấu có tốt; hay trong lợi có hại và ngược lại .v.v...Cũng từ đó tiền-nhân mới nói:”Chữ tài đi với chữ tai một vần”.

Trên phương diện ĐÀO-HỌC, giải-thích chữ đức khác với ngôn-từ bình thường mà chúng ta sử dụng hằng ngày.

Trong chương 51 của quyển Đạo Đức Kinh(13) Lão-Tử viết: “Đạo sinh chi, Đức súc chi”... (Dịch nghĩa: Đạo sinh ra vạn-vật, Đức thì nuôi dưỡng).

Trong chương “Đức Sung Phù” của Nam Hoa Kinh(14), Trang-Tử viết câu chuyện ngụ-ngôn, bằng lối văn hỏi đáp giữa Lỗ-Ai-Công và Trọng-Ni(Tức Khổng-Tử). Vì câu chuyện quá dài nên tôi in trích giản lược, không trích nguyên văn bản dịch của Thu-Giang Nguyễn duy Cần. Câu chuyện như sau:

_ Lỗ-Ai-Công hỏi Trọng-Ni:

Ai-Dài-Đà(15) là người nước Vệ, rất xấu-xí. Dàn ông nào ở với nó không bỏ được. Dàn bà thấy nó là về nhà xin cha mẹ đến làm vợ bé hơn là đi lấy chồng khác..... Vậy người ấy là người thế nào?

_ Trọng-Ni nói: (Xin hiểu là lời Trang-Tử nói).

Khưu nầy từng đi sứ sang Sở, có thấy được đàn heo con

đang bú mẹ, trong khi heo mẹ đã chết rồi. Một lúc, chúng ngơ ngác chạy tứ-tản vì chúng biết mẹ chúng không còn nhìn chúng nữa. Chúng sở dĩ yêu mẹ chúng, không phải là yêu cái xác kia, mà yêu CÁI SAI KHIẾN(16) cái xác kia của mẹ chúng!... Nay Ai-Dài-Đà chưa nói gì mà người lại tin; không công-cán gì mà người lại thán; khiến có người muốn trao quyền quốc-chính mà còn sợ nó không chịu nhận. Như vậy, ắt nó là kẻ TOÀN ĐƯỢC CÁI TÀI và KHÔNG ĐỂ LỘ RA CÁI ĐỨC!

_Lõ-Ai-Công hỏi: sao gọi là TOÀN CÁI TÀI?

_Trọng-Ni nói: là bình-thản như mặt nước đứng im lìm, có thể lấy đó làm khuôn phép: bên trong giữ được thật trong sáng mà bên ngoài như bất động, không bị lôi cuốn theo ngoại-vật. Đức không lộ ra nên mọi vật không rời bỏ mình...

(Ý muốn nói cái đức điềm-đạm, không để cho ngoại vật động đến cái tâm của mình).

Tôi xin giải thích thêm về chữ đức theo Đạo-Học. Đức sinh từ Đạo, là cái đặc-tính, cái bản-thể riêng của mọi vật. Ví dụ như : lửa thì nóng, con chim thì biết bay, con cá ở trong nước, con trùn ở trong đất .v.v... Tức là cái tính tự-nhiên, không vậy không được(Tự-nhiên như nhiên). Cái đức tính riêng tự-nhiên có được, không cần bắt chước một vật nào khác từ bên ngoài. Đến đây tôi xin kết thúc bài viết.

Sinh ra làm con người, có thể làm được nhiều việc để nâng cao cuộc sống cho bản thân, cho gia-dình, cho xã-hội và lớn lao hơn là cho nhân-loại. Nhưng không vì lẽ đó mà phân biệt cái này, cái khác để rồi lại lệ-thuộc vào những gì từ bên ngoài, làm cho bản-chất bên trong bị che khuất. Từ đó chúng ta không còn nhận biết cái nguy hại đến chính mình, người thân của mình, xã-hội của mình; mà mình đang vay mượn của trời đất ban cho.

Những tác hại gây ra bởi con người, không những cho con người, mà còn cho cả muôn loài có trong vũ-trụ. Tôi muốn nói với tất cả mọi người rằng:

_VŨ-TRỤ LÀ HƯƠNG-HỎA CỦA MUÔN LOÀI.

_CON NGƯỜI LÀ MỘT TIỂU VŨ-TRỤ CỦA VŨ-TRỤ BAO LA.

_ĐÃ LÀ HƯƠNG-HỎA XIN HÃY GIỮ CHO ĐƯỢC TRƯỜNG-TỒN./.

Viết tại Tracy, Ngày 7-11-2009.

Nhambi ngày 21 tháng 9 năm Kỷ-Sửu.

Tiểu-Sơn.

Phần giải-thích thêm:

(1)Theo ngôn-từ bình thường thì viết “hai chữ tài và đức”, nhưng nếu hiểu theo Đạo-học nên viết như một, không nên viết “tài và đức”.

(2)Những nhà triết-học thường chia thế-giới ra làm hai: thế-giới Nhất-nguyên(tuyệt-đối) và thế-giới Nhị-nguyên(tương-đối). Riêng ý-kiến của tôi thì thế-giới gồm có: thế-giới Siêu-hình và thế-giới Hiện-tượng; trong thế-giới hiện-tương có hiện-tượng hữu-hình và hiện-tượng vô-hình. Hiện-tượng hữu-hình là hiện-tượng với tầm mắt của con người nhận thấy được. Hiện-tượng vô-hình như điện, ánh sáng, làn sóng .v.v...

(3)Tứ-đức: công, dung, ngôn, hạnh. Tam-tòng: tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử (Dịch:Ở nhà theo cha mẹ, có chồng theo chồng, chồng chết theo con).

(4)Theo ý riêng của tôi, con số 4000 là con dịch số chú không phải con số số-học. Văn-hóa của Dịch là văn-hóa Vô-ngôn. Chỉ dùng hai nét liền và đứt mà sắp xếp, thay đổi nhau để biểu-thì mọi sự trong vũ-trụ.

(5)Minh-tâm bửu-giám: cái gương soi sáng cái tấm lòng của con người.

(6)Âm Đức: cái đức ngầm chứa bên trong của con người nói riêng và của mọi sự, mọi vật nói chung.

(7)Đạo Học: học cái mà Lão-Tử gương dùng chỉ về phần siêu-

hình trong vũ-trụ là ĐẠO. Ông có nói “học bất học”. Theo tôi, tuy có vẻ như đùa nhưng có thể vẫn hợp lý là học cái gì, chỗ nào cũng học được. Vừa đi chơi cũng học, vừa ngủ cũng học, vừa làm việc cũng học. Học bằng cái tâm, bằng suy-nghiêm, bằng chiêm-nghiêm. Không cần một dụng cụ nào, cũng không cần sách vở là mấy và học suốt cả cuộc đời.

(8) Ngụ-ngôn: ngụ là gởi, ngôn là lời nói, tức là gởi gắm ý-tưởng qua lời nói.

(9) Bần-nông, cố-nông: trong thời-kỳ kháng-chiến chống Pháp từ 1945-1954 Việt-minh chia tầng lớp nông dân thành năm loại để phân biệt giàu nghèo, gồm có: cố-nông, bần-nông, trung-nông, phú-nông và địa-chủ. Loại địa-chủ bị đấu-tố tàn-nhẫn, nhục mạ hết tình người. Từ đó có chính sách “con tố cha, vợ tố chồng”, cho đến ngày nay lòng tin nhau không còn nữa; tức là không còn tin một ai cả. Đòn ly-gián này cọng-sản Việt-nam áp dụng triệt để cho tới hôm nay.

(10) MỘT: cái vô sinh cái hữu, cái hữu trở về cái vô nên vô hữu là MỘT.

(11) Dịch-học: học cái âm dương biến dịch, thay đổi luôn luôn. Cùng cực cái này hóa ra cái khác.

Qui-luật: “Cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu”, “Âm Dương bất trắc vị chi Thần”. Đổi lại cái biến-dịch là cái bất-dịch. Bộ kinh dịch là bộ kinh “Vô-ngôn, gồm tám quẻ hay quái”. Mỗi quái có ba nét, được sắp xếp tùy theo vị-trí. Nét có hai loại nét: nét liền gọi là nét dương; nét đứt gọi là nét âm. Tên tám quái là: Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, khảm, Cấn, Khôn. Mỗi quái biểu-tượng một hiện-tượng trong vũ-trụ.

(12) Thái-cực: là cái lớn nhất mà không có cái nào lớn hơn nữa; mà cũng là cái nhỏ nhất mà không có cái nào nhỏ hơn nữa. Dịch nói: thái-cực sinh luồng-nghi, luồng-nghi sinh tú-tượng, tú-tượng sinh bát-quái.

(13) Đạo-đức-kinh: quyển sách của Lão-Tử viết, gồm khoảng 5000 chữ. Ông đã nói lên tất cả mọi sự việc, mọi sự vật trong

vũ-trụ. Ý-kien riêng, đây là quyển kinh dịch bằng lời.

(14) Nam-Hoa-Kinh: quyển sách của Trang-Tử viết, có rất nhiều chương. Ông dùng lối văn giả dụ, dùng những câu chuyện ngụ-ngôn để nói đến chữ Đạo mà Lão-Tử đã gượng dùng. Đây là một quyển sách Dịch bằng ngụ-ngôn.

(15) Ai-Đài-Đà: một nhân-vật hư-cấu, không có thật.

(16) “CÁI SAI KHIẾN”: Trang-Tử nói: “đàn heo con yêu mẹ chúng là yêu CÁI SAI KHIẾN cái xác mẹ chúng chứ không phải yêu cái xác của mẹ chúng”. Thật vậy, CÁI SAI KHIẾN cái xác chính là cái “Thần” của một con người, một con vật, hay cả cái vật. Cái xác heo mẹ còn nguyên vẹn, nhưng mắt của heo mẹ không còn nhìn được đàn heo con nữa. Về mặt Đông-y, các Đông-y-sĩ thường nói “khí sắc hay thần sắc” của con người, nếu bị mất mát đi thì người đó đang bị bệnh. Nếu khí tiêu tán thì huyết cũng bị hủy vì khí là phần dương, còn huyết là phần âm. “Có vật là có Thần, có Thần là có vật”. Phần gọi là Thần ở dạng siêu-hình và huyền-diệu, sai khiến được cái thân xác của vật, làm mọi việc mà Thần muốn.

Tiểu Sơn

VUI CƯỜI

Xóa dấu vết

Một bợm nhậu trên đường về nhà thì bị ngã. Tới nhà, khi thay quần áo, liếc trong gương thấy vết thương, bợm ta cố gắng băng bó, sát trùng cẩn thận. Khi đặt lưng xuống giường, vợ vẫn ngủ say, anh ta yên chí là đã qua được mặt “sư tử Hà Đông” rồi. Đến sáng, bàng tỉnh vì tiếng tru tréo của vợ, bợm hỏi tinh queo:

- Có chuyện gì thế?
- Tối hôm qua lại xỉn phải không?
- Đâu có!
- Thế ai bôi thuốc đở, dán bông băng đầy cánh tủ gương đây!

Thủ tìm hiểu:

CUỘC CÁCH MẠNG XANH TRÊN THẾ GIỚI

T.S. Trần Văn Đạt

1. Mở đầu

*C*uộc Cách Mạng Xanh (CMX) sau cùng đã xảy ra trên thế giới từ thập niên 1970s đến giữa thập niên 1990s, giúp thế giới tăng gia lương thực đáng kể; nhưng không tránh được cuộc khủng hoảng lương thực đang xảy ra. Do thế giới đang bước vào thời đại toàn cầu hóa và khu vực hóa, mọi lãnh vực hoạt động đều chịu ảnh hưởng tương tác và các quốc gia trên thế giới đều ít nhiều chịu sức ép liên đới. Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới hiện nay là một thí dụ. Vẫn đề khủng hoảng tín dụng, năng lượng, lạm phát và các yếu tố liên hệ đã gây nên cuộc khủng hoảng lương thực thế giới và làm tăng giá số người nghèo đói từ 850 triệu lên 925 triệu người (FAO, 2008), do tăng giá lương thực, năng lượng và phân hóa học.

Cuộc CMX đã chấm dứt trên thế giới cách nay hơn một thập niên, nhưng vẫn còn tiếp tục tại Việt Nam đến 2005 vì ảnh hưởng chính trị và kinh tế, và đang còn xảy ra tại một số nước chậm tiến khác như Myanmar, Bangladesh, Cambodia, Lào... Đến nay CMX vẫn chưa thực hiện được ở các nước miền nam Sa Mạc Sahara, vì nơi đây còn thiếu hệ thống dẫn thoát thủy và chính sách lúa gạo thích hợp. Cuộc CMX chỉ xảy ra tại một quốc gia khi nước này hội đủ tối thiểu 4 yếu tố chính: (i) chính sách lúa gạo quốc gia hữu hiệu, (ii) phát triển thủy lợi, (iii) cung cấp đầy đủ giống lúa cao năng, và (iv) đầy đủ phân hóa học trên thị trường. Nếu thiếu một trong 4 yếu tố này sẽ không có CMX. Chẳng hạn, xứ Madagascar ở Phi Châu có ngành canh tác lúa (1,2 triệu ha) tương tự như Á Châu, đến nay vẫn chưa có cuộc CMX xuất hiện. Đó là vì họ thiếu chính sách lúa gạo quốc gia

thích ứng và thiếu phân hóa học để tăng giá sản xuất, mặc dù xứ này có hơn 40% diện tích lúa tưới tiêu và nhiều giống lúa cao năng phóng thích, cùng với trợ giúp kỹ thuật tích cực của dự án IRRI/USAID thuộc Viện Nghiên Cứu Lúa Quốc tế (IRRI) ở Philippines trong thập niên 1980s-90s.

Cũng vậy, trong thập niên 1950s, thế giới đã có một số giống lúa cao năng lai tạo xuất hiện, như Taichung Native 1 của Đài Loan, Jaya của Ấn Độ, H4 và H5 của Sri Lanka..., với năng suất không kém gì so với giống lúa IR8, IR5 của IRRI. Tuy nhiên, châu Á chưa có cuộc CMX vì thiếu chính sách nhà nước về phổ biến các giống lúa cao năng và hệ thống tưới tiêu còn quá yếu kém. Vậy cuộc CMX cuối cùng trên thế giới đã bắt đầu từ đâu?

2. Các cuộc Cách Mạng Xanh đã qua

Cuộc CMX thế giới vừa qua không phải là CMX đầu tiên của loài người. Có thể nói rằng CMX đầu tiên (hay còn gọi Cuộc Cách Mạng Đá Mới) đã xảy ra cách nay độ 9.000-10.000 năm trong nền Văn Hóa Hòa Bình (Colani, 1930; Viện Khảo Cổ Học, 1998 và 1999), lúc con người bắt đầu chuyển đổi nếp sống từ lệ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên đến chủ động cuộc sống bằng nghề nông nghiệp, chủ yếu trồng trọt, cải hóa và thuần dưỡng các loài thú rừng và thảo mộc để làm thực phẩm. Cuộc CMX thứ hai còn gọi là cuộc Cách Mạng lúa khô (lúa rẫy) khi các bộ lạc trồng lúa xuất hiện ở nhiều nước Đông Nam Á, gồm cả Việt Nam vào cuối thời đại đá mới, cách nay độ 5.000-6.000 năm (Bùi Thiết, 2000). Nhờ biết khai thác trồng lúa rẫy, con người bắt đầu ít di chuyển để tìm thực phẩm và có khuynh hướng định cư lâu dài hơn trước kia. Cuộc CMX thứ ba có thể xuất hiện vào thời kỳ nhân loại khám phá các dụng cụ kim loại, đặc biệt với các chiếc rìu, cuốc, cày bằng đồng (4.000 năm) và bằng sắt cách nay khoảng 2.400 năm (Chang, 1985). Sự khám phá này rất quan trọng, giúp cho sản xuất nông nghiệp nhanh hơn, hiệu năng cao hơn so với thời kỳ trước. Ở Việt Nam, nền văn minh lúa nước xuất hiện từ triều đại Hùng Vương - An Dương Vương, khi tộc Việt đã có khuynh hướng di cư từ vùng trung du, đồi núi (Phú Thọ) xuống các thung lũng và

đồng bằng sông Hồng, Cả và Mã, với sự xuất hiện hàng loạt các loại trống đồng (Trần Văn Đạt, 2002).

Gần đây hơn, Nhụt Bổn đã làm một cuộc CMX âm thầm vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, khi xứ này đưa năng suất lúa bình quân từ 1,85 t/ha vào 1878-1887 lên 3,10 t/ha trong 1903-07 (Greenland, 1997), trong khi Việt Nam và Trung Quốc chỉ 1-1,2 t/ha. Sau khi thành công trong lai tạo giống cao năng suất lùn thấp, Nhụt Bổn lại dẫn đầu một cuộc CMX khác trong cải tiến năng suất lên 4-5 t/ha vào thập niên 1930s, làm tăng giá sản lượng lúa trong nước rất nhiều. Sau đó, một số nước phát triển thuộc vùng ôn đới, như Ý, Tây Ban Nha, Mỹ, v.v. cũng làm một bước tiến lớn trong cải thiện năng suất lúa một cách đáng kể vào thập niên 1950s-60s.

Ngoài Nhụt Bổn và Đài Loan, các nước ở châu Á khởi đầu lai tạo giống lúa mới vào thập niên 1910s, chẳng hạn Việt Nam đã bắt đầu lai tạo giống lúa đầu tiên vào 1917, giữa giống lúa Tàu Hương và Carolina (lúa gốc Mỹ được trồng ở Nam Dương) (Carle, 1927).

Vào thập niên 1950s, một số quốc gia đã thành công lai tạo được các giống lúa lùn hoặc nửa lùn như Jaya của Ấn Độ; H4, H5 của Sri Lanka; BPI-76 của Philippines (1956), Taichung Native 1 của Đài Loan, như nêu trên. Tất cả các giống lúa này là loại lúa cao năng (6-8 t/ha), tương tự như các giống lúa của Viện IRRI sau này. Giống Taichung Native 1, loại lúa india, thấp giàn, có năng suất cao từ 6-8 tấn/ha, được phổ biến vào 1956 và trở nên thông dụng ở một số nước châu Á và châu Phi. Hiện nay, giống lúa này còn được ưa chuộng ở Madagascar (Trần Văn Đạt, 2005). Taichung Native 1 là giống lúa do lai tạo giữa giống Dee-gee-woo-gen, thấp lùn có rất nhiều chồi và giống Tsai-yuan-chung, cao giàn, kháng bệnh và chịu hạn. Các giống lúa kể trên cho năng suất cao hơn lúa địa phương gấp đôi ba lần, chất lượng tương đối cao, kháng nhiều loại sâu bệnh ở miền nhiệt đới với khí hậu ẩm ướt, chống chịu đổ ngã; và khả năng phản ứng phân đậm cao.

Cũng vào thập niên 1950s, Chương Trình Lai Giống lúa India X Japonica của Ủy Ban Lúa Gạo Quốc Tế (IRC,

FAO) được thực hiện với sự tham dự của nhiều quốc gia châu Á. Những nước này gởi các giống có năng suất cao của họ thuộc lúa Indica cho Viện Nghiên Cứu Lúa Gạo Cuttack, Ấn Độ để lai với giống lúa Japonica. Từ thế hệ thứ hai, F2, hạt giống được gởi đến các nước hội viên tiếp tục công cuộc tuyển lúa. Trong chương trình này, các giống lúa ADT 27 được tuyển lúa ở Tamil Nadu, Ấn Độ và giống lúa Malija và Mashuri tuyển lúa ở Malaysia được phổ biến rộng rãi. Giống lúa Mashuri còn được trồng đến ngày nay ở một số nước thuộc châu Á và châu Phi vì năng suất khá cao và chất lượng tốt. Tuy nhiên, các giống lúa cao năng này không có điều kiện thuận lợi để phổ biến rộng rãi trên thế giới, mặc dù năng suất không kém hơn IR8 và IR5 của IRRI ở Philippines. Cho nên, CMX chưa thể xuất hiện trong thập niên 1950s.

3. Cuộc Cách Mạng Xanh cuối cùng và hậu quả

Sự thành công của cuộc CMX vừa qua trên thế giới là do sự đóng góp từ Viện Lúa Mì và Bắp Quốc Tế (CIMMYT) ở Mexico, Viện Nghiên Cứu Lúa Quốc tế (IRRI) ở Philippines và công lao không nhỏ của một số cơ quan bảo trợ quốc tế như FAO, UNDP, World Bank, các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi chính phủ, mà từ trước đến nay người ta cố tình quên lãng. Nếu không có các cơ quan này, chỉ các Viện nghiên cứu IRRI và CIMMYT không thể tạo nên CMX vừa qua. Thật vậy, trong trường hợp Madagascar nói trên cũng như Việt Nam vào thời kỳ 1976-1988, CMX đã không thể xảy ra hoặc diễn biến chậm chạp vì thiếu phân bón và chính sách lúa gạo hữu hiệu của xứ. Đối với lúa lai cũng thế, Viện Nghiên Cứu IRRI không thể phổ biến rộng rãi loại lúa lai đến nông dân như hiện nay nếu không có sự tham gia của kỹ nghệ hạt giống, chính sách nhà nước và sự hỗ trợ kỹ thuật của cơ quan FAO, UNDP, ADB... và các tổ chức khác.

Cách đây 200 năm, Malthus tiên đoán thế giới sẽ bị đói trầm trọng vì mức độ dân số tăng nhanh hơn sản xuất thực phẩm, nhưng Ông chỉ đúng phân nửa mà thôi vì đã không tiên đoán được bản tính sinh tồn của con người và

ảnh hưởng quan trọng của tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Tuy nhiên, những cuộc đói kém địa phương đã xuất hiện theo sau cuộc chiến tranh Thế Giới lần thứ II ở vùng đất Bengal (1943), miền Bắc Việt Nam (1945), Bangladesh (1974) đã làm cho các giới quan sát thế giới lo ngại không ít. Thể hiện sự lo âu này, Thủ Tướng Jawaharlal Nehru của Ấn Độ trong năm 1949 đã nói “Mọi thứ có thể chờ đợi ngoại trừ nông nghiệp” (Borlaug et al., 2001).

Cuộc CMX cuối cùng xuất hiện phần lớn do khám phá sử dụng “gien lùn” giúp cho loài thảo mộc hấp thụ phân hóa học hữu hiệu và giúp cây chống đổ ngã gây ra sự thất thoát. Loại gien lùn này được tìm thấy ở cây lúa mì Norin 10B ở Nhật Bản. Loại gien lùn lúa mì được khai thác triệt để trong chương trình lai tạo giống của Ông Orville Vogel tại trường Washington State University, Pullman, bang Washington, Mỹ. Vào năm 1953, nhóm chuyên gia lúa mì do Tiến Sĩ Norman Borlaug, đoạt giải Nobel Hòa Bình năm 1970, lãnh đạo Viện CIMMYT ở Mexico đã dùng gien lúa mì lùn của Vogel để tạo ra các giống lúa mì có năng suất cao và kháng đổ ngã. Trong năm 1960, Rockefeller Foundation và FAO bảo trợ cho 3 chuyến công tác do Ông Borlaug hướng dẫn để nghiên cứu xem các giống lúa mì lùn và các kỹ thuật canh tác tiến bộ tạo ra bởi CIMMYT có thể chuyển giao đến các nước khác ở châu Á và châu Phi.

Tiến Sĩ Borlaug, cha đẻ Cuộc Cách Mạng Xanh cuối cùng, 1914-2009 (Wikipedia)

Ở vùng Trung Đông và Bắc Phi, lúa mì cải tiến phát triển mạnh từ giữa thập niên 1960s đến 1980s, làm năng suất lúa mì tăng gấp đôi từ 870 kg/ha lên 1.630 kg/ha, diện tích thu hoạch cũng tăng từ 76 triệu đến 96 triệu ha, và sản xuất lúa mì tăng từ 65 triệu đến 157 triệu tấn, tức 140%.

Tại Ấn Độ và Pakistan, chương trình lai tạo giống lúa mì cải tiến và áp dụng các kỹ thuật nông học bắt đầu vào giữa thập niên 1960s. Sự kiện trùng mùa lúa mì vào vụ mùa 1967-68 ở Ấn Độ và Pakistan và một số xứ khác đã làm cho USAID ở xứ này báo cáo rằng “Một cái gì đó vừa xảy ra; đã có sự thay đổi ngoạn mục ở sản xuất lúa mì và bây giờ

bắt đầu với cây lúa. Dường như rằng cuộc Cách Mạng Xanh đang xảy ra.” Thời đại mới đang đến với hai nước này. Từ 1966 đến 1971, sản xuất lúa mì đã tăng gấp đôi, giúp họ tiến đến tự túc trong những năm gần đây, mặc dù dân số gia tăng nhanh (Borlaug et al., 2001).

Ủy Ban Lúa Gạo Quốc Tế (The International Rice Commission - IRC) dưới sự lãnh đạo của cơ quan FAO đã được thành lập vào tháng Giêng năm 1949. Vào 1956, Ủy Ban đã đề cử Ông N. Parthasarathy làm Thư Ký Điều Hành và làm việc ở Châu Á. Ông đã khuyến cáo FAO “...nên để ý đến đề nghị thành lập một viện thí nghiệm lúa gạo quốc tế...” ở châu Á và đã được cuộc họp khoáng đại của IRC chấp thuận vào 1958. Với đề nghị của FAO, và tài trợ của cơ quan Ford Foundation và Rockefeller Foundation, Viện lúa IRRI được thành lập vào năm 1960 ở Los Banos, Philippines.

Sau đó, giống lúa IR8 (lúa Thần Nông 8) được IRRI lai tạo từ giống lúa lùn Dee-gee-woo-gen và giống Peta, cao giàn của Indonesia vào năm 1962. Có rất nhiều dòng được tuyển chọn từ tổ hợp Dee-gee-woo-gen x Peta, nhưng dòng IR8-288-3 có triển vọng cao hơn hết và được IRRI gởi thử nghiệm khá rộng rãi ở vùng khí hậu nhiệt đới và phụ cận trong 1965. Vào 1966, dòng IR8-288-3 được IRRI phỏng thích, đặt tên IR8 và một số hạt giống được gởi đến nhiều xứ ở châu Á, như Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Malaysia, Philipines, Sri Lanka, Việt Nam, v.v. để trồng thử nghiệm và phổ biến. Lúa IR8, cây nửa lùn, nhiều chồi, lá thẳng đứng, xanh đậm, chống đổ ngã, kháng một số sâu bệnh và phản ứng đạm cao đến 200 kgN/ha, có năng suất tiềm thế cao đến 11 t/ha trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, nhưng chất lượng hạt thấp (hạt thô, cơm nguội cứng) do hàm lượng amylose cao (28%). Hạt lúa IR8 có kích thước trung bình, hạt to, bẹt bụng. Ngoài đồng, lúa IR8 cho năng suất cao gấp đôi, ba lần giống lúa địa phương, từ 4 đến 8 tấn/ha.

Đa số các nước nông trên đã thành công trong phổ biến rộng rãi và đồng loạt lúa cao năng, cùng với phát triển lúa mì, tạo nên cuộc CMX lớn ở châu Á. Sau đó, Cuộc CMX này bùng lên và lan rộng trên thế giới, gồm cả châu Mỹ La-

Tinh, ngoại trừ một số nước ở châu Á và miền nam sa mạc Sahara châu Phi (Gần đây xứ Mali đang khởi xướng cuộc CMX (lúa) đơn độc ở vùng Phi Châu này).

Bên cạnh cây lúa mì và lúa gạo, các loại ngũ cốc khác như cây bắp và lúa miến (sorghum) cũng được cải tiến di truyền với đặc tính nửa-lùn, làm cho cuộc CMX bành trướng mạnh mẽ và lan rộng nhiều nơi trên thế giới. Theo nghiên cứu của IRRI, sự thành công của cuộc CMX ở Châu Á phần lớn là do phát triển hệ thống tưới tiêu (29%), sử dụng phân hóa học (24%) và dùng các giống hiện đại (23%), không kể các vấn đề tổ chức và quản lý (Herdt and Capule, 1983).

Cuộc CMX trên thế giới đã mang phúc lợi lớn cho nhiều dân tộc, đặc biệt giới tiêu thụ, nhưng sau vài thập niên mức lợi tức hàng năm của nông dân trồng lúa bị suy giảm vì giá cả lúa gạo liên tục xuống thấp và chi phí nhập lượng trợ nông ngày càng gia tăng.

Bên cạnh mặt tích cực, cuộc CMX đã mang đến thế giới những hậu quả tiêu cực đáng lo ngại (Trần Văn Đạt, 2002):

(1) Về phương diện sinh học, sự phổ biến mạnh mẽ các giống cải tiến, thấp giàn làm biến mất dần các giống lúa địa phương. Hiện tượng xói mòn di truyền (genetic erosion) đã xảy ra ngày càng trầm trọng. Hơn nữa, sử dụng giống ngắn ngày, phân hóa học nhất là phân đậm, và thuốc sát trùng đã làm thay đổi hẳn lề lối canh tác cổ truyền và làm biến đổi hệ thống cơ cấu trồng trọt, gây ra nhiều vấn đề tiêu cực khổng lồ lường trước được. Tình trạng sinh hoạt của nhiều loại côn trùng và bệnh thảo mộc đã thay đổi bất thường, từ loại không đáng kể trở nên nguy hiểm hơn, như bệnh cháy lá hay đạo ôn trên cây lúa (*Pyricularia grisea* Cav.) bây giờ trở nên nguy hại hơn trước thời CMX vì dùng nhiều phân đậm; bệnh khô vằn (*Rhizoctonia solani*) trở nên quan trọng hơn; bệnh đốm nâu hiện nay ít hơn khi xưa; bệnh lúa lùn, Ragg stunt, Tungro... là những bệnh mới xuất hiện; rầy nâu (*Nilaparvata lugens*), sâu đục thân hai chấm (*Scirphophaga incertulas*, Walker) trở nên loài nguy hiểm hơn; v.v.

(2) Về phương diện môi trường: Giống lúa cao năng hấp thụ

chất dinh dưỡng của đất nhiều hơn giống cổ truyền và còn gọi là loại cây “đào mỏ đất” (soil mining). Nông dân thường chỉ áp dụng phân có ba chất dinh dưỡng chính: N, P, K và quên hẳn các chất vi lượng cần thiết khác. Hiện tượng cây lúa thiếu bần tố Zn, S, B đã được báo cáo nhiều nơi trên thế giới. Do đó, những vùng thâm canh, 2 hoặc 3 vụ lúa cần phải đặc biệt lưu ý đến cân bằng dinh dưỡng đất đai. Sử dụng thuốc sát trùng, thuốc diệt cỏ quá độ gây ô nhiễm môi trường và xáo trộn thế cân bằng sinh học. Những vùng úng thủy, khai thác đất phèn mặn, đất hữu cơ cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường không ít. Phân đậm góp phần làm tăng sức nóng hoàn cầu dưới hình thức khí nitrous oxide. Ruộng ngập nước sản xuất khí thải methane với số lượng đáng kể, góp phần làm tăng hâm nóng bầu khí quyển địa cầu.

(3) Về kinh tế và xã hội, các giống lúa cải thiện thấp giàn đã trút thêm sự cực nhọc vất vả lên vai nông dân trong các nước đang phát triển, mà người đàn bà chiếm tỉ lệ không nhỏ trong các công tác cấy lúa và gặt hái bằng sức lao động. Sự chăm sóc mùa màng cũng phải kỹ lưỡng hơn và cần nhiều nhân công hơn. Hệ thống tưới tiêu bành trướng mạnh nên gây tình trạng tranh chấp giữa người dùng nước ở thượng đỉền và hạ đỉền nhiều hơn. Nhờ giống lúa ngắn ngày nông dân áp dụng thâm canh hai ba vụ mỗi năm, gây ra vấn đề thiếu lao động lúc cao điểm và khó khăn trong lúc hậu thu hoạch, đặc biệt hoạt động phơi lúa, tồn trữ, xay chà và thị trường.

Ngoài ra, CMX còn làm tăng gia khoảng cách lợi tức giữa nông dân trồng lúa tươi tiêu và không có tươi tiêu. Tổng quát, tại Việt Nam lúa gạo đóng góp 37% vào lợi tức của gia đình nông dân trong khu vực khảo sát. Lúa tươi tiêu đem về 41,5% (587,42 đô la) so sánh với lúa không có tươi tiêu chỉ 18,2% (90,30 đô la). Theo cuộc điều tra gần đây, dùng các hạt giống cải tiến làm tăng lợi tức từ 15,6% lên 41,7% (112,45 lên 493,98 Mỹ kim) (Trần Thị Út và Hossain, 2000).

Để khắc phục các vấn đề nêu trên, cần triệt để áp dụng biện pháp Quản lý tổng hợp mùa màng và nông nghiệp chính xác, qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà quy

hoạch, khảo cứu, khuyến nông và nông dân.

4. Kết luận

Sau cuộc CMX vừa qua, thế giới đang tiến gần đến một cuộc cách mạng khoa học mới, có tính cách thời đại hơn, gọi là “Cuộc Cách Mạng Trắng”, khi công nghệ biến đổi gen ra đời và việc hoàn tất Bảng đồ genome của cây lúa vào năm 2002. Cuộc CMX đã xảy ra trong khoảng 25-30 năm tùy theo điều kiện từng nước và đã chấm dứt vào giữa 1990-1995 trên thế giới, ngoại trừ một số nước chậm tiến ở châu Á và miền nam sa mạc Sahara của Châu Phi. Cuộc CMX đã giúp được nhiều dân tộc trên toàn cầu thoát được các nạn đói dự đoán, thành phần nghèo trong xã hội hưởng được giá lúa gạo rẻ hơn, làm thay đổi cơ cấu trồng lúa và xã hội nông thôn vào buổi đầu khi giá lúa gạo còn tương đối cao, còn mang lợi nhuận đáng kể cho người trồng lúa.

Tuy nhiên, về sau đời sống của nông dân trồng lúa ở các nước đang phát triển không được cải tiến khi giá lúa gạo sút giảm liên tục do sản xuất gia tăng trong hơn ba thập niên qua, từ 750 Mỹ kim trong 1975 xuống 250 Mỹ kim/tấn gạo trong 2005. Nhiều nơi nông dân đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ ruộng lúa biến thành vườn trái cây, rau cải, nuôi tôm cá như đã thấy ở Trung Quốc từ 1980, Thái Lan với chính sách đa dạng hóa nông nghiệp từ 1985 và Việt Nam từ 2000. Do đó, cuộc CMX đã giúp một số nước giải quyết tạm thời vấn đề cung cấp thực phẩm, chỉ đẩy lùi chứ chưa giải quyết tận gốc nạn đói kém và nghèo khó thế giới. Nhiều nước chậm tiến đã không biết lợi dụng cơ hội vàng của CMX để cải tiến đời sống nông dân.

Cuộc CMX cuối cùng không thể ngăn cản được cuộc khủng hoảng lương thực thế giới xảy ra trong tháng 4-5 năm 2008, cộng thêm tình trạng khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế gần đây đã làm thế giới tăng thêm 100 triệu người thiếu đói, đưa tổng số hơn 1 tỉ người trong 2009.

Trần Văn Đạt, Ph. D.

Tài Liệu Tham Khảo

- 1) Borlaug, N.E., Hafiz, A., Sigurbjornsson, B. and Swaminathan, M.S. 2001. The origin and unfolding of the green revolution revisited by four of its early instigators - An example of successful, wide partnership. FAO, Rome.
- 2) Bùi Thiết. 2.000. Việt nam thời cổ xưa. Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội. 463 tr.
- 3) Carle, E. 1927. 1927. Amélioration des riz de Cochinchine. Agence Économique de l'Indochine, Paris, France, 11 pp.
- 4) Chang, T.T. 1985. Crop history and genetic conservation: Rice - A case study. Iowa State Journal of Research 59(4): 425-455.
- 5) Colani, M. 1930. Quelques stations Hoabinhhienennes, Bulletin de l'École française de l'Orient extrême (BEFE), XXIX, Hanoi.
- 6) FAO. 2008. FAO, Rome (www.fao.org).
- 7) Greenland, D.J. 1997. The sustainability of rice farming. IIRR and CAB International, pp 273.
- 8) Herdt, R.M. and Capule, C. 1983. Adoption, spread and production impact of modern rice varieties in Asia. IIRR, Los Banos, Philippines, p 3-17.
- 9) Trần Thị Út and Hossain, M. 2000. Effects of improved technologies on rice production and impact distribution and poverty alleviation: Case study of Viet Nam. Paper presented at the International Rice Research Conference, 31-3 to 3-4-2000. IIRR, Los Banos.
- 10) Trần Văn Đạt. 2002. Tiến trình phát triển sản xuất lúa gạo tại Việt Nam - Từ thời nguyên thủy đến hiện đại. NXB Nông Nghiệp, Sài Gòn, 315 tr.

- 11) Trần Văn Đạt. 2005. Sản xuất lúa gạo trên thế giới. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 502 tr.
- 12) Viện khảo cổ học. 1998. Khảo cổ học Việt Nam, Tập I: Thời đại đá Việt Nam. NXB Khoa học Xã hội, Hà nội, 457 tr.
- 13) Viện khảo cổ học. 1999. Khảo cổ học Việt Nam, Tập II: Thời đại kim khí Việt nam. NXB Khoa học Xã hội, Hà nội, 551 tr.

VUI CƯỜI

Nghề thuốc vất vả

Bà đứa trẻ vào tiệm thuốc bắc. Một đứa hỏi mua 500 đồng cam thảo.

Ông thầy thuốc dù đã rất già nhưng vẫn vui vẻ bắc thang leo lên trên kệ ở tuốt trên cao bê cái thau thuốc xuống. Bán xong, ông leo thang trở lên cẩn thận cất cái thau thuốc lại chỗ cũ. Trở xuống, ông hỏi đứa thứ hai:

- Còn cháu mua thuốc gì?
- Cháu mua 500 đồng cam thảo.

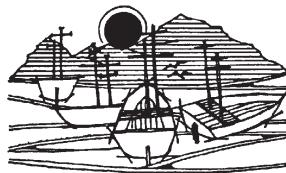
Ông thầy bực mình, nhưng cũng dành chiêu khách, lại bắc thang leo lên lấy thau cam thảo xuống bán. Sợ như lần trước, ông hỏi luôn đứa thứ ba:

- Còn mày mua 500 đồng cam thảo luôn hả?

Đứa bé lắc đầu. Ông thầy yên chí, bắc thang leo lên cất cái thau cam thảo, rồi leo xuống, hỏi nó mua gì. Thằng bé nói:

- Dạ ông bán cho cháu 1.000 đồng cam thảo.

cắt đất dâng biển thơ đỗ hùng



Việt Nam dân tộc anh hùng.

Tiếng thắng phương Bắc danh lừng năm châu.

Nay sao Việt Cộng cùi đầu.

Hàng phục Trung Quốc mưu cầu lợi riêng.

Cắt đất đảo biển tổ tiên.

Dâng cho bọn chúng giữ yên ngôi dài.

Cam tâm làm kẻ tay sai.

Cầu vịnh mãi quốc độc tài hại dân.

Đàn áp tiếng nói bất đồng.

Kêu gọi dân chủ để phòng Hán bang.

Vì yêu tổ quốc giang san.

Mà lại bị bắt giữ giam cầm tù.

Hỡi ơi công lý thế uổ

Hay là sơ động tiên sư đảng nhà!

Lại không luật pháp quốc gia.

Bắt giam hay thả đều là đảng ta.

Quả câu dại chợ khôn nhà.

Ra ngoài cúm nùm về nhà đương oai.

Còn vụ Bô xút tân rai.

Quốc hội không biết đảng khai triển làm

Hàng nghìn trí thức luận bàn.

Bô-xút lợi út hại càng nhiều hơn.

Đồng ký kiến nghị lên trên.

Đảng, nước một mực hư nên cũng làm.

Vì đảng tuân lệnh triều bang.

Thân làm nô lệ chủ ban tớ làm.

Mở đảng Tàu vào nước Nam

Cao nguyên quan trọng sẽ làm thành cao

Thật ôi bất hạnh biết bao.

Tổ tiên nước Việt e vào ngoại bang.

Đảng phản vua Hùng Văn Lang.

Đụng nước, giữ nước bốn ngàn năm qua.

Phản bội tiền nhân nước ta.

Bao phen đánh đuổi hán tà xâm lăng.

Sau cùng đuổi quân nhà Thanh.

Quang Trung Nguyễn Huệ lưu danh muôn đời

Bây giờ công sản lại mòi.

Tàu lầy bô-xít toi bời cao nguyên.
Chúng lầy cho hết tài nguyên.
Độc hại, ô nhiễm, dành riêng dân mình.
Đến lúc dân Việt đồng tình.
Buộc đảng cộng sản thanh minh việc làm.
Như đảo, biển, ái Nam Quan.
Đến vụ bô-xít tiếng vang nguy nàn.
Nếu đảng còn sợ Hán bang.
Giữ chút liêm sỉ hạ màng xuống nhanh.
Giao cho dân tộc điều hành.
Chọn người tài, đức cứu nhanh sơn hà.
May ra thoát nạn Hán tà.
Đảng còn tiếp tục nước ta hoá tàu.

Đỗ Hùng



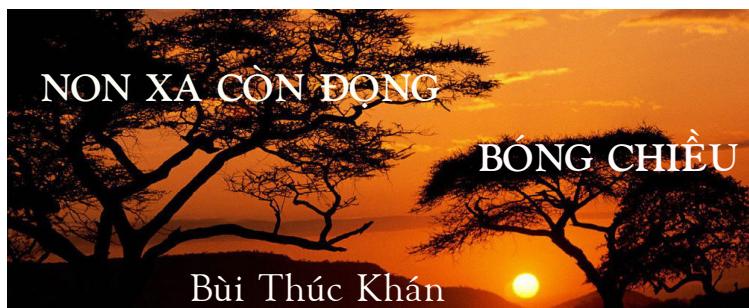
HOA TƯ TUỔNG

* Hỏi một câu, chỉ dốt trong chốc lát. Không dám hỏi
sẽ dốt nát suốt đời. Im lặng là cấp độ cao cả nhất của sự khôn
ngohan. Ai không biết im lặng là không biết nói.

Pithagors

* Điều tôi muốn biết trước tiên không phải là bạn đã thất
bại ra sao mà là bạn chấp nhận nó như thế nào.

Abraham Lincoln



*L*à nhà thơ có khuynh hướng cổ điển, làm thơ theo thể thất ngôn bát cú Đường Luật, Quách Tấn đã nổi tiếng từ trước năm 1975 với hai thi phẩm MỘT TẤM LÒNG (1939) và MÙA CỔ ĐIỂN (1941).

Thời kỳ đó phong trào Thơ Mới đang bùng phát mạnh mẽ. Nhiều nhà văn học và báo giới hô hào dứt bỏ loại thơ bảy chữ tám câu niêm luật gò bó và chuyển hướng sáng tác bằng những hình thức mới tự do, đa dạng mang nội dung, tinh thần mới phù hợp với sinh hoạt xã hội đang có nhiều thay đổi quan trọng.

Trước trào lưu mới, Ông vẫn kiên trì đường lối sáng tác của mình, không chuyển đổi bút pháp và quan điểm về thơ. Có lẽ ông đã gửi gắm tâm-cảm đó trong bài thất ngôn tú tuyệt Ngậm Đắng:

Vó hạc người xưa đi chăng lại,

Non đưa vắng vẻ cảnh am tiên.

Theo thời hoa lá đưa màu thắm,

Ngậm đắng riêng đôi khóm mã tiên!

Ông đã tập hợp dưới dạng bản thảo khá nhiều bài thơ thất tuyệt mà bài thơ trên là khai-tù, và lấy tên Lá Mã Tiên làm nhan cho thi phẩm, hy vọng sẽ chào đời trong tương lai gần.

Năm 1961 tập thơ thất tuyệt được ấn hành và đổi tên là ĐỌNG BÓNG CHIỀU. Tập thơ gồm 108 bài, hầu hết chọn trong số thơ viết từ Xuân 1941 đến Xuân 1958.

ĐỌNG BÓNG CHIỀU mang phong vị thơ Đường (dĩ nhiên), nhiều bài tinh-tế và tình cảm man-máu xa xôi.

Những bài thơ dưới đây thường để lại trong lòng người đọc nhiều ấn-tượng và cảm xúc dịu-dàng.

Tiễn đưa một người thân, trúc ngoài ngõ đã nhiều lần thay lá mà không khí buồn của phút biệt ly mãi còn vương víu đâu đây:

Chở nặng buồn thương xe bạn đi,

Mây vẫn lau bạc bóng sâm-si

Ngõ ngoài trúc đổi bao lần biếc,

Còn vương hoàng hôn phút biệt ly!

(Ngõ Trúc)

Đêm mưa lạnh, mong tri kỷ phương xa lại để cùng nắm nghe nước giọt mái nhà:

Tiếng trận mưa mau lạnh gió rèm,

Đèn tàn soi muộn nói dài đêm.

Tình mong tri kỷ muôn xa lại,

Chung gối nắm nghe nước giọt thêm

(Tình Đêm Mưa)

Nhớ một người bạn (?) già từ Nha Trang trở về quê quán Tuy-Hoà với một lần đi không trở lại, tác giả đã viết:

Sông Đà mây nước trôi ngày tháng,

Chia biệt còn lưu mây nhịp cầu

Dưới nguyệt đi về thương bóng lẻ.

Ngùi ngùi non Nhạn gió đưa thu.

(Tuy Hoà)

Một đêm sâu vắng lạnh, bên bờ sông lau lách sương lồng, bỗng tiếng đò vang lên phá tan cảnh tịch mịch, khiến người nghe giật mình liên-tưởng đến tiếng thét dài của KHÔNG LỘ THIỀN SƯ thời nhà Lý:

Bờ nghiêng lau lách bước sương lồng,

Trăng muộn màng canh lánh mặt sông.

Đời nửa khói mây chìm bóng mộng

Gọi đò một tiếng lạnh hử không.

(Tịch Mịch)

Đằng sau tiếng gọi đò là gì nữa? Nhà thơ có thực sự hướng lòng về chốn cao xanh thăm thẳm để định vị bước đi tới cửa mình

Người ta nói tinh chất của thơ là trữ tình. Trữ tình công dân. Trữ tình thế sự. Trữ tình cá nhân. Trữ tình siêu hình. ĐỌNG BÓNG CHIỀU thuộc loại trữ tình nào, cá nhân hay thế sự hay chỉ là cảm nhận phiêu-diêu, mông lung không định hướng.

Chúng ta không phải là nhà nghiên cứu, không ai đọc thơ để tìm hiểu một cá nhân, một người khác. Hầu hết chúng ta đọc thơ với tâm thế tự tìm lại những nỗi xôn xao, những niềm u-uẩn trong chính tâm-hồn mình. Người ta thường lượng định giá trị bài thơ chủ yếu là tiếng ngân của nó. Không thể gọi là bài thơ hay khi nó không để lại một dư âm nào làm xao-xuyến mặt nước yên ả trong lòng người đọc!

Khi đọc ĐỌNG BÓNG CHIỀU, những ý nghĩ trên thường lảng vảng trong tôi, tôi mong tìm thấy những gì đặc

sắc, sâu xa của tập thơ. Tôi đã đọc tập thơ này (bản thảo), khi còn rất ít tuổi, bây giờ đọc lại, hy vọng tìm được cái mình mong tìm. Biết có hay không một nỗi xôn xao?

Tôi còn nhớ, tháng 4 năm 1962, nhân chuyến vào Nha Trang dự hội thảo, tôi có đến thăm nhà thơ. Thầy trao cho tôi cuốn ĐỌNG BÓNG CHIỀU mới ấn-hành với lời ghi “Tặng Bùi Thúc Khán, nhớ những ngày ngồi chép bản thảo trên giấy cũ lang.”

Số là, năm 1949, Thầy nhờ tôi chép những bài thơ thất ngôn tú tuyệt trong tập vở đóng bằng loại giấy xấu học trò dùng học trong thời kháng chiến mà người ta quen gọi là “Giấy cũ lang” vì nó hẩm, đen, chỗ dày chỗ mỏng, giống như loại bánh được tráng bằng cũ lang nấu chín, giã nhuyễn.

Tôi đóng tập bản thảo đó theo kiểu đóng sách, có luồn dây ở gáy và bìa dày hai mặt trước sau. Năm 1961 tác giả đã dùng bản thảo đó để hoàn thành tập thơ

Nhiều người yêu thơ Quách Tấn thường nói với tôi là ĐỌNG BÓNG CHIỀU không đậm-dà như MỘT TẤM LÒNG và MÙA CỔ ĐIỂN. Nếu bảo là bình thường thì e rằng không đúng, còn bảo là hay thì thú thật chưa cảm nhận được. Những lúc ấy họ đem hai thi phẩm cũ ra đọc lại thì thấy sự đặc sắc của hai thi-phẩm đó càng rõ nét. Tôi trầm ngâm một chút rồi nói: Có thể là như vậy, mà cũng có thể hai tập thơ trước, mình đã thâm nhiễm quá lâu.

Xưa nay người đọc đã nhận thấy văn chương bình dị hay trau chuốt đều có cái hay, đều được đánh giá cao. Bình dị mà tự nhiên, chân tình (bình dị không có nghĩa là mộc mạc, dẽ dại), cũng như trau chuốt mà không cầu-kỳ, vẫn tự-nhiên, chân-tình thì đều tạo nên cái hay, cái đẹp. Người ta đã chấp nhận một sự thật là có cái đẹp bình dị và có cái đẹp lồng lẫy, có cái đẹp hồng hào nắng gió và có cái đẹp son phấn điểm-trang v.v..

Cái đẹp của MỘT TẤM LÒNG là bình dị, cái đẹp của MÙA CỔ ĐIỂN là điểm trang, chải chuốt. Còn ĐỌNG BÓNG CHIỀU thì có cái đẹp mờ khuất.

Nhiều người bây giờ còn yêu thích những bài thơ trong MỘT TẤM LÒNG như: “Về thăm nhà cảm tác”, Qua Phú Yên tức cảnh”, “Đá vọng phu”, “Cánh Phú Phong”, “Đà Lạt đêm sương”...

Những bài thơ trong MÙA CỔ ĐIỂN: “Đêm Thu nghe quạ kêu”, “Trơ trọi”, “Cảm Thu”, “Một buổi trưa mùa Thu”, “Chiều Xuân”... là những bài được ưa thích nhất và bàn bạc nhiều nhất về tinh cổ điển và nghệ thuật thơ của tác giả.

Một tác giả nghiên cứu Văn học ở hải ngoại có lần viết: Thơ Quách Tấn có hay không? Dĩ nhiên là hay. It có ai trong nền thơ hiện đại, gọt dũa câu thơ một cách công phu như ông. Mỗi bài thơ của Ông là một vỏ ốc được tô súc cực kỳ lồng lẫy. Đã dành người ta vẫn nghe từ vỏ ốc ấy, tiếng sóng trùng-dương dạt dào từ một thuở xa xưa. Song tiếng sóng khẽ quá, nhẹ nhàng quá. Nó dễ dàng bị chìm hút trong những cõi lòng ầm ầm biển động. Đọc thơ Ông, do đó, người ta phục, thì phục. Nhưng lại không có những xôn xao. Thành ra mấy chục năm trời, Ông vẫn sống và sáng tác giữa chúng ta nhưng không mấy người nhớ đến. Có lúc nào, giật mình nhìn lại Ông, chúng ta có cảm giác xa cách như ngó một vì sao lẻ loi trên không trung.

Sau đây là bài viết ngắn của một nhà văn quen thuộc định cư ở Hoa Kỳ:

Trước 1954, Quách Tấn cũng không khỏi có chuyện buồn (đời thi sĩ mấy khi vui vẻ). Trong thơ Ông bây giờ, nếu muốn, ai nấy có thể tha hồ nhặt ra những âu sầu, những giọt lệ, tiếng khóc v.v.. Ông viết về một cảnh chiều:

Khóc mây quanh vắng hồi chuông vọng

Trời biển nôn nao tiếng địch buồn

(Chiều Xuân)

Rõ buồn. Nhưng bấy giờ có cái nôn nao. Sau này chúng ta gặp những buổi chiều khác hẳn:

Chim kêu trước đậu

*Gối sách nhìn hư không
(Hư tâm)*

Hay:

Hiên mận dừng tay bút

Chiều rơi chiếc lá khô

(Dừng tay bút)

Không có lời than thở nào. Chẳng qua là nầm gối sách, là ngồi ngưng bút, vậy thôi. Nhưng tiếng chim kêu, tiếng lá khô rơi rụng, nó tịch mịch quá chừng. Ngày trước cái sầu của ông có lúc thật rực rõ trong những câu thơ huy hoàng:

Bồn chồn thương kẻ nương song hạc,

Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.

(Đêm Thu nghe quạ kêu)

Cái nhớ thương của Ông có lúc xôn xao, rộn ràng:

Tôi khóc tôi cười vang cả mộng,

Nhớ thương đưa lạc gió qua mành.

(Mộng thấy Hàn Mặc Tử)

Sau này..., nhất nhất cái gì cũng quanh quẽ, tịch mịch. Thơ Quách Tấn sau 1945 rất nhiều. So với trước không phải hay hơn. Những bài ngũ ngôn có lăm bài không thể bảo là hay. Nhưng đọc đi đọc lại hồi lâu, tự dung... sờ sợ! Một mình giữa một ngôi nhà vắng, giữa ngọn đồi hoang, giữa quang đồng không, đã có thể sợ hãi, huống hồ lạc vào giữa một tâm hồn, một không gian tinh thần tịch mịch.

Không ai nghĩ rằng, ngẫu nhiên sau này, Quách Tấn

gặp nhiều cảnh tịch-mịch hơn trước, hay đất trời sau này chót hết nôn nao. Không có ngẫu nhiên nào. Đây là cái tịch-mịch của một cuộc đời đã trải qua nhiều tang thương, của một tâm-hồn thấm nhiễm quá nhiều cái vô-thường của thế cuộc.

Xin trở lại với thi phẩm **ĐỌNG BÓNG CHIỀU**.

Quách Kiến Đạo, người em ruột của tác giả, trong một lá thư có nêu những ý kiến:

“Thơ Mùa Cổ Điển như con Phụng bay trên mây, nhiều khi không thấy hình, chỉ nghe tiếng, có khi chỉ thấy cánh chứ không thấy đầu đuôi. Cái đẹp, cái hay chính là ở chỗ nửa ẩn, nửa hiện.

Còn thơ trong **ĐỌNG BÓNG CHIỀU** thì chẳng khác một tiên ông có nhiều pháp thuật và trần tâm chưa dứt, xuống núi thì đậu Trạng-Nguyên, rồi lên làm Tể-Tướng, tài kinh bang tế-thế có thừa, cảnh phú quý vinh hoa hơn thiên hạ, song bị nhiễm mùi trần thế, không còn tiên phong đạo cốt ngày xưa. Nghĩa là **ĐỌNG BÓNG CHIỀU** quá tinh vi, kiều diễm hơn **MÙA CỔ ĐIỂN** song không cao nhã bằng.

“Thơ trong **ĐỌNG BÓNG CHIỀU** có lăm bài thật vi-tế..., phải lắng lòng mà đọc mới nhận thấy chỗ thâm diệu. Nếu đọc theo kiểu cõi ngựa xem hoa của các vị tân khoa thời phong kiến thì súng cũng như sen, mẫu đơn cũng không hơn vạn thọ. Và ngọc được người đời dùng kính hiển vi xem xét, dùng cân tiểu ly cân nhắc là vì có ít, chớ nhiều như đỗ xanh, đỗ trắng thì người ta cũng hốt từng nắm mà xem. Cho nên tôi tưởng Anh không nên làm thơ thất tuyệt thêm nhiều, để cho **ĐỌNG BÓNG CHIỀU** được bạn đọc đi sâu vào từng bài thơ, vào từng câu thơ hầu khởi uổng công vun hoa, mài ngọc...”

Đọc những going trên đây chúng tôi “rất lấy làm thích thú”. Từ trước tới giờ chưa gặp những ý kiến, những phân tích, bình luận văn-chương bằng sự ví-von, bằng những chữ nghĩa nữa hứa, nửa thực như vậy.

Vì không hiểu thật rõ ý-kiến của người viết cho nên không dám quyết đoán về sự chính xác của những ý-kiến đó mà tưởng cần tìm hiểu kỹ luõng hơn.

Dù vậy, có một ý kiến chúng tôi rất tán đồng: Không nên làm thơ thất tuyệt nhiều thêm. Lý do của chúng tôi rất đơn giản: Thơ thất tuyệt không phải là sở trường, không đặc sắc như thơ thất ngôn bát cú mà nhà thơ đã thể hiện tài năng của mình trải qua nhiều giai đoạn v.v..

Khi cần gửi gắm tâm sự u hoài hay giải tỏa u-uẩn trước cuộc sống thực tế lấm nỗi bức xúc, nhà thơ đã vận dụng thể thơ bảy chữ tám câu để biểu tỏ nỗi niềm. Đó là thời kỳ trước Hiệp-Định Genève 1945 và những năm dài sau 1975.

Xin ghi lại đây bài Bước Cùng tác giả viết năm 1953 như chứng minh cho điều vừa nói:

Năm ngoái năm nay gặp bước cùng,

Lỡ bẽ gánh xách, lỡ bẽ bưng.

Văn xưa dạy học trường bôn thải,

Sức yếu làm thuê thế chẳng dung.

Thân thích khó nhở, sơ khó cậy.

Ruộng nương thì có, lúa thì không.

Ngày mùa thì vẫn ăn cơm ghé.

Cha nhịn con ăn, vợ nhịn chồng!

Thơ bảy chữ tám câu Đường Luật trước sau vẫn là tri âm tri kỷ, là bạn đồng hành, gắn bó với nhà thơ, như hình với bóng, mãi mãi chẳng xa nhau.

California Tiết Lập Thu 2009

Bùi Thúc Kháng

mùa xuân ngoài biên cương

thơ huỳnh công ánh



Miếng cuối đời đắng ngọt

Hôn cuối đời xanh trong

Ngoài kia con chim hót

Lời Xuân, Hạ, Thu, Đông

Bài thơ nào là cuối

Tôi sẽ viết cho em

Khúc yêu dài đắm đuối

Chảy như giòng sông êm

Sông xuôi về biển lớn

Biển riêng cõi mên mê

Mình riêng hồn hanh nắng

Nắng ướm nụ thắm hồng



Thêm một mùa Xuân nữa
Lại một mùa lưu-vong
Mang mang thời binh lửa
Cuồn cuộn sóng trong lòng

Cuối mùa Xuân năm ấy
Hôn cung kiếm thiện thùng
Cành mai em có thấy
Vàng vụt ánh lao lung

Bầy chim xa tổ-quốc
Đậu ngoài cành biên-cương
Xuân về buông tiếng hót
Khúc mơ về cố-hương

Huỳnh Công Ánh

TÁC GIẢ VĂN HỌC

LAM GIANG-NGUYỄN QUANG TRỨ

Thái Tẩu

- Lam Giang tên thật là : Nguyễn Quang Trú
- Sinh năm 1919 tại An Lương, Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định.
- Thủy tổ tước là Cương Quốc Công NGUYỄN XÍ, một danh tướng đúc nghiệp phi thường phò giúp nhà Lê giữ trọn cõi đồi, vốn quê xứ Thanh.
- Cha NGUYỄN KIM THÀNH là một vị Thiền sư, tham gia phong trào Cần Vương cùng với Phan Dinh Phùng, khi cuộc khởi nghĩa thất bại, Thiền sư vào Bình Định lánh nạn làm nghề Đông y nức tiếng danh sư. Thiền sư bị cọp bắt không ăn thịt mà lại đem chôn Ngài nơi đất anh linh gọi là “mộ hổ táng”. Do vậy, Bạch hổ được coi là thần hộ mạng của gia tộc. Có lẽ để ghi nhớ những năm tháng oanh liệt của cha bên dòng sông Lam mà ông lấy bút hiệu LAM GIANG .
- Vợ là nữ sĩ Hoa Phương- Nhũ danh Khuê Thị Hồng ngưu Sanh năm 1925 tại Diêu Trì, Tuy Phuốc, Bình Định.

Ông là bạn văn chương với các nhà thơ Bình Định như : Chế Lan Viên, Yến Lan, Hàn Mặc Tử, Quách Tấn. Sau này với Vũ Hoàng Chương, Hà Thương Nhân. . Có lẽ tài danh của Lam Giang chưa lọt vào mắt xanh Hoài Thanh, Hoài Chân nên ông chưa được ngồi vào chiếu Thi Nhân Việt Nam, Ông đã để lại đời nhiều tác phẩm như:

- * Về thơ : - Tây Tái Vân Sơn (thơ chữ Hán)
- Trăng đọng vườn thơ (in chung với vợ là Hoa Phương)
- * Sách triết học:
 - Triết học đại cương - 1943

* Sách giáo khoa bậc Trung học :

- Giảng luận về Nguyễn Công Trứ -1958
- Giảng luận về Cung Oán Ngâm Khúc -1958
- Giảng luận về Trần Quý Cáp - 1958
- Phương pháp bình văn -1958

* Phê bình, bình luận văn học :

- Khảo luận về thơ -1994 tái bản lần thứ ba.

* Tuyển chọn và bình luận :

- Những bài thơ hay trong văn chương Việt Nam -1999.

* Dịch và luận giải:

- Phép giành chiến thắng theo Tôn Tử Bình Pháp. Tái bản lần 2.
- Những cái khôn của người xưa -1999

* Sách sử học :

- Truyện hay trong Sử Việt
- Hùng Khí Tây Sơn
- Quân Chánh Tân Thủ
- Vua Quang Trung.

Ngoài ra ông còn viết chung với VTP mấy cuốn biên khảo về lịch sử đã được giải thưởng Văn học Nghệ thuật thời Đệ nhị Cộng hòa và mấy tác phẩm bán bản quyền.

* Sách chưa xuất bản :

- Việt Nam Quốc Sử Giảng Minh (tổn biên 18 tập)
- Dịch Đường Thi (400 bài)

Ông sống âm thầm nơi căn gác ọp ẹp nhìn ra một

ao nhỏ ở hẻm Hành Xanh, Bình Thạnh, Sài Gòn đường vào chùa Long Vân, ông gọi là Vân Các.

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ LAM GIANG

Nói đến Lam Giang, người Bình Định nhớ ngay đến câu : “Tú tài chăn dê a-b-c làm việc”, đó là thời gian sau 1945 lúc ông chẳng còn việc gì để làm phải về quê chăn dê.

Ở Bình Định vào thế hệ của ông, về Tây học chỉ có hai người có bằng cấp cao là : Cử Đắc (tức Võ Đắc đỗ cử nhân Tây) và Tú Trú (tức Nguyễn Quang Trứ đỗ tú tài Pháp), Võ Đắc, Chế Lan Viên, Yến Lan, Xuân Diệu theo Việt Minh, năm 1954 tập kết ra Bắc. Quách Tấn ở lại quê, còn Lam Giang Nguyễn Quang Trứ vào Sài Gòn dạy học, viết báo, viết thời luận cho đài phát thanh Sài Gòn và viết sách, làm thơ.

Sau đây xin lược kể vài mẫu chuyện về Lam Giang:

Chuyện tình: Thi sĩ Lam Giang và Nữ sĩ Hoa Phương

Lúc nhỏ, hồi còn là học sinh trường collège Qui Nhơn. Lam Giang đã nao nức muốn được du học, không hẳn là xuất dương như các thanh niên ưu tú được Việt Nam Quang Phục Hội bí mật đưa qua Đông Kinh Nhật Bản trong phong trào Đông Đô; cũng không phải được Hội Nhu Tây bảo trợ cho qua mảnh quốc Pháp lang sa để trở thành những vị... Tây con, Không, không, ao ước của ông không xa vời đến thế mà ông chỉ muốn được ra Huế, chốn thần kinh văn vật để được ngắm những o gái Huế mỹ miều như câu ca dao “Học trò Bình Định ra thi, thấy cô gái Huế bước đi không đành”.

Thế mà cái nhan sắc kiêu diễm, mỹ miều của các o gái Huế đã không thăng được cái hùng khí ngang tàng của chàng trai Bình Định ra thi và ở học, dành để cho ông “bước đi” quay về lại Diêu Trì lấy vợ :

Tạ từ núi Ngự sông Hương

Anh về cưới vợ Hoa Phương Diêu Trì.

(Chuyện Tình Hoa Niên -LG)

Lúc còn ở bên nhà vào những thập niên trước năm 1975, anh chị em Bình Định thường hỏi đùa chị Khuê Thị Hồng Ngưu (tức nữ sĩ Hoa Phương bấy giờ) tại sao chị ưng anh Lam Giang. Chị đáp “Ban đầu tôi mê thơ Lang Giang” Rồi sau thì sao? “Sau tôi yêu luôn người làm thơ”

Chẳng những chị Hoa Phương chọn chồng là thi sĩ mà chị còn rủ rê bạn bè nên lấy chồng thi sĩ :

Chị em ơi! ngỏ mấy vần

Lấy chồng thi sĩ nợ nần mà sang

Ngọc châu cẩn ngọn bút vàng

Tặng đời lấp lánh hàng hàng kim cương

(Rủ Nhau Lấy Chồng Thi Sĩ -HP)

Ai ơi hãy lấy chồng thi sĩ

Thi phú thơm lây đẹp chữ tòng

Một kiếp tài hoa hương quyến rủ

Thi nhân bến đợi gái văn chương.

Còn hỏi Lam Giang, ông không trả lời trực tiếp mà nói xa xôi “Hoa Phương chỉ có nhan sắc vừa mức trung bình, Thời nữ sinh các bạn đồng học đã đặt cho nàng một danh hiệu đặc sắc “Belle bouche”. Có lẽ đúng sự thật trong nhãm tuyển của tôi”, Rồi ông làm thơ tán thưởng :

Mỗi nàng chan chứa vị thương yêu

Hồn từ suối ngọc bay qua đó

Vườn mộng hoa phơi vẽ mỹ miều.

Ông còn nói thêm rằng, con người khi đã yêu thì Trời cũng không cản nổi. Ngày trước Tản Đà luận về tình yêu đã có câu “Nếu cân cả thế giới với một người thì chưa chắc bên nào đã nặng hơn”

Thế rồi thi qua thơ lại những tâm hồn đồng điệu đã
gặp nhau :

*Thi sĩ đa tình xin tặng ảnh
Đài trang e áp hẹn trao thơ
Xe duyên từ đó nên tình nghĩa
Bến nước tươi màu thủy liêu xưa*

(Ngắm Mình Trong Ảnh -HP)

Hoặc:

*Anh là thi sĩ em hằng mơ
Gặp dáng tài hoa khó hững hờ
Em thuộc về anh từ đạo đó
Đài trang- Văn bút đẹp duyên تو*

Đài trang - Văn Bút đẹp duyên تو. Thật vậy, Anh Chị
đã sống với nhau thật hạnh phúc và đã sanh hạ bốn người
con : một gái ba trai nay đã yên bề gia thất. Gái đầu Nguyễn
Thị Hồng Thoa, Dược sĩ, trai trưởng là Nguyễn Quang Bình
một nghệ sĩ Guitare classic khá nổi tiếng hiện đang day nhạc
tại các trường âm nhạc Mỹ ở Houston, Texas.

Buổi đầu gặp Lam Giang, ai cũng cho ông là người
cao ngạo, gàn bướng, nhưng sống lâu với ông mới thấy ông là
người chân thật, trực ngôn. Chính chị Hoa Phương- vợ ông
cũng công nhận như vậy :

*Ngựa hay là ngựa chừng
Tạo hóa quả công bằng
Đồng cân không nghịch lý
Phong anh : chúa tể gàn.*

(Chúa tể gàn- HP)

Bề ngoài lầm tưởng ngạo kiêu

Vốn người chọn chất, trăm điều chẳng ngoa.

(Khóc Thầy - của môn sinh)

Đời nào phải là một dòng sông không sóng và cành
sắc muôn năm không tàn tạ bao giờ ! Chị Hoa Phương vẫn
biết Anh có tính gàn đã trở thành cố tật “thật khó chữa”
mà cũng không tránh khỏi sự xích mích. Có một thời gian
dài tuy gần mà xa “Ông trên gác, Bà dưới nhà” cốt là để
mong anh đổi tính :

Em đã hờn anh năm tháng dài

Hai mươi năm giận thật là dài

Cho người thương ấy thôi gàn buông

Gối lẻ rồi ra cũng đủ đôi .

(Gối Lê-Hoa Phương)

Bài thơ này chị đã đưa cho anh xem và anh đã đồng
tình “Gối lẻ là chuyện bất hạnh của lứa đôi. Con đường
chúng ta đã đi qua, chúng ta không nên kéo dài nữa, cô đơn,
hiu quạnh đã quá nhiều rồi”. Cảm động trước lời chân tình
đó, Chị đáp:

Ôn anh em lo trả

Giận hờn nguyên xóa tan

Mây mù đã tan biến

Nhin anh như “tân lang”.

Thế là ông bà đã hòa thuận lại với nhau xem như
“tân lang”. Họ hấp hôn, làm mới lại cuộc tình. Chặng cuối
đời, Ông bà sống thật hạnh phúc ‘bên chàng viết sách, bên
nàng làm thơ’ quây quần với đàn con cháu hiếu hiền. Anh

khen vợ “Thơ Hoa Phượng dễ thương lắm! Chất trữ tình trong thơ Hoa Phượng là những giọt máu trong tim, những tế bào của não, điều hòa dung hợp với nhau. Hoa Phượng thuần thạo, tinh tường về thi pháp, âm thanh học, vận luật học v.v.. và ông bà đã trân trọng, ôm ấp những kỷ niệm xưa:

Giữ hoài kỷ niệm văn chương

Tóc xanh thuở trước, tóc sương bây giờ.

Ngày Lam Giang mất, Giáo sư Hoàng Công Định tức nhà thơ Đàm Thụy có tổ chức một “Đêm Thơ Tưởng Niệm Lam Giang” được giới văn thi sĩ, nghệ sĩ và thân hữu khắp nơi đến dự, Những bài thơ ai điếu của bạn bè và những bài thơ của cố thi sĩ Lam Giang được các nghệ sĩ diễn ngâm. Bà Lam Giang trong nước mắt nghẹn ngào cũng có mấy vần ai vãn:

Sáu mươi năm ấy cùng chung sống

Gối chiếc bảy giờ khóc lê đôi

Khăn trắng nghiêng đầu chào vĩnh biệt

Hôn Anh ngoảnh lại : Hoa Phượng ơi !

(Khóc chồng - Hoa Phượng)

Lam Giang: Nhìn từ Ký giả Lô-Răng

Khi còn làm việc ở tòa soạn báo Ngày Nay với Chủ nhiệm Trọng Kim, tôi có đọc nơi mục Tạp ghi bài “Người Bạn Già Nông Dân” của Ký giả Lô-Răng Phan Lạc Phúc viết về Lam Giang.

Ký giả gọi Lam Giang là “Lão Trưởng, Ông Đồ bùn chũ như trấu chát, Ông bạn già nông dân chăm phần chăm” hay Lam Giang là “quái chiêu” một thú “kỳ nhân dị sử”.

Trong bài viết, ký giả Lô-Răng kể rằng : Một bữa nọ ông ngồi với Lão Trưởng Lam Giang, ông mới hỏi “Theo tôi thơ văn của Hà Thuận Nhân “đỡ” lắm chứ. Tại sao anh

lại bảo lưng vốn chữ Hán của họ Hà không có bao nhiêu ?” Lam Giang gật đầu mà rằng “Bốn cợt nhau một chút cho vui vậy mà. Thơ Hà Thuỵ Nhân phơi phới . . . Nhưng tôi học với họ Hà từ ngày nhỏ tôi biết, nó là tài tử . . . không có học kỳ khu theo kiểu như thiết như tha, như trác như ma”. Ký giả Lô-Răng tiếp lời “Hán văn của anh chắc là thâm hậu lắm” Lam Giang ngừng lại nhìn ký giả rồi mới nhẩn nha: “Nói chuyện với cậu về Việt văn, Pháp văn thì còn được. Về Hán văn thì . . . xin lỗi phải có cụ Nghè Giác thì tôi mới thưa chuyện được” (cụ nghè Nguyễn Sĩ Giác thời ấy giảng ở Văn khoa). Lão Trưởng Lam Giang xưa nay vốn “quái chiêu”.

* Ký giả Lô-Răng kể tiếp. Có ở gần mới công nhận Lão trưởng Lam Giang có một “sức nhớ” kỳ lạ. Lam Giang là người chuyên viết sử, nên sử Ta, sử Tàu, sử Tây gì ông cũng thuộc nằm lòng. Ngày ấy có những nước mới được độc lập ở Phi Châu, tên tuổi mới toanh, ông làm báo không biết đằng nào mà rõ. Ví dụ như nước Zimbabuê. Tra tự vị hay Almanach cũng không thấy, chỉ hỏi Lão Trưởng Lam Giang là ra ngay. Nước đó ở đâu, giáp với nước nào . . . vân vân và vân vân Những truyền thuyết về Trung Hoa . . . từ thời Tam hoàng

Ngũ đế đến thời khuyết sử . . . Lam Giang đều nhớ. Còn nói gì đến Lục Tài Tử Thư hay thơ Đường, Tống. . . Lam Giang đầy một bụng.

* Ở Sài Gòn ít người biết Lam Giang. Nhưng ở Miền Trung. Nhất là miền Nam-Ngãi-Bình-Phú, Lam Giang là một thứ “kỳ nhân dị sử”. Chuyện kể rằng thời Pháp, Lam Giang đại diện kỳ bộ miền Trung đi họp hội nghị Trung ương ở miền Bắc. Đọc nghị quyết xong là Lam Giang đốt bỏ. Về địa phương, Lam Giang nhớ lại hết, không sai một chữ. Mới đây ở Mỹ, nhà văn Võ Phiến cũng người Phù Mỹ, Bình Định, trong một bài hồi ký có kể lại rằng người có ảnh hưởng lớn đến nhà văn Võ Phiến khi mới vào nghề chính là Lam Giang-Nguyễn Quang Trứ.

* Ký giả Lô-Răng nhận xét rằng Lam Giang là một người hoài cổ sống ở hậu bán thế kỷ 20 mà quan niệm

văn chương của ông vẫn hết sức xưa cũ. Ký giả nhớ lại vào cuối thập niên 30, khi nổi lên phong trào tranh luận về thơ mới-thơ cũ, Lam Giang lúc đó còn đi học ở Huế, đã nghiêm chỉnh bảo vệ cho thơ cũ . Gần 40 năm đã trôi qua, nhưng Lam Giang vẫn là Lam Giang, vẫn đem những tiêu chuẩn đạo đức ra phê bình thơ văn. Ký giả Lô-Răng mới hỏi “Anh hiểu biết về Văn học Pháp như vậy tại sao đồng hóa nghệ thuật với luân lý ?” Lam Giang liền hăm hở trả lời:”Học Pháp văn là một cuộc thám hiểm để hiểu văn học của họ ra sao, còn sống và nghĩ thì mình vẫn là mình, họ là họ, làm sao mà giống nhau được”. Đối với Lam Giang văn thơ vẫn phải có bốn phận “tả đao” hay tám vạn nghìn tự mặc kệ. Không quân, thần, phụ, tử đêch ra người”.

* Và đây là câu chuyện tại sao Ký giả Lô-Răng gọi Lam Giang là “người nông dân” chăm phần chăm :

Vào cuối năm 1972, Lam Giang rời khỏi Sài Gòn ra Cam Ranh trong nom một trường Trung học tư thục ở ngoài đó. Đầu năm 1973, Lam Giang gởi thư mời ký giả Lô-Răng ra chơi. Nhân tiện ký giả cũng muốn vừa ra thăm bạn vừa muốn viết một loạt bài về quân cảng lớn nhất ĐNA, cũng là căn cứ chiến lược của Mỹ khi hiệp định Paris vừa ký kết. Hôm ấy Lam Giang hỏi ký giả Lô-Răng:”Anh em muốn tiếp đãi khách phương xa trọng hậu, bạn muốn ăn thứ gì: cua, ghẹ, cá biển, cá đồng hay thịt cầy”... Ký giả đang phân vân chưa biết tính làm sao thì có xe cảnh sát chạy tới, theo sau có xe Falcon màu đen. Từ trên xe Falcon bước xuống là một đại tá nhảy dù, Thị trưởng Cam Ranh vốn là bạn nhà binh của ký giả. Cũng không biết vì sao ông Thị trưởng Cam Ranh Vũ Thế Quang lại đánh xe xuống tìm ký giả ở khu trường tư thục này. Ông Thị trưởng lén lầu gấp ông bạn già Lam Giang của ký giả và nói:”Điều này thì phải xin thất lễ với Cụ. Chúng tôi bữa nay có thiết tiệc phái đoàn Mỹ và nhân sĩ trong tỉnh. Sẵn ông bạn PLP ra đây, xin phép được mời ông bạn tôi và Cụ cùng tham dự. Xin Cụ tha lỗi cho sự đột ngột này”. Ký giả Lô-Răng quay sang nói nhỏ với Lão trưởng Lam Giang:”Có lẽ chúng ta phải chiều ý ông quan đầu tỉnh này một chút” . Ông thị trưởng Cam Ranh muốn cho “chắc ăn” ngồi đợi khách mặc quần áo rồi lên xe luôn. Khi đã sẵn

sàng để lên xe thì ký giả thấy ông bạn già Lam Giang vẫn đi dép lẹt xẹt, quần lá tọa. Ký giả vội kéo Lam Giang vào buồng mà nói: “Người ta mời đi dự tiệc với phái đoàn Mỹ từ Cam Ranh và chính quốc sang mà anh ăn vận thế này coi sao được. Anh ít nhất phải đi một đôi giày và thắt cái cà-vát” Lam Giang nói “Giày thì may ra có, nhưng tôi có thắt cà-vát bao giờ đâu” Ký giả lại phải lấy cái cà-vát của ông mang theo thắt sẵn rồi quàng vào cổ Lam Giang. Lam Giang lên xe ra đi mà không bằng lòng ra mặt.

Bữa tiệc mà ông Đại tá Thị trưởng Cam Ranh thiết đãi quan khách Mỹ Việt là một bữa tiệc theo kiểu self-serve. Mỗi người cầm một cái đĩa, sắp hàng rồi tự lấy thức ăn cho mình. Lam Giang chưa bao giờ tham dự tiệc kiểu này, nên cứ ngồi ì một chỗ, ký giả mới bảo “Anh đi lấy thức ăn đi chứ” Lam Giang trả lời “mình được mời đến dự, chứ có đi ăn xin đâu mà sắp hàng một dọc thế kia”. Biết không thể giải thích thế nào cho ông già này hiểu, ký giả phải đi lấy thức ăn, lấy rượu về cho Lam Giang ăn uống. Ăn kiểu này Lam Giang cũng chê: “Ở nhà mình ăn ghẹ luộc, hoặc cua rang muối hay thịt cầy rượu để ngon biết chừng nào, ăn kiểu này không ra sao cả”. Buổi tiệc có ca hát, ảo thuật, khiêu vũ, đèn chớp tắt liên hồi, Lam Giang thở phào ngồi một đống. Đến 9 giờ tối, nhạc đang bốc lửa, cuộc vui đang hấp dẫn thì Lam Giang bảo: “Tôi nhức đầu quá, không chịu được thứ âm nhạc này, cho tôi về”. Ký giả phải đi tìm ông Đại tá Thị trưởng, lấy cớ rằng ông bạn già bị đau bất thần nên xin kiếu. Trên xe ra về Lam Giang nói: “Tôi là nông dân, không thưởng thức nổi thứ văn minh kiểu này” rồi Lam Giang nói một câu tiếng Pháp: “Mais je suis fier d'être paysan” (nhưng tôi lấy làm hạnh diện được là nông dân). Ký giả Lô-Răng nói “Nhưng xét ra Hà chuồng mòn và tôi cốt nông dân nhưng đã đô thị hóa ít nhiều. Còn Lam Giang thì vẫn là nông dân” chăm phân châm” như thời Cụ Đô Chiểu.

* Đầu năm Mão, Lam Giang từ Hàng Xanh Sài Gòn viết thư cho ký giả Lô-Răng nói rằng ”Nói cho Dì Ba, Dượng Ba hay là bản sự vẫn được hai chữ bình an, vẫn kiểm ăn được bằng lấy số tử vi và làm văn bia. Bản sự cũng đã chuẩn bị sẵn mọi việc và sẽ nambi xuống vào năm 2001. Đến đấy là

bản sự hết số rồi”.

Thế nhưng mãi đến mùa Thu năm nay 2009, Lam Giang mới mất vào tuổi thượng thọ 91. Như vậy là ông đã thọ hơn Đức Khổng Phu Tử nhiều năm, thọ hơn Đức Thầy 18 năm và thọ hơn lá số tử vi đã chấm là 8 năm

Trăm năm một cõi đi về

Xác về đất Mẹ, hồn về cửu thiên...

- (Tiễn Người Về - Lão Du Tử)

Đôi bạn già thi sĩ : Lam Giang - Hà Thuượng Nhân

Hồi đầu thập niên 40, Lam Giang, Hà Thuượng Nhân và Hữu Loan là ba người bạn thân cùng học với nhau ở Huế. Đỗ tú tài “Tây” xong là ba người đi mỗi ngả. Hai ông, Tú Nga Sơn (tức Hữu Loan, tác giả Mùa Tím Hoa Sim) và Hậu Lộc (tức Hà Thuượng Nhân) về quê Thanh Hóa dạy học, còn Lam Giang không về Bình Định mà ra Hà Nội vào Đại học luật khoa.

Sau cách mạng tháng Tám 1945 và Hiệp định Genève chia đôi đất nước, Lam Giang và Hà Thuượng Nhân vào Nam, Hữu Loan ở lại miền Bắc. Vào miền Nam, Hà Thuượng Nhân vào Quân đội, Lam Giang đi dạy học và viết sách. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ông Hà làm Tổng Giám đốc hệ thống truyền thanh miền Nam, làm việc tại Đài phát thanh Sài Gòn. Ông Hà mời bạn học cũ là Lam Giang viết giúp phần bình luận tiếng Pháp cho đài. Thời Đệ Nhị Cộng Hòa, Ông Hà làm chủ nhiệm báo Tiền Tuyến, còn Lam Giang ngoài việc viết sách vẫn nhận viết bình luận cho Đài Sài Gòn và viết phân tách thời sự cho báo Tiền Tuyến.

Ông Lam Giang có thói quen nghĩ sẵn trong đầu rồi mới viết. Khi viết thì viết một mạch theo kiểu feuilleton không tẩy xóa, gạch bỏ và đúng với thời lượng. Ví dụ bài đọc 5 phút thì viết 3 trang, 10 phút thì viết 6 trang, về báo thì viết đúng theo khuôn khổ cột mục đã định. Bài vở lúc nào ông cũng viết rất nghiêm chỉnh, đúng theo cõm-măng

không sai hẹn, nên ông Hà rất thích. Lúc rỗi rảnh, hai ông ngồi lại với nhau đánh cờ. Đánh say mê quên cả ăn uống. Cũng có lúc vì hờn thua cãi nhau chí chóe nào “hạ thủ bất hoàn, không được gượm” nào “người ta đã đi đâu ! chưa đi thì đi lại chư ? v.v...” tự nhiên như lúc còn đi học.

Mùa Xuân năm Mậu Thân (1968) sau những ngày chiến loạn, hai ông bạn già luống tuổi này gặp lại nhau và đã ngồi xuống uống với nhau gần hết một chai rượu vang, luận đàm thế sự, và gợi lại những chuyện xa xưa. Cảm hứng, ông Hà xướng một bài thơ Đường luật “Xuân Nhật Cảm Thán” chép ra giấy rồi đưa cho ông Lam Giang. Bài thơ như sau :

Thập tút niên lai một hữu xuân
Văn đàn tiểu ngã diệc tàm quân
Hồi đầu thử lộ tảng kinh nhã
Bỉnh chúc đương thì vị kiến nhân
Phong nguyệt ỷ lâu do ngẫu hứng
Lợi danh mãn hạng tổng phù vân !
Dục hô thiên cổ tài hoa khách !
Lý Đổ như hà khiếm hảo lân !

Tự dịch
Mười bốn năm trời xuân vẫn tanh
Đàn văn cười tớ, thiện giùm anh,
Ngoanh đâu lỗi cũ từng qua mắt
Đốt đuốc ngày nay mới thấy mình!
Trăng gió lên lầu cơn hứng nổi
Lợi danh đầy ngõ bóng mây xanh

Muốn hô khách cũ tài hoa dậy,

Lý Đỗ ngàn xưa nghĩ có dành .

Ông Lam Giang kể lại rằng lúc ông Hà đưa bài thơ cho ông, nét mặt ông Hà hơi có vẻ tự đắc. Lúc đó, tự ái bị kích thích mạnh, Ông cầm bút họa ngay :

Nam phố hoàng hoa diêm báo xuân

Sài Gòn lục lục hạnh phùng quân

Tĩnh Hồ trùng thoại hồng liên chữ

Nga Linh hoàn bi bạch phát nhân

Cựu hưng thi hoài thương vãng sự

Cùng đồ quốc sĩ vọng nhàn vân

Hà thời cộng thương Lăng Yên các,

Hô tiễn hàm ca động tư lân.

Tự dịch:

Tin xuân đường phố hoa vàng

Sài Gòn gió bụi gấp chàng cũng may!

Cùng nhau nhắc chuyện lâu ngày

Tĩnh Tâm hô cũ khơi bày hoa sen

Tóc xanh sợi bạc lần chen

Non Nga thuở ấy tiếng quen dáng người

Tình xưa thi hưng bồi hồi

Đường cùng quốc sĩ trông vời mây bay

Gác lân hẹn thuở nào đây,

Cùng lên gọi rượu ca say vang trời !

Bản ý của ông cũng muốn làm được một công nghiệp gì đó làm vẻ vang cho Bình Định để có một ngày trở về quê hương nhìn dãy núi Tây Sơn mà khỏi thẹn thùng. Ý định thì như thế, song chắc vì mình bất tài nên ngày tháng cùi dàn trôi qua. Lúc đầu còn ái ngại vì một vài sợi tóc bạc lóng lánh trên mái đầu xanh. Sau thi trước trán, hai bên màng tang. . . nơi nào cũng trắng cả, thết rồi chịu thua với tuế nguyệt. Đường cùng rủ bạn lấy rượu làm vui.

Ông cũng khen thơ Thi sĩ Hà Thượng Nhân phơi phới. Ông thích nhất là câu thứ tư “Bỉnh chúc đương thì vị kiến nhân” và, theo ông phải dịch là:

Đốt đuốc ngày nay chưa thấy người,

Hoặc là: Thắp đuốc soi hoài chẳng thấy ai

thì đúng hơn. Còn dịch như ông Hà “Đốt đuốc ngày nay mới thấy mình” thì không sát nghĩa và có vẻ tự phụ quá lốm !

Ngày xưa, nhà hiền triết Diogène vẫn cứ cầm đuốc đi giữa ban ngày. Có người thấy quái dị hỏi Ông lý do. Ông đáp gọn :

-Tôi kiếm một người.

À, vậy thì cái đám vỗng lọng ngựa xe, giàu có sang trọng kia không phải là người sao ?

Về thơ thì Lam Giang sở trường về thơ chữ Hán và thể Đường luật. Đặc biệt là tập Tây Tái Vân Sơn (mây núi ải Tây) của ông gần 40 bài nguyên tác Hán văn đã được chính phủ Đài Loan trao giải thưởng Văn học nghệ thuật và hai bản dịch Việt văn và Pháp văn. Có người hỏi ông tại sao hay làm thơ Hán văn, phải chăng có ý lèo đòn như những nhà khoa bảng ? . Chúng tôi được Ông cho biết: ”Thể thơ Đường luật ít lời nhiều ý, là thể thơ cô đọng, rất thích hợp để diễn tả những tâm trạng trầm tư. Hán văn hàm súc hơn Việt văn. Do vậy mà trong những ngày dồn vặt u buồn, một tâm trạng ám ảnh gần như định kiến, tôi dùng Hán văn để diễn

tả những dấn vặt xót xa ấy một cách kín đáo hơn. Tuyệt đối không có ý khoe tài văn bút (chưa chắc đã có tài để khoe, mà có thì chiến thuật lợi cho uy thế một thi văn sĩ là đừng nên khoe)”

Ông chỉ ước muốn một điều là bạn đồng tâm trong nước biết nhiều hơn, chú ý nhiều hơn về hùng khí Tây Sơn, tâm trạng quốc dân cách mạng của người Bình Định. Bạn đọc ở nước ngoài nhờ có nguyên tác Hán văn và bản tác giả tự dịch ra Pháp văn, những khi cần biên khảo về tâm tư người Việt trong những ngày quốc nạn có sẵn tài liệu mà phân tích, nhận định.

Sự lập tâm kiên định của tác giả là:

Bất cầu kim bảng tiêu danh dư

Sở hiệu đan tâm cố quốc tình

Tác giả tạm dịch:

Bảng vàng danh dư không mơ ước

Giúp nước lòng son muốn hiệu trung.

Thẩm thoắt, thời gian như nước trôi qua cầu.

Năm 2003, nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ 80 “Bát tuần khánh thọ” Lão thi ông Hà Thượng Nhân có viết một luật nhan đề là: “Viết Đùa Lúc 80 tuổi” và gởi cho Đặc san Lại Giang. Ban biên tập trân trọng đăng bài thơ này vào cột mục Trang Thơ Xướng Họa 2004 của tờ Đặc san làm bài xướng. Nhưng vì xa xôi không gởi được bài thơ này về Việt Nam cho thi sĩ Lam Giang đáp họa như thuở nào mà chỉ có đám môn sinh, môn đệ ở hải ngoại này phụng họa, trong đó có bài của kẻ này.

Tiếc quá không được xem bài họa và thuởng thức tài làm thơ Đường luật sở trường của Thi sĩ Lam Giang.

Vĩnh biệt : Tác gia Văn học

LAM GIANG-NGUYỄN QUANG TRÚ

Mỗi buổi sáng thức dậy thấy mình còn sống, còn sức khỏe là mừng rồi. Với cái tuổi thất thập hưu dư nầy, Trời Phật gia hộ cho sống mạnh khỏe được ngày nào là lãi ngày nấy.

Sáng hôm ấy sau khi làm xong một vài động tác thể dục và hít thở, tôi vào nhà ngồi nơi bàn vừa nhâm nhi tách trà vừa nghe tin tức, thì chuông điện thoại reo, bên kia đầu dây ở Việt Nam là con tôi :

- Ba đó phải không ? con đây ! Ba khỏe chứ ?
- Ba khỏe, có gì vui không, tôi hỏi .
- Không vui mà có tin buồn. Báo Ba hay Bác Lam Giang Nguyễn Quang Trú mất rồi !
- Cái gì, tôi hỏi lại. Tôi không tin ở lỗ tai già của tôi
- Bác Lam Giang Nguyễn Quang Trú mất rồi, nó lập lại .
- Hồi nào, tôi lại hỏi gấp .
- Bác mất vào giờ Mùi ngày 7 tháng 9 năm 2009 (Nhằm ngày 19-07 năm Kỷ Sửu) thọ 91 tuổi.
- Con có biết Lễ tang của Bác như thế nào không, tôi hỏi tiếp.
- Theo cáo phó thì Lễ nhập quan lúc 18:30 ngày 7-9-2009. Lễ di quan lúc 6:00 ngày 11-9-2009 và an táng tại Nghĩa trang Chùa Hoằng Pháp xã Tân Hiệp, huyện Gò Vấp, Sài Gòn.

Thế là một Thi sĩ Tiên chiến, một ông bạn già vong niên nữa của tôi ra đi. Con tính trừ thê thảm nầy sai cứ diễn ra mãi !

Người đời thường tham sanh úy tử . Nhưng đối với Lam Giang, ông đã tiên liệu về cõi tử tĩnh lặng của thân phận người văn thi sĩ qua sáu nẻo luân hồi, nên ông bình thản đón nhận nó từ lâu. Năm ông 71 tuổi, ông đã tổ chức Lễ Sanh Văn. Tôi hỏi ông; “Anh còn sức khoẻ mà vội chi

tổ chức lễ này ? “ Ông đáp : “ Mình làm sao biết được đích xác cái ngày mình nằm xuống. Nay thì mình cũng đã đạt đến cái tuổi “cổ lai hy” mà Đỗ Phủ ngày xưa mong ước, Hơn nữa mình cũng là người có chút ít chữ nghĩa, giả dụ nay mai mình nằm xuống bất thình lình, bà vợ đến nhờ ông hàng xóm viết giúp tấm liễn thờ mà câu đối không ưng ý, bực mình lắm ! Chi bằng nay mình làm trước tớ mặt thấy sự thương yêu, hiếu kính của vợ con có tốt hơn không?”

Ông có tặng tôi tấm hình chụp buổi lễ này với câu liễn thờ do ông tự đặt. Ngày tôi sang Mỹ định cư, tôi gởi lại cho ĐQĐ lưu giữ. Hai mươi năm rồi tôi không còn nhớ, nhưng nội dung thì thích hợp với tâm cảnh của Ông lắm.

Nay Ông nằm xuống, tấm hoành và câu liễn thờ tại nhà cũng như khắc nơi mộ phần do Trưởng nam của Ông là Nguyễn Quang Bình thực hiện với nét chữ Hán của nhà thơ Nguyễn Tôn Nhan chắc là Ông vui lòng.

Tấm hoành ghi 5 chữ : THÀNH NHÂN TỒN CỐ
HUẤN và đôi liễn thờ :

Bản phi khoa bảng, phi nhung phục;

Phúc tại tâm sanh, mệnh tại thiên .

Có lẽ dựa vài lời tự của Ông :

Bản phi Tiến sĩ, phi Cao học

Lược thức Hoa văn, thức Pháp văn.

Văn biết đời là cõi tạm, là phù sinh, huyền hóa, sanh, lão, bịnh, tử là định nghiệp, không ai tránh khỏi. Nhưng trước cảnh ly biệt này, mấy ai cầm được nước mắt ! Hơn nữa, đối với Lam Giang, ông chết đi là một mất mát lớn. Đối với gia đình, ông là người chồng, người cha mẫu mực. Đối với bè bạn, ông là người bạn thành tín, thủy chung. Đối với quê hương, ông là người con ưu tú. Đối với đất nước, ông là một tác gia văn học lỗi lạc, để lại đời nhiều tác phẩm văn chương giá trị. Mọi người đều tiếc thương Ông, nhất là những môn sinh, môn đệ của Ông ở hải ngoại cũng như ở trong nước. Cầu mong hương linh Ông sớm tiêu diêu miền lạc cảnh.

Xin vĩnh biệt Tác gia Văn học Lam Giang :

Hôm nào mừng lê Vu Lan
 Mà nay làm khách hướng nhang của người
 Tử sanh mạng số bởi Trời
 Lam Giang cõi thế văn thơ mãi còn,
 Ngàn năm thọ với nước non

Thái Gia Trang Houston

Nhân Lê Chung Thất 26-10-2009

Cố Tác Gia Lam Giang

Tiểu đệ THÁI TẤU

VUI CƯỜI

Sĩ Diện

Một anh đồ kiết đi tìm nơi dạy học. Đường xa, người mệt, còn trong túi vài đồng, thầy vào quán ăn vài củ khoai cho đỡ đói. Thầy vừa ăn vừa uống nước ra vẻ ung dung lăm. Ăn hết củ thứ nhất, rồi củ thứ hai, thầy muốn chén củ nữa nhưng lại sợ hết mất tiền. Cái miệng vẫn thòm thèm. Nhân lúc cô hàng vào bếp, thầy vội vơ nắm khoai vắt lại bỏ vào mồm. Không ngờ, cô hàng quay ra, nhìn thấy. Thầy cố ra vẻ thản nhiên bảo:

- Ta ăn thêm vắt xôi đậu.

Cô hàng thừa hiểu, nhưng tảng lờ như không biết gì, bảo thầy:

- Vậy xin thầy trả tiền cả vắt xôi đậu.

Thầy bấm bụng đưa nốt đồng cuối cùng.

mười sáu chữ vàng

thơ nguyễn diêu



Bắc phương bành trướng xuống miền nam.

Lấn đất giành sông chiếm xóm làng.

Đông hải tam sa Tàu lập bến.

Tây nguyên bô xít Chết tràn lan.

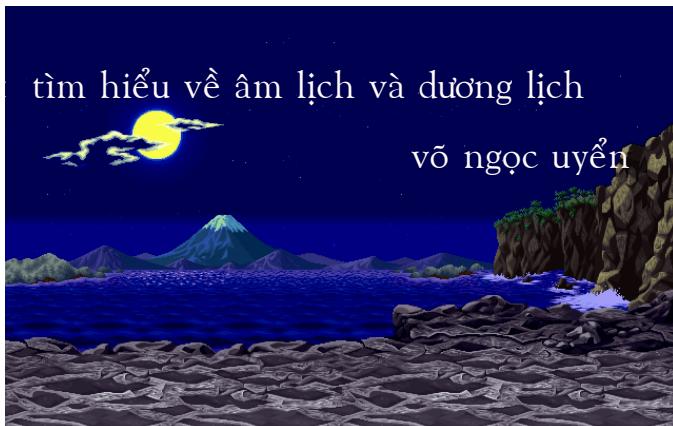
Mưu đồ Hán tộc toan đồng hóa.

Cám dỗ Nam triều cống hiến sang.

Mười sáu chữ vàng Dân mất nước.

Chữ hầu kết nghĩa Cán hân hoan./.

Nguyễn Diêu.



tìm hiểu về âm lịch và dương lịch

võ ngọc uyển

I. ĐỊNH NGHĨA DƯƠNG LỊCH VÀ ÂM LỊCH

*L*ịch là bảng phân chia thời gian mà con người dựa theo đó để biết mà cùng sinh hoạt chung với nhau. Phép làm lịch dựa theo sự vận chuyển của quả đất chạy xung quanh mặt trời gọi là Dương Lịch. Phép làm lịch dựa theo vận chuyển của mặt trăng đối với quả đất gọi là Âm lịch.

Để tạo được lợi ích thiết thực và tối đa trong các vấn đề sinh hoạt hằng ngày mà con người đã tìm cách phân chia thời gian theo từng mùa, theo khí tiết mà ta gọi là Lịch. Hiện nay hầu hết các quốc gia trên thế giới đều dùng dương lịch để giao dịch với nhau rất là phổ biến và thông dụng. Chỉ có một số ít các nước thuộc vùng Đông Nam Á như Trung Hoa, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, Tân Gia Ba (Singaport), Mã Lai, Nam Dương còn dùng cả Âm lịch để sinh hoạt theo phong tục và tập quán địa phương mà thôi. Riêng đa số dân Việt Nam hiện vẫn còn dùng Âm lịch như một điều kiện cần thiết trong các sinh hoạt như: Tết Nguyên Đán, tế lễ, cúng giỗ, ăn chay, đi chợ, xây dựng, gả cưới, chôn cất v.v... Và Âm lịch cũng thường gọi là Lịch ta để phân biệt với dương lịch.

II. NGUYÊN NHÂN VÀ QUÁ TRÌNH LÀM ÂM, DƯƠNG LỊCH.

Thời rất xa xưa, khi loài người chưa biết tìm lửa để nấu nướng thức ăn và soi tớ chõ ở cửa mình thì ánh trăng đối với họ là một điều rất quý giá khi màng đêm buông xuống. Người cổ xưa thấy trăng đi lại trong vòng 29 ngày khi tròn khi khuyết rất đều đặn như một người bạn trung thành không bao giờ lỗi hẹn và lấy đó làm đơn vị chính để đo thời gian. Cuốn lịch cổ nhất của loài người tính theo tuần trăng là Âm lịch Ba-Bi-Lon (Trung Đông) sáng chế cách đây bảy tám ngàn năm.

Âm lịch Trung Quốc có từ 42 thế kỷ trước đây, mỗi năm 12 tháng, trọn 354 hoặc 355 ngày cũng giống như âm lịch cổ Hy Lạp. Nhưng nếu số ngày trong mỗi năm chỉ có như thế thôi thì chỉ năm trước và năm sau là thời tiết không đúng với lịch nữa rồi, qua ba năm thời tiết chênh lệch với lịch hằng tháng, qua sáu, bảy năm thì lịch là mùa hè mà thời tiết vẫn còn là mùa xuân. Tuy vậy cũng phải trải qua vài trăm năm liên tục nghiên cứu những sai lệch kỳ quặc ấy, các nhà thiên văn xưa kia mới tìm ra được cách làm cho âm lịch tương đối ăn khớp với thời tiết, nghĩa là trong 3 năm phải có một năm thêm một tháng (người ta gọi là năm nhuận) 5 năm có hai năm nhuận hoặc là 19 năm có 7 năm nhuận. Tuy gọi là âm lịch nhưng lịch này không còn thuần túy là âm lịch nữa vì tháng thì tính theo tuần trăng và năm thì bám theo thời tiết mà thời tiết thì thay đổi theo từng mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông nối nhau do quả đất xoay chuyển quanh mặt trời, lúc gần lúc xa tùy theo quỹ đạo hình bầu dục.

Chỉ có lịch Hồi Giáo mới hoàn toàn gọi là âm lịch, cứ theo tuần trăng mà tính, một năm có 12 tháng, trọn năm 354 ngày. Cho nên khi có người Hồi Giáo nào khoe là 102 tuổi thì đúng ra chỉ có 96 năm thôi.

Người Ai Cập sáng chế ra Dương lịch cách đây 6.000 năm. Bấy giờ người ta tính năm theo chu kỳ nước lũ của sông Nil, con sông quyết định vân mạng của nhân dân Ai Cập. Nhưng những người làm lịch chỉ tính mỗi năm có 365 ngày mà thực ra dương lịch là 365 ngày và $2.422/10.000$ ngày (tức là gần $1/4$ ngày). Cho nên theo lịch này thì cứ 4 năm thiếu mất một ngày, qua 1.000 năm, lịch và thời tiết sai nhau 250 ngày, như vậy qua một chu kỳ 1.460 năm, bấy

giờ người ta thấy năm lịch và thời tiết mới gặp nhau, rồi lại dần dần sai lệch mãi cho đến chu kỳ khác. Tình hình hỗn loạn này ở Ai Cập kéo dài hơn 4.000 năm, mãi đến năm 240 trước Công Nguyên (cách đây 2.240 năm) người ta mới sửa đổi lịch lại, cứ 4 năm có năm nhuận 366 ngày.

Người La Mã làm lịch dương cách đây khoảng 3.500 năm, lúc đầu cũng giống như Ai Cập, mỗi năm có 365 ngày. Năm 46 trước Công Nguyên, Hoàng Đế La Mã là Guille César nhờ một nhà Thiên Văn Hy Lạp nghiên cứu sửa đổi lịch qui định mỗi năm 12 tháng gồm 7 tháng 31 ngày, 4 tháng 30 ngày và riêng tháng 2 có 28 ngày, cộng lại là 365 ngày và cứ 4 năm tháng 2 có 29 ngày. Lịch này gọi là lịch César. Nhưng rồi người ta lại phát hiện ra cái sai to lớn của lịch César. Bởi vì trung bình mỗi năm lịch này so với thời gian quả đất đi một vòng quanh mặt trời dài hơn $78/10.000$ ngày tức là 11 phút 14 giây, một năm sai lệch như vậy có là bao, qua 100 năm chỉ thừa có $3/4$ ngày Ấy thế mà đến năm 1.582 tức qua 17 thế kỷ dùng lịch César người ta phải sửa đổi lại lịch này và quyết định rút đi bớt 10 ngày cho hợp với thời tiết. Vì vậy năm 1.582 chỉ có 355 ngày. Người đứng đầu sửa đổi lịch César là đức Giáo Hoàng thứ 13 Grégoire. Một hội đồng các nhà bác học thời đó nghiên cứu và sửa lịch César như sau: cứ 4 năm có một năm nhuận (tức là tháng 2 có 29 ngày) nhưng trong 400 năm thì bớt đi 3 năm nhuận nghĩa là năm 1700, 1800, 1900 không có nhuận vì hai số sau cùng đều là 00, nhưng hai số đầu không chia trọn cho 4. Như vậy trong vòng 400 năm tới thì năm 2000 là năm nhuận còn 3 năm: 2100, 2200, 2300 thì không có nhuận. Hiện nay hầu hết các nước trên thế giới đều dùng lịch Grégoire. Nhưng lịch này vẫn còn có một ít sai lệch vì so với 100 lần trái đất đi chung quanh trời thì năm lịch thừa mất $3/100$ ngày, nghĩa là 100 thế kỷ phải sai lệch 3 ngày, nhưng đó là việc của hằng trăm thế kỷ sau.

Trở lại Âm lịch, cách tính Âm lịch chia năm vẫn giống như dương lịch nhưng cách tính tháng có khác. Năm tháng dương lịch không liên quan đến: Hối, Sóc, Huyền, Vọng cho nên đổi hẳn số ngày từng tháng, nó không nhất định như dương lịch. Hối: ngày cuối tháng, Sóc: ngày đầu tháng, Vọng: ngày giữa tháng tức ngày Rằm. Huyền nghĩa là

treo. Mặt trăng khuyết ở dưới gọi là thượng huyền, khuyết ở trên gọi là hạ huyền. Tháng âm lịch phải lấy ngày nhật nguyệt hợp sốc làm đầu, tức là ngày mặt trời, mặt trăng, trái đất nằm trên một trục đường thẳng (vì vậy ngày cuối và đầu tháng trời rất tối). Hai lần hợp sốc cách nhau 29 ngày rưỡi cho nên tháng âm lịch đủ có 30 ngày và thiếu có 29 ngày. Dựa vào mặt Trăng để làm ra lịch nên gọi là Âm Lịch.

Vì cách tính tháng khác nhau nên cách tính năm sẽ khác đi. Năm âm lịch bắt đầu vào ngày Sóc gần kề với tiết Lập Xuân. Trong một năm không thể tính số lẻ của tháng, nhưng gộp 12 số lẻ chỉ được 354 ngày, so với ngày đúng của một năm (gọi là tuế thực) là khoảng 11 ngày ($365 - 354 = 11$), dồn 3 năm dư ra 33 ngày, cho nên qua 3 năm phải nhuận một tháng, dồn 2 năm nữa dư ra 25 ngày nên nhuận một tháng nữa. Tính bình quân 19 năm phải có 7 tháng nhuận. Trong mỗi tháng bình quân phải có một ngày TIẾT và một ngày KHÍ, số ngày của mỗi tiết khí bình quân là 30 ngày cộng với $1/4$ ngày= 30,4 ngày. Số ngày của mỗi tháng âm lịch có 29 ngày rưỡi, cho nên sau 2 hoặc 3 năm có một tháng chỉ có ngày tiết mà không có ngày khí thì dùng tháng đó làm tháng nhuận. Vì vậy nên âm lịch quan trọng nhất là phải biết TIẾT và KHÍ.

Ở Việt Nam, âm lịch có từ xa xưa vì ảnh hưởng sâu nặng của nền văn hóa Trung Hoa. Dưới triều nhà Nguyễn, cuốn lịch Vạn niên để chọn ngày giờ gọi là “ Khâm định vạn niên lịch” hay là “ Hiệp kỷ lịch” do tòa Khâm Thiên Giám biên soạn để trình vua ngự lâm và ra chiếu ban hành xuống các châu huyện. Theo Phan kế- Bính trong cuốn Việt-Nam Phong -Tục có đoạn viết: “ Mỗi năm vào ngày mồng một tháng Chạp, Hoàng Đế ngự điện khai trào, các quan tòa Khâm Thiên Giám cung hiến Hiệp Kỷ Lịch, rồi khâm mạng vua mà ban lịch đi khắp nơi. Ban lịch quan trọng nhất là để cho thiên hạ biết chính xác khí tiết, tháng thiếu đủ, ngày tốt ngày xấu để tuân hành được đều nhau... Ngoài ra tòa Khâm Thiên Giám còn soạn quyển “ Ngọc Hạp thông thư” để phổ biến khắp nơi trong dân chúng.

Âm lịch cũng còn gọi là lịch Can Chi vì năm tháng

ngày giờ ghi trong lịch đều dùng can chi để chỉ tên, ví dụ năm 2000 là năm Canh Thìn, tượng con Rồng, hành Kim,... năm 2002 là năm Nhâm Ngọ, tượng con Ngựa hành Mộc, những chữ Canh, Nhâm gọi là thiên can và những chữ Thìn, Ngọ gọi là địa chi tượng trưng cho âm dương.

Do vậy, ta có thể nói rằng âm lịch mà người Việt Nam và các nước Châu Á đang dùng tuy hiện nay không được thông dụng như Dương lịch, nhưng độ chính xác của nó đối với thời tiết thì rất hoàn hảo. Ví dụ như mùa Xuân của Âm lịch thường bắt đầu vào tiết Lập Xuân (ngày 6 tháng 2 mỗi năm Dương lịch), ta thấy khí trời ấm áp, nắng xuân chan hòa trong không gian và cảnh vật, chứ không như ở Tây phương, ngày mồng một tháng giêng Tết dương lịch mà vẫn còn lạnh lẽo, tuyết rơi trắng đùờng./.



Lư Trung- Tử biên soạn

Hoa Tư Tưởng

* Bí quyết của sự thành công nếu có- đó là khả năng tự đặt mình vào địa vị người khác và xem xét sự vật vừa theo quan điểm của họ vừa theo quan điểm của mìn.

Henry Ford

* Đường che dấu tình yêu và sự dịu dàng của mình cho đến khi bạn lìa đời. Hãy làm cuộc đời bạn tràn đầy sự ngọt ngào. Hãy nói những lời thân thương khi bạn còn nghe được và tim bạn còn rung động.

Henry Ward Beecher

* Bạn hãy yêu tự do hơn tất cả và làm điều thiện ở bất cứ nơi nào có thể.

V. Beethoven

NGƯỜI TRI ÂM

Trong Bản Anh Hùng Ca của QUANG TRUNG

Lê Nguyễn (Góp Nhặt)

*N*hững thập niên cuối của Thế Kỷ XVIII, Việt Nam lâm vào một tình trạng thật đen tối. Đất nước chia đôi, chiến tranh Nam Bắc kéo dài triền miên theo năm tháng. Ngoài Bắc khi lính Tam Phủ lập Đoan Nam Vương (1782) thì triều đình càng mục nát, hư hỏng, tham quan ô lại ngược hành, dân chúng điêu linh thống khổ ... Trong Nam cũng chẳng hơn gì; chúa Định Vương (1765-1778), mới 12 tuổi lên ngôi làm vì, chính quyền nằm cả trong tay Trương Phúc Loan; dân khổ vì chính sự bất lương, phần cơ cực vì đói kém ...

Trước hoàn cảnh lịch sử vô cùng đen tối đó. Ba anh em nông dân đất Tây Sơn đã đứng lên đáp ứng nguyện vọng của toàn dân là lật đổ bạo quyền đem an bình về cho trăm họ. Họ đã lật đổ được ngai vàng của hai triều đình Nam, Bắc. Chỉ trong 10 ngày dưới tài điều binh khiển tướng của vua Quang Trung, 20 vạn quân Thanh xâm lược do Lê Chiêu Thống rước về hòng phục hồi ngôi báu đã bị đánh tan. Đất nước đã thống nhất, giang sơn đã yên định. Vua Quang Trung sắp đặt lại việc nội trị an dân, đồng thời liệu cách thiết lập lại bang giao với Trung Hoa.

Thanh triều khiếp oai vua Quang Trung sau khi bại trận nên nhiều quan lại từ nội cát đến địa phương đều đứng theo phe chủ hòa; vua Càn Long đành phải bấm bụng cùng nước ta giao hảo, công nhận vua Quang Trung là An Nam Quốc Vương, đồng thời chấp nhận một số yêu sách do nước ta đưa ra. Đó là bối cảnh người vàng để đèn mạng của Liễu Thăng có từ thời nhà Lê, gã một công chúa cho vua Quang Trung làm vợ, và sẽ xét lại việc trả hai tỉnh Lưỡng Quảng cho nước ta - Bản Anh Hùng Ca của dân tộc Việt

Nam đã được viết xong. Người viết nên Bản Anh Hùng Ca của giai đoạn lịch sử này chính là Quang Trung Đại Đế, mà người tri âm lại chính là Ngô Thì Nhậm.

Ngô Thì Nhậm, tự Hy Doãn, biệt hiệu Đạt Hiên, còn có đạo hiệu là Hải Lượng khi nghiên cứu Thiên học, sanh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần (25.10.1746), tại làng Tả Thanh Oai (tục gọi làng Tó) thuộc phủ Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, Bắc Phần, là con trai của bậc danh nho Ngô Thì Sĩ, sử gia và văn gia thời Lê mạt. Ông được dạy dỗ học tập theo truyền thống gia đình của ông cụ cố là Ngô Trần tức Đan Nhạc và thân phụ.

Thông minh khác thường, học lực vũng vàng. Năm 16 tuổi dưới sự hướng dẫn của cha ông đã viết công trình sử học đầu tiên, cuốn *Nhi Thập Tứ Sử Toát Yếu*.

Sự nghiệp của ông gắn liền với hai triều đại.

Năm 1769 ông đỗ khoa Sĩ vọng, được bổ chức Hiến Sát Phó Sứ Hải Dương.

Năm 1772, dự khảo thí ở Quốc Tử Giám đỗ ưu hạng và cũng trong năm này ông hoàn thành tác phẩm “Hải Đông Chí Lược”.

Khoa Ất Mùi 1775, Ngô Thì Nhậm đỗ thứ năm hàng Tiến sĩ tam cấp, nhận chức Hộ Khoa Cấp Sự Trung ở Bộ Hộ và Tùy Giản để dạy thế tử. Năm 1776 giữ chức Giám Sát Ngự Sử đạo Sơn Nam, sau đó thăng Đốc Đồng trấn Kinh Bắc. Năm 1778 lại được kiêm cả chức Đốc Đồng Thái Nguyên (là chức quan dưới chúa Trấn Thủ, có nhiệm vụ tra xét ngục tụng). Lúc này cha ông là Ngô Thì Sĩ đang làm Đốc Trấn Lạng Sơn. Cha “đình nguyên”, con “Tiến sĩ”, “cha con đồng triều, phụ tử thế khoa”, “nổi tiếng văn chương trong thiên hạ, trung thành cố kết với chúa thượng”, là điều hiếm thấy mà cha con ông cũng lấy làm tự hào... Trong thời gian này ông cũng được Trịnh Sâm khen thưởng qua việc tham gia đánh dẹp vụ Hoàng Văn Đồng ở Thái Nguyên. Sau đó ông phụng chỉ tu soạn sách “Thánh Triều Hội Giám” cũng được Trịnh Sâm ban khen.

Tháng 7 năm 1780 xảy ra việc Trịnh Tông, con trưởng của Trịnh Sâm, biết mình không được nối ngôi chúa, nên âm mưu đảo chính để diệt trừ cánh của Tuyên phi Đặng Thị Huệ - quận Huy. Âm mưu bị bại lộ vì bị phát giác, Sâm đích thân trấn áp : Tông bị giáng xuống làm con thứ, Nguyễn Lê, Nguyễn Khắc Tuân bị bức tử, Nguyễn Phương Đĩnh, Nguyễn Khản bị khép tội chết. Sau vụ này Ngô Thời Nhậm được thăng chức Công Bộ Hữu Thị Lang, nên bị mang tiếng là người tố giác, làng nho đương thời có câu “sát tứ phụ nhị lang” khiến Ngô Thì Sĩ buồn bực uống thuốc độc tự tử.

Tháng 9 năm 1782, Trịnh Sâm mất thì tháng mười kiêu binh nổi loạn, giết quận Huy, phế Cán lập Tông. Những người bị cho là đứng tố giác vụ án Canh Tý (1780) trước sau đều bị giết. Có người xin Tông bắt Ngô Thì Nhậm, Tông không trả lời, Nguyễn Khản, Nguyễn Phương Đĩnh cũng ngăn. Ngô Thì Nhậm được vô sự, nhưng phải lánh về quê vợ ở Sơn Nam trong gần 6 năm. Nhiều tài liệu hiện có viết khác nhau về sự việc Ngô Thì Nhậm có phải là người đứng ra tố cáo nhóm đảo chính năm Canh Tý hay không. Việt Sử Thông Giám Cương Mục của triều Nguyễn gán cho ông đủ điều, bêu xấu ông trước công luận nghìn đời. Hoàng Lê Nhất Thống Chí và Ngô Văn Gia Phả thì bênh vực, cho rằng việc Ngô Thì Nhậm được thăng chức sau đó không phải là sự thăng thưởng mà chỉ vì quận Huy vốn ghét ông nên xui Sâm khen thưởng để Ngô Thì Nhậm phải mắc tai tiếng. Ngô Thì Nhậm biết quận Huy hại mình, nên cố từ, nhưng em là Học Tốn khuyên nên mềm dẻo để tránh oán thù. Ông nhậm chức và lấy cớ tang cha không dâng biểu tạ ơn.

Trong những năm lánh nạn ông sống trong tâm trạng phức tạp, vừa chán nản, đau buồn nhưng cũng khấp khởi hy vọng. Ông chiêm nghiệm lại những sự việc đã xảy ra rút những bài học đời, và làm công việc sở trường của ông : Bình luận sử học.

Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai để trừ Võ Văn Nhậm, đã xuống lệnh tìm kiếm quan lại cũ của triều đình Lê - Trịnh. Ngô Thì Nhậm được Trung Thư Lệnh Trần Văn

Kỷ, một danh sĩ đất Thuận Hóa đang được Nguyễn Huệ trọng dụng và có quen biết khi Kỷ đến Thăng Long thi Hội 1778, tìm kiếm và tiến cử. Theo lời Trần Văn Kỷ, trước đó Nguyễn Huệ đã khen tai Nhậm là “có thể dùng làm việc lớn” và đã sai Kỷ tìm kiếm. Lập tức Ngô Thì Nhậm được yết kiến Bắc Bình Vương, Vương nói:

- Ngày trước, người vì chúa Trịnh không dung, một thân một mình bỏ nước ra đi. Nếu như ta không đến đây, bao giờ người thấy được bóng thiên nhât ? Hoặc giả cũng là ý trời muôn dành nhân tài để cho ta dùng. Vậy thì người nên cố gắng để lấy đường báo đáp!”

Rồi Vương ngoảnh lại bảo Trần Văn Kỷ :

- Đây là người do ta gây dựng lại, nên thảo ngay một tờ chiếu phong làm Lại Bộ Tả Thị Lang, tước Trình Phái Hầu.

Trước khi về Nam, Nguyễn Huệ đặt để một nhóm người cai quản tất cả nội công việc. Trong tiệc tiễn đưa Ngài dặn mọi người :

- Sở, Lân vốn là nanh vuốt của ta, Dụng và Ngôn là tâm phúc của ta, Tuyết là cháu ta và Nhậm thì vừa là bê tôi vừa là khách của ta, và lại là dòng văn học Bắc Hà, hiểu biết việc đời nhiều lắm. Nay ta giao cho các ngươi cả 11 trấn trong hạt, những việc quân quốc quan hệ, cho phép tùy tiện mà làm, nhưng phải họp nhau cùng bàn, chờ vì kẻ cũ người mới mà sinh ngăn cách. Ai nấy đều phải đồng lòng hợp sức cho xứng đáng với sự mong mỏi của ta. Các ngươi phải gắng sức.

Với nhiệt huyết muôn đem tài năng ra phục vụ chính nghĩa, đáp lại lòng tin cậy của một chủ soái hiểu mình biết mình, Ngô Thì Nhậm đã đem hết tâm huyết, tài năng ra đóng góp cho sự nghiệp cứu nước và dựng nước dưới ngọn cờ đào của Tây Sơn.

Cống hiến trước hết của Ngô Thì Nhậm là đã nêu một tấm gương bằng chính hành động dứt khoát của mình để tranh luận và thuyết phục những nhân sĩ trí thức Bắc

Hà hấy đem tài sức ra cống hiến cho đất nước, cho dân tộc. Ông đã nhận định về thời thế, về quan niệm ngu trung sai lầm của một số sĩ phu đương thời... Đọc kỹ lại đoạn sử này để thấy tính chất ác liệt, căng thẳng, sự nặng lời với nhau và sự kiên tâm của người làm công tác dân vận mới đánh giá được hết ý nghĩa những cống hiến của Ngô Thì Nhậm.

Cống hiến quan trọng của Ngô Thì Nhậm là về mặt quân sự. Khi đoàn quân xâm lược 20 vạn của Mãn Thanh dưới sự chỉ huy của Tôn Sĩ Nghị tiến sâu vào nội địa của nước ta như nước vỡ bờ vào ngày 28 tháng 10 năm 1788 (Mậu Thân). Nhiều tướng sĩ của ta ở biên thùy phải run sợ, có kẻ phải xin hàng, binh lính bỏ trốn quá nửa. Nguyễn Văn Diệm phải rút lui về Kinh Bắc đưa thư cấp báo.

Ngô Thì Nhậm thảo cho Ngô Văn Sở một bức thư (dưới tên Ngô Hồng Chấn), do Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Võ Huy Tấn đem đến Nam Quan đề nghị hoãn binh. Một mặt Ngô Văn Sở họp bàn cách chống giặc. Chuẩn phủ Nguyễn Văn Dụng đem kinh nghiệm cuộc chiến kháng Minh thời Lê lợi, đề nghị lấy quân nghỉ ngơi mà đánh quân mệt nhọc. Ngô Thì Nhậm bát lại ý kiến trên với sự phân tích tình hình và thế nước. Ông cho rằng tình hình giống nhau mà thế khác trước. Thời khởi nghĩa Lam Sơn cả nước căm thù quân Minh, xa gần đều hưởng ứng, mong đánh đuổi quân thù ra khỏi nước. Nay thì cự thần nhà Lê và bè đảng đang chờ đợi quân Thanh sang mà khôi phục lại quyền bính. Dân chúng một số đang mắc lừa độc kế của quân thù. Cho nên không thể đánh mà cũng không thể giữ thành. Chỉ nên rút lui để bảo toàn lực lượng, cho chúng tự mãn, chủ quan khinh địch, thiếu phòng bị sau đó hợp binh từ Phú Xuân kéo ra rồi quyết chiến một trận là thành công.

Ngô Văn Sở đã nghe theo ý kiến của Ngô Thì Nhậm, rút lui về Tam Điép, sai Nguyễn Văn Tuyết cấp báo cho vua Quang Trung biết rõ tình hình chiến sự. Quả nhiên khi vua Quang Trung thần tốc, kéo quân từ Phú Xuân ra, họp đồng với quân các mặt trận đã bày binh bố trận sẵn, chỉ trong 10 ngày là đã dứt điểm chiến trường. Chiến thắng Đống Đa mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) đã vang rền sang tận chiếc

ngai vàng của vua Càn Long ở Bắc Kinh. Chính vua Quang Trung đã đánh giá phần đóng góp này của Ngô Thì Nhậm như sau :

“Trước kia ta phải để Ngô Thì Nhậm ở lại, cộng sự với các ngươi, chính là lo sắn chõ đó. Bắc Hà vừa yên, lòng người chưa chịu quy phục, Thăng Long lại là một thành trống trại, có thể bị đánh bốn mặt, sông núi không có chõ nào khả dĩ nương tựa. Năm trước ta ra tối đó, Chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi. Đó là chứng nghiệm. Các ngươi đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người nào cũng làm nội ứng cho chúng, thì phỏng các ngươi nhắc tay nhắc chân sao được? Chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, đành hãy chỉnh đốn đội ngũ, rút về giữ chõ hiểm yếu, trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến cho lòng giặc kiêu căng, đó là một kế rất hay. Khi mới nghe ta đã đoán Ngô Thời Nhậm chủ trương. Lúc hỏi Văn Tuyết quả đúng như vậy.”

Nhân quan về quân sự của Ngô Thì Nhậm không phải chỉ thể hiện ở cuộc rút lui về Tam Điệp mà trong thời Lê - Trịnh ông cũng đã tham gia việc binh. Trong sách “Xuân Thu Quản Kiến” ông có nhiều lời bàn về những trận đánh lịch sử, tất cả cho thấy ông là một nhà quân sự có tài. Ông luôn đánh giá đúng tài năng quân sự của các tướng lãnh khi tham chiến của địch cũng như của ta. Ông cũng phân tích những nhân tố cần nắm vững để đạt thắng lợi trong đó chính trị và nhất là nhân tâm không thể thiếu. Chính biết tài năng này của ông mà năm 1790 vua Quang Trung cử ông làm Thượng Thư Bộ Binh.

Về phương diện ngoại giao, ông luôn luôn biểu lộ đức tính của một nhà ngoại giao lối lạc : mềm dẻo, kiên trì nhưng rất cương quyết và thành tín để nâng cao uy tín của một dân tộc có văn hóa. Chính vua Quang Trung đã đánh giá tài năng của ông cũng như của từng người dưới trướng mà Ngài sẽ sử dụng cho từng kế hoạch đã được dự tính trước. Ngài nói trước khi đưa quân ra Thăng Long diệt quân Mãn Thanh :

“Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh

đã có sẵn. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được quân Thanh, nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười lần nước mình, sau khi bị thua trận, ắt lấy làm nhẹ mà báo thù. Đến lúc ấy chỉ người khéo lời lẽ mới dẹp nổi binh đao. Không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được”.

Do vậy, sau chiến thắng Kỷ Dậu 1789, Ngô Thì Nhậm được Quang Trung giao phó là người đứng đầu công tác ngoại giao dưới triều Tây Sơn, một công tác hàng đầu. Nhất là việc bang giao với Mãn Thanh đều do Ngô Thì Nhậm định liệu; nó tác dụng phát huy chiến thắng quân sự vừa đạt được, nâng cao uy tín của quốc gia dân tộc, đồng thời ngăn chặn một cuộc chiến tranh quy mô hơn của nhà Thanh. Thật vậy sau khi thua trận vua Càng Long dự tính huy động quân chinh tĩnh để tiến hành một cuộc xâm lăng mới để trả thù và đưa ra nhiều yêu sách bắt nước ta phải thi hành. Nhưng dưới tài ngoại giao khôn khéo của Ngô Thì Nhậm thể hiện không những chỉ ở việc viết những văn kiện bang giao mà còn ở tài thuyết phục đối phương trên bàn hội đàm ... và kết quả đạt được là:

- Vua Càng Long hủy bỏ việc động binh xâm lăng nước ta.
- Hủy bỏ lê cống người vàng có từ thời nhà Lê.
- Ưng thuận gã một công chúa cho Quang Trung.
- Sẽ cứu xét để trả lại đất bảy châu Hưng Hóa.
- Sứ giả Nhà Thanh sẽ đến Phú Xuân tuyên phong chức An Nam Quốc Vương cho vua Quang Trung, một hình thức công nhận sự hợp pháp của triều đình Tây Sơn.

Bản Anh Hùng Ca của vua Quang Trung lại được viết thêm những giòng nhạc mới.

Trước những thành công ngoại giao nầy của Ngô Thì Nhậm, vua Quang Trung đã tỏ lời khen ngợi : “Ngòi bút của Ngô Thì Nhậm có sức mạnh phi thường, ngăn chặn được hàng chục vạn quân”. Tay biễn thần nhà Thanh là Thang

Hùng Nghiệp, nhiều lần tiếp xúc và hòa đàm với Ngô Thì Nhậm cũng phải phục tài và cho rằng : “một tử thần như Ngô Thì Nhậm của nước Nam thực là một nhân vật hiếm có”.

Ngoài ra, Ngô Thì Nhậm còn là một nhà văn hóa lớn. Ông trước tác đủ thể loại từ những Thư, Chiếu, Biểu viết cho vua, cho đến Thi, Phú và những công trình biên khảo.... mặc dù dưới triều Gia Long những di sản của thời Tây Sơn đều bị cấm đoán và tiêu hủy rất nhiều, nhưng những tác phẩm của ông hiện còn, vẫn còn là một gia tài văn học đồ sộ.

“ Về Thư, Chiếu, Biểu được ghi lại trong hai tập :

- Bang Giao Hải Thoại

- Hàn Các Anh Hoa

“ Về Thơ làm trong nước có các tập :

- Bút Hải Tùng đàm

- Thủy Vân Nhàn Đàm (Thủy Vân Nhàn Vịnh)

- Ngọc Đường Xuân Khiếu

- Cúc Hoa Thi Trận (Cúc Hoa Bách Vịnh)

- Thu Cận Dương Ngôn

- Cẩm Đường Nhàn Thoại.

“ Về Thơ làm trong chuyến đi sứ Nhà Thanh :

- Hy Doãn Công Thi Văn Tập

- Hoàng Hoa Đổ phả

- Sứ Trình Thi Họa

- Yên Đài Thu Vịnh

- “ Phú : gồm 17 bài chép ở
- Kim Mã Hành Dư trong bộ Ngô Văn Gia Phái
- Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyễn Thanh.....

Cái chết đột ngột của vua Quang Trung (1792) làm cho nội bộ của Tây Sơn lâm vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Quang Toản lên nối ngôi chỉ 15 tuổi; Bùi Đắc Tuyên và phe đảng chuyên quyền, lộng hành, và nhũng lạm nhân dân. Các công thần thời Quang Trung dần dần bị gạt ra ngoài. Nguyễn Ánh lợi dụng cơ hội, dựa vào thế lực ngoại bang đã liên tiếp phản công. Ngô Thì Nhậm không phát huy được tài năng và tâm huyết của mình như trước. Quang Toản cử ông kiêm nhiệm chức Tổng Tài Quốc Sủ Quán, dùng vào việc viết Chiếu Cầu Ngôn và những bài chiếu từ chương có tính chất lễ nghi, và giao cho ông bổ sung Quốc Sủ vào năm 1797. Ông âm thầm đau xót và suy nghĩ nhiều trong một “bóng nhạn cô đơn”. Ông tìm lối thoát trong triết học, lập thiền viện Trúc Lâm ở phường Bích Câu và nghiên cứu thiền học.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lấy được phủ Xuân chiếm được Thăng Long. Triều đại Tây Sơn sụp đổ. Ngô Thì Nhậm lúc này đã về hưu, bị gọi đến nơi hành tại của Gia Long. Sách Đại Nam Thực Lục ghi : Đang sốt ruột vì muốn được nhà Thanh sớm phong vương hiệu, Gia Long toan tính lén Nam Quan để tiếp sứ Thanh và nhận lễ tuyên phong, nên đem ý này hỏi Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích, hai nhà ngoại giao kỳ cựu và lối lạc thời Tây Sơn. Ngô Thì Nhậm trả lời “đó là việc xưa nay chưa nghe nói bao giờ”. Câu trả lời dĩ nhiên không làm vừa ý Gia Long. Sau đó thì Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích bị đem ra kể tội và đánh đòn tại Văn Miếu. Ngô Thì Nhậm bị đánh bằng trượng đến chết. Hôm đó là ngày 16 tháng 2 năm Quý Hợi nhầm ngày 7 tháng 4 năm 1803, kết thúc bi thảm cuộc đời của một con người mới 57 tuổi, mà sự nghiệp và tên tuổi gắn liền với một giai đoạn lịch sử oanh liệt của dân tộc.

Giai thoại văn học truyền tụng trong dân gian rằng: “Đặng Trần Thường vốn có hiềm khích với Ngô Thì Nhậm

vì trước kia Đặng Trần Thường cũng làm tội cho Tây Sơn, sau theo Nguyễn Ánh, nay được giao nhiệm vụ hỏi tội Ngô Thì Nhậm. Đối mặt với Nhậm trong thế thượng phong, Thường khát một câu đầy vẻ tự đắc :

- Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trân ai, ai dẽ
biết ai.

Ngô Thời Nhậm thản nhiên đối đáp lại :

- Thế chiến quốc, thế xuân thu, gấp thời thế, thế
thời phải thế.

Còn việc đánh chết Ngô Thì Nhậm có nhiều suy đoán cho rằng vì hiềm khích mà Thường ra lệnh đánh chết Nhậm. Nhưng xét cho kỹ theo sử liệu hiện có, đây chỉ là sự thi hành chính sách của Gia Long để trả thù triều đại Tây Sơn, và sau đó là mưu đồ sát hại những ai có thể làm cho ngai vàng của mình lung lay dù đó là công thần hay danh tướng, nên Đặng Trần Thường sau đó cũng bị chết thảm trong chính sách này.

Người xưa nói “không thể đem thành bại mà luận anh hùng”. Nên chúng ta không thể nhìn vào địa vị, tình cảnh hay cái chết của một người mà đánh giá, bởi “vì trường chính trị là một trường tranh đấu nhưng kẻ thắng cuộc chưa chắc là người tốt”. Thân thế và sự nghiệp của một người được đánh giá căn cứ vào tư cách và công trạng mà họ đã làm cho đất nước và để lại cho hậu thế.

Lê Nguyễn

Tài Liệu Tham Khảo :

- Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim, Đại Nam.
- Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn, Tủ Sách Sử Học.
- Ngô Thì Nhậm - Tác Phẩm, Văn Học.
- Việt Nam Danh Nhân Từ Điển, Nguyễn Huyền Anh.

những vần thơ đau thương
em bé Việt Nam và viên sỏi

thơ thuyền nhân

- viên kẹo tròn này để dành cho Mẹ
- viên kẹo vuông này để lại cho Ba
- viên kẹo nhỏ này để qua cho chị
- viên kẹo lớn này để lại cho em
- còn viên kẹo thật to này ... là phần bé đât

Bên bờ biển Palawan
Có một em bé gái
Tuổi mới chừng lên sáu lên năm
Đang ngồi đếm sỏi nhỏ
Và nói chuyện một mình
Như nói với xa xăm



* Em ơi từ đâu đến?
- Em đến từ Việt Nam
Câu trả lời duy nhất

Hai tiếng rất đơn sơ
Mà nhiều người quên mất
Chỉ hai tiếng này thôi
Em nhớ kỹ trong lòng
Em chỉ ra Đông Hải
Cho những câu hỏi khác

- * Mẹ của em đâu?
 - Ngủ ngoài biển cả
 - * Em của em đâu?
 - Sóng cuốn đi rồi
 - * Chị của em đâu?
 - Nghe chị thét trên mui
 - * Ba của em đâu?
 - Em lắc đầu không nói
 - Bé thức dậy thì chẳng còn ai nữa
 - Chiếc ghe nhỏ vớt vào đây mấy bùa
 - Trên chiếc ghe sót lại chỉ dăm người
 - Lạ lùng thay một em bé mồ côi
 - Đã sống sót sau mấy tuần trôi nổi
 - Họ kể lại em từ đâu không biết
 - Cha mẹ em đã chết đói trên tàu
 - Chị của em hải tặc bắt đi đâu
 - Sóng cuốn mất người em trai một tuổi
 - Kẻ sống sót trong sáu tuần trôi nổi
 - Cắt thịt mình lấy máu thấm môi em
 - Giọt máu Việt Nam linh diệu vô cùng
 - Nuôi sống em một người con gái Việt
 - Mai em lớn dù phuơng trời cách biệt
 - Nhớ đừng bao giờ đổi máu Việt Nam
 - Máu thương yêu đã chảy bốn ngàn năm
 - Và sẽ chảy cho muôn đời còn lại
-
- viên kẹo tròn này để dành cho Mẹ
 - viên kẹo vuông này để lại cho Ba

- viên kẹo nhỏ này để qua cho chị
- viên kẹo lớn này để lại cho em
- còn viên kẹo thật to này ... là phần bé đât

Suốt tuần nay vẫn ngồi
Em một mình lẩm bẩm
Ngơ ngác nhìn ra biển
Như thưở chờ mẹ về

Thật là trẽ làm sao
Em tiếp tục thì thầm
Những câu nói vẫn vơ
Mẹ thường hay trách móc

Em cuối đầu nhưng không ai vuốt tóc
Biển ngậm ngùi mang thương nhớ ra đi
Nếu mai này ai hỏi bé yêu chỉ
Em sẽ nói là em yêu biển nhất

Nơi cha chết không tiếng kèn đưa tiễn
Nơi chị rên nghe buốt cả thịt da
Nơi Mẹ chẳng về dù đêm tối đi qua
Nơi em trai ở lại với muôn trùng sóng vỗ

Bé thơ ơi cuộc đời em viên sỏi
Khóc một lần nước mắt chảy thiên thu
Thơ thuyền nhân
Ngày tháng năm.....

SAI NƯỚC CỜ



linh vang

*H*ọ là một cặp vợ chồng sống ở Mỹ cũng khá nhiều năm. Có bằng cấp đại học, có giốp yên ổn, có nhà để ở, có xe để đi và có một đứa con trai nhỏ. Họ không có chuyện gì để thiêu hạ bàn tán nếu không có một bữa...

Bữa đó họ đi chợ VN. Bất ngờ người chồng gấp lại cõ bồ cũ. Lúc này mới vừa chia tay người tình, cô ta đem đứa con gái năm tuổi qua tiểu bang này ở nhờ nhà một người bạn chờ xin trợ cấp và housing. Người chồng gấp Bồ Chanh, tên cô bồ cũ, mười năm trước khi hai người làm chung ở häng làm gương làm kính. Thuở đó cả hai còn chân ướt chân ráo ở xứ Mỹ chỉ mới vài năm. Bồ Chanh có nước da bánh mật mặn mà, do sự pha trộn khéo của hai giòng máu Miên Việt. Bố Miên, mẹ Việt. Thạnh là thanh niên Việt. Họ đều không có ai là thân nhân ở bên này nên sống với nhau như vợ chồng. Kinh tế đi xuống, häng xuống sa thải nhân viên. Họ mất việc trong cùng một ngày. Đời sống bắt đầu khó khăn. Rồi một hôm đường ai nấy đi. Bồ Chanh theo tình nhân mới-một anh Mỹ lai-và người thanh niên Việt đi học trở lại.

Tưởng người đàn bà - chồng mình mới gặp lại - là bạn học cũ của chồng, người vợ mới cô ta về nhà ăn bữa cơm. Bên ngoài, cả ba đều vui vẻ, thân thiện với nhau. Cô bồ cũ và người chồng đối xử tự nhiên. Một tuần sau cặp ba đó còn rủ nhau đi coi movie. Chắc Tú Uyên thật sự không biết sự liên hệ ngày xưa của chồng, chứ đàn bà mà, họ cũng khôn lăm trong việc “rước kẻ trộm vào nhà”. Chỉ có bạn của Thạnh là biết. Nhưng đàn ông với nhau, họ giữ kín những chuyện như thế này, chứ là đàn bà thì vài ngày sau người vợ

biết ngay. Đôi khi họ còn ghen dùm cho bạn.

Từ ngày gặp lại cô bồ cũ, người chồng bắt đầu vắng nhà, có bữa đi làm về trễ, có bữa về thẳng nhà nhưng sau bữa cơm thì tìm cách đi. Người ta hay thấy Thạnh ở xóm nhà đường Portland. Rồi tưởng như ai cũng biết Thạnh đi lại với Bồ Chanh, chỉ có Tú Uyên là không biết. Người ở xóm đó thương hại Tú Uyên, nhưng không ai muốn gọi điện thoại cho nàng biết, vì họ không quen biết Tú Uyên, và chuyện cũng tế nhị khó nói. Hay Tú Uyên có biết mà vì thế điện gia đình nên không làm lớn chuyện, không ai biết? Có lẽ nàng biết, nhưng không làm gì đấy thôi?

Mấy người đàn bà ngồi quanh bữa tiệc, rảnh rang đem chuyện của cặp vợ chồng này ra bàn tán:

-Đàn ông vắng nhà nhiều như vậy, không đến nhà vợ nhỏ thì đi đâu? Ở Mỹ rồi mà còn bà lớn bà nhỏ thế mới nản chứ. Cái hạng đàn ông đó bỏ mẹ cho rồi, còn tiếc cái gì! Chả đâu phải già cả gì đâu mà nói là đã quen cái tính của đàn ông ở VN? Xứ này mình là đàn bà cũng cực khổ đi cày kiếm ăn, chứ sướng gì, mà lại thêm nợ một ông chồng như vậy.

Có người tiêu cực nói:

-Coi vậy chứ cũng khó nói. Mình không ở cảnh họ nên dễ nói.

Thủy Văn Khoa chanh chua trả lời:

-Có gì mà khó. Chuyện gì mình cũng giải quyết được cả. Ai kêu cứ lừng khừng thụ động, cứ để người khác quyết định đời mình. Gặp cảnh tui là tui bỏ.

-May mà cảnh vợ chồng của cô hòa thuận, chứ cũng lôi thôi như người ta, thì biết cô có cứng rắn như khi cô nói không. Như lời con Nhung, cứ nói thì ai nói chẳng được. Nhung còn bi quan nói làm đàn bà khổ quá, trăm ngàn thứ khổ. Có con gái nghĩ tội cho con, tui nói với ông xã tui phải thương nó.

-Thấy cặp vợ chồng Thạnh - Tú Uyên đưa nhau đi chợ

trông họ cũng như bất cứ cặp vợ chồng hạnh phúc nào, chỉ có tao là cứ thắc mắc cô vợ có biết chuyện chồng bồ bịch lại với bồ cũ hay chưa, họ xài chung một người đàn ông mà cô có biết? Khổ thân tôi! Chuyện của người ta mà mình cứ bận tâm, mà xem chừng họ sống tĩnh bơ lắm! Cả hai bà đều diện, chắc diện để giữ tình yêu của người đàn ông? Chắc phải biết sự hiện diện của nhau mới có cảnh “lấn đất dành dân” chứ?

Cô bồ cũ thúc hắn ly dị vợ để chính thức đem cô về. Người đàn ông hứa trăm lần sẽ bỏ vợ. Miệng nói như vậy nhưng bụng lại nghĩ, bỏ vợ thì tài sản sẽ bị cưa đói. Của cải đâu có bao nhiêu mà phải cưa đói thì hắn đâu còn gì nữa. Giữ cái nhà cho mình thì phải hoàn một nửa tiền cho vợ. Mà hắn làm gì có tiền để hoàn cho vợ. Mang một nửa đi thì số tiền đó không đủ down mua một cái nhà khác. Hồi trước cũng nhờ income của vợ của chồng mới mua được cái nhà 5 phòng như thế này. Đứa bé con dưới 12 tuổi đó thì chắc là quan tòa không cho hắn mang theo. Con nhỏ thì ở với mẹ có lý hơn. Ở với vợ thì hắn liệu tiền chu cấp -child support. Họ đè ngay lương của hắn trước khi hắn dụng tới cái check. Ở xứ này hắn không trốn bốn phận nuôi con được. Không chơi trò bên VN ngày xưa, nếu hắn có vợ bé, hắn cứ ở với vợ bé cho đã, không ngó ngàng tới con, ai nuôi con, hắn không cần biết, nó vẫn là con của hắn. Thiên hạ vẫn sẽ kêu nó là con của cha Thạnh.

Nói tới nói lui, thật sự thì vợ của hắn hiền quá. Cũng quen biết yêu nhau thời đại học, chứ đâu phải lấy nhau suông. Bồ Chanh chỉ có thể là người tình thôii. Đi những chỗ cưới hỏi, tiệc tùng của cộng đồng Việt, hắn hõnh diện đưa Tú Uyên đi mà không thể đưa Bồ Chanh đi, vì cô bồ lai Miên này...có nét Miên nhiều quá.

Có lần vợ hắn nhắc:

-Anh dành thì giờ chỉ vẽ cho con học, bài vở bắt đầu nhiều, sợ nó không theo kịp lớp học. Nhất là Reading.

-Anh bận quá...Hay em kiếm tutor cho con?

Vợ hắn nói:

-Cũng được! 18 đồng một giờ, mỗi bữa học một tiếng thôi, tuần kèm hai bữa chắc là được.

Rồi thấy vợ hắn không nói gì thêm, hắn đoán là vợ tin hắn bận rộn chuyện sở thật. Chuyện nhà hắn sắp xếp coi cũng tạm xong. Chỉ còn phía cô bồ Miên, cô cứ dọa hắn:

-Anh mà bỏ em thì em sẽ tự tử ...làm ma...về bóp cổ anh.

Cái miệng chu chu. Bờ ngực núng nính. Bên Bồ Chanh man dã, liêu trai, hắn quên cả vợ con.

Hắn hôn chùng chụt cô bồ, cười nói:

-Đẹp sexy như em...ai dại gì bỏ!

Cô bồ nghe như vậy lòng sung sướng cũng cười khục khục, rúc vào ngực hắn.

Nhớ nhé, nhớ nhé...Anh phải cưới em! Rồi đưa em về ở nhà lớn nhé. Em không muốn ở housing nữa đâu, chật chội, bẩn thỉu lấm, thiên hạ lại nghĩ mình nghèo!

Hai người sau đó lại mây mưa quên cả thế sự.

Hai mẹ con Bồ Chanh đang hưởng trợ cấp con nhỏ. Hắn cẩn thận không để cô bồ có bầu. Hắn bắt cô phải uống thuốc ngừa thai. Hắn không muốn có một đứa con chung với cô, hắn cho là con lai một phần tư Miên ...không thông minh. Nhưng hắn cũng khôn khôn bao giờ nói điều này với cô ta. Về phần hắn, hắn xài condom. Nhiều lần không kịp xài bọc, hắn lo toát mồ hôi, nhưng khi nghĩ là bồ hắn cũng còn uống thuốc ngừa, hắn lại thấy an tâm. Rồi lâu ngày để thoái mái hắn không xài nữa!

Mấy tháng sau cái kế hoạch của hắn bị hỏng! Hắn muốn xỉu khi Bồ Chanh cho biết hắn sắp làm cha...lần nữa, là cha của đứa con trong bụng của cô. Cô cười vui vẻ báo tin mừng rồi nói thêm:

-Em muốn một em bé gái. Để mua áo quần và đồ chơi.
Em sẽ mua thật nhiều búp bê cho con... Anh sao vậy? Bị
trúng gió hả? Cái mặt xanh lè!

Bữa đó hắn đi làm về sớm hơn vợ. Trùng hợp ngẫu nhiên một việc quan trọng khác hắn vừa khám phá ra. Đứng ở cửa sổ phòng ngủ, nghe tiếng xe đỗ cái xịch, hắn nhìn xuống sân trước nhà thấy một người đàn ông vừa đưa vợ hắn về. Người đó xuống xe, mở cửa cho vợ hắn. Họ hôn nhau hồi lâu, chia tay ngay trước con mắt mở lớn của hắn. Cô vợ vừa bước vô nhà, hắn xấn lại:

- Thằng nào chở cô về vậy?
- Bạn cùng sở.
- Sao để cho nó hôn?
- Hôn thì đã sao?

Hắn ngạc nhiên thấy vợ trả lời tinh bơ. Xưa nay Tú Uyên chưa bao giờ đốp chát với hắn như vậy cả. Cô vợ nói tiếp:

- Chuyện anh có bồ thì ai nói?

Hắn ngây thơ trả lời:

-Tôi tưởng cô bằng lòng! Chuyện tôi có bồ thì có...mất mát gì!

- Anh có bồ! Thì tôi cũng có bồ! Có mất mát gì!

Hắn giơ tay tính đánh vợ nhưng may quá, hắn dừng đúng lúc và quay sang xô cái bàn kính. Cái bàn kính tốt, không sao cả. Nhưng tay hắn thì ê ẩm, bầm tím!

Và vợ hắn đòi ly thân.

Chuyện đòi thật khó hiểu. Nhìn vậy mà chẳng vội. Lầm lỡ thì ai chẳng lầm lỡ, rồi thì bỏ qua, thấy bên ngoài hắn có mọi thứ: giốp tốt, vợ con, nhà cao cửa rộng, xe hơi mới- chồng một cái, vợ một cái. Chuyện tình cảm thì phải có hai người, nếu hắn dứt khoát từ lúc đầu thì đâu có xảy ra chuyện. Tại hắn cứ dây dưa bắt cá hai tay.

Bồ Chanh đã giảng bẩy. Cô muốn có con với hắn nên đã

lén hắn liệng hết những viên thuốc vô nhà cầu. Hắn liên tưởng nhiều thứ: Bồ Chanh sẽ khai nới Welfare thêm đứa con nhỏ. Chương trình WIC sẽ cho trứng, sữa, ngũ cốc...nuôi cho con hắn mập. Hắn sẽ nhận lá thư từ Child Support Division của Bộ Xã Hội đòi nợ hắn.

-Họa vô đơn chí, đúng là họa vô đơn chí.

Trong một lúc khủng hoảng tinh thần, hắn xuống bếp lấy dao đâm phupy một cái nơi ngực hắn. Có hàng xóm đến gõ cửa tìm Bồ Chanh vô tình đã thấy hắn ở tình trạng như vậy giữa những lon bia ngổn ngang. Hai mẹ con Bồ Chanh đưa nhau đi đâu chưa về. Người ta vội vã kêu 911. Tụi Medic One đến, cứ để hắn như thế -với con dao còn cắm trên ngực -mà chở hắn vô nhà thương St. Joseph.

Hắn tự tử mà hắn chưa chết. Con dao lún sâu vô ngực, còn một chút nữa vô tim. Ai cũng nói hắn hên. Bệnh viện sợ hắn tự tử nữa nên cho nhân viên an ninh tới gác phòng của hắn. Đồng thời một vị mục sư của bệnh viện cũng được phái tới để khuyên nhủ hắn. Người lối xóm của Bồ Chanh rủ nhau tới phòng hắn đồng nghẹt. Tới vì tò mò coi hắn sống chết như thế nào thôi, chứ không chắc họ đã quan tâm gì hắn. Lão security chặn họ ngay cửa không cho vào. Họ tụ ở một hành lang hẹp gần đó, bàn tán xôn xao...chưa chịu về. Tin sốt dẻo quá, chắc là The News Tribune của thành phố sẽ phải đăng nơi trang đầu thôi!

Ngày đầu vợ hắn có tới bệnh viện, nghe hắn không sao, cô vợ quay trở ra ngay! Rồi suốt mấy ngày không thấy cô vợ trở lại.

Trời cao có mắt cũng giúp hắn, cho hắn sống. Để hắn chết thì tội quá đi. Con cần có cha, nhất là đứa con còn trong bụng mẹ. Nghĩ tới khi xuất viện, hắn có nhiều việc phải giải quyết: khuyên vợ hắn đừng bỏ hắn, nói như thế nào thì bây giờ hắn chưa biết; còn cô bồ Miên...không dễ gì rút ra, còn đứa con với cô ta nữa? Mà bị vợ ly dị, hắn không dám nghĩ tới điều này, nào là của cải, giấy tờ lôi thôi quá. Hắn mệt quá...lại nghĩ giá gì người ta đừng cứu hắn. Nhưng khi hắn mở mắt thì lù lù khuôn mặt của Bồ Chanh.

....Vài năm sau...Hắn bây giờ như người mất trí đã vừa mất vợ vừa mất con, hắn cũng đã mất luôn giốp nữa. Hắn chỉ còn Bồ Chanh...nhưng rồi Bồ Chanh vẫn làm khổ hắn và là người ra đi kế tiếp. Hắn buồn, uống rượu quên sầu. Và bài thơ dưới đây của tác giả Hòa Vang hắn đã mượn trên báo để bày tỏ nỗi niềm... với vợ cũ.

tình lận đận

trần gian nhiều lối đam mê
tình hồng kết nụ môi kề ngọt êm
nói ra sợ khổ lòng em
Anh đây thấm thía muôn phiền bê tha

ngày về...em bỏ đi xa
đến nay đã mất thu qua khổ chông
bây giờ anh vẫn còn trông
cỏ hoa trước ngõ cũn buồn gió sương

đời anh lận đận thê lương
làm sao hàn gắn tình thương ban đầu
thời gian- chưa hẳn phai màu
em đi... anh tiếc, nhớ nhau dại khờ

anh ngồi nâng cốc bâng quơ
môi em là rượu, bài thơ cõi trần
uống từng giọt đắng mừng Xuân
em về nhẹ bước anh từng phiêu du

Linh Vang



bài chòi

mừng xuân mới với đặc sản bình định



võ ngọc uyển

Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ,

Xuân mãn càn khôn, phúc mãn gia.

Đón xuân sang viết bài ca lục bát,

4. Nhớ quê xa ta hát khuýc bài... chòi.

Ai vê Bình Định quê tôi,

Địa linh nhân kiệt rạng ngời sủ xanh,

Quang- Trung Nguyễn- Huệ hùng anh,

8. Xóa tan thù hận sông Gianh thảm sâu,

Xâm lăng mấy lũ Xiêm, Tàu,

Kinh hồn vỡ mặt chạy nhào thoát thân.

Trần Quang- Diệu, Bùi Thị- Xuân,

12. Anh hào, liệt nữ... xa gần đều hay,

Mai- Xuân- Thủ Đô đánh giặc Tây,

Rạng danh tiết nghĩa còn ghi sủ vàng,

Hôm nay mừng đón xuân sang,

16. Tây Sơn một hội họp đàn vui chung,

Xa quê lòng những thương mong,

Nhớ quê xin kể đôi giòng ca dao

Sông Côn, Sông Lai ngọt ngào...

20. Nuôi lòng dân “ Nẫu “ dạt dào tình thương.

Từ Bình Dê đến Cù Mông,

Tam Quan, Phú Thạnh một giòng Bắc Nam,

Dừa xanh ruộng lúa bạt ngàn,

24. Bắp, khoai, sắn, đậu, củ lang , củ mì,,

Mía, xoài, mít, bưởi, thiều chi.

Sơn hào hải vị gợi đi xa gần:

An Thái có bún “ Song thăng “

28. Xoài thanh Cát Chánh cống dâng Nam Triều,

Gò găng nón lá mỹ miều,

Nuôi tằm dệt lụa Tân Kiêu, Phú Phong..

Củ lang Đồng Phó, đậu phộng Hà Nhung,

32. Chồng bòn thiếp mó tảo chung một giùi.

Nhớ sao nước mặn Gò Bồi,

An Thới ruộng muối, mắm mòi Đè Gi,

Rượu ngon Bàu Đá ai bì,

36. Nem tươi Chợ Huyện, Bà Di tiếng đồn.

Ai vè nhấn với nậu nguồn ,

Măng le gỏi xuống, cá chuồng gỏi lên,

Tiếng đồn con gái Phú Yên,

40. Bình Định đi cưới một thiên mắm mòi,

Chẳng tin giở quả ra coi,

Rau răm ở dưới mắm mòi ở trên

Quê tôi nhiều thú khó quên,

44. Bánh tráng, bánh hỏi, mắm nêm đẻ đòi,

Bánh xèo, bánh đúc tuyệt vời,

Mắm thu, mắm ruốc người người mến ưa,

Kể sơ nói mấy cho vui,

48. Yến sào Phước Lý, cùi dừa Tam Quan,

Biển xanh ruộng luá bạt ngàn,

Người dân no ấm, chưa chan nghĩa tình

Trai trung hậu, gái đoan trinh,

52. Làm ăn chất phác, gia đình an vui,

Mùa trăng nam nữ kết đôi,

Câu hò giọng hát lả loi trao tình...

Thương chi cho uổng công trình,

56. “Nẫu dìa xíu nẫu, nẫu bỏ mình bơ dở”

Tiếc công thang đợi năm chờ,

Xưa sao khấn khít bảy giờ lạt phai.

Đừng ăn bánh ít lá gai,

60. Lấy chồng Bình Định cho dài đường đi...

Ai vê qua đèo Ô Phi..

Cho ta gởi chút tình si với nàng..

Ai qua Bình Chương, Lại Giang,

64. Cho ta gởi tấm can tràng tình chung...

Ca dao Bình Định vô cùng,

Kẻ sao cho hết nỗi lòng nhớ thương!

Xuân về trao cánh ly hương,

68. Nhớ quê nhớ cả con đường.. bờ tre...

Nhớ sao tiếng vỗng triu hè,

Mái tranh, buội chuối, gốc me, khóm trầu..

Nhớ từng cây khế hàng cau,

72. Trải qua mấy cuộc biển dâu điêu tàn,

Bây giờ xa cách quan san,

Vui xuân, ta quyết họp đoàn dựng xây

Bên trời gặp hội rồng mây,

76. An khang hạnh phúc chờ ngày Việt Nam...

DANH NGÔN

* Kẻ hiếu danh, việc làm thường giả dối

* Làm điều gì thành thật, thì bụng an ổn, mỗi ngày mỗi hay. Làm điều gì gian dối, bụng boăn khoăn, mỗi ngày mỗi dở.

* Làm việc nghĩa chớ kẻ thiệt hại. Luận anh hùng chớ kể hơn thua.

Lả Khôn

NGUỒN GỐC MỘT BÀI THƠ



Trang Xuyên

Bất cứ ai trong chúng ta trước đây còn ở quê nhà, từng cắp sách đến trường làng thuở bé, chắc chắn đều được học và đều thuộc lòng một bài thơ rất dung dị, mộc mạc nhưng có tính gợi cảm rất sâu xa. Bài thơ ấy thường được thầy cô giáo cho biết là một bài ca dao .Nhưng thực ra nguồn gốc của bài thơ không xuất phát từ kho tàng ca dao Việt Nam, mà đó chỉ là một bài thơ dịch từ một bài thơ ngũ ngôn cổ phong từ đời Đường bên Tàu. Dịch giả là người Việt nam, không ai rõ tên, nhưng bài dịch tài tình quá nên các soạn giả sách quốc văn xưa và thầy học cũ của chúng ta đều lầm tưởng là đó là một bài ca dao Việt Nam. Bài đó như sau:

Cày đồng đang buỗi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa luống cày

Ai oè bưng bát cơm đây

Dẻo thơm môt hạt đắng cay muôn phần

Bài thơ này có nhan đề là MÃN NÔNG của tác giả tên Lý Thân. Ông thi đậu tiến sĩ trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-820), đời Đường, giữ chức Hàn lâm viện học sĩ. Về sau ông được cử làm Hữu thập di, rồi thăng tới chức Thượng thư tả bộ xa (Thừa tướng). Sau 4 năm được cử ra giữ trấn và mất tại đó. Thơ ông rất hay, cùng với Nguyên Chẩn và Lý Đức Dụ được người đương thời gọi là Tam Tuấn (3 người anh tuấn). Ông mất đi còn để lại tập thơ Truy tích dư tập.

Nguyên tác bài thơ MÃN NÔNG (Thương nhà nông)

gồm có 2 từ khúc theo thể ngũ ngôn cổ phong, người dịch có lẽ dịch đủ cả bài, nhưng chúng ta chỉ được học có phần dịch của từ khúc sau, chắc từ khúc sau dịch hay hơn. Nguyên tác từ khúc đó như dưới đây:

Sử hòa nhạt đương ngọ

Hân trích hòa hạ thổ

Thùy tri bàn trung xan

Lạp lạp gai tân khổ

Xin dịch ra văn xuôi để dễ so sánh và thấy rõ bài thơ được dịch ra thơ lục bát của Việt Nam rất tài tình:

Bừa (gieo) lúa ngay giữa (lúc ban) trưa

Mồ hôi nhỏ hòa vào (lòng) đất

Ai biết (cho rằng) cõm trong bàn ăn

Mỗi một hạt đều (mang) cay đắng

Trang Xuyên

GIAI THOẠI MỘT BÀI THƠ

Ngày xưa cứ mỗi lần xuân về chúng ta thường thấy có tổ chức “Cây mùa xuân chiến sĩ” để ủy lạo binh sĩ ngoài mặt trận. Học sinh trung học thường được nhà trường tổ chức viết thư thăm các anh lính chiến ngoài tiền đồn. Hàng vạn bức thư được viết ngay trên giấy học trò, hay trên những tờ giấy pelure mỏng màu xanh nhạt gởi ra tiền tuyến khích lệ tinh thần chiến sĩ. Trong số những bức thư đó là của các nữ sinh, thường có lưu lại địa chỉ của trường hoặc địa chỉ của gia đình người viết thư. Thế là các chiến sĩ tiền tuyến hồi âm thư các em gái hậu phương. Nguồn giao lưu bắt đầu từ đó và qua thời gian có nhiều đôi đã trở thành bạn đời sống hạnh phúc bên nhau.

Gần giống như vậy, trong những ngày đầu toàn dân

vùng lên chống giặc ngoại xâm, biết bao thiếp nữ Hà Thành
đã đan áo mùa xuân gởi ra tiền đồn cho những chàng trai
vừa “xếp bút nghiên theo việc đao cung”. Những hình ảnh
vừa hào hung, vừa lảng漫 đó đã được thể hiện thật thiết
tha, sôi nổi qua bài thơ “Xuân chiến địa” của Ngân Giang:

(Trích). Hôm nay vườn trước
bao nhiêu lá

Đã rụng theo nhiều với gió may
Em với vàng đan xong chiếc áo
Gởi người muôn dặm chắc vừa tay
Lời thư và áo giao nhân ấy
Gởi độ thu sang chớm lá vàng
Đây cả tấm lòng đang chiến sĩ
Quên tình riêng hé, nhớ giang san
Công chúa Ngọc Hân mơ Nguyễn Huệ
Bối say sự nghiệp khách anh hùng
Em cũng mơ người trai nước Việt
Sẽ là một bậc Nguyễn Quang Trung

Và trong thời kỳ đó những mối tình “anh tiền tuyến,
em hậu phương” cũng thường trở thành những chuyện tình
kết thúc có hậu.

Từ ngàn xưa cũng vậy, nhưng thật khó mà hình dung
được đã từng có những mối duyên kỳ ngộ giữa người chinh
khách chốn biên cương và giao nhân sống trong cung cảm ở
chốn kinh thành. Vậy mà đó là những chuyện có thật được
lưu lại trong sử sách. Xin kể ra một trong hai giao thoại gần
giống nhau chép trong Đường thi ký sự như sau:

Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường (713-742) vua Huyền tông truyền cho cung nữ may áo ngự hàn để gởi ra biên ải cho quân sĩ. Có một người lính nhận được một chiếc áo ngắn, bên trong gấu áo có may dấu một bài thơ như sau:

*Sa trường chinh thú khách
Ninh khố nhược vi miên
Chiến bào kinh thủ tác
Tri lạc a thùy biên
Súc ý đa thiêm tuyến
Hàm tình cánh trước miên
Kim sinh dĩ quá dã
Trùng kết hậu sinh duyên
Tạm dịch ra văn xuôi:*

Sa trường thân lính thú, lao khố nghĩ mà thương. Chiến bào (này) qua tay thiếp làm. chẳng biết (sẽ) rơi vào tay ai ở chốn biên ải. Kết thêm chỉ , ý dạt dào, kết nhiều bông,tình chan chứa . Kiếp này thôi đã lỡ qua rồi, xin hẹn kết duyên kiếp sau.

Người lính nhận được chiếc áo có bài thơ đó đem nộp cho chủ tướng. Vị tướng này thấy chuyện lạ, không dám tự tiện giải quyết bèn chuyển cả áo lẵn bài thơ về triều để vua định đoạt.

Nhà vua xem xong bài thơ tỏ ra rất cảm động và đem bài thơ đưa cho tất cả các cung nữ trong nội cung xem rồi nói : “ Người nào làm bài thơ này cứ nói thật, đừng dấu, ta không bắt tội” . Một cung nữ quỳ xuống nhận tội, nhưng nhà vua thương tình đã không bắt tội mà còn gả nàng cung nữ đó cho người lính có diêm phúc nhận được chiếc áo ngự hàn và bài thơ kia.

Ngày cưới người lính nói với cô dâu mà chàng chưa từng bao giờ dám mơ ước: “Nàng nguyệt sẽ cùng kết duyên với nhau trong kiếp sau, nay chúng ta được may mắn kết duyên trong kiếp này, nàng đã toại nguyện chưa?” Cô dâu e lệ cui đầu trong lúc các tướng sĩ nơi biên ải, những chiến hữu của chồng nàng đều cảm động đến rơi lệ.

Giai thoại chỉ chép đến đó là chấm dứt. Chẳng biết “người em gái hậu phuơng” đa tình từ ngàn xưa ấy có được mặn nguyệt trong trò đùa với số mệnh, hoàn toàn trông chờ vào sự may rủi do nàng làm ra không. Nhưng nhờ có tấm lòng độ lượng với sự cảm thông sâu xa của vua Huyền Tông, ngày nay chúng ta có thêm được một bài thơ của một nữ thi sĩ thời Đường khác để thưởng thức; và dù không phải là một tuyệt tác như những thi phẩm của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị . . . hay như thơ của Lưu quý Lan, Trương Văn Cơ, Từ Nguyệt Anh, Miến Miến (1) .nhưng bài thơ này đã đi kèm theo một giai thoại tuyệt vời và một mối duyên kỳ ngộ có một không hai trong văn học sử.

Trang Xuyên

(1) Lưu quý Lan, Trương Văn Cơ, Từ Nguyệt Anh, Miến Miến cũng là những nữ thi sĩ thời Đường có thơ và giai thoại chép trong Đường thi kỷ sự. Thực ra trong sách này có nhiều giai thoại và thơ của nhiều nữ sĩ khác, nhưng vào thời kỳ phong kiền đó người ta không nêu rõ tên tác giả mà chỉ ghi : “nàng họ Trương, vợ Bành Hàng” , “nàng họ Hầu, vợ võ tướng Trương Tháu” , “nàng họ Tôn, vợ Mạnh Xương Kỳ” ,v.v. . . chỉ có một số ít nữ sĩ được ghi tên thật mà thôi.

Hoa Tư Tưởng Đàn Bà



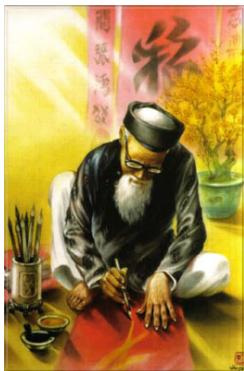
* Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm

* Sắc đẹp làm viai mắt, sự dịu hiền thu hút lòng người

* Người ta dùng lửa để thử vàng, dùng vàng để thử đàn bà và dùng đàn bà để thử đàn ông.

KẾ CHUYỆN CÂU ĐỐI CỦA NGƯỜI XƯA Ở
VIỆT NAM

PHAN VĂN HÀM



Cứ mỗi độ Xuân về, mai vàng chớm nở, không chờ ai nhắc nhở, mọi người đều chuẩn bị ăn Tết. Dù hoàn cảnh có vất vả khó khăn hay túng thiếu gia đình nào cũng ráng sắm sửa đôi chút để đón Xuân :

Thịt mỡ đưa hành câu đối đỏ ,

Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh.

Thật vậy người xưa ngoài việc sắm đồ ăn uống còn phải lo câu đối, đó là yếu tố không thể thiếu được trong lúc thưởng Xuân. Mỗi câu đối hay khi đọc lên sẽ tăng thêm hương vị cho chén trà sen, thêm độ nóng cho ly rượu cúc. Đó chẳng phải là lối di dưỡng tinh thần và phong cách thanh cao của người xưa đó sao !

Câu đối còn là một hình thức văn học, nhiều nét độc đáo, một hình thức đặc biệt của người Á Đông. Mỗi một câu đối là cả một công trình nghệ thuật về ý, trau chuốt về lời, được quần chúng mến thích xem như một thứ trang sức . Lối chơi câu đối phổ cập trong dân gian và trở thành một phong tục của dân tộc. Câu đối sống hàng ngàn năm trong lòng dân tộc Việt Nam .

Các vị túc nho trong lúc thưởng Xuân thiếu cái gì thì thiếu chứ không thể thiếu câu đối được. Ngoài ngõ trước cửa trong nhà cột nào cũng có dán câu đối. Chính những câu đối đó làm rực rỡ thêm cho ngày Tết .

Chuyện kể rằng : “ Ngày xưa Vua Lê Thánh Tông (1442-1497) tên thật là Lê Tư Thành trong lúc làm Vua Ngài thường cải dạng vi hành trong dân chúng . Đầu năm mới đi đến đâu nhà Vua cũng thấy la liệt những câu đối ca ngợi

cảnh thái bình thanh trị nên rất hài lòng. Riêng có một nhà dân ở cuối phố trong hẽm sâu chẳng thấy treo đèn kết hoa ,cũng chẳng có đồi liễn gì . Vua rẽ vào hỏi : “ Chủ nhà thưa : “ Chả giấu gì Bác nói ra Bác đừng cười ,nhà cháu làm cái nghề hèn hạ quá nên chẳng dám phô phang gì cho ai thêm khổ nhục. Vua ngạc nhiên gặng hỏi : “ Lại có nghề gì là nghề hèn hạ “ ?

Chủ nhà thưa :” Dạ nhà cháu chỉ chuyên đi hốt phân người để bón ruộng thôi ạ. Vua cười : “ Nếu vậy thì công việc của bác rất có ích, vẻ vang lấm chứ sao lại kêu là hèn ? Rồi Vua gọi lấy giấy bút để giúp câu đố :

“Ý nhất nhung y nǎng đảm thế gian nan sự ,

Đề tam xích kiêm tận thu thiên hạ nhân tâm”

(Khoát tấm áo bào đầm đang công việc khó khăn nhất trong thiên hạ ,

Cầm ba thước kiêm tận thu lòng dạ thế gian “)

Chủ nhà mừng rõ đem câu đố treo ngay trước cửa . Khách qua lại nhìn câu đố ai cũng kinh ngạc tấm tắc khen khẩu khí đế vương, nhưng nào ai biết chính là do nhà Vua đã làm giúp cho nhà này .

Cũng trong dịp vi hành này nhà Vua cũng cho câu đố cho một bà lão ngồi bán trầu nước một câu đố để treo Tết :

“Nép trầu quen thói kinh coi con cháu nương nhờ vi
Ấm ,

Vì nước ra tay chuyển bát ,bắc nam đâu đấy lại hàng“

Tiếp theo một đêm nợ nhà Vua cải trang vi hành xuống phố thấy có một nhà bà thợ nhuộm không trang trí gì trước nhà trong ngày Tết . Vua mới ghé hỏi thăm ,chủ nhà kể lể tường tận gia cảnh ,nhà Vua bảo lấy giấy bút viết giúp câu đố

“Thiên hạ thanh hoàng giai ngã thủ ,

Triều trung chu tử tống ngô gia “

(Xanh vàng thiên hạ đều tay tớ , đỗ tía triều đình
vẫn ở ta)

Sau đây là những câu đối của các vị túc nho làm
chúc tụng nhau :

“Phước sanh phú quý gia đường thanh Lộc tiến vinh hoa
tiết tôn hưng”

(Phước nhiều sang cả gia đình thanh , lộc đến hoa
tươi con cháu hưng)

hoặc “ Tứ thời hạnh phúc lâm môn hạ , Bát tiết kim ngân
tích xạ trung ”

(Bốn mùa hạnh phúc tràn vào cửa , Tám tiết bạc vàng
chứa đầy nhà).

Như trường hợp Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn
Khuyến làm giùm câu đối Tết cho anh hàng thịt :

“Tứ thời bát tiết canh chung thủy , Ngạn liêu đôi bồ
dục điểm trang”

Trong khi đó nhà thơ Trần Tế Xương cũng bộc
bạch làm câu đối Tết :

“Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo , Nhân tình trăng thế
lại bôi vôi ”

Ngoài ra cũng có nhiều câu đối Tết : “ Thiên tăng
tuế nguyệt , nhân tăng thọ ” Xuân mǎn càn khôn ,phúc mǎn
đường (Trời thêm năm tháng ,người thêm tuổi . Xuân tỏa
đầy trời ,phúc ngập nhà) .

Sau đây những câu đối dán ngoài cổng :

“ Không ham không hãi ,không dại, không lo, không
cứng cố, không to khí tượng . Có phúc có phần ,có nhân có nở

có lợt lòng có nợ quân thân “

Câu đối mừng đám cưới hàng xóm :

“Giàu có thiếu gì tiền , đi một vài quan không phải lẽ ,

Sang không thì ra bạc kiếm năm ba chục gọi là tình

Câu đối ngày Tết :

“Tôi ba mươi nợ réo túi mùi ấy mới là Tết Sáng mồng
một rạng rực rỡ quý tết ái chà Xuân”

hoặc :

“Có là bao ba vạn sáu ngàn ngày được trăm bận Tết
Ước gì nhỉ một năm mười hai tháng có bốn mùa Xuân”

Câu đối thờ mẹ :

“ Mẹ sinh con canh ác bóng gà ,một tháng bốn mươi lăm
ngày thế mai , Con trở mẹ mõi gai áo bà ba ,năm hai mươi bảy
tháng mà thôi “

Ngoài ra, có những câu đối rất hay và cầu kỳ :

“ Con rể nết na xem tử tế , Ông chồng cay đắng kể
công phu “

“Cây thiên tuế sống ngàn năm , Hoa thiên lý thơm
ngàn dặm“

“Nước giếng Rồng pha chè Long tinh , Lửa cầu rắn
thấp hương xà kiều “

“ Lộc là hươu hươu đi lộc cộc , Ngư là cá cá lội ngắt
ngư “

“ Buồm buồm đậu cành sen, liên chi hồ điệp “

“ Gà trống mổ hạt thóc ,cốc đế hùng kê “

Tất cả những câu đối trên lấy chữ Hán đồng nghĩa với chữ

Việt. Có những câu đối nói lái :

“ Con cá đói bỏ trong cối đá ,Con mèo cái nambi trên mái kèo”

Có những câu đối nói về hiếu nghĩa :

“ Trung hiếu tri gia viễn ,Đức nhân xử thế trường”

hoặc : “ Kiến tạo gia phong tân cốt cách ,

Bảo tồn bản sắc cốt tinh hoa “

Đa nghĩa đa nhân đa hạnh phúc ,

Hữu tài hữu đức hữu quang vinh”

Tóm lại câu đối là trí tuệ của con người ,thể hiện óc thông minh sáng suốt và sự sáng tạo thần kỳ của các nhà túc nho ngày xưa ở Việt Nam ta .

Nhân dịp Xuân về tôi sưu tầm viết ra đây để Quý Vị đồng hương trong lúc thưởng Xuân bên tách trà ly rượu cùng nhau ngâm vịnh cho vui hưởng một cái Tết ở xa quê hương . Kính chúc Quý Vị an khang hạnh phúc và dồi dào sức khoẻ .

Xuân Canh Dần (2010)

PHAN VĂN HÀM (sưu tầm)

Bạn có biết?

Ai là Tổng Thống Mỹ già và trẻ nhất?

- Người già nhất được bầu làm Tổng Thống Mỹ là Ronald Regan. Ông tuyên thệ nhậm chức nhiệm kỳ đầu (1981) lúc ông 69 tuổi.

- Người trẻ nhất làm Tổng Thống Mỹ là Theodore Roosevelt, 42 tuổi, ông giữ chức vụ Phó Tổng Thống và lên đảm nhận chức Tổng Thống khi Tổng Thống William bị ám sát năm 1901.

THUYỀN XUẨA



TRƯƠNG HỒNG ÂN

*Hoàng hôn phủ đại dương dần thu hẹp,
Ngàn muôn sao lấp lánh trai không trung;
Rét thám da lát phát gió đêm Đông,
Lòng chất ngất nỗi ưu tư lắng đọng.
Thuyền trôi sụt lắc lư theo lượn sóng,
Máy chêt rồi biết trôi dạt về đâu?
Máy chục con tim khán khứa nguyện cầu,
Ôn Trời Phật xin oai linh cứu nạn
Lòng khẩn nguyện như huyền thiên chứng giám
Chiếc thuyền say bỗng trổ giác rộn ràng
Chốn thâm u vùng sáng tỏa không gian
Giữa biển cả hoa đăng mùa dạ hội
Thuyền tốc gió lao mình trong đêm tối
Rực ánh đèn khoảnh khắc đến gần gần
Giàn Khoan Dầu thả lưới đón thuyền nhân
Người khác xứ mặn nồng như thân thuộc
Vịnh Thái Lan, ba mươi năm về trước
Nỗi kinh hoàng còn in mãi nơi lòng
Cũng nơi đây thực sự thoát cùm gông
Trời cao rộng mặc sức chim tung cánh.*

CỌP : CON VẬT SẮP BỊ TUYỆT CHỦNG



MUỒNG GIANG

*T*hời xưa tại các nước Á Đông trong đó có Trung Hoa và VN, các vị vua chúa thường chọn Rồng làm con vật biểu tượng để tỏ xuống thần dân quyền uy và sức mạnh của đấng con trời. Trong khi đó thì hàng tướng lãnh kể cả các anh hùng trong chốn giang hồ, lại coi Cọp như vị thần bốn mảng, vì hình ảnh oai vệ hùng dũng của nó cũng chính là cái bóng của họ trong cuộc đời.

Do đó rất nhiều hình ảnh của cọp được thần thánh hóa và đã đi sâu vào đời sống dân gian mọi nơi qua bia miệng và ngôn ngữ được nhắc nhớ hằng ngày như hổ trưởng, hổ bôn, hổ bảng, hổ bộ, hổ phù, hổ tướng.. Tại miền tây nam nước Tàu hiện còn một bộ tộc gọi là Di (6.570.000 người) sống ở Tứ Xuyên, nhận mình là hậu duệ của Khương Tuất có thủy tổ là cọp. Ngoài ra khắp nơi trên thế giới có nhiều dân tộc coi cọp là đấng thần linh của họ như Udeges tại thung lũng Bikin (Tây Bá Lợi Á) gọi quê hương mình là AMBA có nghĩa là chúa cọp huy hoàng, để chỉ loài cọp Siberia được coi như thần hộ mệnh Primorsky Krai hay Kharbara VSK. Cũng tại vùng này bên hai bờ sông Amur (Nga), các nhà khảo cổ đã tìm ra hình ảnh cọp từ 6000 năm về trước do người Gordis vẽ.

Trong thần thoại Ấn Độ có nữ thần Durga cưỡi cọp giống như Lão Tử (Chang Tao Ling) giáo chủ của Đạo giáo, cũng cưỡi cọp để ác chiến với các tà thần khi đi tìm sự vô vi ý nghĩa của cuộc sống. Các đế quốc thực dân Anh, Hòa Lan khi đô hộ Ấn Độ, Mã Lai, Nam Dương cũng giết cọp để tỏ thần uy của mình với dân nô lệ bản xứ. Trong cuộc chiến ngăn chống cộng sản Bắc Việt xâm lăng (1955-1975) hầu hết các binh chủng thuộc QLVNCH như Nhảy Dù, TQLC, LLDB, BDQ.. đều chọn cọp làm phù hiệu cho đơn vị. Trong số này kiệt hiệt nhất là Tiểu Đoàn 42 BDQ thuộc Khu 44/Vùng IV chiến thuật với hồn danh 307 Cọp Ba Đầu

Răn 308 .Quân đội Đại Hàn khi tham chiến tại miền Nam VN cũng có một Sư đoàn mang tên Mānh Hổ trấn đóng tại Phú Yên, Bình Định thuộc Quân Đoàn 2. Trong cuộc chiến vùng Vịnh lần thứ nhất (1991), Mỹ cũng có một đơn vị thiện chiến là Lữ đoàn Tiger thuộc Sư đoàn 2 Thiết giáp Nhảy dù.

Điều mai mĩ nhất là chính con người đã dựng ra rất nhiều huyền thoại, trong đó có nói tới cọp là tử thuốc quý của nhân loại, đã đưa nó lên mây xanh do óc tưởng tượng. Nhưng cũng chính điều này đã mang tới tai họa diệt chủng cho cọp. Kể từ đó con người đã dùng mọi phương tiện bắt cọp đem bán cho con buôn. Cọp bị săn lùng từ Phi sang Á, trong đất liền ra tận hải đảo Nam Dương, đến độ LHQ phải can thiệp để duy trì mạng sống và nòi giống của cọp. Nhưng vấn đề càng trở nên phức tạp vì dân số thế giới càng lúc càng tăng mạnh, phải phá rừng khai hoang để lấy đất canh tác, tấn công trực tiếp vào giang sơn của chúa sơn lâm.

Rồi đây nếu tình trạng trên không sớm giải quyết, thế giới không hoạt động hữu hiệu thì trong tương lai gần, cọp sẽ chỉ còn hiện diện trong sở thú, gánh xiệc, sách vở và nơi các đền chùa mà thôi. Thật là 308 .. thời oanh liệt nay còn đâu ? (Thế Lữ) 308 .

+ Cọp : Chúa Tể Của Sơn Lâm

Cọp là loài dã thú có sức mạnh và sự tinh khôn gần bằng con người. Theo kinh nghiệm của giới thợ săn và làng võ, những nhân vật từng chạm trán với ác vật trên cho biết tính nết cọp rất kỳ lạ. Đó là khi vồ mồi (bắt kể là người hay thú vật) nếu bắt trúng 308 tai 308 thì cọp bỏ đi. Khi đã bắt được mồi, bao giờ cọp cũng dựng xác người hay vật ở tư thế ngồi hay nằm rồi mới ăn thịt và luôn luôn moi lục phủ, ngũ tạng ăn trước. Cọp nào làm ngược những qui tắc trên, được giới thợ săn gọi là 308 cọp trở mồi 308 , một báo hiệu cho biết nó sắp bị giết bởi thợ săn hay sập bẫy. Ngoài ra khi thấy cọp quì chân sau chống chân trước là lúc cọp sắp tấn công. Khi vồ mồi, cọp chạy theo thế bò sát và phóng tới, cái đuôi phe phẩy theo hướng nào là cọp tấn công theo hướng đó. Sau cùng lúc cọp nằm ngửa bụng lên trời là để dưỡng sức đợi

dịp tấn công tiếp đối thủ. Nhưng cọp cũng rất yếu bóng vía khi bị tấn công bất thắn. Những lúc đó thường cong đuôi bỏ chạy và khi hùn hồn, lại quay về něo cũ để bắt mồi.

Với người VN, cọp được gọi bằng nhiều danh xưng như Hổ (miền Bắc), cop miền Nam) hay ông ba muoi, ông Kênh, ông Hùm.. Cọp thuộc họ Mèo với 240 loài là thú ăn thịt sống lớn nhất hiện nay gồm chó, mèo, chồn, gấu.. Chúng có bộ răng và móng chân đặc biệt để thích nghi trong việc xé mồi sống ăn thịt. Bộ răng gồm răng cửa nhỏ nhưng sắc bén dùng để róc xương, còn răng nanh vừa nhọn lại dài, lớn dùng để xé mồi. Riêng răng hàm được cấu tạo như lưỡi kéo có nhiều mấu sắc nên có thể nhai nát thiị lấn xương. Còn các móng chân của bộ ăn thịt đều có vuốt cong được đệm bằng lớp thịt dày nên bước đi của chúng rất nhẹ nhàng uyển chuyển, thích hợp cho sự rình mồi. Loài này có bán cầu não lớn mang nhiều nếp nhăn, con thú mới sinh rất yếu nên thường bị chết yểu.

Họ Mèo (Felidae) là loài thú tiêu biểu nhất trong bộ thú ăn thịt gồm có cọp, báo, sư tử và mèo. Chúng săn mồi bằng cách tinh rập và tấn công bất thắn vào đối thủ (người hay vật) qua hành động nhảy cao và xa vì hai chân sau của chúng dài hơn chân trước. Chuyên săn mồi vào ban đêm nhờ có thị và thính giác cực mạnh, còn râu chỉ là cơ quan xúc giác phụ mà thôi. Trừ thời gian động động dục và nuôi con, hầu hết các thú thuộc họ Mèo sống đơn độc.

CỌP (Panthera Tigris) hay Hổ là loài thú có kích thước lớn nhất trong họ Mèo. Một con cọp xứ Bengale (Ấn Độ) vào tuổi trưởng thành có trọng lượng hơn 250 kg, dài gần 2m và để nuôi thân, mỗi tuần phải ăn một con nai hay heo rừng. Trong 11 loài cọp còn tồn tại, nhỏ nhất là loài cọp sống trên đảo Sumatra (Nam Dương) nặng chừng 120 kg, còn loài lớn nhất hiện nay là cọp Tây Bá Lợi Á (Amua Panthera Tigris Longipilis) dài 3 m và nặng trên 320 kg. Trong rừng xanh cọp là chúa tể muôn loài trừ voi, sư tử, tê giác và trâu rừng.

Cọp Tây Bắc Á sinh sống tại Nga, Tàu và Bắc Cao Ly, trước đây được mệnh danh là lanh chúa của rừng Taiga,

nay cũng sắp bị diệt vong trước mũi súng của phường săn. Tại Trung Hoa, chúng sống ở hai tỉnh Hắc Long Giang và Cát Lâm (Mãn Châu) có bộ lông phát triển rất mạnh kể cả phần đuôi, biến đổi theo thời tiết từng mùa từ vàng nhạt sang đậm. Tại Tây Bá Lợi Á, cọp Siberia rất hung dữ và là kẻ thù không đội trời chung với chó sói, nên nếu có sự hiện diện của cọp trong vùng thì sói bỏ đi nơi khác để kiếm ăn.

Hơn một thế kỷ trước tại Án Độ có chừng 40.000 cọp, nay chỉ còn lại 3000 trong số 6000 khắp thế giới vì hầu hết cọp sống tại Bali, biển Caspienne và Java sắp bị tuyệt chủng. May mắn nhất có lẽ là loài cọp *Felis Paleosinensis* cũng thuộc giống Siberia sống ở miền nam nước Tàu, Án Độ và vùng Đông Nam Á hiện phân bố thành 8 loài khác nhau qua màu lông, kích thước. Một số cọp Siberia được nuôi dưỡng trong khu vực có rào sắt tại tỉnh Vladivostok (Nga) và vườn thú Minnesota (Mỹ) nhưng đặc biệt nhất là tại Vân Nam (Trung Hoa), cọp rất được người thiểu số Lolo thuộc bộ tộc Di trọng vọng vì coi nó như vị thần hộ mạng.

Là loài thú sinh sản rất hạn chế, cọp nhỏ lên tới 4 tuổi mới trưởng thành. Cọp cái mỗi lần sinh đẻ với khoảng cách 2,3 năm và trong đời chỉ sinh tối đa là 7 lần và tới năm 20 tuổi là chấm dứt. Cọp cái mang thai khoảng 4 tháng thì sinh nở mỗi lứa từ 1-5 con nhưng tối đa chỉ vài con sống sót. Tuy là loài thú dữ nhưng cọp cái rất thương con nên chăm sóc kỹ càng tới năm 3-4 tuổi, cọp con mới rời mẹ để sống một mình.

Về nguồn gốc, theo các nhà động vật học thì cách đây hơn 300.000 năm, tại vùng rừng núi Siberia còn ôn hòa ấm áp nên đã thấy cọp xuất hiện. Chúng là hậu duệ của loài *Creodon* sống cách đây hơn 60 triệu năm nay đã tuyệt chủng. Sau đó khí hậu vùng này càng lúc càng lạnh lẽo băng giá nên loài cọp mới di cư tới nơi khác ngoại trừ giống cọp to khoẻ Siberia chịu đựng được thời tiết nên ở lại tới ngày nay. Chúng chia thành hai nhóm đi về hướng tây nước Nga tới vùng biển Caspienne, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Afghanistan.. Nhóm khác đi về hướng đông vào Tân Cương, Trung Hoa, Mãn Châu và xuống tận miền Nam vào Án Độ hợp với nhóm một, thiên di tới các nước Đông Nam Á ra tận các

hải đảo Nam Dương, Phi Luật Tân.. Đó cũng là cuộc di cư cuối cùng của dòng họ cọp. Hiện các nhà khoa học chọn giống cọp Bengale làm con vật trung gian giữa giống cọp lớn nhất (Siberia) và nhỏ nhất (Bali) để đại diện cho dòng họ cọp, vì nó mang đủ các đặc điểm hình của hai loài cọp trên về sức nặng, kích thước, màu lông và các yếu tố tâm sinh lý. Đặc biệt là loài cọp trắng mắt xanh, chỉ có tại Ấn Độ. Ngoài ra còn có Liger là loài cọp được lai giống từ sư tử đực và cọp cái. Nó có cơ thể giống sư tử với những sọc vằn và thích bơi lội như cọp. Một con thú lai thứ hai giữa cọp đực và sư tử cái được gọi là Tigon, mang đặc tính loài cọp.

Tương cận với cọp có loài Báo bờm (Acinon Jubatus) có bốn chân rất dài với móng vuốt co giãn được. Chúng sống tại Châu Phi, Ấn Độ, Afghanistan, Arab Saudi. Người ta thuần dưỡng báo bờm để săn linh dương nhưng rất khó khăn vì chúng thường chết yếu khi xa rừng. Báo Sư Tử hay Puma (Panthera Concolor) hiện có hơn 30 loài sống tại Nam Mỹ săn tất cả các loài thú to bằng con cừu. Báo Tuyết (Unica Ucin) màu lông vàng nhạt với các đốm đen, sống tại vùng núi cao Altai và rặng Hy Mã Lạp Sơn. Ngoài ra còn có loài Báo Gấm (Leo Pardus Pardalis) màu lông có đốm đồng tiền rất đẹp và Báo Panther Padus sống nhiều tại Á Phi, quần đảo Sonde ăn chó, linh dương, chim và thằn lằn. Tất cả các loài Báo đều sợ người.

Sư Tử là chúa tể tại vùng thảo nguyên Phi Châu, có hình dáng rất oai vệ nhất là con đực. Sư tử sống khắp hai châu Âu và Phi, Ấn Độ. Hiện chỉ còn một số ít tại Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, vùng đồng cỏ quốc gia Bom Bay (Ấn Độ). Trừ Voi, Cọp, Tê Giác, Trâu Rừng và Khỉ đột Gorilla.. sư tử ăn thịt tất cả các loại thú khác. Các loại Mèo Nhà (Mèo Xiêm ố Felix Catus Domestica), Linh Miêu (Lynx Lynx), Mèo Vàng Châu Phi (Profelix Aurata) và Mèo Rừng (Felis Chaus).. đều là loài thú nhỏ nhất trong bộ ăn thịt sống.

VN trước đây có nhiều cọp nhưng nổi tiếng có cọp Hòa Bình, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Quảng Trị, Khánh Hòa, Mỹ Tho, Bến Tre, Cà Mau.. Cọp VN thuộc loại trung bình với chiều cao 1m, dài 2m, đuôi 1m. Trước thập niên 50 của thế kỷ XX VN có nhiều cọp, chúng loạn xạ xuống đồng bằng

đột nhập vào các làng xóm ven rừng để bắt gia súc và người. Nhờ có chiến tranh từ 1945-1975 bom đạn tàn phá đồng thời với sự gia tăng dân số kỷ lục, khiến cho con người phải phá rừng xé núi để khẩn hoang canh tác. Sau cùng chính huyền thoại 312 tủ thuốc quý 312 đã đú cọp vào tủ lộ diệt vong, khiến cho loài thú này gần như sắp vắng bóng tại VN.

Thuở xa xưa, cọp sống khắp miền đất nước làm loạn và tàn sát con người để ăn thịt, mà một số ca dao tục ngữ nay còn truyền tụng 312 cọp Bảo Hà, ma Trái Hút (Bắc Việt). Cọp Thủy Ba ma Trại Rố (Quảng Trị). Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận 312 .Nhưng cọp miền Bắc hay Trung thật nhiều và dữ tợn nhưng tại Nam phần vào thế kỷ 17-18 cũng nhiều và độc dữ không kém đồng loại ở những nơi khác

+ Cọp sắp bị diệt chung :

Tất cả cũng đều do con người tạo ra mà khởi đầu là vẽ vời những huyền thoại đưa cọp lên tận mây xanh với các mỹ danh như chúa sơn lâm, sơn vương, sơn thần, ông ba mươi.. để sùng bái, thờ phụng. Rồi cũng chính con người mang tai họa tới cho cọp, khi quyết rằng tất cả cơ thể của nó đều là thuốc quý giúp người bồi dưỡng sức khỏe trở nên 312 trường sinh bất lão 312 , làm cả thế giới đều ham muốn, đỗ xô đi bắt giết cọp để thỏa mãn dục vọng.

Do đó chẳng có bộ phận nào của cọp phải vứt bỏ kể cả râu mép. Với người Tàu thì xương cọp (cao hổ cốt) giúp sống thọ lại trị được các chứng bệnh cảm cúm, tê thấp. Râu cọp ngoài bào chế thuốc độc còn giúp cường dương tráng thận tăng sức mạnh phòng the. Mắt cọp chế thành thuốc viên trị chứng thần kinh co giật. Da cọp hiện là món hàng thời thượng có giá bán từ 20.000 ố 50.000 USD. Nhưng đặc biệt nhất vẫn là món 312 dịch hoàn cọp 312 và 312 canh hầm dương vật cọp 312 giúp cho người lấy lại tuổi thanh xuân hiện có bán khắp các túu lầu sang trọng của người Tàu khắp thế giới.

Cách đây hơn 11.500 năm, con người đã đóng vai trò quan trọng về việc tiêu diệt các loài thú lớn ăn thịt trong đó có loài cọp răng kiếm, như báo cáo của nhà cổ sinh vật học

người Pháp Paul Martin, qua nhiều địa điểm khai quật khắp Châu Mỹ chứng tỏ người Homosapiens tiền sử đã dùng dao silex, một loại vũ khí sắc bén làm từ đá để săn các loài thú trên. Nhưng nguy cơ tuyệt chủng của loài cọp chính thức từ thập niên 70 của thế kỷ XX. Đó cũng là niên lịch mà bà thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi ra lệnh lập các công viên quốc gia khắp nước để bảo tồn loài cọp. Nhờ vậy loài này mới tăng giá số lượng đáng kể vào năm 1980.

Nhưng đó cũng chỉ là lý thuyết vì thực tế đã không có một kế hoạch nào của thế giới có thể ngăn cản được sự tuyệt chủng của loài cọp, trước tình trạng gia tăng dân số và thị trường tiêu thụ cọp càng lúc thêm phát triển khắp mọi nơi. Tại Trung Hoa việc săn giết cọp là hợp pháp với lý do 313 trừ hại cho dân 313 dù thực tế là cung cấp cho thị trường. Đến khi Trung Cộng ban hành lệnh cấm thì bọn con buôn lại chuyển tới Ấn Độ để khai thác.

Mãi tới đầu thập niên 90 người ta mới phát giác được sự lớn mạnh của thị trường tiêu thụ cọp khắp nơi. Traffic, một tổ chức theo dõi việc mua bán thú hoang vào tháng 8 năm 1993 đã thông báo cho chính phủ Ấn Độ tịch thu 385 kg xương cọp (tương đương với 42 con) và 8 bộ da của bọn buôn lậu quốc tế nhưng đây chỉ là số lượng nhỏ nhoi vì cọp vẫn bị săn giết hằng ngày. Cọp có giá tuỳ theo lớn nhỏ (100-300 USD), từ rừng được chuyển bằng xe tải tới các cửa hiệu đặc biệt gọi là Sadad Bazaar tại New Delhi. Bộ tộc Mogiva ở quanh công viên quốc gia Rathambhore (Ấn Độ) chuyên cung cấp cọp cho bọn thương buôn.

Cọp được lột da, xe thịt xấy khô đóng thùng gởi đi khắp nơi. Da cọp chuyển tới Âu-Mỹ, Xương, thịt và tất cả các bộ phận khác được đưa về Trung Cộng, Đài Loan, Hồng Kông và các nước Đông Nam Á có Hoa kiều để chế biến thành dược phẩm và món ăn nhậu phục vụ cho các xì thầu lăm bạc nhiều tiền. Tình trạng cọp tại Ấn Độ hiện nay càng thê thảm hơn vì bộ lạc Boro ở miền bắc đang nổi loạn chống chính phủ, nên giết cọp để đổi lấy súng đạn. Vùng Taiga (Nga) cọp bị tàn sát tập thể bởi các viên chức chính phủ qua các cuộc săn bắn được tổ chức qui mô.

Sau này nhờ có lệnh cấm nêu số cọp tăng lên được 400 con nhưng tới năm 1990 Liên Bang Sô Viết tan rã thì tình trạng săn giết cọp lại tái diễn một cách qui mô hơn trước vì dân Nga quá đói nên cần tiền phải săn cọp bán để sống. Theo kết quả nghiên cứu của John Kenney, một nhà sinh vật học người Mỹ tại đại học Minnesota, thì dù mức săn bắn rất thấp cọp cũng vẫn bị tuyệt chủng trong thế kỷ XXI nếu không có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu.

Ngày 12-11-1996 tòa án Vladivostock (Nga) đã phạt 5 năm tù ở cho tên săn lậu một con báo. Peter Jackson, một nhân viên thiện nguyện của LHQ đã bao cáo cho WWF tình trạng thối nát và hối lộ lan rộng khắp nước Nga, chính là nguyên nhân mở đường cho bọn buôn lậu và săn cọp tung hoành khắp miền Tây Bá Lợi Á. Bản án 5 năm trên chỉ là sự nực cười của luật pháp, nhằm xoa dịu lòng căm phẫn của lương tâm nhân loại.

Qua báo cáo trên cho biết cọp lớn ở Siberia (*Penthera Tigris Altrica*) là một trong 5 loài cọp trên thế giới hiện nay bị đe dọa mạng sống nhiều nhất. Tên của nó đã được ghi vào sách đen báo động cùng với các loài cọp khác đã bị tuyệt chủng tại Bali (Java. Nam Dương), Caspienne (Nga).. Cọp Tây Bá Lợi Á càng lúc càng bị săn giết đến độ địa phương phải thành lập một đội quân cấm tử tại Vladivostok và Usserick để chống lại bọn săn lậu. 314 Amba 314 là danh hiệu của đội quân trên do Vladimir Shetinin 60 tuổi cầm đầu, qua sự bảo trợ của LHQ (WWF) và viện nghiên cứu Hornocker (Mỹ) cũng như cộng tác với cơ quan Investigative Network (Hình cảnh đặc biệt Mỹ) trong nhiệm vụ trấn áp bọn săn và buôn lậu quốc tế.

Tai sở thú Nandakada (Ấn Độ) 12 con cọp thuộc loài khan hiếm lần lượt lăn đùng ra chết vì bị đâm độc, một con đã bị xé thịt. Biến cố đã xảy ra vào tháng 9-2000. Theo thống kê hiện Đông Dương chỉ còn 1500 cọp, Mãn Châu và toàn vùng đồng bắc Tàu chừng 400 con, Sumatra (Nam Dương) còn 450 con. Riêng giống cọp Bengale Ấn Độ từ 40.000 nay chỉ còn 3000 con. Tất cả đều do nạn phá rừng và săn lậu khiến loài này hết đất sống.

Hiện miền tây bắc Thái Lan có một ngôi chùa Phật được gọi là Chùa Hổ (Wat Pha Luang Ta Bua) đang bảo dưỡng một đàn cọp. Chùa thuộc giáo hội Phật Giáo Đại Thừa ở quận Saiyok thuộc tỉnh Kanchanaburi gần biên giới Thái-Miến Điện, lập năm 1994 là nơi tu hành của các vị đại sư và thuần dưỡng các loài thú dữ trong đó có cọp. Tính tới năm 2007 chùa đã có tới 21 con cọp thuộc giống Bengal xuất xứ từ Nam Dương. Cọp được nuôi trong các lồng riêng bằng thịt gà hay bò nấu chín và thịt mèo khô để cọp quên đi bản chất hung hăng khát máu. Muốn vào thăm đàn cọp phải mua vé giá 500 bath, các nhân viên thiện nguyện quốc tế và dân địa phương thường xuyên tới chùa chăm sóc và tắm rửa cho đàn cọp.

Tóm lại cọp đã đi vào đời sống con người như một huyền thoại, được tôn sùng là chúa tể sơn lâm cũng như cúng bái như một vị thần linh dù cọp và con người luôn đối mặt như hai kẻ tử thù. Già chẳng nữa nó cũng chỉ là một con vật không hơn không kém dù tinh khôn và có sức mạnh phi thường nhưng với bản chất tàn ác gian ngoa thì sớm muộn phải bị tiêu diệt, đó cũng là luật trời. Câu chuyện 315 Hà chánh ư mãnh hổ 315 của Khổng Phu Tử đã nói lên sự so sánh trên.

315 Cọp chết để da, người ta chết để tiếng 315 ý nói cọp và người khi sống làm gì thì lúc chết chưa phải là hết (cọp để lại bộ da..) còn người lưu lại những thị phi mãi mãi. Tóm lại muôn loài trong vũ trụ từ người tới vật không ai có thể cải lại luật trời. Cọp là loài ác thú phá phách giết hại người và vật yếu hơn mình, nay theo luật tuân hoàn bị người tiêu diệt. CSVN rồi cũng sẽ như loài cọp dữ, sau bao chục năm tác quái tham tàn buôn dân bán nước, nên theo luật tuân hoàn chắc chắn không sớm thì muộn cũng sẽ bị diệt vong. Đó là nhân quả chạy đàu cho khỏi luật trời.

Viết từ Xóm Cồn Hạ Uy Di

Tháng 11-2009

Mường Giang

Kính gởi quý thi hữu, Làng Thơ hải ngoại,

Tôi mạo muội gởi đến quý vị một thiêng tình sử não nùng qua lời giới thiệu và bài thơ Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn của một tiểu thư khuê các, giới thi phú thời xưa, sáng tác vào năm 1943 lúc tác giả mới 19 tuổi.

Tôi được đọc bài thơ Đường luật Liên Hoàn Thập Thủ này trong tháng 12/ 2002 lúc tôi bắt đầu tập tành làm thơ Đường luật. Chính bài thơ này đã gợi hứng cho tôi sáng tác thơ Đường luật, nhưng tôi không dám hoạ lại, vì e ngại thơ mình vụng về, kém cỏi mà dám múa bút sẽ làm trò cười cho mọi người và “xúc phạm” đến bài thơ nguyên xướng chăng ?. Nhưng đến tháng 5/2005, Thi Sĩ H.T.N. là một thi sĩ lão thành rất danh tiếng ở hải ngoại hiện nay, bảo tôi hoạ bài thơ này cho Cụ xem. Vì vậy, tôi mới hoạ bài thơ này.

Một tạp chí văn học ở hải ngoại có mục thơ Đường luật xướng hoạ, trong số tháng 10/06 có đăng bài thơ Đường luật Liên Hoàn Thập Thủ này . Nhưng cho đến nay, chưa thấy có ai hoạ lại .

Xin mời quý thi hữu thuởng lâm và nếu vị nào có nhã hứng, xin hoạ lại cho vui .



Trân trọng,

Thiện Tâm

TIẾNG KHÓC ĐÊM TÂN HÔN

LỜI GIỚI THIỆU

Tác giả mười bài “TIẾNG KHÓC ĐÊM TÂN HÔN” vốn là bạn thơ thân thiết của tôi. Nàng đã yêu tôi từ khi nào, tôi không hề hay biết. Mùa thu năm 1943, lúc đó tôi ở Hà Nội và nàng ở Huế, tôi nhận được hông thiếp báo tin nàng lấy chồng. Tôi tinh nghịch cắt chữ HỶ trong tấm thiếp gửi vào mừng nàng, không viết thêm một chữ nào. Hơn một tuần lễ sau tôi nhận được 10 bài thơ này. Tôi bàng

hoàng sững sốt. Nàng yêu tôi đến thế này ư ? Tại sao tôi không bao giờ để ý đến cả ? Tôi hết sức thương nàng, nhưng trước sau nàng đối với tôi chỉ là một người bạn, một người em gái. Biết làm sao hơn ? Lòng tôi như thế tôi không thể đối lòng. Tôi cất 10 bài thơ vào ký ức và đốt nó đi. Nàng đã có chồng. Chồng Nàng là một viên hậu bồ. Bản thân Nàng cũng là con gái độc nhất của một vị quan đại thần của triều đình Huế. Tôi thành thật cầu mong cuộc sống gia đình sẽ giúp Nàng quên tôi. Nàng sẽ có hạnh phúc.

Nàng có hạnh phúc không ? Tôi không rõ vì kể từ đấy mọi liên lạc giữa chúng tôi không còn nữa. Nàng còn sống hay đã mất rồi ? Nếu còn sống chắc con cháu đã đầy nhà. Hồi ơi ! Người đàn bà tài hoa ấy có lẽ cũng đã nhận ra rằng : Tài và sắc vốn là một mối lụy của kiếp nhân sinh. Cho nên mới không làm thơ nữa. Để làm vợ -một người vợ bình thường như mọi người vợ khác.

Tôi giấu tên nàng. Tên nàng không cần thiết nhưng mối tình nàng thật đáng trân trọng. Biết đâu trong pho tình sử của nhân loại tương lai sẽ có 10 bài thơ này ?

Bài xướng:

TIẾNG KHÓC ĐÊM TÂN HÔN

1/

Bạn lòng ơi ! Hồi bạn lòng ơi !
Non nước xa xăm chớ ngại lời
Trăm nẻo gió mưa, trăm nẻo lạnh
Vạn trùng sương khói, vạn trùng khói
Dòng Hương nghẹn sóng thương run rẩy
Đỉnh Ngự phai vàng nhớ tảtoi
Em bước lên thuyền trông trở lại
Anh đi biển biệt một phương trời

2/

Trời thấu cho chặng ? Trời hối trời ?
Căn rắng vẫn bật khóc anh ơi !
Đường đời bỗng rẽ làm hai lối
Giấy trắng không lưu lại nửa lời !
Chim cũ sớm hôm còn riu rít
Người xưa gang tấc đã xa vời !
Vô tình giờ đọc trang tình sử
Càng bẽ bàng thêm má với môi !

3/

Môi, má, chao ! Son phấn vẽ vời
Gương treo giờ biết để ai soi ?
Xây bao nhiêu mộng, xây trên cát
Nói một lời yêu, nói chặng trời !
Đã trót sinh vào hàng ngọc bội
Đành cam chuốc lấy nợ kim bôi !
Miếng em mới tủi cho em chử
Đang lúc bơ vơ giữa chợ đời !

4/

Đời nếu như là mộng ảo thôi
Trăm năm đừng có chuyện chung đôi
Lấy chồng để trở thành sương phu
Thà thác mong làm có Mā-Ngôi (1)
Có hẹn chi mô mà trách ngược ?
Chặng giằng lấy được để buông xuôi !
Đêm nay hoa chúc kinh hoàng quá
Mắt mở nhìn đâu cũng tưởng Người !

(1) Có lẽ chỗ này tác giả lầm Mā-Ngôi là nơi Dương Quý Phi

phải tự sát để vừa lòng ba quân, với cỏ Ngu Mỹ-Nhân trên bờ sông Ô Giang.

5/

Người ấy là chồng, chồng của tôi ?
Trớ trêu đến thế đấy trờiơi !
Mưa sa, sao lại mưa sa nhỉ ?
Mực cạn, đành như mực cạn thôi !
Áo lông quấn tay : Cầu Bạch Hổ (2)
Tóc đùa che nắng : Núi Thiên Thai (3)
Thúy Kiều còn được hầu Kim Trọng
Em cứ là em, vợ của ai !

(2) Bấy giờ chúng tôi còn mặc quốc phục. Lúc về chơi Huế đứng trên cầu Bạch Hổ, tà áo dài của hai người thường quấn lấy tay nhau.

(3) Những lần đi chơi núi Thiên-Thai, nàng thường xõa tóc và nói đùa để che nắng cho tôi.

6/

Ai đã từng yêu, từng khổ đau
Đọc nhau ắt hẳn cũng thương nhau
Nếu như diệt được con tim héo
Thì có phiền chi ngọn bút sâu ?
Tóc bạc chờ ngày chôn mệnh phụ
Trăng vàng lọt sổ tui cô lâu !
Ơi trăng ! ghen với trăng vàng đó
Trăng thấy người ta yêu ở đâu ?

7/

Đâu biết ngày nay phận bẽ bàng
Bài Son-Nê cũ lúc thu sang (Sonnet)

Ngâm thương cảm lại ngâm thương cảm

Im dở dang mà nói dở dang !

Nam nữ mới hay tình một hội

Đông tây rõ thiệt lụy đôi đàng !

Ấc-ve ! tôi để tang ông đó (Arvers)

Ai có vì tôi chịu để tang ?

8/

Chịu để tang cho một mối tình

Luân hồi nếu thiệt có lai sinh

Em ngồi đan áo bên sân thó

Anh đứng nhìn con dưới mái tranh

Đêm ngắn khoe hoài thơ Lý Đỗ

Ngày dài quên lảng chuyện công danh.

Từ nay cho đến muôn vàn kiếp

Em chỉ là em của một anh !

9/

Anh hẹn đi anh ! Anh, anh, anh !

Kỷ niệm ùa vê gọi thắt thanh

Nỗi nhớ nhung này dâng khắc khoải

Chút hơi hương cũ rải mong manh

Tĩnh-Tâm sen rũ tàn trong nắng

Thiên-Mụ chuông ngân vắng trước mành

Chợt tỉnh bồi hồi, trôi sấp sáng

Trêu nhau đến cả ngọn đèn xanh !

10/

Xanh ngắt đèn xanh, tủi khóc thầm

Hại nhau vì cái nghĩa tri âm

Thơ văn thuở trước thôi dành lỡ
Thương nhớ giờ đây trót đã lầm !
Một chữ khuyên tròn, mười chữ hận
Mười bài khép lệch, một bài câm !
Đã không quấn quýt bên nhau được
Sao nỡ làm anh phải khổ tâm ?
Tương Đàm nữ sĩ

Bài họa:

LỜI TẠ TÌNH

1/

Sắc tài là lụy đầy, em ơi !
Muốn thốt, nhưng sao cứ nghẹn lời
Mây nổi lệnh đèn, mây chắn lối
Gió lùa quanh quất, gió ra khói
Thành Hà cỏ úa tan cùng tác
Đất Huế hoa dàu tả lạitoi
Từ thuở chia tay, thuyền tách bến
Đường về, nhớ dáng khuất chân trời

2/

Chân trời ngơ ngẩn ngắm mây trời
Có thấu lòng chẳng, hối bạn ơi !
Thơ tặng còn lưu đây mấy vạn
Tai nghe đường vắng đầy bao lời
Nắng soi nắng chiếu màu lưu luyến
Người đến người đi chốn cách vời
Kỷ niệm hiện về bên cốc rượu

Mà thêm tê tái, buốt đỗi môi !

3/

Đỗi môi khô đắng, mắt trông vời
Ôi dấu bèo, gương dấu có soi !
Lá thăm thả liêu dòng nước chảy
Chỉ hông bay lạc áng mây trôi
Hảo cầm tình đẹp khôn nâng phím
Giai ngẫu duyên lành khó cưỡng bối
Thư chúc gửi ai riêng chữ Hỷ
Viết chi, khi chẳng bước chung đời ?

4/

Chung đời đâu dẽ, mong mà thôi !
Cách biệt muôn trùng, chẳng hẹn đỗi
Ước vọng trượng phu chưa toại chí
Ái tình nhỉ nũ đã lên ngôi
Lòng kia cùi muốn thuyền quay ngược
Trí nợ đành cam nước cuốn xuôi
Hoa chúc bẽ bàng đêm lạnh lẽo
Người ơi, xin hãy cố quên người

5/

Quên người đi nhé, tội em tôi
Duyên nợ lỡ làng thế, hối oái !
Tấm lụa phất phơ, bay trót vạy
Hạt mưa tí tách, rớt đành thôi
Qua cầu áo vương, thương cầu Bạch
Lên núi nắng tràn, nhớ núi Thai
Số mệnh oái oăm, ai cưỡng nổi

Nghìn năm tình sử xót ai ai !

6/

Ai khóc, ai hờn tiếc, đớn đau
Nhạt nhòa duyên thăm buổi xa nhau
Vườn xuân gió cuốn cho hoa héo
Nắng hạ lửa thiêu đốt cỏ sầu
Một kiếp lạnh lùng sao với sớm ...
Trăm năm dăng dăng khéo dài lâu
Trăng soi bên gối, trăng thao thức
Người mỗi phương trời có biết đâu !

7/

Có biết đâu như chiếc lá bàng
Thu vàng xao xác tiễn đời sang
Thơ Tình Tuyệt Vọng thương càng cảm
Khúc Bạch Đầu Ngâm dở lại dang
Phận liêu nay là cây có chủ
“Chàng Tiêu giờ đã khách qua đàng”
Thi nhân vương măc vòng ngang trái
Chữ nặng trong hồn vạn tóc tang

8/

Tang tóc, bi thương ngút biển tình
Ngâm ngùi thận nhắc chuyện ba sinh
Bằng khuêng Thân Nữ về trong mộng
Tháp thoảng Giáng Kiều ẩn giữa tranh
Vốn bởi chẳng tài mà chẳng phép
Còn vì không phận lại không danh
Uyên ương chắp cánh sao liền được
Mái tóc uốn dài, em của anh !

9/

Mái tóc vẫn dài, em của anh !

Giật mình choàng dậy giữa đêm thanh

Dạt dào biển nhớ hồn thao thức

Chất ngất trời thương dáng mỏng manh

Thở thẩn trong hoa tàn trước ngực

Ngẩn ngơ nghe gió tạt bên màn

Chập chờn ác mộng, thân rời rã

Ôi một đời xuân, tiếc tuổi xanh

10/

Tuổi xanh héo hắt, khổ đau thảm

Kỷ niệm se lòng, mai vọng âm

Thi phú đổi trao nên nghĩa nặng

Keo sơn gắn bó hóa duyên lầm

Liên hoàn thập thủ tình than khóc

Trường đoạn thiên ngôn dạ lặng câm

Em ạ ! Chẳng qua là mệnh số

Ta cùng chia một mối thương tâm !

Thiên Tâm

(5/5/05 - 7/5/05)

Hoa Tư Tuổng

* Tâm phải rộng để dung nạp người trong thiên hạ

* Tâm phải công bằng để làm việc trong thiên hạ

* Tâm phải trầm tĩnh để xét lý trong thiên hạ

* Tâm phải vững vàng để chống lại những biến cố
trong thiên hạ.

Lã Khôn

PHÂN UƯU

Nhận được tin buồn, thân mẫu anh Bảo Tố:
Bà Quả Phụ NGUYỄN PHÚC VĨNH CHẤT

Nhũ Danh LÂM THỊ MỸ

Pháp Danh Thị Tú

Đã từ trần vào ngày 04 tháng 01 năm 2009

Tại Thị Trấn Tuy Phước, Bình Định Việt Nam

HƯỚNG THỌ 92 TUỔI

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chân thành chia buồn
cùng anh Bảo Tố và tang quyến.

Nguyễn cầu hương linh cụ bà Lâm Thị Mỹ sớm tiêu diêu nơi
miền cực lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN UƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN UƯU

Được tin buồn Thân mẫu của Bác Sĩ Cai Văn Dung
Cựu Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

Bà Quả Phụ Trung Tá Cai Văn Trang

Nhũ Danh TRẦN THỊ CHI

Đã tạ thế ngày 18 tháng 10 năm 2009 Tại Santa Ana, CA

HƯỚNG THỌ 90 TUỔI.

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chân thành kính chia buồn
cùng Ông Bà Bác Sĩ Cai Văn Dung và tang quyến, nguyện cầu
hương linh Cụ Bà Trần Thị Chi sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN UƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

PHÂN ƯU

Được tin Giáo Sư, Thi Sĩ, Nhà Biên Khảo Sử Địa và
Văn Học Việt Nam:

NGUYỄN QUANG TRÚ (Tức Thi Sĩ Lam Giang)

Sinh năm 1919 tại An Lương, Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định

Đã từ trần ngày 7 tháng 9 năm 2009

HƯỞNG THỌ 91 TUỔI

Xin thành kính phân ưu với Bà Lam Giang (Nhũ Danh Khuê Thị Hồng Nguội, bút danh Nữ Sĩ Hoa Phương) cùng tang quyến.

Nguyễn cầu hương linh Giáo Sư Nguyễn Quang Trú sớm tiễn diêu nơi miền Cực Lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Được tin buồn Nhạc Mẫu anh Đặng Đức Bích:

Bà Quả Phụ TẠ ĐỨC HƯỜNG

Nhũ Danh TRẦN THỊ NHƠN

Pháp Danh Viên Thông

Đã tạ thế sáng ngày 19 tháng 11, 2009 tại Denver, Colorado

HƯỞNG THỌ 82 TUỔI

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin thành kính chia buồn cùng Anh Chị Đặng Đức Bích và Tạ Thị Ngọc Kiều cùng toàn thể tang quyến. Nguyễn cầu hương linh Cụ Bà Trần Thị Nhơn sớm tiễn diêu nơi miền cực lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động được hung tin:

Ông JOHNCHIM ĐỖ VĂN TRẢNG

Cựu Thiếu Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà

Chủ Tịch Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Bắc Cali

Đã từ trần lúc 5:58 PM ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tại Bệnh Viện Regional Medical Center, San Jose, Cali

HƯỞNG THỌ 65 TUỔI

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin thành kính phân ưu cùng
chị Trảng và tang quyến. Nguyên cầu linh hồn anh Gioan Kim Đỗ
Văn Trảng sớm được hưởng hương nhan Thánh Chúa.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc được tin buồn:

Giáo Sư LÊ VĂN

Sinh quán tại Xã Mỹ Hoà, Huyện Phù Mỹ, Bình Định

Nguyên Khoa Trưởng Đại Học Sư Phạm Huế

Đã từ trần ngày lúc 23 giờ 30 ngày 31 tháng 12, 2009

Tại Bệnh viện Cedars Sinai, Los Angeles, California

Hưởng Thọ 83 tuổi

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin thành kính chia
buồn cùng cô Nguyễn Bảo Xuyến và tang quyến. Nguyên
cầu hương linh cụ Giáo Sư Lê Văn sớm về cõi vĩnh hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

Andy Lê

2937 Silverland St, San Jose, CA 95121 (408) 223-2118

VĂN AN

3770 Mc Kee Rd, # 17 San Jose, CA 95127 (408) 254.1914

Trần Vĩnh Anh

1723 Pine Hollow Cir San Jose, CA 95133 (408) 258.3215

Từ Thị Ba

19231 Monte Vista Dr. Saratoga, Ca 95075 (408) 395.2617

Định Thành Bài

661 Waddell Way, Modesto, CA 95357 (209) 529.2354

Nguyễn Đình Bá

2960 Sunwood Dr. San Jose, CA 95111 (408) 365.9534

Bùi Thúc Bảo

644 N. Abbott Ave. San Jose, CA (408) 945.8655

Đặng Đức Bích

4045 Chamberer Dr. San Jose, CA 95135 (408) 274.8699

Nguyễn Hoà Bình

2651 Luciana Dr., San Jose, CA95131 (408) 621.2969

Nguyễn Bình

1518 Roberts Ave. San Jose, CA 95122 (408) 259.8364

Nguyễn Bình

447 Rue Le Man, San Jose, CA 95112 (408) 578-2843

Nguyễn Đường

2828 Brook Way, San Pablo, CA 94806 (510) 222-7140

Võ Ngọc Bửu

3079 Seafield Ct. San Jose, CA 95148 (408) 668-4255

Phan Minh Châu

2725 Klen Rd., San Jose, CA 95148 (408) 528.8311

Nguyễn Tường Chi

5101 Discovery Dr., San Jose, CA 95111 (408) 362.4515

Nguyễn Chuẩn

1758 Bevin Brook Dr., San Jose, CA 95112 (408) 294.6683

Phạm Chương

1341 Vance Rd., San Jose, CA 95132 (408) 923.6734

Đào Đức Chương

1519 Ivy Creek Cir, San Jose, CA 95121 (408) 238.5900

Lê Chức

1616 Troon Ct., San Jose, CA 95116 (408) 929.4948

Trần Chu

2620 Alvin Ave. #213 D San Jose, CA 95121 (408) 239.0560

Nguyễn Doãn Cung

5270 Snow Dr. San Jose, CA95121 (408)408.3621

Đặng Thị Kim Cúc

2744 Whispering Hills Dr. San Jose, CA 95148 (408) 238-5435

Nguyễn Cự

1468 Pomeroy Ave. San Jose, CA 95051 (408) 985-2661

Nguyễn Thị Danh

5318 Surrey Ct., Newark, CA 94560 (510) 713-2019

Trần Danh

1311 Eldamar Ct., San Jose, CA 95121 (408) 529.4126

Nguyễn Diêu

1520 E. Capital Exp. #50, San Jose, CA 95121 (408) 224-6807

Huỳnh Hữu Dụng

1182 Theoden Ct., San Jose, CA95121 (408) 972-1339

Phạm Đính

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

1623 Jupiter Dr., Milpitas, CA 95035	(408) 262-4833
Phạm Hữu Đô	
1683 Hillsdale Ave., San Jose, CA 95124	(408) 486-2029
Võ Đại	
1409 Bird Ave.# 6, San Jose, CA95125	(408) 393.2050
Đường Anh Đồng	
2744 Whispering Dr. San Jose, CA 95148	(408) 238-5435
Nguyễn Thị Đàm	
2342 William Dr., San Jose, CA 95050	(408) 243.5435
BS Cai Văn Dũng	
259 Meridian Dr., San Jose, CA 95126	(408) 294-5151
Đoàn Hữu Đức	
1572 Virginia Pl., San Jose, CA 95122	(408) 254-2832
Vũ Thị Đôn	
4248 Silver Berry, San Jose, CA 95136	(408) 227-6794
Trần Định Giáp	
172 Echo Ave., Campell, CA 95008	(408) 866-4143
Võ Bá Hà	
3990 Mount Wilson Dr., San Jose, Ca 95127	(408) 251-0490
Nguyễn Thu Hà	
5748 Halleck Dr., San Jose, CA 95123	(408) 972-4581
Bùi Ngọc Hải	
1301 Marry Carry Ln. San Jose, CA 95136	(408) 436-9349
Phạm Ngọc Hải	
1881 Quimby Rd., San Jose, CA 95122	(408) 397-4298
Trương Hạnh	
473 Cedro St., San Jose, CA 95111	(408) 281.4451
Phan Văn Hàm	
155 Loehr St, Apt F, San Francisco, CA 95139	(415) 656-1781

Võ Hân

206 Turner Ct., San Jose, CA 95139 (408) 981.0567

Lý Hào

2810 Cramer Cir, San Jose, CA 95110 (408) 287-7008

Trương Thị Hậu

752 Vine Ct. # 7, San Jose, CA 95110 (408) 997-1686

Đặng Thị Hiên

1092 Topaz Ave. # 1, San Jose, CA 95117 (408) 985-1246

Nguyễn Thế Hiệp

2206 Country Manor, Riverbank, CA 95367 (209) 869-5961

Nguyễn Hiệp

4000 Madison Pointe Way., Modesto, CA 95356(209) 526-2316

Nguyễn Hoà

1703 24th Ave. # A, Oakland, CA 94601 (510) 533-9259

Nguyễn Hoà

43541 Greenhills Way, Fremont, CA 94539 (510) 657-2074

Thái Văn Hoà

1455 E. Calaveras # 10, Milpitas, CA 95035 (408) 771-5146

Nguyễn Hoàng

3834 Brigadoon Way, San Jose, Ca 95121 (408) 270-7806

Nguyễn Hoè

5418 Duesemberg Dr. San Jose, CA 95123 (408) 225-8754

Hoàng Huân

2811 Glauser Dr., San Jose, CA 95133 (408)972-4581

Nguyễn Huệ

4595 Pearl Ave, San Jose, CA 95136 (408) 445-2633

Đỗ Hùng

22168 Prealta St., Hayward, CA 94541 (408) 732-6846

Nguyễn Hùng

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

3001 Stevens Ln, San Jose, CA 95148	(408) 292-8957
Phan Thanh Hùng 2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121	(408) 204-3921
Nguyễn Hùng 1302 Isengard Ct., San Jose, CA 95121	(408) 292-8957
Phạm Hùng 420 Live Oak Ct., Milpitas, CA 95035	(408) 956-8412
Võ Bá Hưng 1105 Cantara Ct., San Jose, CA 95127	(408) 254-2030
Lê Đức Hưng 5323 Heinessy Dr., Stockton, CA 95129	(209) 473-3093
Võ Hùng 3416 Blue Mountain Dr., San Jose, CA 95127	(408) 251.3741
Joseph Huỳnh 4264 Christian Dr., San Jose, CA 95135	(408) 270-7482
Đinh Thành Hưng 2155 Holder Ln., Tracy, CA 95377	(408) 519-3526
John Trần 2987 Almond Dr., San Jose, CA 95148	(408) 270-6964
Trần Trọng Khiêm 1624 Hollenbeck Ave. #2, Sunnyvale, CA	(408) 720-9677
Nguyễn Khoa 2071 sheraton Dr., Santa Clara, Ca 95050	(408) 243-3806
Trần Khôi 1863 Andrew Pl., San Jose, CA 95132	(408) 251-3035
Hà Khôi 781 Feller Ave.,San Jose, CA 95127	(408) 259-5456
Thiếu Tướng Huỳnh Văn Lạc 3220 Carver Rd., Modesto, CA 95350	(209) 523-0869

Huỳnh Ngọc Lan

2155 Lanai Ave # 108 San Jose, CA 95122 (408) 937-7840

Lê Từ Như Lâm

399 Spence Ave., Milpitas, CA 95035 (408) 262-6260

Nguyễn Lan

942 Valencia Dr., Milpitas, Ca 95035 (408) 946-2758

Võ Lang

2855 Senter Rd. # 102, San Joe, CA 95122 (408) 224-1530

Lê Lợi

15203 Shinning Star Ln. San Leandro, CA (510) 292-6099

Trần Minh Lợi

3153 Via Venezia Dr., San Jose, CA 95127 (408) 580-7586

Nguyễn Kim Loan

563 Rudd Ct., San Jose, CA 95111 (408) 365-1126

Nguyễn Long

532 Fifth Ave. # 6, San Francisco, CA 94118 (415) 831-7064

Võ Thu Lương

5207 Sturla Dr. San Jose, CA 95148 (408) 274-8186

Phan Minh Lượng

340 Grey Ghost Ave. San Jose, CA 95111 (408) 281-9361

Bùi Mai

1618 Leeward Dr., San Jose, CA 95122 (408) 926-6445

Nguyễn Mai

2566 S. King Rd. # 137, San Jose, CA 95122 (408) 532-0114

Nguyễn Cẩm Mậu

6283 Narcissus Ave., Newark, CA 94560 (408) 518-1707

Lê Văn Minh

2933 Glencrow Pl. San Jose, CA 95148 (408) 274-5853

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Mỹ

518 Hillbright Pl., San Jose, CA 95123 (408) 365-1750

Võ Thị Nga

1129 Shaffield Ct., Stockton, CA 95210 (209) 476-1638

Đặng Thu Nga

2863 Reidel Dr., San Jose, CA95135 (408) 238-6971

Huỳnh Văn Ngọc

882 Water Walk Milpitas, Ca 95035 (408) 941-9689

Đặng Văn Ngọc

29285 Lassen St., Hayward, CA 94544 (510) 264-9369

Võ Tuyết Nhan

2979 Castleton Dr., San Jose, CA 95148 (408) 238-8302

Trần Nghiêm

5973 Surl Ct, San Jose, CA 95138 (408) 227-8302

Trần Văn Ngô

1694 Tully Rd # 1, San Jose, CA 95122 (408) 223-1150

Phan Quang Nghiệp

469 Ezci Dr., San Jose, CA 95148 (408) 578-2938

GS Nguyễn Văn Nhuân

2654 Bonbon Dr., San Jose, CA 95148 (408) 274-2804

BS Trương Thế Phiết

4976 Collomia Ct., San Jose, CA 95111 (408) 281-2970

Nguyễn Phong

247 Clareview C

Nguyễn Văn Phú

424 Los Encinos A

Lê Vĩnh Phú

1555 Hill Top C

Vĩnh Phúc

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

1197 Angmar St., San Jose, CA 95111	(408) 269-7017
Trần Thị Phúc	
5919 Liklisk Ln # 104, San Jose, CA 95119	(408) 365-7729
Dương Phụng	
411 Lewis Rd # 372, San Jose, CA 95111	(408) 629-7428
Nguyễn PhuỚc	
778 S. Fifth St # C, San Jose, CA 95112	(408) 293-8281
Nguyễn Bá Quǎng	
2008 Danderhall Way, San Jose, CA 95121	(408) 238-5010
Nguyễn Đình Sang	
P.O. Box 51017 San Jose, CA 95151	(408) 454-2889
Lê Lam Sơn	
340 Martil Way, Milpitas, CA 95035	(408) 454-2889
Giā Minh Sơn	
5065 Bengal Dr., San Jose, CA 95111	(408) 281-0724
Nguyễn Tân	
2382 Bowers Ave # 4, Santa Clara, CA 95051	(408) 247-4562
Trần Thanh	
1835 Canyon Dr., Pinole, CA 94564	(510) 274-5225
Trần Minh Thanh	
3775 Kawai Dr., San Jose, CA 95111	(408) 227-5466
Lê Xuân Thạnh	
1625 Hermocilla Way, San Jose, CA 95116	(408) 259-2802
Nguyễn Văn Thành	
1510 Mayfield St., Sacramento, CA 95835	(916) 419-7227
Võ Thật	
2517 S. King Rd., San Jose, CA 95122	(408) 274-8210
Nguyễn An Thạo	
1875 Saint Andrews Pl., San Jose, CA 95132	(408) 580-7586

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

Đoàn Hữu Thanh

2066 Sierra Rd, San Jose, CA 95131

Huỳnh Lương Thiện

774 Geary St., San Francisco, CA 94109 (415) 215-3794

Đỗ Chí Thoại

275 El Cajon Dr., San Jose, CA 95111 (408) 972-9694

Đặng Đức Thông

2744 Whispering Hills Dr., San Jose, Ca 95148 (408) 238-5435

Nguyễn Bá Thư

1048 S. 10th St., San Jose, CA 95112 (408) 293-4091

Lâm Sanh Thứ

218 Goldernrain Ct., San Jose, CA 95111 (408) 281-4451

Ngô Thương

1112 Park Willow Ct., Milpitas, CA 95035 (408) 263-6012

Nguyễn Thường

2586 Declaration Dr., San Jose, CA 95116 (408) 394-2056

Nguyễn Văn Thường

1832 Rock Spring Dr. #2 San Jose, CA 95111 (408) 297-7514

Truong Thuy

259 Meridian Ave #18 San Jose, CA 95126 (408) 259-2394

Trần Thị Tính

3199 Teddington Dr., San Jose, CA 95148 (408) 259-6762

Đỗ Hữu Tín

4811 Plainfield Dr., San Jose, CA 95111 (408) 972-8080

Bảo Tố

421 Giannotta Way San Jose, CA 95133 (408) 678-9126

Nguyễn An Toàn

2231 Emerald Hill Dr., San Jose, CA 95131 (408) 259-6239

Truong Toai

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

3565 Sunnydays Ln, Santa Clara, Ca 95051	(408) 423-8552
Phạm Truóc	
968 Coventry Way, Milpitas, CA 95035	(408) 946-5686
Nguyễn Trai	
1500 Virginia Pl # 153, San Jose, CA95116	(408) 272-4636
Lê Trần	
753 Terra Bella Dr. Milpitas, CA95035	(408) 946-2344
Tạ Chương Trí	
259 14th St. San Pablo, CA 94806	(510) 215-9465
Nguyễn Văn Trợ	
1067 Amberly Ln, San Jose, CA 95121	(408) 528-6673
Truman Như	
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA 95111	(408) 781-3181
Trần Trực	
2866 Las Plumas Dr. San Jose, CA 95121	(408) 227-2818
Lê Doãn Trưởng	
3016 Oak Bridge Dr., San Jose, CA 95121	(408) 223-6322
Đoàn Ngọc Trường	
4958 Wagonwheel Way, Richmond, CA 94803	(510) 222-6675
Nguyễn Thiện Trường	
427 S. 5th St # 7, San Jose, CA 95112	(408) 920-0919
Trần Cẩm Tú	
243 San Lion Dr. Vacaville, CA 95688	(707) 451-8048
Quách Tứ	
1822 Praire Ln, Stockton, CA 95209	(209) 598-9053
Bùi Tú	
2976 Glen Crow Ct, San Jose, CA 95148	(408) 270-4507
Phan Văn Tựu	
812 Kyle St, San Jose, CA 95127	(408) 929-5263

Huỳnh Bích Vân

1182 Theoden Ct., San Jose, CA 95121 (408) 972-1542

Victor Dương

2614 Sierra Grande Way, San Jose, CA 95116 (408) 729-1542

Nguyễn Thái Vinh

422 colony Crest Dr., San Jose, CA 95123 (408) 224-3621

Dương Quang Vinh

1509 Platt Ave. Milpitas, CA 95035 (408) 956-1365

Nguyễn Vinh

2987 Almond Ave., San Jose, CA 95148 (408) 270-6964

Đinh Văn Xuân

3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA 95121 (408) 224-7100

Đặng Ngọc Yến

1539 Callo Cre ek Dr., San Jose, CA 95127 (408) 347-1335

Trong danh sách địa chỉ và số phone của Đồng Hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali có những người đã thay đổi nhưng chưa kịp thông báo cho chúng tôi. Kính xin Quý Đồng Hương xin vui lòng cho chúng tôi biết mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc số phone để có thể có những địa chỉ và số phone chính xác vào những lần phát hành kế tiếp. Danh sách này được xem như một bản niêm giám nhỏ mà bạn bè, anh em thường dựa vào để thăm hỏi nhau. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Đồng Hương.

Muốn thay đổi địa chỉ và số phone xin liên lạc:

Đường Anh Đồng

Email: Dongduong2349@aol.com

Phone: (408) 224-7100





THƯ CẢM TẠ

Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chân thành cảm ơn tất cả Quý Đồng Hương, Quý Văn, Thi Hữu đã hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi gửi bài, ủng hộ tài chánh để chúng tôi có đủ điều kiện thực hiện Đặc San Năm Canh Dần 2010.

Tuy nhiên vì số lượng trang báo có giới hạn, có một số bài đã không được đăng trong mùa Xuân năm nay, chúng tôi xin phép được để dành cho Đặc San năm tới. Kính mong Quý Văn, Thi Hữu thông cảm cho.

Sau đây là danh sách Quý Mạnh Thường Quân đã đóng góp trước khi tờ Đặc San ấn hành:

1. Anh Nguyễn Phong ở Hayward	\$300.00
2. Anh Đỗ Hùng ở Hayward	\$100.00
3. Ông Nguyễn Hùng ở Colorado	\$100.00
4. Anh Tạ Chương Trí ở San Pablo	\$50.00
5. Anh Nguyễn Diêu ở San Jose	\$50.00
6. Anh Cao Văn Phổ ở San Jose	\$40.00
7. Anh Bùi Đức Bảo ở Washington State	\$50.00
8. Anh Đăng Nguyễn ở Massachusetts	\$40.00
9. Anh Nguyễn Văn Châu ở San Jose	\$30.00
10. Anh Đinh Thành Hưng ở Tracy	\$20.00
Tổng Cộng:	\$780.00

Xin chân thành cảm tạ quý mạnh thường quân, quý đồng hương đã nhiệt tình ủng hộ.

Thay mặt Ban Chấp Hành
Chủ Biên
Đường Anh Đồng

C.P. TAX INC.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN & CỐ VẤN
THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP
NGO V. TRAN

B.S. Business Administration (Accounting)

Active Member, National Society Tax Professionals

Active Member, National Society of Accountants.

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer

Active Member, National Society Tax Professionals.

TAX RETURNS

* Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations
Electronic Tax Filing Fast refunds

* Bảo mật tuyệt đối cho thân chủ * Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)

* Chuyên nghiệp * Tham khảo miễn phí * Hoạt động quanh năm.
* Thành Tín

**GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ, HẦU GIÚP
THÂN CHỦ ĐỠ LO VỀ AUDIT**

Office Hours: 9 AM_ 8 PM

Bus: (408) 223-1150

Monday to Sunday

Fax: (408) 528-0918

1694 Tully Rd., Ste. F

Toll Free: 888-NGO-9900

San Jose, CA 95122

Email:Ngotran99@aol.com

(Góc Tully & King)

Bác Sĩ **CAI VĂN DUNG** M.D., F.A.C.O.G

CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA

CERTIFIED AND RECERTIFIED

OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST

Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O' Connor, San Jose



(409) 294-5115

- * Thăm thai, đõ đẻ, mổ đẻ, chữa bệnh đàn bà và hiếm muộn.
- * Dùng Laparoscopy để cột ống dẫn trứng
- * Đặc biệt lấy bướu buồng trứng chữa bệnh có thai ngoài tử cung bằng tia Laser Laparoscopy

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

BEST Furniture

Bring Home The Best



KRISTINE NGUYEN

Tel: (408) 297-8216

Fax: (408) 297-7620

Monday- Saturday 10am-8am * Sunday: 11am-6pm



Bác Sĩ YKhoa

ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH, M.D.

NHI KHOA VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

- Tốt nghiệp chuyên môn Nhi khoa tại King Drew Medical Center tại Los Angeles, CA.
- Hội viên Hội Hàn Lâm Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics)

CHUYÊN TRÍ

- * Bệnh trẻ sơ sinh, trẻ em và thanh thiếu niên. Khám định kỳ, nhập học, chủng ngừa, giới thiệu chương trình WIC.
- * Bệnh tổng quát người lớn: Bệnh tim và mạch máu, phổi và đường hô hấp, tiêu hoá, thận và đường tiêu, nội tiết và biến dưỡn,g, bệnh thần kinh, bệnh mắt, tai, mũi, họng, bệnh nhiễm trùng, phong thấp, bệnh máu, bệnh ngoài da, bệnh dị ứng (Allergy)
- * Khám sức khoẻ định kỳ, truy tầm ung thư, chích ngừa Thủ máu và thử nước tiểu tại phòng mạch

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL- BẢO HIỂM

SENTER MEDICAL OFFICE

2114 Senter Road. Suite 24 San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco wholesale tiện đường xe bus 73)

Tel. (408) 293-2188

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM-6PM

Thứ Năm: 9AM-12 PM; Thứ Bảy: 9AM-2 PM

Bayview Real Estate & Mortgage

621 Tully Rd, Suite A 216, San Jose, CA 95111

Phone: (408) 990-6704 * Fax (408) 271-8856

Chuyên trách:

*Mua nhà * Bán nhà * Vay nợ * Đổi nợ*

Quí vị cần lisings Nhà Bank-Owned, Short Sale

Xin vui lòng gọi chúng tôi để được cung cấp

Với kinh nghiệm, sự tận tâm, chúng tôi sẽ giúp Quý vị:

* **Mua nhà - Bán nhà mau leii - Võa yù
Nhưng giaùthò trööng**

* **Vay női nhanh chóng vôi laô xuâñ tháp**

Là Hội viên của MLS listings, Chúng tôi luôn luôn có danh
sách cập nhật những nhà bán trên thị trường



PHÁT NGUYỄN

Realtor / Notary Public
(408) 990-6704

HÙNG PHAN

Realtor
(408) 387-3784



VINH THANH & VICTORY JEWELRY

- * Hộp xoàn nhập cảng thẳng từ Israel và Belgium
- * Đặc biệt bán hiệu GIA
- * Cẩm thạch (Jade) đặc biệt bảng A - Natural Color
- * Ngọc trai (Pearl) đủ màu của Nhật
- * Vàng 24 K: Tượng bằng vàng, tranh và nữ trang bằng vàng
- * Vàng 18 K và Vàng Trắng (White Gold)
- * Nữ trang design đủ loại, tất cả đều nhập cảng từ Ý và Hồng Kông

NHÂN DỊP KHAI TRƯƠNG, tại Vĩnh Thành có chương trình rút thăm trúng thưởng với giải độc đắc một xe hơi Mercedes và 8 giải nữ trang có giá trị. Tất cả khách mua nữ trang tại Vĩnh Thành và Victory Jewelry từ March 01, 2009 cho đến 4:00 pm Sunday , Feb. 28, 2010 trên từ \$500 đều được tặng một vé để tham dự cuộc rút thăm trúng thưởng

Mở cửa 7 ngày

10:00 AM - 7:00 PM

VICTORY JEWELRY

1111 Story Rd, # 1091

San Jose, CA 95122

Tel: (408) 288-7188

Fax: (408) 288-5223

VINH THANH JEWELRY

1111 Story Rd, # 1070

San Jose, CA 95122

Tel: (408) 885-1818

Fax: (408) 885-9998

VĨNH THÀNH & VICTORY JEWELRY *VĨNH THÀNH & VICTORY JEWELRY*

#1 NOODLE HOUSE
OPEN 7 DAYS A WEEK

1660 E. Capitol Expy.
San Jose, CA 95121
408/274-1769
408/526-0880

LUONG GARAGE DOOR SERVICES

CA STATE LIC. # 692107 AND BOND



- * Professional installed sectional doors and automatic openers cho thương mại và gia cư
- * Bắt tất cả các loại opener như : Lift master, Chamber land, Genee, Craftman, Jackshaft openner cho garage thấp
- * Sửa Opener và thay lò xo gãy
- * Quality Workmanship at affordable prices

Xin liên lạc:

LUƠNG

Business: (408) 858-0851

Cell: (408) 207-8363

Home (408) 281-9361

You've got a family DOCTOR and
a family ATTORNEY.
*But do you have a family
REAL ESTATE PROFESSIONAL?*

*Call TRUMAN today
for your
free copy of this
important
special report!
There is no
obligation!!!*

YOUR FAMILY'S CONCERNS are, no doubt, of utmost importance to you. After all, what's more important than the well-being of those you love? When a medical emergency arises, you consult a specialist. When you face a legal issue, you turn to a trusted professional with the experience and skill to handle your needs. It's the same when it comes to real estate.

BUYING OR SELLING a property is one of the most important steps your family can take. Why trust those crucial decisions to chance? The time to choose a real estate professional is before you need one. That's where Truman can help. He's been one of Century 21 A-1 Network leading agents for the better part of a decade. Helping families like yours isn't just his job, it's his commitment. Before you buy or sell your next property, don't you owe it to yourself and your family to at least find out how his unique brand of personal service and extraordinary results can make a difference?

CALL FOR YOUR COPY of Truman's personal brochure. He'll also include his free special report: **"How to avoid the most common error when selling your investment property."** Whether or not you decide to work with Truman, he simply wants to make sure you experience the kind of real estate service you deserve - the very best. Call him today. You'll be glad you did.



Truman Nhu
408-225-2125

California Department of Real Estate, Broker License #01110101



Lic #0731046

CARE INSURANCE AGENCY, INC.

900 N. First St., Suite E * San Jose, CA 95112

Tel: (408) 292-2925

Fax: (408) 292-2950

GIÁ RẺ - TẬN TÂM - KIN ĐÁO - BỐI THƯỞNG NHANH CHONG



Allied
Insurance

a Nationwide® company
On Your Side®



Đặc biệt bảo hiểm thương mại: Hair & Nail, Restaurant/Coffee Shop, Auto Repair/Body Shop, Furniture Store, Supermarket, Machine Shop, Contractor, etc...

Beauty Salon/Supplies

Liability	\$1,000,000
Property	\$50,000
Deductible	\$500
Premium from	\$500

Restaurant

Liability	\$1,000,000
Property	\$75,000
Deductible	\$500
Premium from	\$847

Coverage available for Hair & Nail only

** Add Professional Liability for only \$30 per operator*

Quote based on No prior Loss

** Add Liquor Liability coverage \$500,000 for only \$500*

Chuyên bảo hiểm: Xe Cộ, Nhà Cửa, Sức Khỏe, Nhân Thọ

Tin mừng cho quý đồng hương, CARE INSURANCE AGENCY là văn phòng bảo hiểm của người Việt Nam duy nhất ở vùng Bay Area được chọn làm đại diện chính thức cho hãng bảo hiểm MERCURY INSURANCE CO., rated "A" by Best.

Mercury California Automobile Insurance Premium Survey

Company	Santa Clara	Fremont	San Jose
Allstate	(95050)	(94536)	(95127)
CSAA	\$784	\$801	\$857
Farmers	\$761	\$823	\$912
Geico	\$949	\$1,088	\$1,149
State Farm	\$806	\$874	\$983
Mercury Ins. Co.	\$660	\$732	\$763

(*) With superior homeowners insurance policy discount

Criteria: 6 month premiums: Married couple age 34/32, with no accidents or citations.

Vehicles: 1988 Chevrolet Suburban Silverado, 12K miles, and 1998 Dodge Caravan, 12K miles

Coverage: 100/300/100 BI-PD, 30/60 UMBI, CDW, 5K medical payments.

Deductibles: Comp/Collision \$250 cash.

Disclaimer: Quotes obtained June, 2001, and are from reliable sources we believe are accurate but we can not be responsible for their accuracy. Premiums for companies other than Mercury do not reflect any rate adjustments after these quotes were obtained. All quotes are based on the criteria above. Mercury quotes are based on drivers insured the past 5 years with no more than one loss.

Hiện đang có nhiều
chương trình
giảm giá

AGENTS

- Giang X. Nguyễn
- Calvin H. Đoàn
- Michael H. Nguyễn
- Can X. Nguyễn

Hãy gọi số (408) 292-2925 để được tham khảo gia bảo hiểm miễn phí

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Canh Dần 2010



VINH DINH
408-887-1563

Century 21®
A-1 Network
Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expw
San Jose, CA 95121
(408) 574-3878 | (408) 574-3870
Email: homes@vinhdinh.com
Website: www.vinhdinh.com



HA LE
408-667-1590

Nhân dịp Xuân về Vinh Dinh & Ha Le xin kính chúc quý vị thân chủ,
quý đồng hương một năm mới An Khang và Thịnh Vượng.

MUA NHÀ

- Bảo đảm quyền lợi tối đa cho quý thân chủ
- Tận tâm tham khảo từng ưu khuyết điểm của căn nhà sắp mua
- Mua nhà tốt với giá rẻ
- Cung cấp danh sách nhà mới nhất trên thị trường

BÁN NHÀ

- Free định giá nhà bá trên thị trường
- Bán nhà với lệ phí thật nhẹ nhàng
- List nhà trong MLS Listing
- Tận tâm làm open house để bán cho nhanh chóng

LOAN

- Có nhiều chương trình cho vay với lệ phí thấp, tiền lãi xuất rẻ.
- Lãi xuất đang xuống thấp, quý vị có nhu cầu muốn trả tiền nhà hàng tháng rẻ hơn, có thể mở hồ sơ trước.
- Xin liên lạc để biết thêm chi tiết.

Quý vị có nhu cầu mua nhà bank owned hoặc bán nhà short sale hay muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với Vinh Dinh & Ha Le

California Department of Real Estate, License #01352876



Cung Chúc Tân Xuân



DONG DUONG

Real Estate Broker

DRE # 01342849

(408) 406-9585

Email: Dongduong2349@aol.com

Fax: (408) 227-8224

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC

NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

- * Chuyên nghiệp, tận tâm, kín đáo
- * Đảm trách mọi dịch vụ mua bán Nhà, Đất, Mobile Home, Town House, Duplex, Fourplex và các cơ sở thương mại
- * Định giá nhà miễn phí
- * Có nhiều kinh nghiệm mua, bán nhà

SHORT SALE và BANK OWNED.

